

VIÊN GIÁC



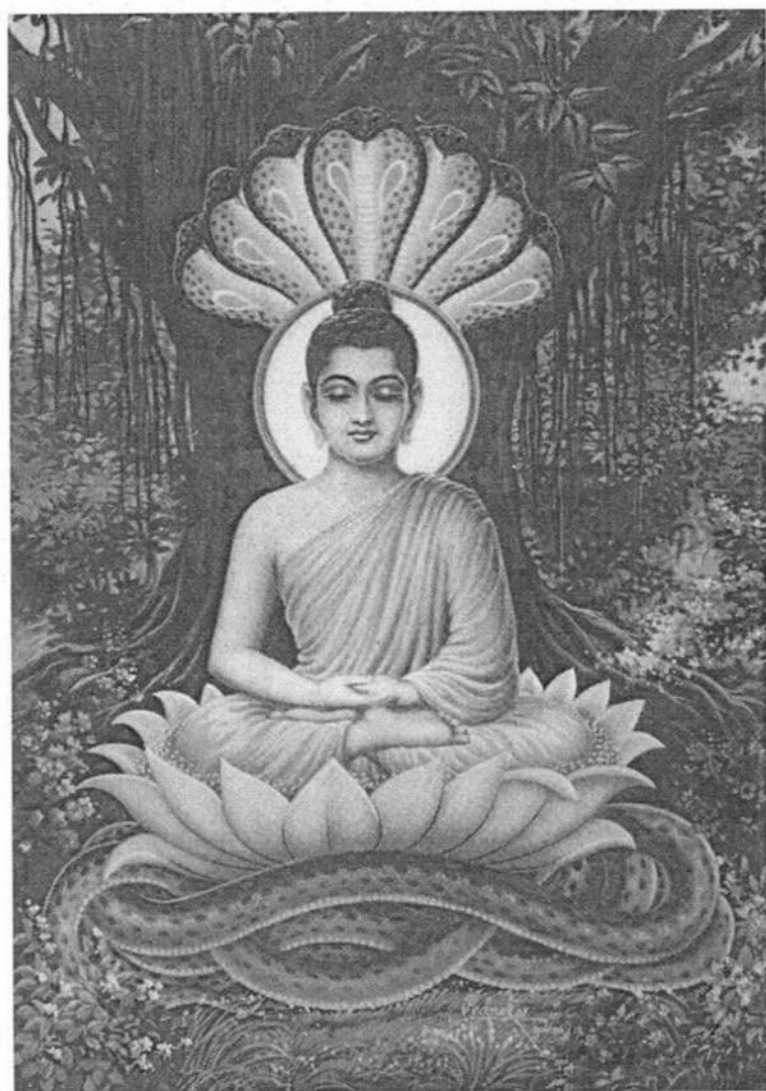
BỘ MŨI
SỔ

24

THÁNG MƯỜI HAI NĂM 1984

DEZEMBER 1984

AUSGABE IN VIETNAMESEISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

trong số này

in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang
Tâm là gì	01
Lá Thơ Tịnh Độ	06
Cách xưng hô trong chùa	09
Việt Nam Phong Sự	12
Quốc Sư Tạp Lục	14
Bắc Du Chơn Võ	17
Thơ	19
Allgemeine Buddhalehre	20
Gefangener des Vietcong	23
Die illustr. Gesch. Buddhas	26
Das Wunder, Wach zu sein	29
Thơ	33
Đường Không Biên Giới	34
Năm bất dương xử	39
Một đời tưởng niệm	42
Ngọc trai giếng nước	44
Giống bóng dừa trắng	47
Trang Giáo Lý GĐPT	51
... Chọn đất xây chùa	54
Nhân một chuyện di	58
Hạnh phúc của Thi	62
Thoát vòng tục lụy	64
Tướng thuật lễ An Vị Phật	67
Gia Chánh chay	71
Tin Thế Giới	72
Tin Việt Nam	82
Tin tức, thông báo	85
Phường danh quý Phật Tử	86



Thư tòa soạn

Đã từ lâu Đồng Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đều mong mỗi có một ngôi chùa được xây cất thực sự, có đường nét Á-Đông; biểu hiệu được dân tộc tính của người mình và cũng đã hơn một năm qua Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức cũng như chùa Viên Giác đã vận động chính quyền cùng toàn thể Phật Tử để thực hiện ước nguyện trên. Có nhiều người lo quá điện thoại hoặc gửi thư về chùa hỏi sao chưa lo xây cất cho rồi? -Xin thưa cùng quý vị rõ là trong Viên Giác số 15 ra vào tháng 6 năm 1983 chúng tôi đã có đề cập đến vấn đề này là chùa sẽ được xây cất sau 4 năm vận động, vì phí tổn quá lớn. Và Viên Giác số 17 ra vào tháng 10 năm 83 Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu cũng đã cho ý kiến trong việc thực hiện một ngôi chùa Việt Nam tại Tây Đức.

Sau hơn một năm vận động, số tiền mặt chùa đã nhận được hơn 50.000,00DM - số tiền hứa cúng lên hơn 100.000,00DM và số tiền hứa cho mượn hội thiện gần 40.000,00DM. Như vậy tổng cộng mới chỉ gần 200.000,00DM. Trong khi đó dự chi của ngôi chùa lên đến 3.000.000,00DM. Đồng Bào chúng ta sẽ cố gắng đóng góp 1.000.000,00DM và số tiền còn lại 2.000.000,00DM chúng tôi sẽ vận động với chính quyền. Về phía Đồng Bào Việt Nam chúng ta, chúng tôi còn chờ đợi từ quý vị hơn 800.000,00DM nữa, chúng tôi thành tâm kêu gọi thiện tâm và thiện chí của quý vị đóng góp vào việc từ thiện trên, hoặc cho mượn không lời, hoặc cúng dường trực tiếp, để chùa có thể thực hiện dự án này được. Tất cả mọi sự cúng dường của quý vị đều có thể khấu trừ vào thuế hàng năm của chính phủ cả. Nên kính mong quý vị lưu tâm cho. Và về phía chính phủ chúng tôi cũng đã có vận động xin đất để lập chùa hoặc xin tiền để trang trải những phí tổn trên; nhưng chính quyền chưa trả lời dứt khoát. Xin quý vị cố gắng chờ đợi thêm một thời gian nữa.

Như vậy ngôi chùa Viên Giác tại Tây Đức sẽ khởi công xây cất sau khi đã hội đủ số tiền cần bản mà chúng tôi đã trình bày như trên và chúng tôi vẫn luôn luôn chờ đợi sự đóng góp từ quý vị. Có nhiều vị đã cúng, nếu có phương tiện xin tiếp tục cúng. Quý vị nào dương và sẽ phát tâm, chúng tôi đều tán dương công đức cả và xin hồi hướng công đức này lên 3 ngôi Tam Bảo để chứng minh cho chúng ta, dầu xa quê hương nhưng vẫn không quên mái chùa đã che chở hõn dân tộc và nơi đây chúng ta đang cố gắng thực hiện ước nguyện ấy.

NAM MÔ THƯỜNG TỈNH TÂN BỒ TÁT MA HA TÁT.

CHỦ TRƯỞNG: Thích Như Điện
Herausgeber

KỶ THUẬT: Thị Chơn
Layout

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA:
Mithwirkung von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Viet Nam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA SOẠN: Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam, Buddh. Kulturzentrum

EICHELKAMPSTR. 35a, 3000 HANNOVER 81
Tel. 0511-864638

VIÊN GIÁC

Hình bìa: Mãn Xà Vương che chở Đức Phật trong khi ngôi Thiên Định

Tâm là gì? Thức là gì?

(Tiếp theo)

4. BẤT TƯỚNG ỨNG HÀNH PHÁP là gì ?

Đây là một loại pháp ĐỌC ĐẠO và khá kỳ quái của Duy thức học, của giáo lý nhà Phật, nên cần được trình bày kỹ càng.

Người mới học Duy thức, khi đọc đến loại pháp này, thường đều ngỡ người ra, bối rối tự hỏi: "Quái lạ! Tại sao lại có sự phân loại thành loại pháp này?... Về những Tâm vương pháp, Tâm sở pháp và Sắc pháp, thì còn có thể tam hiểu và mộng tưởng được... Nhưng, loại pháp này lại nói đến những pháp lạ hoắc như: Đắc, Mạng căn, Chúng đồng phận, Di sanh tánh, rồi lại Vô tướng định, Diệt tận định... rồi lại Danh thân, Cú thân... rồi lại Thế tốc, Thủ đệ Thời, Phương, Sở... Vậy thì làm sao mà kể được những mối liên quan tương đồng giữa những pháp lung củng như vậy?... " Nhưng nếu suy nghĩ lâu rồi, thì người học sẽ hiểu, và sẽ thấy rằng Tuệ giác của nhà Phật thật là lạ lùng kỳ diệu. Và chỉ có Tuệ giác nhà Phật mới có thể phân biệt phối bày về những điều mà các giáo lý khác cùng triết thuyết đều không thể làm nổi.

Về 5 chữ Bất tướng ứng hành pháp, cần nói trước về 2 chữ Hành pháp, rồi sau nói về Bất tướng ứng.

Hành pháp là gì? Hành tức là đối rời trôi lăn lưu chuyển, là vô thường niệm niệm sanh diệt. Vậy thì theo nghĩa này, tất cả 100 pháp đều là Hành pháp cả, đều thuộc về Hành ấm cả... đều thuộc về Hành ấm, là vì đều khởi lên do cái sức Hành của Nghiệp vọng tích lũy từ vô thủy, đều được dệt nên bởi vô lượng những tia chớp nháng phụt lên từ sức Hành của Nghiệp vọng. Ngay cho đến Tâm vương cao siêu nhất là Đệ bát thức, vẫn còn hàm chứa sức Hành của Vọng, nên vẫn trôi lăn lưu chuyển, tuy rằng sự lưu chuyển cực kỳ vi tế. Và ngay cho đến những pháp Vô vi cũng vậy, đa số vẫn còn chịu sức Hành của Vọng, vì trong tâm vẫn

còn móng niệm CHIẾU SỢI.

Vậy thì nói theo nghĩa rộng, tất cả 100 pháp bao gồm pháp giới đều là Hành pháp, và để u hàm chứa Hành ấm hay Hành uẩn.

Những trong các sách Duy thức học, thì những chữ Hành pháp hoặc Hành ấm thường được hiểu theo một nghĩa hẹp hơn. Và Hành pháp hoặc Hành ấm thường chỉ bao gồm:

- 49 môn Tâm sở, tức là tất cả các Tâm sở chỉ trừ ra 2 môn là Thọ và Tưởng (51-2 : 49)
- và 24 pháp Bất tướng ứng hành mà thôi.

Và sơ dĩ các nhà Duy thức học đã đặt riêng Thọ và Tưởng ra ngoài Hành ấm, là vì 2 môn đó là 2 thể thức hoạt dụng khá đặc biệt của tâm thức chúng sanh, mặc dầu Thọ và Tưởng vẫn hàm chứa và bắt nguồn ở Hành ấm... Và thiết tưởng cũng cần ghi rằng trong 5 ấm (Sắc Thọ Tưởng Hành Thức), thì cái phần ưu thắng mạnh liệt nhất là thuộc về Thức ấm, vì Thức ấm tức là Thức căn nguyên sở năng biến và hàm chứa cái sức khởi lên của Vọng chấp Pháp. Còn phần ưu thắng thứ 2 là thuộc về Hành ấm, tức là cái sức Hành khởi lên của Nghiệp vọng chấp Ngã của chúng sanh.

Hành pháp là như vậy rồi, vậy Bất tướng ứng là thế nào?

Có nghĩa là: Tâm vương cùng Tâm sở đều thuộc Kiến phần tức là phần linh minh sáng là ng chiếu soi, nên 2 loại đó thường hiệp với nhau và TƯỚNG ỨNG lẫn nhau. Nhưng trong lịch trình chuyên hiện của Thức sở năng biến, thì Kiến phần đó lần lần bắt buộc phải PHỐ vào những lớp thô kịch lưu ngại, tức là Sắc pháp kếm linh minh hơn.

Như thế là tâm thức phải phổ vào sắc, TAM phải cấu kết với VẬT. Để làm gì? Để tạo thành những loại HỮU TINH tức là chúng sanh... Và vì Sắc thường thô kịch u lý, hay lưu ngại đối với những Tâm vương Tâm sở, nên gọi là Bất tướng ứng.

Vậy thì 24 Bất tướng ứng hành pháp, đều là những pháp được phát hiện ra do sự cấu kết giữa TAM và VẬT, giữa cái Linh minh vô tướng mao và cái có hình tượng u lý lưu ngại để chuyên hiện thành những loài HỮU TINH.

Trong kinh Lăng Nghiêm, trang 407, Phật có giảng nói về Ngũ Trước... Và Ngũ Trước là Ngũ Trước chính là tất cả những khổ lũy, nhự hạn hẹp sút kém, nhưng thứ lệch lạc lưu ngại mà cái Tinh minh sáng lặng bất buộc vấp phải khi chuyên hiện vào những tầng lớp ngày càng thô kịch... Tỷ dụ như khi trong cái Bội n quang minh uyên nguyên vô tướng mao, bắt đầu thấy hiện ra những bóng dáng của sắc tướng cùng hư không, thì tức là cái Tinh minh sáng

lãng đã bước chân vào cái biển Vọng mở mịt, mở đầu cho kỷ nguyên thấy biết đục ngầu lệch lạc, nên gọi là KIẾP TRƯỚC. Lớp Trước này tương xứng với Sắc ấm.

Rồi tới khi cái Tỉnh minh lại chui vào cái thân tử đại thô kệch lưu ngại, thì tử đại này tương tự như 1 tấm lăng kính có nhiều góc cạnh, lại làm lóe lên nhiều thứ cảm giác thấy nghe hay biết hư minh huyền hoặc, khiến càng ngày càng xa với Chân. Nên gọi là KIẾN TRƯỚC tức là thêm một tầng thấy lệch lạc. Và Kiến trước này tương xứng với Thọ ấm.

Rồi đến lượt Tướng ấm xen vô. Tướng ấm là cái sức hoạt dụng của tâm thức, luôn luôn muốn so đo phân biệt, nhờ nghĩ và tưởng tượng, tạo dựng thành những ảnh tượng sự vật, và gán cho mỗi sự vật 1 danh tướng... Vì đã lạc vào mê đồ, nên cái Tỉnh minh bị sút kém, và loay hoay trở thành như vậy. Nó tạo dựng những ảnh tượng sự vật, gán cho mỗi vật một danh ngôn, rồi dính ninh yên chí rằng những vật vọng tưởng ấy là có thật. Do đó, theo đuổi nắm bắt, ngày càng lệch lạc, và khởi ra đủ thứ phiền não. Nên gọi là PHIÊN NÃO TRƯỚC. Tướng xứng với Tướng ấm.

Rồi lại đến Hành ấm chấp Ngã xen vô. Chấp ngã thì muốn duy trì. Thấy cái thân này, khi còn khỏe mạnh, thì cứng hay hay, có thể nhày nhót nghênh ngạo nhìn ngó. Thấy cái thể gian xuất hiện trước mắt cứng lung linh màu sắc, có vẻ vui vui. Lắm nhận cái vui và đẹp giả tạm, và quên rằng có những thể giới cùng điệu trang nghiêm vững các còn lung linh sáng lạn gấp trăm ngàn vạn lần...

Ngoài ra, lại chấp luôn cái vọng thức phân biệt tức là cái suy nghĩ tri kiến của thức thứ 6 làm tâm của mình, cho rằng cái đó thật là hay ho, có nhiều hiệu năng cái tạo sự vật... Vì lắm, nên muốn duy trì, muốn lưu mãi cái thân tâm này trong cái thể gian này. Những đầu có được. Vì nghiệp báo vẫn xoay vần và vẫn phải chìm nổi lên xuống... Nên gọi cái lớp xen lộn giả dối này là CHỨNG SANH TRƯỚC Tương xứng với Hành ấm chấp ngã.

Nay nếu có người, vì có duyên đã chín, muốn tỉnh giấc mộng đời, rồi chép kinh mài kệ, lần lữa tu hành, nhìn thấy rõ 4 Trước trên là huyền hoặc, rồi thiên quán vượt được 4 trước THO ấy. Thì lọt được vào Thức ấm cực kỳ vi tế... Nhưng nếu lọt được vào bình diện này, mà lại khởi tâm tự mãn cho là đến bến, hoặc mong niệm chấp trước, hoặc chấp chân thường, hoặc chấp an lạc, hoặc chấp chứng đắc, hoặc mong niệm muốn chiếu soi... thì vấp phải lớp Trước cuối cùng, rất vi tế gọi là MANG TRƯỚC. Lớp trước này tương xứng với Thức ấm, và gây nên những môn ma chứng thuộc Thức ấm đã được

nói trong kinh Lăng Nghiêm... Những vị tu sĩ ngoại đạo cùng hàng Thanh văn mắc bệnh Triền không thường hay vấp phải lớp Trước này... Tương xứng với Thức ấm.

Nay trở lại Bất tướng ứng hành pháp. Vậy thì những pháp này tức là sự cấu kết giữa TAM và VẬT, giữa Kiến đại cùng Thức đại kinh thanh sáng lãng (tức Tâm vắng Tâm số) và Thức đại thô kệch (tức Sắc pháp), để tạo dựng nên những loài HỮU TÌNH.

Do sự cấu kết giữa 2 thành phần bất tướng ứng này, nên khiến LÓE lên nhiều pháp sai biệt nhiều mức độ sai biệt, nhiều thân phận hay phận vị sai biệt.

Bởi vậy, nên trong bài tụng ngôn, ngài Thết thân viết: "Tam, phận vị sai biệt cố..."



Vậy thì có những pháp gì lóe lên ?

- Trước hết, một khi Tâm cùng Vật đã cấu kết tạo thành 1 chủng tử hữu tình tức là 1 thứ flux de force tuy cực vi nhưng hết sức mãnh liệt, thì dĩ nhiên là chủng tử ấy phải đi thọ sanh để tạo dựng 1 thân căn.

Nên pháp đầu tiên gọi là ĐẮC. Đắc nghĩa là THO SANH.

- Thọ sanh rồi, thì được có MẠNG CĂN. Đó là pháp thứ 2.

Mạng căn có 2 đặc tính là: Noãn (hơi ấm) và Thức tâm tức là cái hư minh thấy nghe hay biết. Cái Tỉnh minh sáng lãng, khi phổ vào sắc chất thô kệch, đã tạo dựng nên 2 thứ đó.

- Có mạng căn hữu tình rồi, thì dĩ nhiên có những chủng tử hữu tình đồng loại, nghĩa là có mức độ tâm thức tương đồng, tức là một số cộng nghiệp tương đồng, khiến cho cái thấy nghe hay biết đại để tương tự như nhau.

Nên gọi là CHỨNG ĐỒNG PHẬN, pháp thứ 3.

- Nhưng về thân phận hay phận vị, thì hầu hết các chủng sanh đều trôi lăn trng biển nghiệp đều là phàm phu, chứ không phải là Thánh nhân... Và lại, một khi đã đi thọ sanh trong sự mở mịt, thì đều là phàm phu cả.

Hơn nữa, ở nơi chúng sanh phàm phu thì thân tâm thường bất tướng ứng và chẳng có tự tại lực gì cả. Và tâm nhiều khi không bảo được thân, và thường phải lủi rủi đi theo thân mặc dầu không muốn... Tỷ dụ như khi thân đau bệnh

thì tâm bắt buộc phải rầu rĩ ủ ê, dù có muốn vui tươi cũng không được.

Trái lại, ở nơi các bậc Đại Bồ Tát hay Đại thánh, thì thân tâm đều tương ứng và đều tự tại... Tỷ dụ như dù Đại Bồ Tát có nhỏ giọt lệ Đại bi để khóc cho chúng sanh chìm nổi, những tâm vẫn an nhiên bất động, không có 1 mống niềm buồn rầu. Hoặc Đại Bồ Tát có thị hiện một cơn sân nộ đùng đùng để cảnh giác chúng sanh, thì tâm vẫn chẳng gợn 1 niềm sân hận. Hoặc thân có lâm bệnh trầm kha, nhưng tâm vẫn lặng lẽ an vui. Hoặc vì phương tiện độ sanh mà muốn kéo dài thọ mạng, thì vẫn có thể trụ cái thân đó qua bao nhiêu kiếp cũng được... Nên gọi là thân tâm đều tự tại.



Cho nên, cả 24 pháp Bất tướng ứng này là để chỉ cho sự triển khai, sự hoạt động vây vùng của thân tâm của những kẻ phạm phu, không phải là chỉ cho bậc Đại thánh. Và Đại thánh có nghĩa là: những bậc cao siêu, và tu theo đúng chánh pháp của Chử Như Lai, biết rõ Diệu Tâm tức là tuy đã vào được những cơn định sâu, nhưng không miệt mài vui thú trong đó, mà vẫn luôn luôn khởi Đại tâm vào Đại thừa, luôn luôn khởi tâm Đại bi độ sanh để ôm trọn pháp giới trong thân tâm mình...

Cho nên, Duy thức học gọi kẻ phạm phu hay ngoại đạo là DỊ SANH TANH, và đó là pháp thứ 4.

- Tuy nhiên, những hữu tình phạm phu vẫn có thể vây vùng, vẫn có ít nhiều tự do để lựa chọn con đường, triển khai thân tâm. Có thể hoặc tiếp tục buông trôi thân tâm mình theo ngũ trược, theo Vô minh, theo giống Nghiệp... Trường hợp này thì khởi nói, vì sự trôi lăn tiếp tục. Nhưng cũng có thể hoặc tự mình suy gẫm ra, hoặc nương theo một giáo lý, bất luận nghĩa nào đó của ngoại đạo, rồi quyết tâm muốn làm con cá tích để bơi ngược giống Nghiệp.

Muốn bơi ngược giống nghiệp, thì cũng phải thiên quán và trì một số giới chưa được rõ ràng của ngoại đạo. Thiên quán lần lần thì có định lực, làm bất lần lần những gợn sóng của Tâm vương Tâm sở, và đạt tới những mức độ định

ở những tầng trời cõi Sắc.

Rồi đạt tới VÔ TƯỚNG ĐỊNH. Và đây là pháp thứ 5.

Vô tướng định là thứ định, trong đó những gợn sóng của Tâm vương Tâm sở về 6 thức trước đều bắt đi.

- Kẻ phạm phu không được nghe chánh pháp của Chử Như Lai, và ở cõi Dục tu theo lối này, rồi đạt được Vô tướng định, thì sau khi mạng chung, sẽ thọ sanh ở tầng trời Vô tướng của cõi Sắc.

Nên gọi là VÔ TƯỚNG BẢO, và đây là pháp thứ 6

- Kẻ phạm phu ngoại đạo ấy cũng có thể tu cao lên nữa, và đạt tới DIỆT TẬN ĐỊNH, hay DIỆT THỌ TƯỚNG ĐỊNH. Và đây là pháp thứ 7.

Diệt thọ tướng định là thứ định cao và khá sâu, trong đó những Tâm vương Tâm sở của sáu thức trước đều bị bắt đi, và đồng thời, một phần lớn những tập khí ô nhiễm của Mặt na thức chấp Ngã cũng bị tiêu trừ.

Thứ định này thường được coi là cực quả định lực của các bậc Tiểu thánh. Tỷ dụ như ngài Ca Diếp hoặc các bậc A La Hán thì đều đạt tới định này.

Còn các tu sĩ ngoại đạo thì trên nguyên tắc nếu họ gột nổi những tập khí chấp ngã, họ có thể đạt tới định này. Nhưng trên thực tế, họ ít khi đạt tới, vì họ thường còn ôm những tập quán chấp trước nhị biên, như chấp Minh để hay Thần ngã. Nên thường chỉ đạt tới nhưg định ở cõi Sắc và Vô sắc, không ra khỏi tam giới...

Tuy định này là định của các bậc Tiểu thánh nhưng pháp này vẫn bị xếp hạng vào Bất tướng ứng hành pháp. Là vì sao?

Là vì đối với các bậc Tiểu thánh này, thân tâm vẫn chưa có nhiều tương ứng, vẫn còn trụ vòng bất tướng ứng, và thân tâm chưa có tự tại lực lớn... Là vì còn những vô minh vi tế còn ít nhiều âm thầm chấp ngã, và còn rất nhiều vô minh vi tế chấp pháp. Chưa được Pháp không.

Bởi thế, nên các bậc A La Hán chưa có thân lực lớn lao, tỷ dụ như chưa có thể biến thân thành vô biên hay thành thật nhỏ được, hoặc chưa có thể trụ thân mình trong rất nhiều kiếp được... Hoặc có khi, nếu khéo khéo nhiếp tâm và khởi tâm tự mãn, thì vẫn còn có thể bị thối thất.

Vậy thì những vị đó, nếu muốn khiến cho thân tâm bước vào bình diện thật tương ứng, thật tự tại, thì phải làm gì?

Phải hồi tâm vào Đại thừa, phải luôn luôn khởi Đại bi tâm cùng nhằm chán niềm trầm kha thú tịch, phải quyết tâm không sợ hãi không kinh, nghi bước vào Bồ Tát đạo, phải học quán chiếu Như huyền, phải thực tập phương tiện

huệ của Bát Nhã Ba La Mật, phải hiểu đồng thể bị và Tự tâm huyền hiện, phải làm lục độ vạn hạnh và thí thân hoài hoài trong vô lượng kiếp... thì mới gột sạch nỗi nhúng vô minh vị tế chấp pháp, và ôm trọn pháp giới vào thân tâm được.

Như thế thì thân tâm mới hoàn toàn tương ứng và có vô ngại đại tự tại lực.

Mấy pháp trên đây là nói về những phạm phu có tu hành nhưng chưa được nghe, hoặc chưa theo đúng chánh pháp của Chư Như Lai, và chưa biết Diệu Tâm.

Còn như đối với những kẻ phạm phu không tu hành gì cả, hoặc công phu tu hành quá ít ỏi, thì dĩ nhiên là họ vẫn tiếp tục có thân tâm rất là bất tương ứng và tiếp tục trôi lăn lưu chuyển trong biển nghiệp, trong vòng nhân quả sâu đậm, trong thế giới nhị biên sai biệt, trong sự chi phối của không thời gian... Và tất cả những hoạt động vấy vũng của họ chỉ là lãng xảng qua lại trôi lăn lưu chuyển mà thôi.

Do đó, nên từ pháp thứ 8 đến pháp thứ 24 đều là để chỉ cho các tác động thí vị lãng xảng qua lại trôi lăn lưu chuyển của nhữg kẻ phạm phu mà thân tâm còn rất là bất tương ứng.

Vì bị suy động bởi sức của Nghiệp vọng, nên kẻ phạm phu thường trôi lăn tứ vọng, tướng này đến vọng tướng khác... Khó có thể hiểu rằng pháp giới chỉ là huyền hiện, do nghiệp lực chiếu cảm, và tất cả sự vật đều vật tự tánh đều chỉ là mộng ảo. Trong cái màn huyền hiện của pháp giới, dệt nên bởi vi trần số những lưới quang minh tâm thức lồng vào nhau, thì có những nét đậm tối tăm (sắc tướng) cũng nhữg nét nhạt và mờ ảo hơn (hư không).

Kẻ phạm phu vốn ưa thích những gì thô kệch tương ứng với giác quan cùng tâm thức mình, nên thường phân biệt cắt xén cái màn huyền hiện đó, để lấy ra những nét đậm, hoặc những hình thù đậm có màu sắc, cho đó là VẬT có thật rồi cùng với những kẻ đồng loại đặt cho nó một cái TÊN. Nên gọi là DANH THÂN, tức pháp thứ 8... Danh thân cũng như là danh ngôn hay danh tướng, dùng để chỉ VẬT.

Đã chấp là có VẬT, thật có rồi, thì cố gắng tìm hiểu về vật đó, để mong sử dụng và nắm bắt vật... Tìm hiểu được đến đâu, thì lại dùng lời nói để trao đổi sự hiểu biết với những kẻ đồng loại. Lời nói tức là CỐ THÂN và VĂN THÂN tức là câu và chữ (pháp 9 và 10).

Vật đã vọng tướng là có thật rồi, thì dĩ nhiên là vật ấy và thân căn phải xoay vần không ngừng nghỉ, tạo thành những pháp là SANH TRỤ, LAO, TỬ hay VÔ THƯỜNG... (pháp 11 đến 14

Trong vòng xoay vần này, thì nhận lẫn lẫn nhau không dứt, nên gọi là LƯU CHUYỂN... Nhân nào thì quả ấy, trước sau không mấy may lộn lạo,

nên gọi là ĐỈNH VỊ... Nhân quả luôn luôn tương ứng với nhau, nên gọi là TƯƠNG ỨNG (pháp 15-17).

Vì xoay vần mau lẹ và không ngừng nghỉ, nên làm phát hiện ra nhiều thứ THE TỐC tức lay động tương đối... Vì có nhiều thứ thế tốc sai biệt, nên tạo dựng thêm nhiều thứ vọng tướng là THỨ ĐỀ (thứ lớp), THỜI (thời gian), PHƯƠNG (không gian) và SỐ (tức là vô lượng hay muôn hình vạn trạng...) v.v... tức là những pháp 18, 19, 20, 21, 22...

Đại để thì những pháp Bất tương ứng hành là như vậy.

Tóm lại thì trong số 100 pháp của Duy thức học, khoa học ngày nay mới chỉ nghiên cứu được 1 số Sắc pháp cùng vài pháp Bất tương ứng hành như thế tốc cùng Thời Phương mà thôi..



5. VÔ VỊ PHÁP là gì ?

Bốn loại pháp trên đây đều gọi là pháp Hữu vi. Vì sao ?

Vì đều là những pháp không phải là đơn thuần (non composé hay non aggregat), không phải là đơn độc lẻ loi, và đều được tạo dựng nên do sự hội tụ hay ly tán của rất nhiều nhân duyên và cũng do đó, nên có Sinh có Diệt.

Đều là do sự ĐỘNG NIỆM của tâm chúng sanh mà tạo dựng nên. Đều là những vọng tướng hoặc kiên cố, hoặc hư minh, hoặc dụng thông, hoặc u ẩn mà thôi... Những vọng tướng này có, thế gọi là những vọng tướng Thô, hoặc vi tế trung bình.

Nhưng nếu một chúng sanh chịu khổ công, tu hành, thì những Niệm thô hoặc kém vi tế ấy sẽ lần lần BẤT, đi. Và lúc đó, một thứ thực tâm phân biệt rất vi tế, một lớp vọng tướng cực kỳ vi tế sẽ HIỆN LỘ ra.

Và cái đó, gọi là pháp VÔ VỊ. Và cũng là pháp của các bậc thánh, tu theo chánh pháp và biết Diệu tâm.

Bởi thế, nên ngài Thế thân viết trong bài tụng ngôn: "Tứ, số HIỆN thị cố..." Hiện tức là hiện bày.

Nên pháp vô vị có thể tạm định nghĩa là nhữg pháp không phải do nhân duyên hiệp tan mà có và cũng không có Sinh có Diệt. Hoặc tạm coi

là những pháp đơn thuần, hay đơn độc lẻ loi.

Sách Duy thức học thường hay liệt kê 6 pháp vô vi, tùy theo mức độ NGAY CANG VI TẾ của tâm niệm. Thực ra, thì có thể liệt kê nhiều hơn hay ít hơn cũng vẫn được, vì mỗi một mức độ quân chiếu cao siêu vi tế của tâm hành giả đều có thể gọi là vô vi pháp... Sáu pháp là - Hư không vô vi: tâm hành giả đã đạt tới mức rỗng rang lặng lẽ vi tế như HƯ KHÔNG, hàm chứa mọi vật mà vẫn không dính mắc, hay rất ít dính mắc.

Nên dùng hư không để ví dụ, và đặt tên gọi cái trạng thái tâm thức đó.

- Trách diệt vô vi: hành giả, dùng QUAN nhiều hơn là CHỈ. Dùng sức quân chiếu của Trí huệ vô lậu để tiêu trừ những mầm vọng, nhựt niệm ô nhiễm não, khiến cho tâm thức ngày càng khinh thanh nhẹ nhàng, càng nhỏ nhiệm vi tế.

- Phi trách diệt vô vi: hành giả dùng CHỈ nhiều hơn QUAN, dùng định lực nhiều hơn Trí huệ, để làm bật những bấp bênh giao động của tâm thức. Do đó, những phiền não nhiễm ô vì thiếu duyên nên không khởi lên được, và tâm thức ngày càng nhẹ nhàng vi tế.

- Bất động diệt vô vi: tức là ĐỆ TỬ THIÊN. Đệ tử thiên là một cửa ải quan trọng trên con đường thiên quán... Thiên quán là gì? Kinh Đại niết bản dạy rằng: Thiên quán là XẢ, là lìa bỏ những tâm niệm vọng tưởng.

Vào đệ tử thiên tức, là xa lìa được các giác quán, các thú hay biệt suy nghĩ, các tâm niệm vui mừng của 3 thú sở nhị tam thiên. Nên gọi là Xả niệm thanh tịnh địa. Có thể phóng quang thì triển thân thông, bất hơi thở. Có thể xuất thân thức lên chơi những tầng trời đệ tử thiên ở cõi Sắc, hoặc khi mạng chung, thọ sanh nơi đó, và như thế, có thể tránh những tam tai (hỏa tai, thủy tai và phong tai) của thời kỳ kiếp hoại.

Tuy nhiên, đệ tử thiên này cũng chưa phải là vô vi gì, mấy nổi, và chỉ tạm gọi, là vậy thôi. Vì chỉ mới thoát ra khỏi được Sắc âm tướng tự như con chim sô lông, động thời bắt được Thọ âm và phần lớn Tướng âm. Lọt được vào Hành âm, nhưng vẫn còn chịu sự trôi lăn thô, kệch cùng vi tế của những vọng tưởng, uẩn chấp ngã của Hành âm. Ấy là chưa kể sự biến dịch, vi tế và rất mãnh liệt như thác đổ của Thức âm tức Tầng thức. Nên chưa có thể gọi là vô vi rốt ráo...

Xưa kia, Thiên tịnh tỷ kheo là đệ tử của Phật là người có nhiều định lực, nhưng ít giới hạnh, lại hay qua lại tiếp xúc với bọn Ni kiến tử (Í phải ngoại đạo ưa ở trần, ngồi xôm, ăn bã rượu, và hay bài bác nhân quả), và ưa lộng ngôn bài bác nhân quả. Ông ta tu thiên quán, vào được đệ tử thiên, nhưng lại hieu hieu tu đắc lầm

ng nghĩ cho rằng mình đã đắc được Tứ quả, và như thế chắc sẽ được Niết bản... Tới khi gần mạng chung, nhân, thấy rằng những vọng tưởng uẩn cùng vi tế trong tâm thức vẫn lưu chuyển liên miên, và vẫn còn phiền não, chưa thấy gì, là chân thường Niết bản cả, nên, giận dữ thốt lời vọng ngữ rằng: "Chẳng có Niết bản gì hết! Và lời Phật chỉ là lời hư vọng... "Nên sau khi mạng chung, bị đọa địa ngục... Vụ này được nhắc tới trong kinh Đại niết bản cùng Đại trí độ luận.

- Thọ tướng diệt vô vi: tức là Diệt tận định. Định này làm bật được Thọ âm, Tướng âm, cũng những tập khí ô nhiễm chấp ngã của Hành âm. Nhưng vẫn còn sự biến dịch vi tế và rất mãnh liệt của những vọng tưởng hư vô vi tế của Tầng thức.

Nên cũng chưa phải là rốt ráo vô vi.

- CHAN NHƯ VÔ VI: Pháp này, thì có thể gọi là rốt ráo vô vi, vì đã đạt tới nơi đây tầng của Không hải, tới Tột Không.

Đây là mức độ tâm thức Song chiếu tuyệt với vừa lặng lẽ tột không lại vừa đầy đủ Vô tác diệu lực của các bậc Diệu giác tức Chư Phật. Vừa Đại Bất nhấ vô ngã như huyền, lại vừa Đại bi hăng khởi... Là trường hợp của những Đại định vô trụ như Chân như tam muội, Thủ lăng nghiêm tam muội, Như huyền tam muội, hay Kim cang tam muội... Đến mức độ tột bờ mé này, thì cũng không còn có gì có thể gọi là vô vi hay hữu vi nữa...

Thực ra, pháp vô vi chỉ được dựng lập nên để đối đãi với những pháp hữu vi, trong cái phạm thức phân biệt của thế tục.

Trong Đại trí độ luận, ngài Long thọ dạy rằng "Pháp hữu vi, so với pháp vô vi, thì chẳng phải là 1 cúng chẳng phải là khác... " Sở dĩ như vậy là vì cùng bắt nguồn ở một tâm thức thời và chỉ khác nhau ở chỗ Động niệm rung chuyển theo những nhịp điệu Tho kệch hay Vi tế.

Cũng cần ghi rằng: khi một hành giả tu hành đến mức làm bật hết mọi vọng tưởng, cả thô kệch lẫn, vi tế, nhưng nếu còn lặng dăng có cái tâm CHIẾU SOI, thì vẫn chưa phải là rốt ráo... Vì thế, các kinh Đại thừa như kinh Viên giác, mới cần dạy rằng: cần bật cả cái tâm chiếu soi thì mới khế nhập hoàn toàn Biên Viên giác, hoặc Biên vô vi của Diệu tâm.

Là vi khởi tâm chiếu soi tức là khởi Vọng rồi...

Và hữu vi hay vô vi cúng đều là những ảnh hưởng hiện của Tự tâm, cúng đều là tia chớp nháng, đều là huyền mộng...

H É T



Lá thơ Tịnh Độ

ÃN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Nhạc Tiên Kiều

Muốn trong hiện đời được thật ích, phải pháp môn Tịnh độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây phương, tất sẽ thoát đòng sanh tử. Nếu chẳng thế, đừng nói kẻ không được chơn truyền của Phật giáo không thể giải thoát, dù có đợc cũng tuyệt phần! Vì được chơn truyền là đại triết đại ngộ không phải thật chứng, "chứng" mới khỏi luân hồi, "ngộ" vẫn còn trong vòng ấy. Tu các pháp môn khác, đều phải dứt hoặc chùng chớn mới thoát sanh tử. Riêng môn Tịnh độ, chỉ cần đủ tin sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, dứt các điều dữ, làm nhệ việc lành gồm tu cả hai phần chánh trợ, quyết định sẽ vãng sanh. Hơn nữa, về phạm vi còn được chiếm ngôi ưu thắng. Lại chẳng những người công hạnh tinh thuần quyết được sanh, mà kẻ phạm tội i ngũ nghịch thập ác, khi sắp chết biết tỉnh ngộ, hết sức hối then, sợ hãi, chí tâm niệm Phật vài câu liền mạng chung, cũng quyết được sanh. Bởi đức Phật lòng từ rộng lớn, chuyên lấy sự độ sanh làm bản phận, nếu kẻ nào biết 1 niệm quay về, liền được nhiếp thọ. Đó gọi là "mởng nhờ sức Phật, đời nghiệp vãng sanh".

Người đời mặt pháp, nếu tu các môn khác, không theo Tịnh độ, chỉ được phước báo ở cõi trời, người và gieo nhân giải thoát nơi kiếp lâu xa về sau mà thôi. Do bởi chúng sanh đời này, không đủ sức dứt hoặc nghiệp, nên gốc sanh tử hầy còn. Như thế làm sao khỏi mọc lại mầm mống sanh tử?

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Trương Văn Lôi



Quyển Nhập Phật văn đáp có thể dẫn dắt kẻ số cơ, khiến cho họ lần lần đi sâu vào giáo lý đạo Phật, phát lòng tin chơn chánh. Nếu in ra đem biếu tặng để kết pháp duyên, thì công đức còn chi lớn hơn? Nhưng quyển ấy luận rộng về sử lý trong Phật giáo, tuy có nói đến Pháp môn Tịnh độ, thật ra chưa tỏ bày hết ý nghĩa của tông này. Nếu người đã có lòng tin, nên tìm xem các kinh sách Tịnh độ. Như không đủ phương tiện để khảo duyệt nhiều, thì đọc kỹ quyển Kinh trung kinh hựu kinh cũng được. Quyển này gom góp những yếu nghĩa của tông Tịnh độ, chia thành môn loại rõ ràng, rất lợi ích cho kẻ số cơ. Nếu được xem, có thể đi thẳng vào chỗ nhiệm mầu của môn Niệm Phật, đỡ tốn công nghiên cứu các kinh sách Tịnh độ khác.

Phật pháp tùy người mà lập, quyết không nên chấp theo quy cũ thông thường, khiến cho trái với căn cơ và mất sự lợi lớn: một đời được liễu thoát. Vậy nên lượng theo căn tánh mình tự sắp đặt nghi thức tu trì. Chú Vãng s a nh bằng Phạm văn, học được rất tốt, song chớ nên sanh lòng phân biệt cho lối tụng xưa nay là không đúng. Nếu có quan niệm ấy, sẽ vướng thêm mỗi nghi ngờ đối với tất cả chú văn trợ đại tạng, rồi nhân lầm rằng những bài ấy khệ hợp ý Phật. Nên biết, thở xưa các bậc tôn đ ứ c dịch kinh, chẳng phải là làm việc luông suông cho thấy lối dịch mới khác hơn, vội xem thướng lối cũ. Hơn ngàn năm trở lại đây, người từng chú theo bản dịch cũ, được lợi ích biết bao nhiêu, đâu phải những người ấy đều không hiểu Phạm văn? Vậy học văn nên học, nhệ đứng sanh quan niệm hơn kém thấp cao, thì sự lợi ích tự nhiên không thể nghĩ bàn!

Phép trì chú cũng giống như cách tham c a u thoai đầu. Tham câu thoai đầu, vì không thể giải nghĩa, nên dứt được tình phạm phân biệt chùng vào tánh thiên chơn. Trì chú bởi không

biết nghĩa lý, chỉ hết lòng thành khẩn tung
niệm, nên nghiệp chướng tiêu trừ, phúc huệ to
rông. Nhưng sự lợi ích ấy, không thể đem tâm
tứ nghi ngại suy lường. Nghi thức lễ Phật không
tiên lập riêng cho người có việc cần kíp,
chỉ nên hết lòng thành khẩn, miệng xưng danh
thân cúi lạy, tương như Phật hiện ở trước là
được. Sống trong đời kiếp trước, chúng sanh
tranh đua giết hại lẫn nhau, nếu không có lá
bùa hộ thân, chắc khó khỏi tai họa. Lá bùa ấy
chính là chỉ thành lễ niệm Phật A Di Đà. Lại
đức Quan Âm đại sĩ bi nguyện rộng sâu, tìm
tiếng cứu khổ, tùy có cảm liền ứng hiện ngoài
thời hôm sớm lễ Phật, nên thêm lễ niệm đại sĩ
tất sẽ được sự gia bị trong âm thầm, có thể
đổi họa làm phúc, gặp rủi hóa may mà chính
mình không tự biết.

Trên đây là lời kẻ quê mùa ở phương ngoài vì
người tri kỷ lập phép cứu đời. Nếu nói rằng:
"vì tất cả thế gian", chẳng phải là không thể
được, chỉ e người đời không chịu y phụng
pháp thật hành, thì biết làm sao?

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Tạ Dung Thoát

Nói quê hương của các hạ được biết pháp môn
Niệm Phật, là do Lâm giới Sanh thành kinh
sách Tịnh độ đem về truyền bá. Nếu trong đời
trước các vị cư sĩ không trồng căn lành đối
với pháp môn ấy, thì đâu có thể lấy gương xưa
làm thấy, sau khi nghe rồi liền sanh lòng tín
nguyên, tự tu và khuyên người ư? Và, đâu có
thể trong vòng không đầy mười lăm năm, đạo
pháp lan rộng như thế ư?

Xét về thiên tử và cảnh duyên của các hạ đối
với thời cơ pháp vận hiện nay, thì chỉ nên
giữ năm giới để hộ trì Tam bảo, truyền Tịnh
độ mà khuyên chúng vắng sanh, là hợp lý hợp
thời và cần yếu hơn hết. Tại sao tôi lại nói
như thế? Vì các hạ tuổi đã hơn bốn mươi, căn
tánh chưa phải là bậc thượng, nếu muốn nghiên
câu tạng kinh, thăm hỏi hàng tri thức, e cho
pháp môn quá rộng, ngày tháng chẳng nhiều rồi
khi trở tay không kịp, có sự ảm nản. Lại, hiện
nay tuy có bậc tri thức, song lắng chúng phần
nhiều đều ô lam, ban đồng hạnh ít người (đồng
hạnh: ban giúp đỡ về phần tu tập, có thể
khiến trách lẫn nhau, khiến cho đạo hạnh thêm)
nếu khi chỉ hướng thượng suy kém, tất
sự biếng trễ cũng nương theo, khó bề gấn g
gượng. Như tôi năm hai mươi một tuổi, tứ cha
mẹ xuất gia, cũng có thể gọi là lập chí mạnh
và phát tâm chơn. Nhưng đến nay tuổi đã năm
mười ba, mà bên tông bên giáo đều không đặc
chỉ cả. Nghi tui then lưỡng phụ ớn mẹ c h a,

uống làm con đức Phật! Song cũng may, đối với
môn Tịnh độ, khi mới xuất gia học kinh A Di
Đà, tôi đã sanh lòng tin, thật chưa nhỏ bậc tri
thức nào chỉ dạy. Vì lúc đó thấy thọ nghiệp
và các vị tri thức chỉ chuyên về sự tham cứu
những lời khai thị đều phá môn Tịnh độ. Tôi
lương biết sức mình, nên không lay c h u yên
theo ai, dù Phật, Tổ hiện thân cũng chẳng đổi
ý, huống nữa là lời nói của bậc tri thức bên
tông Thiên? Lại hiện nay, chánh yếu tà manh,
việc hộ trì Phật pháp, với tục thị dề, v ở i
tăng lại khó. Nếu các hạ giữ chắc năm giới,
chuyên niệm Phật, về phần tu thân lời và hành
hiệp nhau, thì có thể truyền bá chánh pháp,
làm lợi ích cho mọi người. Song chỗ nên ở địa
vị thầy mà tư cao, và thọ tiên của đệ l ộ i
đương. Phải đem lễ chánh khuyên bảo những kẻ
thân sơ, tất mọi người đều mến đức vâng theo
lời. Đó gọi là: "Sửa mình được chánh, tuy kh
bạo người cũng theo, như có ở trước ngọn gió
tất phải thuận chiều vậy". Linh lang khê tin
đạo Phật, cũng chẳng nên ép, đời khi nào cảnh
ngộ đầy đủ khiến cho tánh thiện chơn phát
lộ, chúng ấy chỉ dùng một lời nhắc bảo, tự
nhiên tâm lòng của y sẽ phơi phơi hướng về
chánh pháp, khó nổi cản ngăn.

Liên xa mới mở phải có quy tắc phút định và
thân trọng về việc cho người nương dựa. Chẳng
nên bắt chước theo, các nơi khác, thờ ở không
kiềm ước, để đến đời một pháp vừa lập, trăm
mười tệ sanh theo, điều này rất cần yếu. Không
có duyên được lễ bái xá lợi và gần gũi tông
lâm, việc ấy có hại gì? Nếu khi thấy tướng
Phật, tương như Phật sống, thấy kinh Phật, lời
Tổ, tương như Phật, Tổ đối trước mình chỉ dạy
tâm lòng kính sợ không dám biếng trễ, tức là
trọn ngày được thấy Phật và gần gũi các bậc
Bồ Tát, Tổ sư, Thiện tri thức. Như thế, xá lợi
và tông lâm có thấm vào đâu? Về tập quán thô
lỗ, đừng nói hàng cư sĩ, nếu người xuất gia mà
không chơn tu, lại còn quá hơn thế tục. Muốn
trở bỏ tánh ấy, trước phải nhận rõ các pháp
giữa đời đều là khổ, không, vô thường, vô ngã
hoặc nhớ nhớp, thì ba ngọn lửa tham, giận, mê,
sẽ dịu tắt dần. Nếu chưa dứt được, phải dùng
lòng ngay thật, xót thương, nhẫn nhục, tha thứ
mà đối trị. Thẳng hoặc còn chưa dứt, cứ tưởng
rằng mình đã chết, thì bao nhiêu sự nóng bức
đều hóa thành mát mẻ tươi nhuận. Kinh Báo An
dạy phải lần lượt thọ giới, người xuất g i a
khi thọ giới cũng y theo thứ đệ: giới Sa di
Tỳ Kheo và Bồ Tát. Nhưng người xưa thọ giới
là phát tâm vì dứt sự sanh tử, trái lại, nê.
đời nay phần nhiều đều muốn cho ra về một vị
đại tăng, đắc giới hay không, chẳng cần nghi
đến. Vì thế, mấy ông sư thiếu học thiếu tu bên
ngoài, đều là những người đã thọ qua ba đàn
đại giới cả. Sự tệ đó do bởi vua Thế Tổ nhà
Thanh bỏ độ điệp, bãi lễ thí tăng mà ra. Cho
đến những kẻ xưng là thầy người, song chỉ cầu
danh lợi, tham quyền thuộc, cũng xuất phát từ

nguyên nhân ấy. Tôi e chữ tăng ở quý địa khê rõ điều này, báo rằng độ người xuất gia là việc rất tốt, để cho hạng vô lại lẩn vào cửa Phật phá hủy chánh pháp, nên chẳng sợ ti hêm mà nói thẳng ra.

Môn Tịnh độ là pháp rất mau nhiệm, viên đôn nhứt trong một đời thời giáo của đức Như Lai (Viên đôn: một pháp dù tất cả pháp là viên, hiện đời tu, hiện đời giải thoát là đôn) Hạng phàm phu thấp kém đều được đư vào, bậc Đẳng giác Bồ Tát cũng không thể vượt ra ngoài pháp ấy. Thật là con đường rất tắt để mau đi đến quả Phật cho thượng thánh hạ phàm. Chữ Phật, chữ Tổ, đều dùng môn này làm chiếcthuần tu để độ khắp tất cả chúng sanh. Đối với một pháp như thế mà chẳng sanh lòng tin, hoặc tin mà không chơn thiết, đó là người nghiệpchướng sâu nặng, không ứng được giải thoát, sẽ phải chịu sự khổ luân hồi không biết lúc nào ra khỏi. Khi đã ở trong vòng sanh tử, dù có được làm thân trời người, cũng ngăn ngại như lũ khách nghỉ nơi quán trọ. Trái lại, phầnđạovào ác đạo, thời gian rất lâu dài, như người ở yên nơi quê nhà. Mỗi khi tội nghiệp đến điều này, bất giác cả sợ, nên chẳng nài mỗi học, khẩn thiết tỏ với đồng nhơn. Nay xin dẫn một bằng chứng rõ ràng, để các hạ phát thêm lòng tín nguyện và đem ra khuyên bảo mọi người.

Những kinh chuyên nói về tông Tịnh độ, có ba quyển: Phật thuyết A Di Đà, Quán Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Thọ kinh. Ngoài ra, các kinh điển Đại Thừa phần nhiều đều phát minh pháp môn này. Như kinh Hoa Nghiêm là khi đức Phật mới thành đạo, vì các bậc Pháp thân đại sĩ trong bốn mươi một vị: thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, nói pháp cao cả về giới ngoại, hàng phàm phu và nhị thừa đều không thể biết được. Sau rốt, trong phẩm Nhập pháp giới, Thiện Tài Đồng tử vãng lời dạy của đức Văn Thù, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức (Đồng tử: danh từ xưng tụng bậc dứt h o a c chúng chơn, phá vô minh trở về bản tánh, tâm hạnh trong sạch chơn thật ví như kẻ đồng tử. Người đời không biết về hình tượng nhi đồng là sai lầm. Như đức Văn Thù, trong kinh H o a Nghiêm có chỗ gọi là Văn Thù đồng tử. Các kinh khác đôi khi cũng dùng danh từ này để xưng tụng bậc Bồ Tát). Ban đầu Đồng tử r a mắt ngài Đức Văn nghe pháp môn Niệm P hật, liền chứng bậc sơ trụ. Kế đó lần lượt t h am học mọi nơi đều được chứng, cho đến vị t r i thức thứ năm mươi ba là đức Phổ Hiền. Bấy giờ Bồ Tát Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến cho chỗ chứng của Đồng tử bằng mình và chữ Phật, (đây gọi là Đẳng giác Bồ Tát) rồi khuyên ngài Thiện Tài cùng hai chúng Bồ Tát trong cõi Hoa Tạng phát mười nguyện rộng lớn, đem công đức ấy hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc để cầu mau tròn quả vô thượng bồ đề. Lại,

chương Hạ phẩm hạ sanh trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Những chúng sanh tạo nãmtội nghịch, mười điều ác, làm đủ những việc chẳng lành, sẽ phải dọa vào địa ngục, trải quanhiếu kiếp chịu sự khổ vô cùng. Nhưng nếu kể ấy khi sắp chết gặp bậc thiên tri thức khuyên bảo niệm Phật, liền vãng lời niệm đủ mười câu tuc thì tội chướng tiêu trừ, được vãng sanh". Như Trưởng Thiên Hòa, Trưởng Chung Quỹ trong Long Thọ Tịnh độ văn chính là hạng người đó. Thế thì, trên như đức Văn Thù, Phổ Hiền là những bậc đại Bồ Tát, dưới như kẻ phạm năm nghịch mười ác sắp dọa tam đồ, đều thuộc về cõihiệp hóa của môn Tịnh độ. Bao nhiêu đó cũng đứthấy pháp môn này quảng đại không bỏ sót một ai, và đức A Di Đà hạnh nguyện rộng sâu, x e m chúng sanh bình đẳng. Tôi thường có đôi liên

"Bỏ đường tắt Tây phương, chín cõi chúng sanh khó thể được tròn nên quả giác".

"Rời cửa mầu Tịnh độ, mười phương chữ P hật không vẹn toàn độ khắp hàng mê".

Các hạ gắng phát lòng mạnh mẽ tinh tấn, đừng chường pháp nầy. Nên đem những ngôn luận hợp cơ về sự truyền đường Tịnh độ của người xưa giảng lại cho trong thôn ấp nghe. Làm sao cho ở trần không nhiễm, nơi tục tu chơn, mới hợp với danh nghĩa hai chữ "Dùng thoát". Vì "Dùng thoát" là lẩn với trần mà thoát khỏi trần vậy. Đó là ý kiến quê hèn của tôi, các hạ nghĩ thế nào? Xin suy gẫm lại.

(Còn tiếp)



THÍCH NHƯ ĐIỂN

CÁCH XÚNG HỒ TRONG CHÙA

Có nhiều người Phật tử đi chùa lâu năm; nhưng cách xưng hô vẫn chưa hiểu rõ. Hôm nay chúng tôi sẽ viết về vấn đề này một cách rõ ràng, để quý vị làm tướng và cố gắng thực hiện cho thêm phần công đức lợi lạc trong cuộc sống đạo của mình.

Thông thường ở ngoài đời mình kính trọng ai hay có những cử chỉ kính, nể, sợ và khi mình khinh khi ai có những cử chỉ trái ngược lại. Trong hai chữ "trọng" và "khinh" cũng đã hàm chứa rõ ý nghĩa của nó rồi. Trọng nghĩa là nâng hoặc chông chất lên. Khinh có nghĩa là nhẹ hoặc là riêng rẽ. Và hai chữ "xưng" cũng như "hô" cũng đã hình dung cho chúng ta biết được rằng có người trên với kẻ dưới và người dưới đối với kẻ trên. Ở ngoài xã hội đã thế, trong chùa cũng có lối xưng hô tương đối khá đặc biệt hơn. Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày như sau :

A/ GIỚI XUẤT GIA ĐỐI VỚI GIỚI XUẤT GIA.

Người xuất gia là người đã rời bỏ gia đình bỏ con thân thuộc, vào chùa để sống một cuộc sống đạo hạnh. Xem công danh địa vị nhẹ tựa hồng mao. Nhưng không có nghĩa là không có trên dưới phân minh. Vì trong luật cảnh sách có dạy rằng :

"Bất kính thượng trung hạ tọa, như Bà La Môn tự hội vấn thù". Nghĩa là kẻ nào, không biết kính trên, nhường dưới và kẻ giữa mình, cũng giống như những người Bà La Môn ngồi nói chuyện phiếm. Vì thế, việc xưng hô ở đây không còn là giai cấp nữa, mà là một tôn ti trật tự trong cuộc sống hằng ngày.

a) NGƯỜI LỚN TUỔI ĐẠO ĐỐI VỚI KẸ NHỎ TUỔI ĐẠO.

Tuổi đạo ở đây được căn cứ theo công đức tu hành trong các phẩm vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Sa Di và chú Tiểu.

Người lớn tuổi đạo được ngồi trước và ngồi trên hay gọi người dưới mình bằng tên hoặc bằng cấp bậc. Đôi khi vị Hòa Thượng gọi một Thượng Tọa bằng Thầy hoặc pháp danh của vị ấy và vị Thượng Tọa gọi vị Đại Đức, vị Đại Đức gọi Sa Di cũng vậy. Người lớn tuổi đời; nhưng nhỏ tuổi đạo, vẫn phải sắp xếp theo thứ lớp trong chùa chứ không như ngoài thế tục được.

Một vị Hòa Thượng khi nói chuyện với người dưới thường hay xưng tôi hoặc chúng tôi. Có nhiều người thắc mắc tại sao chỉ có 1 người mà hay thấy quý Thầy xưng là "chúng tôi". Vì lẽ rằng Đạo Phật là Đạo diệt ngã. Ở đời người ta bị khổ đau vì cái "ta" nhiều quá. Nên xưng "chúng tôi" cũng có nghĩa là có ý san bằng cái ngã tự kỷ của mình với ý niệm diệt ngã trong đạo Phật. Hoặc xưng "chúng tôi" cũng có nghĩa là nhưn nhưn. Có nhiều vị Thượng Tọa xưng là bản Tăng đối với người dưới hoặc ngay đối với kẻ trên, để chỉ cái nhỏ bé của mình đối với kẻ khác.

b) NGƯỜI NHỎ TUỔI ĐẠO ĐỐI VỚI NHỮNG VỊ LỚN TUỔI ĐẠO.

Chú Tiểu thường xưng với vị Sa Di là con. Vị Sa Di mỗi khi trình lên với vị Đại Đức một việc gì cũng xưng hay "bach Thầy" và "xưng con". Cũng có nhiều vị Đại Đức đối với các vị Thượng Tọa cũng bạch Thầy, xưng con vậy. Lúc khi nhiều vị Thượng Tọa được Phật tử nê kính tôn sùng; nhưng khi về lại chùa xưa gặp vị Hòa Thượng Bổn Sư của mình, ngoài việc bạch Thầy, xưng con ra còn phải danh lễ nhiều lần như thế nữa, để tỏ tình Sư Đệ. Điều này cho chúng ta thấy rằng đầu người đệ tử của mình có trở thành một vị Thầy như thế nào, đi chăng nữa, đối với Thầy Tổ của mình vẫn cung kính như xưa; không vì phẩm vị mà quên đi đạo nghĩa của ân sư.

Có nhiều người mới thọ giới hôm trước, ngày sau đã đập y dội mũ xưng mình là một bậc Tỷ Kheo trong thiên hạ, không hồ thẹn lắm ru !! Hoặc hiểu hiểu tư đắc công cao ngã mạng xem người trên kẻ dưới chẳng ai bằng. Vì thế Đức Phật thường hay chế giới ra là để răn cấm những người phá giới.

B/ NGƯỜI XUẤT GIA ĐỐI VỚI CÁC VỊ TẠI GIA CƯ SĨ.

Được gọi là một cận sự nam hay một cận sự nữ khi nào người Phật tử đó đã quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới hoặc Bồ Tát giới tại gia. Khi quy y, mỗi người Phật tử có một vị Thầy truyền giới cho mình. Vị ấy gọi là Thầy Bổn Sư. Tức là vị Thầy chính của mình. Trong gia

đình, con cái đối với cha mẹ như thế nào; ở cửa đạo người Phật tử tại gia cũng kính trọng Thầy Bôn Sư của mình như thế ấy. Vì Thầy của mình quy y cũng giống như là 1 vị hướng dẫn tinh thần của mình trong cửa đạo vậy. Vì lẽ ấy nên giữa tình nghĩa Thầy đối với đệ tử cũng như đệ tử đối với Thầy được phân định như sau :

a) CÁC VỊ XUẤT GIA XUNG VỚI CÁC ĐỆ TỬ

Đệ tử ở đây có thể kể cả hai giới, xuất gia lẫn tại gia. Ít có Thầy nào tự xưng mình là Hòa Thượng, Thượng Tọa hoặc Đại Đức, mà những phẩm vị này do người dưới vì sự kính cần nên mới xưng tụng. Nếu có chẳng đi nữa ở chỗ thâm tình, vị Thầy thường hay xưng với đệ tử của mình là "Thầy" hoặc "tôi" v.v... và vị Thầy đó gọi các vị cư sĩ tại gia bằng tên, pháp danh, đạo hữu hoặc Phật tử v.v... Ví dụ một vị Thầy muốn gọi đệ tử của mình thường hay nói như thế này :

"Này Hạnh Tâm! lại đây Thầy nhớ cái này một chút".

Hoặc "Nhu Nguyễn! Thầy muốn nhờ con đi mua dùm cái này, cho Thầy một chút v.v... Nếu vị đệ tử ấy lớn tuổi đời hơn mình, vì lối xã giao thông thường hằng ngày nên hay gọi là anh, chị hay Bác v.v... để phù hợp với cách xưng hô của thế trần. Nhưng nếu gọi đúng phải gọi là Đạo hữu, Phật tử hoặc pháp danh là hay hơn cả.

b) CÁC VỊ TẠI GIA CƯ SĨ XUNG VỚI QUÝ VỊ XUẤT GIA

Trường hợp này có nhiều vấn đề để viết nơi đây. Có nhiều vị cư sĩ khi gặp một vị Thầy - vị Thầy này có thể lớn hoặc nhỏ tuổi, đạo hạnh hay bình thường - hay xưng bằng "tôi", "con", "cháu" v.v... Có nhiều trường hợp xưng bằng "em" nghe cũng ngộ nghĩnh và người nghe cảm thấy hơi mực cười.

Tại vì sao người Phật tử xưng tôi đối với 1 vị Thầy ?

- Có thể vì họ chưa hiểu đạo. Hoặc vì họ nghĩ rằng họ lớn hoặc bằng tuổi với vị tu sĩ kia. Nhưng nghĩ như thế là lầm. Vì mình tuổi đời lớn, chứ tuổi đạo có lớn đâu. Người nhỏ tuổi nhưng kiếp này đã đi tu trước mình, có nghĩa là kiếp trước họ đã tu và kiếp này họ đang tiếp tục. Còn mình mặc dầu đương lớn tuổi ; nhưng chưa có duyên đối với Phật pháp, nên vẫn là kẻ đi sau. Tuy lớn nhưng mà nhỏ.

Trong Kinh Pháp Hoa có nói rằng: "Có người trăm tuổi chỉ một gã thanh niên bảo đây là cha ta và người thanh niên kia chỉ người trăm tuổi bảo đây quả thật là con ta. Chà trẻ mà con già". Đây là ý nghĩa đã trình bày như trên vậy.

- Hoặc cũng có thể người Phật tử tự cảm thấy

rằng mình có địa vị hơn, giàu có hơn, học thức hơn, nên xưng tôi cũng không có gì khó coi lắm.

Địa vị, giàu có và học thức là chuyện của thế gian. Còn người tu tất cả phải xem đối là vô thường mộng ảo, đối với họ đâu có gì quý báu ngoài giá trị của chơn tâm!

Tại sao người Phật tử thường hay xưng con với một vị Tăng Sĩ ?

- Có thể đây là những người đi chùa lâu năm và hiểu đạo. Có nhiều cụ già 70 tuổi; nhưng gặp một vị Đại Đức trẻ văn bạch Thầy, xưng con ngọt xớt, đôi khi làm cho vị tân Đại Đức ấy cũng ngại ngùng. Thế nhưng ở đây có 2 điều lợi. Điều thứ nhất - người tự xưng có thể dẹp bỏ tự ái, công cao ngã mạng của mình. Điều thứ hai - người được xưng tụng phải xấu hổ mà cố gắng tu hành. Nếu không lo tu, các công đức đều bị mất dần hết.



Có nhiều vị Phật tử còn lạy các vị Tăng nữa ở đây cũng có hai vấn đề được đặt ra.

- Vấn đề thứ nhất - vì cung kính đức hạnh của vị Tăng mà lạy. Khi lạy người Phật tử dẹp được các tự ái ngã mạng của mình.

- Vấn đề thứ hai được đặt ra là : Vị Tăng ấy có xứng đáng cho mình lạy không? - Có lẽ những người Phật tử vì quan niệm rằng vị Tăng ấy xứng đáng nên mình mới lạy. Nhưng xứng đáng hay không - phần người lạy được thêm phước; kẻ bị lạy, mất đức rất nhiều; nếu đức của vị Tăng ấy có. Nếu vị Tăng đó không có đức thì đức đó bị giảm dần và đôi khi còn bị trừ đi nữa là khác. Do đó đâu ở bất cứ trường hợp nào, người lạy vẫn có phước mà kẻ bị lạy bị hao tổn phước đức rất nhiều. Vì thế cần phải tu hành tinh tấn nhiều hơn nữa. Trong luật cũng có dạy rằng một vị Sư Bà khi gặp một vị tân Đại Đức cũng phải cung kính như bậc Thầy của mình. Do đó, một vị Cư Sĩ tại gia đối với người xuất gia xưng bằng "con" là 1 điều đúng hơn cả. Con ở đây là con tinh thần của các vị Tăng Sĩ vậy.

Tại sao có nhiều vị Cư Sĩ gặp quý Thầy, quý Sư Ông xưng bằng cháu hoặc bằng em ?

- Vì họ nghĩ rằng mình đáng vai cháu hoặc

em của các vị Thầy này. Nghĩ như thế là nghĩ theo thể gian pháp - Phật pháp không như thể gian pháp được.

Nếu xưng em mà một vị Cư Sĩ nam đối với một vị Tăng Sĩ nghe còn tạm được, mặc dầu hơi chướng tai. Nhưng nếu là một nữ thí chủ mà xưng "em" với một vị Thầy thì nên coi chừng sẽ bị tai tiếng hoặc sự dèm ngoá bên ngoài. Có nhiều bà xưng với quý Sư Cô hoặc Sư Bà bằng em - điều này có thể tạm được. Nhưng nếu các vị Cư Sĩ nam không lễ xưng với Sư Cô bằng anh hay Bác sao? Do đó xưng "con" vẫn là hay hơn cả.

Có nhiều người Phật tử trước mặt thì bạch Thầy, xưng con; nhưng lúc không có mặt vị Thầy đó thường hay gọi là ông Hạnh Tâm, ông Hạnh Đức v.v... làm như thế là tự mình dối lòng mình rồi. Có mặt Thầy cũng như sau lưng Thầy nên gọi bằng Thầy. Có nhiều người kính trọng Thầy, ít gọi tên Thầy ra mà hay gọi tên của chùa Thầy ấy trụ trì. Ví dụ như Thầy Vạn Đức hay Ôn Chúc Thánh v.v... Có nhiều người còn gọi ông Thầy Tâm Đức, ông Thầy Vạn Phước v.v. Đây cũng là cách gọi của những người chưa hiểu đạo. Nếu gọi bằng "ông Thầy", có lẽ phải có thêm "bà Thầy" mới đúng. "Bà Thầy" ở Việt Nam chưa có nhưng Nhật thì đã có từ lâu. Vô hình chung các Phật tử Việt Nam đã đồng hóa Thầy của mình mà không biết. Hoặc có nhiều người lúc cung kính thì bạch Thầy xưng con ngọt xớt; nhưng khi có chuyện gì thì xấn quân quá gối đứng trước cửa chùa chửi vô "cái thằng cha Thầy chùa đó thế này thế nọ" hoặc "Sư gì như Sư hồ mang" hoặc "Tế Diên H ồ a Thượng" v.v... Điều đó chứng tỏ được khả năng hiểu đạo của họ khá nhiều rồi. Viết đến đây sực nhớ một câu chuyện ngày xưa khi Đức Phật còn tại thế như sau :

Có một người Bà La Môn vì ganh ghét với Đức Phật, nên ngày nào cũng đến nơi Đức Phật ở để chửi rủa Ngài rất thậm tệ, đến khi sức mọi lực hao Đức Phật vẫn không có một thái độ nào cả. Người Bà La Môn kia mới hỏi Đức Phật rằng :

- Bộ ông là gỗ đá sao mà tôi chửi ông không biết thẹn?

- Đức Phật hỏi lại rằng :

"Nếu nhà người có đám giỗ, làm cỗ thật nhiều sau khi giỗ xong, mang cỗ ấy đến biếu người hàng xóm. Nếu người hàng xóm ấy từ chối. Vậy mâm cỗ ấy về ai?"

- Người Bà La Môn kia trả lời rằng: "Thì về người cho mâm cỗ chứ về ai nữa".

- Đức Phật mới dạy rằng: "Ở đây cũng thế đó. Lâu nay người đến đây chửi ta; nhưng ta không nhận. Vậy xin trả lại cho người đó".

Người Bà La Môn ấy xấu hổ ra về.

Việc học đạo và tu theo đạo Phật là vậy đó.

Mình đi chửi người hoặc xem thường người, chính tâm ta và miệng ta đã bán trước; trong khi người khác vẫn còn trong sạch. Nên để ý lắm thay !

Có một vị Thiên Sư Nhật Bản thế kỷ thứ 13 có dạy đệ tử của Ngài rằng :

"Người học đạo phải nên thân trọng; thái độ của mình lúc tiếp khách như thế nào thì khi ở trong phòng riêng của mình cũng như thế ấy". Câu nói tuy đơn giản nhưng ý nghĩa biết dường nào, chúng ta nên xem kỹ lại. Vì thế cho nên lúc có Thầy cũng như khi không có Thầy, lúc nào cũng xem giống nhau, không nên thiên lệch mà tôn phước cho chính thân mình.

c) CÁC VỊ PHẬT TỬ TẠI GIA ĐỐI VỚI CÁC VỊ PHẬT TỬ TẠI GIA.

Ở đời thường hay gọi Cụ, Ông, Bà, Chú, Bác, Cô, Anh, Chị, Em v.v... nhưng khi vào chùa nên gọi bằng pháp danh với nhau có lẽ để nghe hơn. Cũng có thể gọi nhau bằng anh bằng chị - nhưng là anh Nguyễn Giác, chị Diệu Mỹ v.v... nghe nó có vẻ Thiên vị nhiều hơn là ông này bà kia.

Có nhiều chùa còn có nghe ông bà Đại Tá, ông bà Đại Sĩ, ông Ký Sĩ v.v... nhưng khoe khoang như thế để làm gì. Đố chẳng qua là nhãn hiệu của phù trần, đâu có cần thiết gì trong cửa đạo. Vì chuyện của thế gian là chuyện cuakhoá đau tọc lụy. Chuyện của Thiên môn là chuyện của giải thoát nhiệm mầu. Khi vào chùa chúng ta nên cởi bỏ những nhãn hiệu ấy đi và nên để ngoài cổng chùa cho Thiên môn được yên tĩnh.

Trong chùa hai danh từ thường hay được gọi là Đạo Hưu hoặc Phật tử. Đạo Hưu là những người bạn cùng trong một Đạo với nhau. Phật tử là những người con của Đức Phật. Dùng danh từ nào cũng đúng nghĩa cả. Nhưng thông thường danh từ Đạo hưu có vẻ "già" và "đạo mạo" hơn, nên để dành cho những vị lớn tuổi. Danh từ Phật tử có vẻ trẻ trung nên để gọi nhau với những người trẻ.

Trên đây là một số danh từ thông thường trng cách xưng hô ở chùa. Chúng tôi viết lên đây chỉ nhằm mục đích xây dựng đạo, không có ý chỉ trích ai, hoặc khuyên bảo điều gì. Nếu quý vị Phật tử tại gia thấy cần thiết thì nên chấp nhận. Nếu thấy không hợp thời, không hợp cơ cũng chẳng có sao. Vì Đạo Phật là Đạo Tự Giác. Không có quyền năng gì để đi ép buộc người khác phải theo mình. Nếu có chẳng, trog tinh thần tự do và độ tha mà thôi.

Chúng tôi quan niệm rằng : "Sự thật, bao giờ cũng là sự thật"; nên không ngại viết ra những giòng này để xây dựng một vài khuyết điểm

xem tiếp trang 69



Việt Nam phong sự

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mạc Khách sưu lục

(kỳ 23)
CHƯƠNG 83

Mẹ cho năm quả bí vàng,
Mười quả bí bạc bốn làng nuôi quân.
Cơm ăn rượu uống cho say, (1)
Đẹp mang(?) mà đánh trong này cho tao.
Bao(?) giờ có kéo quân vào,
Hội đồng chừ tướng rồi tao sẽ dùng.

Thơ phong sự này thuộc phú.
Quả bí vàng, bí bạc, trái cây bằng vàng bằng bạc, dúi trước người ta thường lấy vàng đúc thành trái cây lưu truyền làm của gia bảo. Đẹp mang(?) là hội trống tập quân. Sau khi Chúa Nguyễn bốn triều vào trấn đất Thuận Hóa, võ yên quân sĩ, một lòng thờ vua Lê nhưng không phục họ Trịnh. Trong thời vua Lê Thần Tông (1619-1643 và 1649-1662), Trịnh Tráng muốn lấy Thuận Hóa, sai sứ vào Thuận Hóa đòi voi dục và thuyền đi biển để lo lễ cống cho nhà Minh (3). Trịnh Tráng lấy danh nghĩa đưa vua Lê đi xem xét địa phương, đại cử quân lực đem binh thủy bộ tiến đến cửa biển Nhật Lệ đối địch với tướng Nguyễn Hữu Dật của Chúa Nguyễn triều ta. Quân ta tiến lên đóng đồn ở Hà Trung, Trịnh Tráng sai con là Ninh quận công Trịnh Toàn trấn giữ Nghệ An.

- Tiếp theo Trịnh Tạc sai Trịnh Ninh (con út của Trịnh Tráng xưng Ninh quận công tức Trịnh Toàn), làm Thống lãnh đồn quân ở Quang Khuyển (thuộc huyện Can Lộc). Trịnh Ninh chia binh ra đóng giữ những nơi trọng yếu, ngày đêm vỗ về an dưỡng quân sĩ, tiêu phí vàng ngọc không hạn độ. Trịnh Tạc nghĩ Trịnh Ninh có chí khác, bèn triệu Trịnh Ninh về. Trịnh Ninh nhận ăn mà

chết (4).

Câu phong dao này là lời của Ninh quận công, thấy Trịnh Tạc lên nối ngôi Chúa nghi ngờ mình, cho nên dặt quân vòng chung quanh mặt nước, để tiêu dao ở trên sông, và cũng là lời nói về Chúa Trịnh bỏ lảng quân đội (ở miền Nam).

Trịnh Ninh có tài làm tướng nhưng bị Trịnh Tạc nghi ngờ, cho nên không thành công mà chết. Việc suy đồi của họ Trịnh cũng do đây.

Có kẻ bảo :

- Giả sử lúc ấy Trịnh Tạc không nghi ngờ ở Trịnh Ninh, Trịnh Ninh quả có thành công hay không ?

Đáp :

- Họ Trịnh trải qua mấy đời đã chuyên quyền lòng người cùng chán ghét. Trịnh Ninh, tuy có nhiều vàng lụa phân chia cho quân sĩ làm sao địch nổi những viên hộ tướng của Chúa Nguyễn triều ta ?

Hướng chi Trịnh Tạc đã ủy thác binh quyền cho tướng đánh giặc ở ngoài lại có lòng nghi ngờ, anh em thù ghét nhau thì làm sao ngăn nổi ngoại xâm ?

CHƯƠNG 84

Tiểu công gánh gạch Bát tràng,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân !

Thơ phong sự này thuộc phú. Bát tràng thuộc tỉnh Hưng Yên, trong xã ấy người ta sản xuất nhiều đồ gốm gạch ngói. Hồ bán nguyệt tức hồ Tây ở Hà Nội.

Theo sách Lê Hoàng, nhất thống chí, nàng Tiệp Dư Đặng thị Huệ của chúa Trịnh Sâm nói gì Chúa cũng nghe, bản gì Chúa cũng theo. Chúa có một viên ngọc Dạ quang lấy được lúc đi đánh ở miền Nam thưởng giất chói ở khăn đội đầu.

Đặng thị Huệ lấy chọi, Chúa bảo :

- Hãy nhẹ nhẹ tay kéo hồng.

Đặng thị Huệ bèn ném viên ngọc Dạ Quang xuống đất, khóc mà nói :

- Ngọc châu ấy là vật gì? Bật quá vào Quảng Nam lấy ra bồi thưởng cho Chúa. Chúa sao trọng bảo vật mà khinh người thế ?

Nói rồi nàng đi ở cung riêng không thèm gặp Chúa nữa.

Chúa Trịnh Sâm tìm trăm phương an ủi, nàng mới làm lành.

Từ đấy nàng sinh ra một đứa con trai, tức Trịnh Cán. Chúa yêu cưng Trịnh Cán lắm.

Mỗi đêm trăng Chúa cùng nàng, thả thuyền đi chơi ở hồ Tây làm trò cho nước xao động mà chơi, bắt dân cần lột bờ hồ làm nơi dạo chơi và thưởng ngoạn rất xa xỉ và cực nhọc.

Nhân dân không xiết nổi căm phẫn. Về sau khiêu binh Tam phủ gây biến, họ Trịnh bị phế. Cho nên người đương thời tiếc công mà bởi việc ấy ra.

CHƯƠNG 85

*Đục cùn đường giữ lấy tông,
Cuộc đã long cần còn mong nổi gì ?*

Thơ phong sử nầy thuộc phú.

Tông là con trai trưởng của Chúa Trịnh Sâm, lại có tên là Khải, Cán là con trai thứ của Chúa Trịnh Sâm do ái cố Đặng thị Huệ sinh ra.

Chúa Trịnh Sâm lâm bệnh, Tuyên phi Đặng thị Huệ cậy thế lộng quyền làm oai làm phúc, kết bè tu đảng, quyết chí đoạt ngôi của đứa con trưởng (của Trịnh Sâm).

Thế tử Khải hay biết bèn bí mật cùng bọn gia thân là Đàm Xuân mùa chứa trữ binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, mật báo cho Nguyễn Nghiễm trấn ở phía Tây, cho Nguyễn Khắc Tuấn trấn ở phía Bắc dự bị đem quân về Kinh mà bảo vệ.

Việc này, bị phát giác. Trịnh Sâm truất Trịnh Khải xuống làm con út, bắt giam ở trong phủ, rồi lập Trịnh Cán lên làm Thế tử, cho Huy quận công Hoàng Đình Bảo làm chức A Bảo.

Chúa Trịnh Sâm bệnh nặng, sai Hoàng Đình Bảo cùng nhóm vương thân là Trịnh Kiều và đại thần Nguyễn Hoàn cùng nhận lời cố mệnh (đi chúc).

Chúa Trịnh Sâm mất. Trịnh Cán được lên ngôi Chúa làm Điều Đô Vương. (5)

Trịnh Cán tuổi còn bé cô bệnh được Hoàng Đình Bảo phụ giúp, mẹ của Cán là Đặng thị Huệ buông rèm tham dự việc quốc chính. Lòng người nghĩ ngờ lấy làm lạ.

Lúc ấy quân Tam phủ (Thiệu Hóa, Hà Trung và Tĩnh Gia) kiêu căng. Trịnh Khải bí mật dụ y chúng cứ sự.

Gặp lúc Hoàng Đình Bảo vào phủ nghị sự, bề tôi cũ của Trịnh Khải là Dự Vũ mật báo với quân Tam phủ vây kín phủ đường, đánh giết Hoàng Đình Bảo, đem Trịnh Khải ra phủ lập lên ngôi Chúa làm Đoan Nam Vương.

Câu phong dao nầy nói Trịnh Tông làm con trai đích, theo nghĩa lý phải được lập lên ngôi Chúa. Còn Trịnh Cán là con trai thứ lại cô bệnh thì còn trông mong gì nữa được hay sao.

Chú thích :

(1) Câu nầy mất vần

(2) Sách chép sai ra chữ vào

(3) Chúa Trịnh Tráng đòi Chúa Nguyễn phải nộp 30 con voi và 30 chiếc thuyền.

(4) - ... - Cả đoạn nầy viết sai với lịch sử rất nhiều, khiến người đọc không hiểu được.

Trong sách Việt Nam sử lược của Trần Trg. Kim đoạn này như sau :

Trịnh Toàn từ khi vào trấn thủ đất Nghệ An, hậu đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục; nhưng chẳng bao lâu Trịnh Tráng mất, Trịnh Tạc lên thay, thấy em có nhiều người mến phục, lấy làm nghi kỵ, bèn cho con là Trịnh Cán vào cùng trấn đất Nghệ An, có ý giữ để cho khỏi biến loạn. Đoạn rồi, cho người vào dõ i Trịnh Toàn về kinh, trách sao không về chịu tang, bắt bỏ ngục giam chết.

(5) Sách chép sai ra Trịnh Đô Vương.

(còn tiếp)





QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Nam đến Đại nam

Bừu Cầm

— Học giả Mặc Khách sưu lục —

LỜI TÒA SOẠN :

Vì lý do không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạ ơn mỗi Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho.

(tiếp theo)

Khúc Thừa Dụ mất năm 907 (hiệu Khai Bình thứ nhất đời Lương Thái Tổ), con là Khúc Hạo nối nghiệp (11).

Năm Trinh Minh thứ 3 (917) đời Lương Mạt Đế, Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hiếu với Nam Hán (12).

Cũng trong năm đó, Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mỹ lên thay (13).

Năm Trinh Minh thứ 5 (919), Thừa Mỹ sai sứ sang xin mệnh lệnh của nhà Lương, được Lương đế trao cho phủ tiết và phủ việt (14). Chuyện đó làm cho chúa Nam Hán là Lưu Cung (15) tức giận, cho nên đến năm 923 (hiệu Long Đức năm thứ 3 của Lương Mạt Đế, hiệu Đồng Quang năm thứ nhất của Hậu Đường Trang Tông), Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang đánh và bắt Thừa Mỹ đưa về Nam Hán (16). Thế là họ Khúc làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ được ba đời (17).

Sau khi bắt được Khúc Thừa Mỹ, Chúa Nam Hán cho Lý Tiến làm Giao Châu thứ sử và Lý Khắc Chính ở giữ châu.

(11) Khâm Định Việt Sử tiên biên, quyển 5, tờ 15a, chép: "Hạo băng cựu nghiệp, cử La Thành xưng sứ, phân định các xứ lộ phủ châu xã, trí lệnh trưởng chính tá, quân diên tổ, quyển lục

dịch, tạo hộ tịch, biên ký tính danh hương quán, giáp trường suất chi; chính thượng khoan gián, dân hoạch tô tức. Thời Lương di Quảng Châu tiết độ sứ Lưu An kiêm Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ phong Nam Bình Vương; An cử Phiến Ngung, Hạo cử châu xưng sứ, chỉ tại tướng đồ Hạo theo nghiệp cũ, giữ La Thành, xưng tiết độ sứ, chia đất trong nước ra làm lộ, phủ, châu, xã, đặt chánh lệnh trưởng và phó lệnh trưởng chia đều thuế ruộng, bớt sức làm việc cho dân làm hộ tịch biên chép họ tên hương quán mỗi người, giao cho giáp trường trông coi. Chính sách của Khúc Hạo khoan hồng và giản dị, dân được thư thả, nghỉ ngơi. Lúc bấy giờ nhà Lương cho tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu An kiêm tiết độ sứ Tĩnh Hải Quân, phong tước Nam Bình Vương; Lưu An giữ Phiến Ngung, Khúc Hạo giữ Giao Châu xưng tiết độ sứ, đều có chí thôn tính nhau". Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ quyển 5, tờ 17b) và Đại Việt Sử Ký tiên biên, (ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1a) cũng đều chép đại khái như thế. Cựu Ngũ Đại Sử, quyển 3, tờ 4b, chép Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ Khúc Dụ mất vào tháng 6 năm Khai Bình thứ nhất đời Lương Thái Tổ, và đến tháng 7 năm ấy nhà Lương cho Tĩnh Hải Quân hành doanh tư mã là Khúc Hạo làm An Nam đô hộ xưng tiết độ sứ. Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng, tr. 308-310, chép Khúc Hạo xưng tiết độ sứ 10 năm (907-916). An Nam Chí Nguyên, hiệu bản của PQVĐHV,

quyển 3, tr.180-181, lại chép Khúc Hạo đã thay Độc Cô Tôn làm tiết độ sứ, tại chức 4 năm rồi mất. Cựu Đường Thư, quyển 20 hạ, tờ 4a, chép việc năm thứ 2 đời Đường Ai Đế, có ghi chức chương của Độc Cô Tôn là "kiêm hiệu thượng thư, tả bộc xạ, đồng bình chương sự, kiêm An Nam đô hộ, sung Tĩnh Hải Quân tiết độ, An Nam quản nội quan sát xử trí đẳng sứ". Tân Đường Thư, quyển 10, tờ 9b, chép Chu Toàn Trung (sau là Lương Thái Tổ) đã giết Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ Độc Cô Tôn vào tháng 6 năm Thiên Hựu thứ 2 (905) đời Đường Chiêu Tuyên Đế (tức là Ai Đế). Thuyết của Cựu Đường Thư và Tân Đường Thư không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Như đã nói ở trước, trong thời gian nhà Đường chưa thừa nhận Khúc Thừa Dụ, thì Chu Toàn Dục được đạo lĩnh (ở xa mà lĩnh) chức tiết độ sứ Tĩnh Hải Quân. Nhưng mùa xuân năm Thiên Hựu thứ 2 (905) Chu Toàn Trung tâu vua Đường rằng: "Toàn Dục dẫn động không có tài cán gì, xin bắt tội". Do đó, Toàn Dục không được giữ chức Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ nữa. Có thể Độc Cô Tôn được thay thế Toàn Dục để giữ chức đó, song cũng ở xa mà lĩnh chứ không đến tại trấn. Độc Cô Tôn bị Chu Toàn Trung giết vào tháng 6 năm ấy. Tháng giêng năm Thiên Hựu thứ 3 (906), Khúc Thừa Dụ mới xin mệnh lệnh của vua Đường, và được nhà Đường gia cho hàm đồng bình chương sự tức là lúc đó nhà Đường đã mặc nhiên thừa nhận Thừa Dụ là tiết độ sứ và cho thêm vinh hàm.

(12) Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ 15b chép: "Thời Lưu Ẩn tốt, đệ Lưu Nham tập, Nham kiến quốc hiệu viết Hán, thị vi Nam Hán kỷ nguyên Kiến Hanh. Khúc Hạo khiến Thừa Mỹ như Hán kết hảo, danh vi hoan hảo, dĩ chiếm như thực = Lúc bấy giờ Lưu Ẩn mất, em là Lưu Nham nối nghiệp, đặt tên nước là Hán, ấy là Nam Hán và đặt niên hiệu là Kiến Hanh. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Hán giao hảo để dò xét hư thực Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 17b) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, tr.311) cũng chép như thế. Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1a, chép có khác một vài chi tiết: "Đình sư, Lương Mạt Đế Trinh Minh tam niên, Lương Nam Hải Vương Lưu Nghiễm tức hoàng đế vị, quốc hiệu Đại Việt, cải nguyên Kiến Hanh nguyên niên, tâm phục cải quốc hiệu Hán tức Nam Hán. Khúc Hạo khiến tử Thừa Mỹ vi hoan hảo sứ, như Quảng Châu chiếm hư thực = Năm đình sư, hiệu Trinh Minh năm thứ 3 của Lương Mạt Đế, tức Nam Hải Vương của nhà Lương là Lưu Nghiễm lên ngôi hoàng đế, lấy tên nước là Đại Việt, cải nguyên là Kiến Hanh năm đầu, rồi lại đổi quốc hiệu là Hán, tức Nam Hán. Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ làm hoan hảo sứ sang Quảng Châu để xem hư thực". Đối chiếu với Tân Ngũ Đại Sử, quyển 65 tờ 2a.

(13) Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ

16a; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5 tờ 17b; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1b; Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng, tr.311.

(14) Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ 16a; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5 tờ 17b; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1b; Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng, tr.311. Riêng An Nam Chí Nguyên hiệu bản của PQVĐHV, quyển 3, tr.181, chép việc này vào năm Trinh Minh thứ nhất (ất hợi, 915) Cựu Ngũ Đại Sử, quyển 135, tờ 6a, có chép sự kiện này nhưng không ghi rõ năm nào.

(15) Lưu Cung: nguyên tên là Nham, rồi đổi tên là Trắc; sau nhân có rồng trắng (bạch long) hiện ra tại điện Tam Thanh, lại đổi tên là Cung để ứng với điềm rồng hiện. Nhưng có thấy tăng Mông Cổ nói rằng: "Theo lời sấm ký thì họ Lưu sẽ bị diệt vì tên Cung". Do đó, Lưu Cung lại đổi tên là Nghiễm, lấy nghĩa "phi long tại thiên (rồng bay trên trời) trong Chu Dịch. (Xem Tân Ngũ Đại Sử, quyển 65, tờ 2b; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 17b-18a; Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ 16b).

(16) Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ 16a; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 18; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1b; Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng, tr.312. An Nam Chí Nguyên, hiệu bản của PQVĐHV, quyển 3, tr.181, cũng chép như thế nhưng ghi họ của tướng Nam Hán là Lương (Lương Khắc Chính). Văn Hiến Thông Khảo, quyển 330, mục chép về Giao Chi, thuật việc này như sau: "Chu Lương Chính Minh Trung, thổ hào Khúc Thừa Mỹ chuyên hữu kỳ địa, tổng khoản ở Mạt Đế, nhân thụ Thừa Mỹ tiết việt. Thời Lưu Trắc thiện mệnh Lĩnh biểu, khiến tướng Lý Hòa Thuận phạt Thừa Mỹ chấp chi, nãi tinh kỳ thổ vũ. Hậu hữu Dương Đình Nghệ, Thiệu Hồng giai thụ Quảng Nam ngụy thụ kế vi Giao Chi tiết độ sứ = Trong niên hiệu Chính Minh (Trinh Minh) đời nhà Lương của họ Chu, người thổ hào là Khúc Thừa Mỹ chiếm hữu đất ấy (Giao Chi) và xinguy phụ với Lương Mạt Đế; do đó, nhà Lương trao cho Thừa Mỹ phủ tiết và phủ việt. Lúc bấy giờ Lưu Trắc chuyên quyền ở vùng Lĩnh Biểu, sai tướng là Lý Hòa Thuận sang đánh, bắt Thừa Mỹ và kiêm tinh cả đất Giao Chi. Sau có Dương Đình Nghệ và Thiệu Hồng, nhận mệnh lệnh của ngụy triều Nam Hán ở Quảng Châu, nối tiếp nhau làm Giao Chi tiết độ sứ". Tân Ngũ Đại Sử quyển 65, tờ 3a, lại chép như thế này: "Khiến tướng Lý Thủ Dung, Lương Khắc Trinh Công Giao Chi, cầm Khúc Thừa Mỹ. Thừa Mỹ chỉ Nam Hải, Nghiễm đảng Nghi Phụng lâu thụ phủ, vị Thừa Mỹ viết: "Công thường dĩ ngã vi ngụy đình, kim phân diện phục hà dã?" Thừa Mỹ đồn thủ phục tội, nãi xá chi = (Lưu Nghiễm) sai tướng là Lý

Thủ Dung và Lương Khắc Trinh đánh Giao Chỉ, bắt Khúc Thừa Mỹ. Lúc Thừa Mỹ đến Nam Hải, Lưu Nghiễm lên lầu Nghi Phượng nhận tử binh và nói với Thừa Mỹ: "Ông thường cho triều đình ta là nguy triều, nay có sao ông lại bị trói như thế?" Thừa Mỹ cúi đầu chịu tội, Lưu Nghiễm bèn tha cho Thừa Mỹ". Cựu Ngự Đại Sử, quyển 135, tờ 6a, chép: "Lưu Trắc sai tướng là Lý Trí Thuận đem binh sang đánh Khúc Thừa Mỹ. Xem vậy thì sử ta và sử Trung Hoa có vài chi tiết khác nhau khi chép về sự kiện dẫn trên

(17) Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, qu. 7 tờ 2a, có trích một đoạn Dã sử chép về họ Khúc: "An Dã sử: Khúc thị Hồng Châu nhân, thế vi cự tộc. Kỳ tiên Thừa Dụ khoan hòa ái nhân vi chúng sở suy phục. Đường Tăng Côn khi phủ thành, Thừa Dụ tự xưng tiết độ, thỉnh mệnh vu triều, Đường đế nhân thụ chi. Khúc thị tam thế khởi canh tỵ, chung canh dần, cộng ngũ thập nhất niên = Theo Dã sử, họ Khúc ở Hồng Châu (nay là hai phủ Bình Giang và Ninh Giang thuộc Hải Dương), đời đời là họ to lớn. Thừa Dụ là người khoan hòa hay thương người, được dân chúng suy tôn, khâm phục. Lúc tiết độ sứ nhà Đường là Tăng Côn bỏ thành chạy, Thừa Dụ tự xưng tiết độ, xin mệnh lệnh nhà Đường, được vua Đường trao chức cho. Họ Khúc truyền 3 đời bắt đầu từ năm canh tỵ (880) đến năm canh dần (930) thì dứt, cộng là 51 năm". NGUYỄN VĂN TỐ, trong bài Sử Ta so với Sử Tàu, đăng trong tuần báo Thanh Nghị, năm thứ 4, số 72, ngày 1.7.1944, tr. 12 và 13, có phê bình đoạn Dã sử ấy như sau: "Đoạn Dã sử ấy chép bắt đầu từ năm canh tỵ (880) tức là năm Tăng Côn bỏ thành thì phải, còn như chép đến năm canh dần (930) mới hết thì sai. Có lẽ quyển Dã sử tính đến năm tân mao (931) là năm Dương Diên Nghệ xưng tiết độ sứ, cho nên cho là Thừa Mỹ đến năm 930 mới hết, nhưng chính là Thừa Mỹ đã bị bắt sang Nam Hán từ năm quý mùi (923). Trong tám năm, từ năm 923 đến năm 930, Dương Diên Nghệ chưa xưng tiết độ sứ, nhưng vẫn giữ việc châu Giao, cầm quân châu Giao, đuổi được Lý Khắc Chính, giết được Trần Bảo".

(còn tiếp)



Thiên Môn Tự

Đây, lá Thu mang ánh Đao Vàng
Tung bay theo gió trải rừng hoang
Thăm muôn cây cỏ màu Huyền Diệu
Rực rỡ âm u, sáng vạn đàng

Đây, CỬA VÔ MÔN chôn núi rừng
Mở toành đây đó vạn ngàn Xuân
Nào ai có biết Thiên Môn Tự
Đừng mãi chờ ai... đến chia mừng !

Đây, LỜI VÔ PHƯƠNG, HƯỜNG nhiệm mầu
Tuyệt vời gieo rắc ánh trăng sâu
Ưi an cô lữ, đường với, với, ..
Nhật biến, hoàn tâm, ĐẮC SỐ CẦU !

VÔ SỐ CẦU chi? Chúng ĐẮC gì ?
Đường xa muôn lối... Lối ta đi.
CƯỜI vang cây lá, hay ngời KHÓC
Khóc nghiệp nhân sanh, bóng âm tỳ !

Gieo rắc vì đâu ? CHUÔNG NGHIỆP SĨ ???
Vạn đời dày dụa - có lo gì ?
Quả Nhân đã tỏ, CÔNG BẰNG ấy
Mãi miết gieo ĐAU ! BẤT DIỆT SĨ !

Xin gửi dâng ai vạn tỏ tường
Trần gian nhân thế lắm đau thương !
Mau lên !!! VIÊN GIÁC ĐƯỜNG MẦU Nhiệm
Độ khổ bi ai, THĂNG VÔ Thượng.

Dành lễ MINH Táng đến VẠN LẦN !
Tử Bi tế độ chúng quân sanh
CHỪNG VÔ THƯỢNG PHÁP huyền vi diệu
Hóa Giải NHƯ LAI nghĩa Thật Chân.

.....

• T. N. GIÁC HẠNH
(HUỖNH THẠCH SƠN - Le Mont de la Roche d'Or
Pháp Quốc

Dịch giả

LÊ HUY THIỆN

BẮC DU CHƠN VÕ



HỒI THỨ NĂM

Định Đại tu hành một cõi

Khi ấy vua Định Đại đi có một mình đến trời tối mà chưa tới, núi tiên, không biết thầy đạo sĩ ở đâu mà kiếm, song cũng đi hoài không nghĩ

Giây phút gặp thầy; vua Định Đại mừng rỡ bồi phần, cúi đầu làm lễ, thầy đạo sĩ nói: "Người đã đi đến đây, mà việc nước người tính xong chưa?" Vua Định Đại thưa rằng: "Đệ tử tính xong rồi hết, nay quyết chí đi tu mà thôi". Thấy đạo sĩ nói: "Tứ nầy sắp sau nước người bình an vô sự, người hãy trở về nước mà hưởng giàu sang?" Vua Định Đại thưa rằng: "Đệ tử quyết chí đi tu, còn tướng chi phú quý, lẽ nào trở lại cõi viên, (1)?" Thầy đạo sĩ nói: "Ở trên núi cực khổ muốn phần, người chịu làm sao cho thấu?" Vua Định Đại thưa rằng: "Đệ tử quyết tu hành, bao nài lao khổ". Thấy đạo sĩ nói: "Ở núi cực hàn (2) lắm! Không phải như thế gian đâu!" Vua Định Đại thưa rằng: "Đệ tử quyết chí tu cho thành, cực hàn phải chịu". Thấy đạo sĩ nói: "Hơi núi đã lạnh lây áo đâu mà đó thân, cơm gạo cũng không có, cơm đâu mà đó dạ? Thêm một nỗi không nhà nào mà hóa trai, lâu ngày chắc phải khốn!" Vua Định Đại thưa rằng: "Đệ tử quyết tu cho thành, dầu chết cũng không tiếc mạng". Thấy đạo sĩ cười rằng: "Như vậy thì đừng, hãy theo ta vào núi Bồng Lai". Vua Định Đại mừng rỡ ta ơn.

Khi ấy thầy đạo sĩ dẫn vua Định Đại, vào đến núi Bồng Lai, thấy cảnh tiên xinh tốt, hạc nai cả bày, tông bá xanh mít. Thấy đạo sĩ bảo vua Định Đại che lều tranh ở dựa chơn núi, thầy trò nường nào tu hành cứ dạy kinh truyền pháp tập luyện đã lâu ngày. Thấy đạo sĩ ngồi chơn nào, vua Định Đại cũng ngồi theo chơn nầy, song có ý mới mê, Thầy đạo sĩ ấy, là ông Diệu Lạc thiên tôn, nên coi thấu xa lắm; biết ý

vua Định Đại mới lòng.

Ngày kia thầy đạo sĩ bày kế, thử vua Định Đại coi lòng còn mê tục hay chẳng. Nên bảo rằng "Thầy ở non lâu ngày, muốn ăn đào lắm, người hãy xuống chợ, mua về ít trái mà dùng". Vua Định Đại vững lời đi chợ.

Khi ấy Diệu Lạc thiên tôn thấy vua Định Đại đi đã xa, liền hóa ra một người con gái, xinh tốt như tiên, bụng đào đi bán. Vua Định Đại gặp đào mừng lắm, liền hỏi giá mà mua. Nàng ấy nói: "Đào này là đào tiên, một cây có một trái, nên giá tới một ngàn lượng vàng". Vua Định Đại cười rằng: "Dầu một cây sanh 1 trái cũng không tới giá ấy, cô không muốn bán thì thôi". Nàng ấy nói: "Thiếp không phải là m ngật, đào này mười mấy năm mới có 1 trái, giá đáng ngàn vàng; phần tôi là gái góa một mình làm chi dặng nổi, nhờ trông đào quý bầu mà nuôi, mình. Như chàng khứng kết nghĩa với thiếp, thiếp xin dưng trái đào này. Bằng không thì phải dủ ngàn vàng mới bán". Vua Định Đại nói: "Bán đào là kẻ xuất gia, lẽ nào về tục? Nàng ấy nói: "Người xuất gia về tục thiếu chi? Nếu chàng không bằng lòng, e sau về tục khổ, gặp người như thiếp. Và lại gia thế của thiếp cũng quá ngàn vàng, không thiếu chi mà sợ". Vua Định Đại lắc đầu bỏ đi xuống chợ, nàng ấy cũng cứ theo hoài.

Tới chợ, vua Định Đại kiếm khắp nói, không thấy ai bán đào, vì trái mùa nên khó kiếm. Trở về một đôi, gặp nàng bán đào khi nầy hỏi rằng: "Chàng kiếm đào mua, dặng hay chưa? Chợ thiếp không bán cho ai hết, có lòng đành để cho chàng, xin hãy nhận lấy, kéo sau khi gặp nữa. Vua Định Đại làm thinh. Nàng ấy nói: "Thiếp chẳng bỏ bước, miễn hứa một tiếng thì thiếp chịu dưng đào". Vua Định Đại không nói cứ lắc đầu mãi. Nàng ấy nói: "Chàng chẳng hứa kiếp này thì thôi, hứa kiếp sau cũng dặng". Vua Định Đại nghĩ rằng: "Chuyện hứa lại, sanh có chị chắc mà sợ, nếu không hứa thì chẳng có đào lấy chi đem về cho sư phụ!" Nghĩ rồi nói rằng: "Hứa kiếp này thì không, hứa kiếp sau thì dặng". Nàng ấy cười rằng: "Chàng hứa kiếp sau làm vợ chồng với thiếp, xin chớ thất ngôn. Nói rồi liền đưa trái đào. Vua Định Đại mừng thầm nghĩ rằng: "Nếu không hứa tái thế thì chẳng có đào quý mà dưng cho thầy". Nghĩ rồi giả vờ về núi.

Còn Diệu Lạc thiên tôn giả hình đạo sĩ về trước, ngồi trong am mà chờ. Đoạn vua Định Đại dưng đào, thầy đạo sĩ hỏi: "Đồ đệ đi mua đào sao lại theo tục?" Vua Định Đại kinh hãi thưa rằng: "Đệ tử chẳng hề phạm điều chi, sao sư phụ nói như vậy?" Thấy đạo sĩ hỏi: "Người có hứa làm vợ chồng kiếp sau với ai chăng?" Vua Định Đại biết giấu thầy không dặng, túng phải thưa rằng: "Đệ tử kiếm cùng chợ không

cổ đảo, gắp một nạng bần đảo dọc đường, thách tới một ngàn lượng. Nàng ấy bảo tôi hứa làm chồng vợ thì chớ không trái đảo này. Tôi lắc đầu không chịu. Nàng ấy bảo hứa, đời sau, thì chịu đứng đảo. Tôi từng phải hứa đó mà, lấy trái đảo, chớ chẳng phải thiệt tình kết duyên kiếp khác". Đạo sĩ nói: "Từ xưa đến nay, hứa một lời thì là chắc, công tu bấy lâu đã hết rồi, phải đâu thai kiếp khác". Vua Đinh Đại khóc lớn lay, thấy mã thừa rằng: "Có phép chi cứu đệ tử khỏi họa chăng?" Thấy đạo sĩ nói: "Phép tu hành rất nghiêm, không lẽ khỏi đặng Ta làm sao mà cứu người? Trừ ra kiếp sau, ta sẽ độ người tu nữa". Vua Đinh Đại lay thấy thừa rằng: "Bề nào tôi cũng phải họa, xong xin thầy lấy lòng thương xót, cho tôi đẻ u thai vào chỗ hiền lành, đã đẻ bề tu hành khỏi lo họa nữa". Thấy đạo sĩ nói: "Người có căn tiên cốt Phật, bề nào sau cũng hiền lương, chúng đó ta sẽ diu dắt tu hành, chắc thành chánh quả". Vua Đinh Đại lay thấy và thừa rằng: "Chẳng hay thầy cho đệ tử đâu thai về chốn nào?" Thấy đạo sĩ nói: "Ta coi, vua nước Tây Hà, làm lành đã ba đời, phúc đức lớn lắm Song đời này không có con trai, đứng làm chay mà cầu tự(3). Ta cho người đâu thai thì xong". Vua Đinh Đại nghe nói, liền bỏ cơm bảy ngày mà chết. Điều Lạc thiên tôn đem hồn vua Đinh Đại qua giảng sanh đâu thai bên nước Tây Hà.



HỒI THỨ SAU

Thiên Tôn diu dắt hai phen

Nói về vua nước Tây Hà là Lý Thiên Phú, bốn mươi tuổi mà không con. Ngày kia vua Thiên Phú lâm triều, bá quan văn võ châu chực. Vua Thiên Phú phán rằng: "Qua nhơn tuổi đã tứ tuần, không sanh đặng thái tử, biết làm sao mà lập đông cung!" Quan văn Bạch Lương, Bành Lý Châu Sĩ Vinh; quan võ Quách Xuân, đồng tâu rằng: "Xin Bệ hạ làm, chay mà cầu tự, có lòng thành chắc đặng chẳng sai". Vua Thiên Phú y tấu. Truyền chỉ cho quan Chi huy(4) là Mạnh Anh lập đàn nghiêm chỉnh. Truyền coi ngày tốt mà làm chay.

Đến ngày ấy, vua Thiên Phú và Hoàng hậu Mạc Thiện Huyền đồng đến đàn làm chay quí lay.

Khi ấy Điều Lạc thiên tôn ngó thấy vợ chồng vua Thiên Phú có lòng thành, liền đem hồn phách vua Đinh Đại thổi vào miệng bà Hoàng hậu, Mạc Thiện Huyền lay vải rồi về cung.

Cách vài tháng Hoàng hậu thọ thai, vua Thiên Phú vui lòng toại chí, truyền dọn yến ẩm mừng đái bá quan lớn nhỏ, và tha thuế bả tành một năm.

Còn Hoàng hậu Mạc Thiện Huyền nghén tới ba năm lẻ hai tháng mà chưa sanh thai! Vua Thiên Phú lo sợ, lâm triều phân hỏi bá quan rằng: "Hoàng hậu nghén ba năm hai tháng mà chưa khai huê, trăm e là điềm bất phải chăng?". Bá quan hồ nghi không dám tâu. Vua Thiên Phú cho đòi Hoàng hậu đến quở rằng: "Từ xưa đến nay người đởn bà nào nghén cũng mười tháng thì sanh sản. Trừ ra nghén lâu sanh là Tần thì Hoàng, cũng nội mười hai tháng, Vua Nghiêu mười bốn tháng mà thôi, không lẽ nghén lâu như nghén Lão Tử. Còn Hoàng hậu bấy giờ nghén ba năm, lẻ hai tháng, chắc là thai dữ rõ ràng, trăm túc tối mười phần, muốn trừ thai quá gở Hoàng hậu quí tâu rằng: "Thiếp thướ nay nhưn đức, không lẽ cầu trời khẩn Phật, lại cho nghén yêu tinh! Tôi xin kỳ ba ngày, nếu chẳng sanh thai tôi sẽ tự tận". Tâu rồi trở vào cung lau nước mắt than rằng: "Đời nay thiếp không làm điều chi thất đức, chưa rõ kiếp trước ra thế nào. Nay làm chánh cung lâu mà không con, đến cầu tự có thai lại bị sự quái gở mà chết".

Xây nghe trong bụng nói rằng: "Xin mẹ đừng lo sự ấy, con là người lương thiện đâu thai. Xin mẫu hậu tâu với phụ vương rằng: Đời Châu bà Ngọc Nữ nghén ông Lão Tử hơn tám chục năm mới sanh, sau ông Lão Tử làm tổ trng tiên đạo Có lạ chi mà hồ nghi". Hoàng hậu nghe nói nửa mừng nửa sợ, quờng gạo đáp rằng: "Tuy con là người lành đâu thai mắc lòng, song cha của con tánh nóng như lõi đinh, nếu ba ngày nữa mà chưa sanh, chắc mẹ phải chết". Trong bụng trả lời rằng: "Xin mẹ đừng lo, giờ tuất đêm nay con ra mặt, xin mẹ đừng giựt mình?" Hoàng hậu nói: "Miễn sanh con cho đặng, đâu mẹ có thác cúng không phiền".

Giây phút Hoàng hậu chuyển bụng, cung nghe nức mừng quá, rước mụ vào cung. Đến giờ tuất hào quang chiếu sáng trong phòng, sanh thái tử ra, mùi hương bát ngát! Đêm ấy nhắm mắt ba tháng ba. Cung nga tâu lại. Vua Thiên Phú mừng rỡ, ngự đến cửa phòng chánh cung truyền cung nga bông thái tử ra xem thú, thấy hình dung đoan chánh rất mừng. Truyền chỉ an ủi Hoàng hậu. Rồi ngự về cung.

Rạng ngày vua Thiên Phú lâm triều, truyền đái yến bá quan, ăn mừng vị thái tử trở mặt. Bá quan chúc tụng xong xả. Vua Thiên Phú đăt tên

xem tiếp trang 31

thơ

Hè

Tiếng Đò Quyên vang vang
Nhắc Em hè đã sang
Nắng vàng khoe rực rỡ
Lòng chộp buồn mênh mang.

Đưa em về kỷ niệm
Thưở vàng son năm nào
Ngôi trường xưa yêu dấu
Giờ bạn bè lao đao.

Sân trường vang tiếng quốc
Tà áo trắng bay bay
Tung tăng như đàn bướm
Má đỏ hồng hây hây.

Thầy Cô giờ xa cách
Bạn bè bất tin thơ
Thôi xa rồi kỷ niệm
Thoảng buồn trong ngân ngổ.



● TÔN NỮ CẨM HẠNH
Forbach

Vịnh đèn kéo quân

(Đêm rằm tháng tám 1976, nhân sang chơi ông hàng xóm, thấy ông bày cỗ trông trăng cho con cháu. Ông vốn có hoa tay nên năm đó ông sáng chế một kiểu đèn kéo quân rất mới lạ. La nhất là những hình bóng di chuyển trên mặt giấy có cả tàu bay, xe tăng và quân đội VC. Một cháu nhỏ của ông bạn, mỗi khi thấy bóng người võ trang đi qua lại reo to "Kìa Việt Cộng... Việt Cộng". May không có tên Công An nào dòm nom nghe thấy. Tôi nảy ra tư làm thơ dưới đây)

Cỏ cà hùm, beo, cỏ cà trầu,
Mà sao chẳng thấy dít đầu đầu.
Mỗi trông cứ tưởng là muôn vẻ,
Ngó lại thì ra chỉ một màu.

Đẹp nhí quanh đi rồi quẩn lại,
Hay gì luôn trước lại chui sau.
Đem bày ra để vui dân trẻ,
Mai một quặng vào sọt rác mau.

Trung thu 1976
● HÀ NGỌC DỨ

Hồi hương



Kính lạy Phật tử bi bác ái,
Đoái thương con lỡ dại tử lâu,
Xưa nay chỉ muốn sang giàu,
Ước mơ chức trọng, quyền cao, của nhiều.
Tưởng phú quý là điều hạnh phúc,
Dấn thân vào bể Dục, nguồn Mê,
Tham, sân, si đủ mọi bề,
Gây nên tội lỗi chẳng hề hối tâm.
Sực tỉnh thấy con lầm phùng hưởng,
Vì vô minh, nghiệp chướng xui nên,
Có chi chắc thiết, vững bền,
Mà con ham muốn cho thêm bận lòng.
Xưa biết mấy vương công hầu bá,
Nay biết bao kim mã ngọc đường,
Đều là giấc mộng hoàng lương,
Nghĩ câu "Nhất dấn vô thường" đúng ghê.
Đường danh lợi vì mê lối bước,
Quá nửa đời tính được là may,
Xét mình phước mỏng, tội dày,
Thành tâm sám hối, xin Ngài chứng cho.
Lánh mũi tọc con lo tu luyện,
Rủ bụi trần con nguyện quy y,
Ăn chay, niệm Phật chuyên trì,
Tạo nên công đức đền nghi tội xưa.
Nhưng kinh điển con chưa hiểu rõ,
Lòng dấn lòng chịu khó tư đây,
Tùy duyên hồi bạn, học Thầy,
Cổ công mài sắt mong ngày thành kim.
Đời đủ cảnh kệ chìm người đắm,
Kiếp xưa ấu hần lầm lỗi lầm,
Ví rày chẳng kịp tu thân,
Kiếp sau phải trả nợ phần kiếp nay.
Bối thân này sớm còn tối mất,
Ma yêu già, bệnh tật kéo lôi,
Chết đi sống lại bao đời,
Bánh xe sinh tử luân hồi không ngừng.
Muốn giải thoát đọ lần Chân lý,
Học Pháp môn kiên chí tiến hành,
Đường xa rủ đuổi sức mình,
Cầu xin Chư Phật xót tình hộ an.
Lời Phật dạy như hoàn thuốc bổ,
Chữa tận nguồn đau khổ chúng sinh,
Nghe theo tâm bệnh ắt lành,
Đạo Thiên mầu nhiệm uy linh vẹn toàn.
Được Trí Tuệ roi sần tâm tối,
Nước Cảnh Dương ơn gọi muôn loài,
Con Thuyền Bát Nhã ra khơi,
Lướt trên Bể Khổ vớt người trầm luân.
Con quỳ trước Đài Vô Thượng Giác,
Tâm hướng về Cực Lạc Quang Minh,
Nguyện cùng tất cả chúng sinh,
Tình đù về tình đồng sanh Lạc Quốc.

● TRÚNG NGUYỄN
Sài Gòn, 12.6.1959

Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL V

DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTĪLA)

A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla). Sittenregeln (prātimoksa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
 - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
 - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
 - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (kāmisumicchāra)
 - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāda)
 - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādashāra)

C. Schlußfolgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.

II. BESTANDTEILE DER FÜNF SITTENREGELN

1. Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
2. Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
3. Abstehen vom unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste (kāmisumicchācāra)
4. Abstehen vom Lügen (Musāvāda)

Lügen ist nämlich das Reden von Unwahrheiten. Es gibt 4 Arten vom Lügen :

 - Unwahrheits-Sagen
 - Geschwätz
 - Üble Nachrede, doppelzüngiger Rede
 - Böser bzw. grober Rede
 - a) Das Unwahrheits-Sagen oder Lügen. Erzählend vom dem Geschehen als Nichts-Geschehen und umgekehrt; Sprechend vom etwas Gegeben als Nichts-Gegeben und umgekehrt; was es zum Hören gibt, wird als Nicht-Gehört angegeben und umgekehrt; oder alles Beste wird von einer Person gesprochen, über seine schlechte Seite jedoch hinter seinen Rücken; oder was man gern mag, schenkt man dafür das schönste und umgekehrt. Zusammenfassend ist das Lügen der Gegensatz zwischen Gedanken und die Verwirklichungen, welche Diskrepanz, Unharmonie hervorbringen.
 - b) Geschwätz oder das Übertreiben, welches die Zuhörer zum Ärgern bringen, oder die gefeilte Rede zur Verführung anderen Menschen. Es bedeutet auch Tadeln, Kritik, worunter die Zuhörer leiden.

Zusammenfassend ist das Geschwätz sinnloses bzw. leeres Gerede, welche die Zuhörer zur Gedankenzerstreung, zum Hervorbringen von Leiden führt.
 - c) Üble Nachrede doppelzüngiger Rede ist Rede mit hinterlistigem Sinn, mit Doppel-Bedeutung, ist die Rede mit Absicht die Disharmonie Verursacht.
 - d) Böse bzw. grobe Rede ist der verbale Gebrauch von unhoflichen-, dechen-, schimpfenden Wörtern, welche die Zuhörer ängstig, traurig macht und nur Leiden dabei verursacht.

Buddha hat das Abstehen vom Lügen aus folgenden Gründen verboten.

a/ Respektieren der Gerechtigkeit

Die Buddhalehre ist die Lehre der Wahrheit. Ein Buddhistischer Praktiker soll die Wahrheit, die Aufrichtigkeit wahrnehmen und sie achten. Jemand, der sich an Unwahrheit gewöhnt, könnte die Wahrheit nicht erkennen, somit es ihm sicherlich schwer fällt, die Erleuchtungs-Stufungen zu bestreiten und den Buddha-Stand zu erreichen. Wir befinden uns ständig in törichten Gedanken. Die allererste Arbeit eines Praktikers der Buddhalehre ist die Bemühung, Anstrengung diese törichten Gedanken zu beseitigen um sein ursprüngliches Gesicht wahrzunehmen.

Wenn es nicht so wäre und sich diese törichten Gedanken allmählich anhäufen, welche schließlich sein Leben mit vollen Unwahrheiten den Weg der Buddhalehre entgegensetzen.

b/ Pflegen der Barmherzigkeit

Die tatsächlichen Impulse des Unwahrheits-Sagens ist die Ichsucht, Bösartigkeit, welche anderen Menschen entweder innerlich oder ausserlich verletzen um seine trübe Begierde zu befriedigen. Jemand, der betrogen wurde, wird darunter sehr leiden. Wenn ein Praktiker der Buddhalehre so lebt, hat er sich die Barmherzigkeit in ihm vernichtet. Falls die Barmherzigkeit sich in ihm nicht befindet, sei seine Übung nur betrügerisch, wobei er keine erfolgreichen Ergebnisse auf diesem heiligen Weg erntet.

c/ Aufrechterhaltung der Loyalität in dem gemeinschaftlichen Leben

Wenn Menschen in einer Familie, in einer Gemeinde, in einer Gesellschaft sich gegenseitig kein Vertrauen schenken, wird Alles ohne Erfolg bleiben. In der Lehre des Konfuzius ist das Vertrauen, die Loyalität eines der fünf grundlegenden charakteristischen Eigenschaften. Das harmonische Leben der Familie, das Wohlergehen der Gesellschaft wäre nicht gegeben, solange das Mißtrauen und die Eifersucht gegenwärtig sind.

d/ Vermeiden von leidender Kausalität

Die Rede ist jedoch kein Schwert, aber äußerst gefährlich, weil es zwei Spitzen hat : die Eine bohrt den Anderen durch und die Andere verletzt den Benutzer.

Jeder von uns kennt sicherlich die Geschichte eines jungen schafhüters, der seinen Nachbarn immer mit seinem Schrei "Feuer, Feuer" anführte. Er konnte diesen Trick nur ein paar Mal anwenden, schließlich wurde seine Hüte von Feuer erfaßt dann rief er dieses Mal wirklich um Hilfe, aber es kam Niemand. Diese Geschichte erteilt uns eine Lektion, daß ein Lügner und Betrüger nur Unheil erntet.

Deshalb hatte Buddha uns gelehrt: "Ein Schwert liegt doch beim Jeden im Mund; man verletzt sich seiner üblen Rede wegen".

Zur Vermeidung von der Feindschaft, leidender Kausalität würden wir somit ohne Lüge leben.



(Fortsetzung folgt)

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

Die kambodschanische Krankenschwester kam und brachte Medizin und Neuigkeiten. Wenige Häuser waren in Vung Tau zerstört worden. Einige Soldaten und Polizisten, welche nicht schnell genug die Hände hoben, um sich zu ergeben, wurden sofort erschossen, ihre Leichen waren auf dem Platz vor der Markthalle zu sehen. Ein paar Polizisten verbrannten in ihren Jeeps. Keine Terrorakte wurden von den Vietcongs begangen; die kambodschanerin war direkt begeistert. Ich dachte mir: dies nur zum Anfang nicht, um die Amerikaner Lügen zu strafen, denn diese hatten Jahre hindurch von grauenhaften Massakern und Millionen Toten gesprochen, welche es geben würde, wenn der Vietcong in Vietnam siege. Nichts dergleichen geschah - es würde wohl später und ganz im Geheimen kommen. Als die Roten sicher waren Südvietnam Fest in Händen zu haben Fingen sie an "reaktionäre" Elemente zu verhaften, zu foltern und hinzurichten. Schon säuberte der Vietcong die Strassen von Huren und Zuhältern, Taschendieben und anderem Gesindel. Ertappte Diebe und Plünderer verlassener Häuser wurden an Ort und Stelle erschossen; ein Pappkarton mit der Aufschrift: "Ich bin ein Plünderer, darum musste ich sterben" wurde den Leichen umgehängt, sodass alle Vorbeigehenden sehr gut sehen konnten, dass die Vietcong die Strassen säuberten. An diesen Taten nahm meines Wissens kein ehrlicher Bürger Anstoss, denn die Strassen aller Städte in Südvietnam waren unsicher und voller Verbrecher.

Ein nordvietnamesischer Offizier, nur erkennbar an seiner umgeschlalteten Pistole und einer Vietcongekarte auf seinem grünen Tropenhelm, besuchte mich, es war der neue Kommandant des Militärpostens unten am Fusse des Berges, wir unterhielten uns einige Zeit. Er sah meinen geschwellenen Fuss und meinte, dass ich unbedingt ärztliche Hilfe benötige, und dass er dafür sorgen würde, dass ich welche bekäme, doch niemand kam, auch der Offizier kam nicht wieder. Von jetzt ab hatte ich häufig Besuch von Vietcongsoldaten und Polizei, in oder ohne Uniform. Einmal kam ein schwerbewaffneter Offizier mit einem Zivilisten, der Offizier noch jung und gut aussehend, vermutlich mit einem guten Schuss französischen Blutes, trat ins Institut ein, der Zivilist blieb draussen und schaute mich mit misstrauischen Augen an. Ich lud ihn ein, ebenfalls einzutreten, er weigerte sich, statt dessen stollte er um das Vihàra, wahrscheinlich um einen illegalen Sender zu finden, denn der Offizier fragte im freundlichen Ton nach

einem solchen. Ich hatte nur ein Transistorradio, ich zeigte ihm dieses, er meinte, der sei Number ten und lachte dabei. Kurz darauf verschwanden beide. Man misstraute mir, warum? Weil ich nicht geflohen war? Wahrscheinlich konnten diese ungebildeten Vietcongs es nicht fassen, dass ein Europäer in Südvietnam zu leben wünschte, wo es doch im Westen viel, viel besser sei als hier in diesem armen Lande; da musste "was nicht stimmen". Ich sah schwarz, lange würde man mich nicht hier wohnen lassen, man würde mich entweder ausweisen oder einfach verhaften. Die Wochen schlichen sich dahin, nur wenige Freunde aus Saigon konnte mich noch besuchen, denn die meisten waren geflohen. Ein chinesischer Buddhist aus Cholon, kam mit seiner Frau, um unter Tränen von mir Abschied zu nehmen; er wollte nach Amerika, denn hier wurde ihm wegen der Geschäfte mit Amerikanern der Boden zu heiss. Ich wunderte mich, denn wieso konnte er jetzt noch fliehen? Er sagte, mit Geld kann man alles, sogar Vietcongs bestechen, und es gab noch genug seefähige Boote, welche ihn und seine Frau nachts weit hinaus auf See bringen würden gegen eine halbe Million Piaster für beide. Als er ging, drehte er sich nochmal um und gab mir ein Paket mit einer halben Million Piaster und meinte, dass dieses Geld im Ausland vollkommen wertlos sei; das stimmte, sogar in Singapur und Hongkong waren keine vietnamesischen Piaster mehr gefragt und ausserdem vermutete man, dass diese Währung bald durch nordvietnamesische ersetzt würde, ein diesbezüglicher Schwarzmarkt blühte bereits, an dem auch die Vietcongs eifrig teilnahmen. Das Geld versteckte ich in einem Metallkasten hinter dem Küchen Schrank, dort liegt es vielleicht heute noch

Mit meinem Fahrrad, welches ich unten an der Strasse bei einer mir gut bekannten Familie aufbewahrte, fuhr ich ein oder zwei Mal Wöchentlich nur Stadt, um zu Post und Markt zu gehen. Vietcongs sahen mich häufig überrascht an, sagten aber nichts. Ich ging sogar um mich bei der neuen Verwaltung zu melden. Ich zeigte meinen deutschen Reisepass und das vietnamesische "Braunbuch", eine Art Identitätsdokument. Nach einer halben Stunde gab man mir die Papiere zurück und sagte, alles sei in Ordnung, ich solle ruhig in meinem Institut bleiben und Vung Tau nicht ohne polizeiliche Erlaubnis verlassen. Diese Bestimmung galt für alle Ausländer und Vietnamesen, niemand war mehr frei, von einem Ort zum anderen zu gehen, ohne dass der Vietcong Sicherheitsdienst die Erlaubnis dazu gab, man fürchtete sich neu bildende Partisanengruppen, welche es tatsächlich schon gab. Der Kampf ging weiter, wenn auch

nur im Kleinen - bis auf's weitere. Es ging das Gerücht, dass Nguyen Cao Ky heimlich in Südvietsnam gelandet sei, um den Widerstand gegen die Kommunisten zu leiten, er soll sich irgendwo in den Bergen zwischen Thailand, Vietnam und Laos befinden, in Los Angeles erfuhr ich aber, dass Cao Ky noch in den USA ist, ohne aktive Hilfe der USA ist wohl aller Widerstand sinnlos und würde nur mehr Elend erzeugen. Alle Banken waren geschlossen Geld abheben war nicht mehr möglich, das hiess also, dass ich die halbe Million in der Dainam Bank als Totalverlust zu buchen hatte. Nach einiger Zeit, ich erinnere mich nicht des genauen Datums, kam auch der Auslandspostverkehr wieder in Gang.

Ich hatte ein Postschliessfach (No. 34) und eines Tages als ich einen Brief herausholte riss mir diesen ein Vietcong-polizist aus der Hand und besah sich den Absender und meine Adresse. Fragend schaute er das Fräulein am Schalter an; sie nickte nur, dann gab mir der Vietcong den Brief zurück, ohne ein Wort geäussert zu haben, denn 99% der Vietcongs verstehen keine fremde Sprache.

Einer meiner vietnamesischen Bekannten erzählte mir, dass kurz vor dem Zusammenbruch der Bürgermeister von Vung Tau, ein ehemaliger Offizier, auf der Strasse von einem Marinesoldaten erschossen wurde, nachdem er selbst einen Marinesoldaten erschossen hatte, welcher von einer Brotverkäuferin Brot rauben wollte. Eine andere Version hörte ich am Tage darauf, dennach stürmten erzürnte Marinesoldaten das Büro des Bürgermeisters und schleppten ihn selbst auf eines ihrer Schiffe, um ihn dort zu ermorden. Südvietsnamesische Marinesoldaten waren als Rohlinge weit und breit gefürchtet, sie und andere südvietsnamesische Soldaten plünderten ein oder zwei Tage vor dem Zusammenbruch Geschäfte, schlugen Vitrienen ein und raubten Uhren, Gold und Diamanten oder grosse Stoffballen, sie wüteten wie die Vandalen. Als die Vietcong Vung Tau besetzten, ereignete sich nichts dergleichen, denn strenger Befehl war von Hanoi gegeben, um das Weltansehen der FNL (Befreiungsfront) nicht zu schmälern. Dennoch verschwanden mehr und mehr bekannte Persönlichkeiten aus Politik und Beamtentum. Ausnahmezustand war in Kraft und der Vietcong Sicherheitsdienst verhaftete seine Opfer in dieser Zeit, also zwischen 9 Uhr abends und 6 Uhr morgens, vorzugsweise zwischen 11 und 12 Uhr nachts. Es sickerte auch durch, dass Soldaten und sogar Vietcongpolizisten in die Häuser der Verhafteten oder Geflohenen einbrachen und alles stahlen, was nicht niert und nagelfest war,

aber auch dies ging noch mit. Zerschossene und ausgebrannte Autos und Jeeps säumten noch die Strassenecken und auf einem Platz in einer Seitenstrasse sah ich einen ganzen Berg aufgetürmter Autowracks. Die Vietconggranaten und Raketen hatten viele der amerikanischen Autos zusammengeschossen.

Buddhistische Mönche und Einsiedler wurden von den Bergen verbrannt, die ganze Hügelkette wurde als Militärdienst erklärt, weil man dort noch südvietsnamesische Soldaten vermutete. Einmal sah ich selbst, wie eine Gruppe südvietsnamesischer Soldaten mit erhobenen Armen von Berge herunterkamen, hinter ihnen gingen Vietcongs mit Maschinenpistolen. Ein anderes mal hörte ich eine Salve Gewehrschüsse auf dem Kamm des Berges und ich hatte den Verdacht, dass dort Soldaten erschossen worden waren, welche sich nicht ergeben wollten.

Eine Gruppe Vietcongs besuchte mich, sie tranken Tee mit mir und zeigten Fotos von ihren Liebsten, junge hübsche Dorfschönheiten, teilweise auch Vietcongs. Alle hatten harte Augen und einen energischen Zug um die Lippen, in Liebe und Kampf waren sie heissblütig, wie mir ein junger Unteroffizier versicherte, und manch einer dieser Grazien hatte das Leben eines Number ten Yankees' auf dem Gewissen, wenn sie überhaupt so etwas wie Gewissen besaßen. Alle Vietcongs, welche mich besuchten, benahmen sich anständig und höflich, dies muss ich gestehen, um der Wahrheit die Ehre zu geben, aber ich war nicht leicht zu betrügen. Wenn ich verhaftet würde, würde man die Maske fallen lassen, dessen war ich so gut wie sicher.

(Fortsetzung folgt)



Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



Sofort nach der Machtübernahme durch Ajatasattu saß König Bimbisara hinter dicken Gefängnismauern und bekam weder Besuch noch Nahrung. Er dachte tief an die Worte des Buddhas und empfand dabei keine Traurigkeit. Das Leben, so Buddha, ist nichtig, die Welt ist nur scheinbar. Macht und Reichtum sind so unbeständig wie Blasen im Ozean. Was da entsteht, unterwirft dem Gesetz der Zerstörung.



Verblendet von Devadattas trügerischen Worten sah Ajatasattu weder das Elend des Königsvaters noch die wachsende Unzufriedenheit der Bevölkerung. Bedenkenlos machte er den Schmeichler zu seinem Hofmeister.



Im Grunde wollte der neue König seinen Vater vor Hunger sterben lassen. Aber vor dringlicher Bitten seiner Mutter erlaubte er ihr, ihn ohne Mitbringen von Geschenk und Lebensmittel täglich zu besuchen. Nach langem Suchen fand Vaidehi einen Weg, ihrem Gemahl mit Nahrung zu versorgen. Vor jedem Besuch wuschte sie sich gründlich, trug Honig und Reispaste auf den ganzen Körper, zog sich wieder an und ging zum Gefängnis.



Vor dem Essen spülte Bimbisara gut seinen Mund, verbeugte sich in Richtung des Jetavanahains, wo der Buddha sich aufhielt und murmelte:
"Oh Herr, Ich bitte Euch meinen

Freund, den Ehrwürdigen Mogallana als meinen Zeugen herkommen zu lassen. Ab heute schwöre ich feierlich, die achtfachen Sittlichkeitsregel zu halten. Danach werde ich:

- nicht töten,
- nicht stehlen,
- nicht unkeusch sein,
- nicht die Unwahrheit verbreiten,
- nicht einnehmen von berauschenden Getränken,
- nicht benutzen von Schönheitsmittel mit duftendem Geruch oder Schmuck,
- mich nicht absichtlich mit Musik unterhalten,
- nicht im hochgestelltem Bett schlafen und
- nicht zu unrichtigen Zeiten speisen.



Um seinem Wunsch zu entsprechen schickte Buddha jeden Tag einen Mönch zu Bimbisara, wenn nicht Mogallana dann Purna, um zu bezeugen und zu predigen.



Eines Tages, als König Ajatasattu erfuhr, daß es seinem Vater gegen seine Erwartung durch ständige Versorgung von seiner Mutter und regelmäßige Besuchsempfang von Mönchen noch besser als am Anfang

ging, geriet er in Zorn, zog ein Schwert und wollte Vaidehi töten. Da sagte ihm ein treuer Hofbeamter mit herzerreißenden Worten:

"In der Geschichte gab es Fälle, in denen ein Sohn seinen Vater in den Tod schickte, um an die Macht zu kommen, aber daß ein Sohn seine Mutter tötete, so einen Fall hatte es noch nicht gegeben. Ich bitte Euch Majestät, Eure königliche Mutter am Leben zu lassen".

Daraufhin gab der König den Befehl Vaidehi einzusperren.



Tief unglücklich in einer dunklen Zelle kniete Vaidehi mit gefalteten Händen nieder, in Richtung des Jetavana-Viharas, wo Buddha gerade eine Predigt hielt, und flehte: "Oh Herr, Ich bitte Euch den Ehrwürdigen Ananda oder Mogallana zu mir kommen zu lassen, hab bitte Erbarm mit mir". Sofort unter Verwendung seiner großen Macht nahm Buddha die beiden Jünger mit und erschien an Ort und Stelle, um Vaidehi zu trösten.

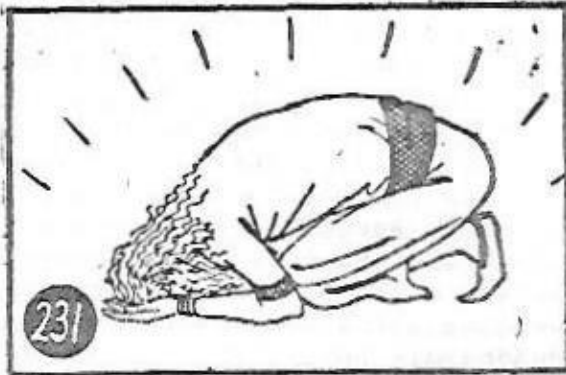


Die Königin fühlte Ihr Ende und äußerte den Heiligen den Wunsch, nach Eintritt in den Tod sofort in eine andere Welt wiedergeboren zu werden. Vor ihren Augen sandte Buddha viele Strahle aus. Jede dieser Lichtstrahl ließ

unzählige Welten deutlich erkennen. Beim Anblick der herrlichen Stille des Reinen Landes im Westen freute sich die Königin Vaidehi.



Ein anderer Strahl drang in die Zelle des Königs Bimbisara, der hochofrennt über die Botschaft des Herrn sich sofort erleichtert und ungefesselt fühlte, eine spontane Erkenntnis erlangte. Er erreichte damit die Arhatstufe.



Nachdem Buddha der Königin das "Amitayus-dhyana-Sutra" vorgelesen hatte, freute sie sich noch mehr und war fest überzeugt, von Amitabha in seinem Reich der "höchsten Glückseligkeit" aufgenommen zu werden.



Nach mehrmaligem Mißgeschick versuchte Devadatta diesmal mit Hilfe von Ajatasattu, den Buddha abzuschalten. Eines Tages als Buddha mit seinen Jüngern den Almosengang machte, ließen der König und sein Hofmeister einen wilden Elefanten die Mönche angreifen. Die Situation war todernst, alle hatten Angst. Nur Buddha kam nicht aus der Fassung. Plötzlich blieb das Tier vor dem Erhabenen stehen wie gezähmt, kniete tränend nieder, als ob es um Zuflucht bittete. Der Elefant wurde in die Gemeinde aufgenommen.



Ein anderes mal, während Buddha predigte, kam Devadatta mit seinen Schülern zur Stelle und forderte ihn auf:

"Mönch Gotama, in deinem Alter bist du dem Tod nah, gib doch deine Stellung auf, dir zu Liebe werde ich sie nehmen und auch die Gemeinde leiten, ehe es zu spät ist".

- "Den guten Vorschlag, sagte der Erhabene, nehme ich dankend in Kenntnis. Ich werde aber freiwillig gehen, wenn es so weit ist, was die Gemeinde anbetrifft, kann ich unmöglich jemandem mit bösem Absicht überlassen, sondern nur Maha Kassapa und Mogallana".

(Fortsetzung folgt)



DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

Hier sind eine Anzahl Meditationsübungen und -methoden, derer ich mich oft bedient habe. Sie stammen aus verschiedenen Systemen, und ich habe sie so abgewandelt, daß sie meinen eigenen Umständen und Neigungen entsprechen. Wähle die aus, die Dir am besten gefallen und die für Dich selbst am geeignetsten sind. Der Wert jeder Methode wird entsprechend den jeweils besonderen Bedürfnissen jedes einzelnen Menschen verschieden sein. Obwohl diese Übungen relativ einfach sind, bilden sie die Grundlagen, auf denen alles andere beruht.

1. DAS HALBLÄCHELN

- a) *Setze ein Halblächeln auf, wenn Du am Morgen erwachst:*

Hänge einen Zweig oder irgendein anderes Zeichen oder auch nur das Wort "Lächeln" an Decke oder Wand, so daß Du es sofort erblickst, wenn Du die Augen öffnest. Das Zeichen wird Dir als Erinnerung dienen. Nutze diese Sekunden, bevor Du das Bett verläßt, dazu, Dir den Atem zu vergegenwärtigen. Atme dreimal sanft ein und aus, während Du das Halblächeln beibehälst. Folge Deinen Atemzügen.

- b) *Setze ein Halblächeln während Deiner freien Augenblicke auf:*

Während Du in einem Wartezimmer bist oder in einem Bus, wenn Du in einer Schlange vor dem Postschalter stehst oder wenn Du Dich irgendwo sonst sitzend oder stehend aufhältst: Lächle halb. Sieh ein Kind an, ein Blatt, ein Bild an der Wand, alles was verhältnismäßig ruhig ist, und lächle. Atme ruhig dreimal ein und aus. Behalte das Halblächeln bei, und betrachte den Gegenstand Deiner Aufmerksamkeit als Deine eigene wahre Natur.

- c) *Setze ein Halblächeln auf, während Du Musik hörst:*

Höre zwei oder drei Minuten lang ein Musikstück. Achte auf die Worte, die Musik, den Rhythmus und die Empfindungen. Lächle, während Du Deine Ein- und Ausatmungen beobachtest.

- d) *Setze ein Halblächeln auf, wenn Du gereizt bist:*

Wenn Du merkst, daß Du gereizt bist, rufe sofort ein Halblächeln hervor. Atme lautlos ein und aus, und behalte das Halblächeln während dreier Atemzüge bei.

2. LOSLASSEN - ENTSPANNEN

- a) *Loslassen in liegender Stellung:*

Lege Dich rücklings auf eine flache Unterlage, ohne Matratze oder Kissen zu benutzen. Laß Deine Arme locker an den Seiten ruhen und halte die ausgestreckten Beine leicht auseinander. Behalte ein Halblächeln bei. Atme sanft ein

c) *Das Zählen Deiner Atemzüge:*

Setze Dich im halben oder vollen Lotussitz hin, oder mache einen Spaziergang. Wenn Du einatmest, sei achtsam und Dir bewußt: "Ich atme ein, eins." Wenn Du ausatmest, sei achtsam und Dir bewußt: "Ich atme aus, eins." Denke daran, vom Bauch aus zu atmen (3 a). Wenn Du mit der zweiten Einatmung beginnst, sei achtsam und Dir bewußt: "Ich atme ein, zwei." Und langsam ausatmend, sei achtsam und Dir bewußt: "Ich atme aus, zwei." Fahre so bis 10 fort. Wenn Du 10 erreicht hast, fange wieder mit eins an. Immer dann, wenn Du das Zählen vergißt, fange wieder bei eins an.

d) *Deinem Atem folgen während des Musikhörens:*

Höre Dir ein Musikstück an. Atme lang, leicht und gleichmäßig. Folge Deinem Atem, sei sein Meister, während Du Dir weiterhin der Bewegung und der Empfindungen, die von der Musik ausgelöst werden, bewußt bist. Verliere Dich nicht in der Musik, sondern bleibe weiter Herr Deines Atems und von Dir selbst.

e) *Folge Deinem Atem, während Du ein Gespräch führst:*

Atme lang, leicht und gleichmäßig. Folge Deinem Atem, während Du auf die Worte eines Freundes und auf Deine eigenen Antworten achtest. Fahre wie in 3 d fort.

f) *Dem Atem folgen:*

Setze Dich im vollen oder halben Lotussitz hin oder mache einen Spaziergang. Beginne sanft und normal einzuatmen (vom Bauch aus). Sei Dir dabei bewußt: "Ich atme normal ein." Beim Ausatmen sei Dir bewußt: "Ich atme normal aus." Fahre so drei Atemzüge lang fort. Beim vierten Atemzug dehne die Einatmung aus, dabei sei Dir bewußt: "Ich ziehe einen langen Atemzug ein." Atme achtsam aus, und sei Dir bewußt: "Ich stoße einen langen Atemzug aus." Fahre so 3 Atemzüge lang fort.

Folge jetzt Deinem Atem sorgfältig, wobei Du jede Bewegung Deines Bauches und Deiner Lunge wahrnimmst. Folge dem Ein- und Austritt der Luft. Achte darauf, daß "ich einatme und der Einatmung von ihrem Beginn bis zu ihrem Ende folge. Ich atme aus und folge der Ausatmung von ihrem Beginn bis zu ihrem Ende."

Fahre so 20 Atemzüge lang fort. Kehre dann zum normalen Atmen zurück. Wiederhole diese Übung nach 5 Minuten. Denke daran, während des Atmens das Halblächeln beizubehalten. Wenn Dir diese Übung einmal gelungen ist, wende Dich 3 g zu.

g) *Atmen, um Geist und Körper zu beruhigen, damit Freude entsteht:*

Sitz im vollen oder halben Lotussitz. Lächle halb. Folge Deinem Atem (3 f). Wenn Dein Geist und Dein Körper besänftigt sind, fahre fort, sehr leicht ein- und auszuatmen; sei Dir bewußt: "Ich atme ein und mache den Atemkörper leicht und ruhig. Ich atme aus und mache den Atemkörper leicht und ruhig." Fahre so drei Atemzüge lang fort, und

und aus, wobei sich Deine Aufmerksamkeit auf den Atem richtet. Laß jeden Muskel Deines Körpers los. Entspanne jeden Muskel so, als versinke er durch den Fußboden oder so, als sei er leicht und nachgiebig wie ein Stück Seide, das im Wind zum Trocknen hängt. Laß völlig los; richte Deine Aufmerksamkeit dabei ausschließlich auf Deinen Atem und lächle halb. Stelle Dir vor, Du seist eine Katze, die vollkommen entspannt am warmen Feuer liegt und deren Muskeln der Berührung durch irgendwen keinen Widerstand bieten. Fahr so 15 Atemzüge lang fort.

b) Loslassen in sitzender Stellung:

Setze Dich im halben oder vollen Lotussitz oder auch mit gekreuzten Beinen hin oder so, daß Deine Beine untergeschlagen sind, oder setze Dich auf einen Stuhl, wobei Deine beiden Füße den Fußboden berühren. Lächle halb. Laß los wie in 2 a.

3. ATMEN

a) Tiefes Atmen:

Lege Dich auf den Rücken (wie in 2 a). Atme gleichmäßig und sanft, wobei Du die Aufmerksamkeit auf Deinen Bauch richtest. Wenn Du einzuatmen beginnst, erlaube Deinem Bauch anzuschwellen, damit Luft in die unteren Hälften Deiner Lungenflügel gelangt. Wenn sich die oberen Hälften Deiner Lungenflügel mit Luft zu füllen beginnen, fängt Deine Brust an, sich zu heben, und Dein Bauch beginnt, sich zu senken. Ermüde Dich nicht. Fahre so 10 Atemzüge lang fort. Die Ausatmung wird länger sein als die Einatmung.

b) Messen Deines Atems mit Hilfe Deiner Schritte:

Gehe langsam und in aller Ruhe in einem Garten, an einem Fluß oder auf einem Dorfpfad spazieren. Atme normal. Bestimme die Länge Deines Atems, die Einatmung und die Ausatmung, mit Hilfe Deiner Schrittzahl. Fahre so einige Minuten lang fort. Fange an, Deine Ausatmung um einen Schritt zu verlängern. Zwinge Dich nicht zu einer längeren Einatmung. Laß sie natürlich sein. Beobachte Deine Einatmung aufmerksam, um festzustellen, ob ein Bedürfnis besteht, sie zu verlängern. Fahre so 10 Atemzüge lang fort.

Nun verlängere Deine Ausatmung um einen weiteren Schritt. Beobachte, ob sich die Einatmung auch um einen Schritt verlängert oder ob sie sich nicht verlängert. Verlängere die Einatmung nur dann, wenn Du spürst, daß es Dir Freude bereiten wird. Nach 10 Atemzügen kehre zum normalen Atmen zurück. Nach etwa 5 Minuten kannst Du mit der Übung der verlängerten Atemzüge erneut beginnen. Wenn Du Dich auch nur ein kleines bißchen müde fühlst, so kehre zum normalen Atmen zurück. Nachdem die Übung des verlängerten Atems in mehreren Übungsperioden angewandt wurde, werden Deine Aus- und Einatmung in gleichem Umfang an Länge zunehmen. Dehne die Übung des langen gleichen Atmens nicht über 10 bis 20 Atemzüge aus, und kehre dann zum normalen Atmen zurück.

(Siehe bitte weiter auf Seite 84)

thơ



Đã sẵn đường tu

Trời đưa ta đến chốn này,
Đôi hoang, rừng vắng rầy đây cỏ hoa.
Một vùng xanh ngắt bao la,
Vườn cây man mác, xa xa núi rừng.

Nhìn đời cặp mắt dừng dừng,
Giã từ mơ ước, từng bình thủa nào.
Lạnh mình khỏi chốn lao xao,
Giữa núi thơ mộng, biết bao là tình !

Xa rồi, cái kiếp phù sinh,
Nhũ lông hãy từ khép mình cho qua.
Vàng son thời củ nhạt nhòa,
Lời danh cho mấy cũng là phù vân.

Giờng đời trót đã dần thân,
Vinh hoa, phù phiếm dư phần mà thôi.
Còn gì đâu nữa, hối đi !
Đi âm còn bóng một thời xưa xa.

Ngày qua rồi lại ngày qua,
Đã phai bóng củ, đã nhòa hình xưa.
Nói đây, cảnh vắng người thưa,
Lúc buồn đã cô vẫn thơ bạn bầu.

Cỏ hoa, cỏ lá muôn màu,
Thương trắng, đón gió nào đâu tồn tiên ?
Thành thời sông cảnh, thần tiên,
Tiêu dao mây nước, chằng phiến lụy ai.

Bình minh, chim hót êm tai,
Mắt say cảnh bướm, hoa cài đây sân.
Đại gì tới chốn cạnh tranh,
Bỏ nói gió mát trăng thanh cho dành ?

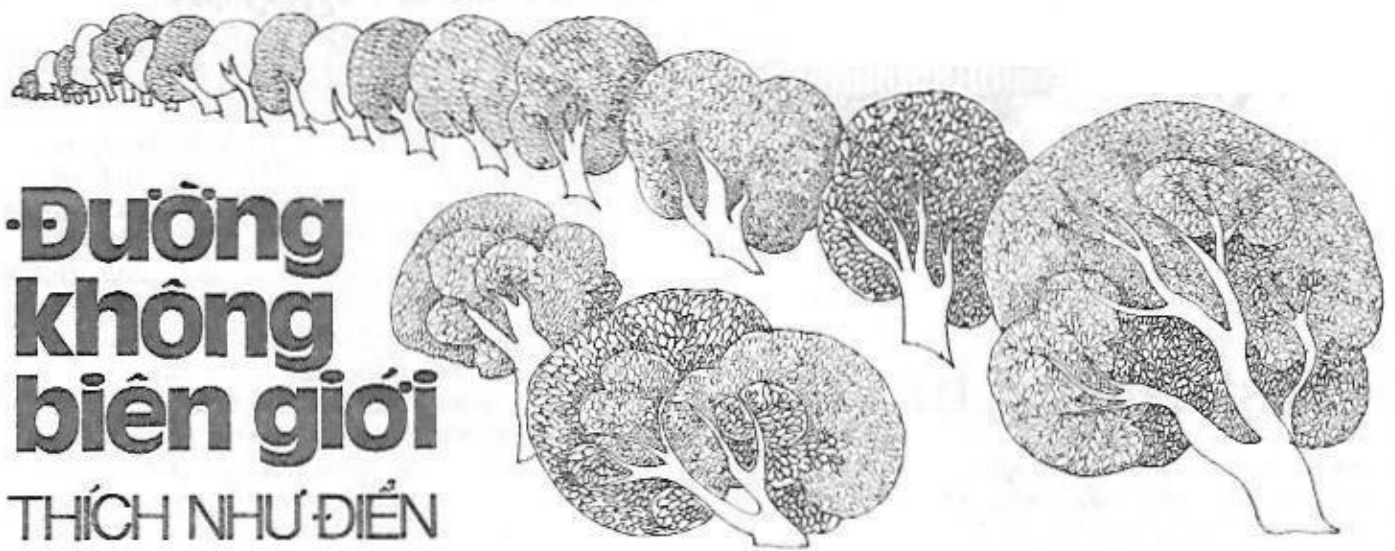
Một trời mây nước hữu tình,
Đường tu đã sẵn, nghiệp mình chóng với !

• ĐỒ CAO,
Thu, Nhâm Tuất 82

Kinh Cầu Nguyên

Con lay Phật, giữa mùa xuân giác ngộ
Thếp giùm đao rên lưỡi cuộc, lưỡi cây
Hồn khắt mầu, bao hận thù hoen ở
Hoá tình yêu thắm thiết khắp muôn loài.
Đất nhuộm mầu bao người trai thế hệ
Xương trắng phơi hào lúy với sa trắng
Tiếng rên siết át muôn trùng sóng bể
Bao sanh linh, quân quai dưới đau thương.
Lửa cuồng bạo đốt công trình vĩ đại
Phút phù du thành tro xám, than hồng
Nhưng, tổ âm tận đâu non cuối bãi
Vì cơ nào thành bọt nước trôi sông ?
Dòng sữa mẹ ngọt mát tình, nuôi dưỡng
Nôi thiên thần con lần lửa lớn khôn
Mong cho con suốt một đời sung sướng
Nhưng quê người thân trẻ lại vui chôn.
Con lay Phật, tiếng súng rên ghê gớm
Tiếng hung thần tàn sát vạn sanh linh
Súng hay bất những tiếng dậy môn trời
Trần yêu thương hoan lạc buổi thanh bình.
Nhưng cánh tay nhũ xuân đây huyết quản
Không dỗi non, lấp bể góp công lao
Không dùng một cõi thiên đường ánh sáng.
Lại khởi dăng mầu đỏ, nhục làm sao !
Sau cô thôn mẹ già đầu bạc phều
Mắt mù lòa vì nỗi khóc thương con
Đứa trẻ đói, nứt mả bầu ngực héo
Quả phụ bi thương, nệm thàng mỗi mòn
Ở Tháp Mười, những cánh đồng bát ngát
Chứa bao nhiêu nguồn sông của muôn người
Mùa dưng đất chớ cánh tay khai thác
Khởi rầy vườn cây trái xanh tươi.
Ai cố nghĩ sông, còn hung hãn chảy
Biển vẫn còn bắt tri thết găm vàng
Núi kiêu hãnh chân bước đường vân tải
Đang chờ người xây dựng một giảng sơn.
Cõi mộng ước cây vườn thay lộc mới
Tuổi hồn nhiên như bướm nhớn nhớ bay
Sao tàn nhân chôn đời xuân phơi phơi
Đề nhục nhân, sâu tử những thân trai ?
Con lay Phật, để ai sung sướng hưởng
Biết bao người bán giết tựa sài lang
Đập lửa chiến tranh trong trĩ tướng
Bước chân ta dậm nát mộng tham tàn.
Chim câu trắng vượt muôn trùng bão tố
Tiếng loa thần báo hiệu buổi bình minh
Đường ánh sáng ta quên ngày đau khổ
Gió muôn phương lừng tiếng hát thanh bình.

• MẮC KHÁI,
(Trích trong "SÔNG, NƯỚC CỎ CHIÊN"
Xuất bản năm 1973)



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(Kỳ thứ 19)

Có nhiều vị Phật tử ăn chay trường hoặc ăn chay kỳ thường ngại ngưng mỗi khi đi xa, khi biết có đồ ăn chay tịnh trên máy bay không; nên bất cứ đi đâu cũng hay lựa những ngày không nhằm vào ngày 14, rằm, 30 mồng một hoặc các ngày sóc vọng để đi. Có vị kỹ lưỡng hơn, mang theo đồ chay lên máy bay để dùng. Kể ra cũng được; nhưng hơi bất tiện. Vì có những đoạn đường xa như từ Đức sang Úc hai đêm một ngày không thể mang đồ ăn theo được. Hoặc có nhiều người giữ giới, nên nhìn đói suốt một đoạn đường dài, chỉ xin nước uống mà thôi. Hôm nay chúng tôi xin mách đến quý vị một cách như sau :

Trước khi khởi hành một ngày, quý vị gọi điện thoại cho hãng máy bay hoặc hãng du lịch mà quý vị đã mua vé, cho biết rằng mình ăn chay trên suốt đoạn đường bay từ đâu đến đâu. Họ sẽ hỏi quý vị ăn chay theo kiểu nào? Thông thường có ba kiểu - một kiểu theo Tàu - nếu quý vị đi theo các tuyến đường bay các nước Á Đông. - một kiểu theo Ấn Độ và một kiểu theo Âu Châu. Kiểu Ấn Độ gồm có cơm, nhó, xà-lách, cà ry. Kiểu Âu Châu toàn là rau, cải và trái cây. Nếu quý vị đã đồng ý một trong ba cách dùng chay trên, đến lúc ra căn hành lý, người ghi vé sẽ biết ngay là quý vị ăn chay họ sẽ ghi vào máy. Khi lên máy bay sẽ có nhân viên trên máy bay mang những thức ăn chay đến quý vị dùng. Quý vị sẽ không trả thêm bất cứ một món tiền nào cả. Vì trong tiền giấy máy bay gồm có cả tiền ăn uống rồi. Ngoài trừ quý vị kêu những loại nước đặc biệt.

Có nhiều Thầy, Cô bên đảo mới sang, lúc đi trên máy bay không rành ngoại ngữ nên các chiêu đãi viên hỏi cái gì cũng chỉ lắc đầu và khờ

có cái gì chịu gật đầu cả. Họ sợ rằng nếu uống thì phải trả tiền, mà tiền đâu có khi lên đến được máy bay để đi. Hoặc sợ rằng trên máy bay không có đồ chay. Thế là đành chịu đói c h ở đến nước mình định cư. Đến nơi đó nếu lạnh, có nhiều người bảo rằng ở đây lạnh lắm ăn chay sẽ chết. Thế là đâm ra hoang mang, hốt hoảng. Thật ra ăn chay không có bị chết đâu cho có ở xứ nóng hay xứ lạnh, mà ngày nay ở Âu Mỹ ăn chay rất nhiều. Quý vị nếu ở Đức và Thụy Sĩ có thể tìm đến những cửa tiệm để tìm bảng "Reform Haus" - nơi đó bán toàn đồ chay và tất cả các loại đồ ăn đều làm bằng đậu nành. Thông thường mỗi thành phố lớn ở Đức có chừng 20 đến 30 cửa tiệm như vậy.

Chúng tôi không phải là nhân viên quảng cáo cho các hãng du lịch hoặc các tiệm cơm chay nhưng nhận thấy rằng những gì giúp ích cho người Phật tử, chúng tôi xin mách đến quý vị. Có một hôm chúng tôi đi thăm một vài thành cảnh tại nước Đức với một người bạn Nhật. Trên tay người bạn Nhật này có cầm một quyển sách chỉ dẫn bằng tiếng Nhật, chỉ về tận từng từng địa phương một của nước Đức thành phố nào có những gì đặc biệt, thành phố nào có những gì đáng coi, cái gì nên coi và cái gì nếu có thì giờ xem cũng được, không xem cũng không có hại chi.

Đoạn đường đi từ Hemstedt đến Berlin phải trả tiền vé như thế nào và đến địa phương Bá Linh nên ở khách sạn nào, ăn món ăn nào cho hợp khẩu vị và nên xem những di tích lịch sử nào v.v... Chúng tôi xem quyển sách mà cảm thấy ngỡ ngàng; vì người mình lâu nay đi du lịch hay đi đâu chỉ cốt đi cho có. Nếu tại

Địa phương kia có người hướng dẫn thì tốt, không cũng không sao. Lúc về nước ai có hỏi đến mình thì khoe khoang chuyện có nói không chuyện không nói có, chẳng ai tin tưởng vào ai được. Ngay cả một bản đồ của địa phương mình đi cũng không có nữa nói chỉ đến một quyển sách hướng dẫn tận tường như vậy. Có nhiều người khuyên chúng tôi rằng nên cố gắng thực hiện những điều lợi ích đó cho đồng bào mình; nhưng đó không phải là khả năng chuyên môn của chúng tôi nên đành thì giờ để phục vụ đồng bào ở phương diện khác, chúng tôi chỉ giúp đỡ trong điều kiện có thể của mình. Nhiều lúc vì không có ai chỉ dẫn, nên có nhiều vị mua giấy máy bay đắt gấp 2 lần hơn giá trung bình, hoặc xin visa bị từ chối thì khó bề xin lại lần thứ hai được. Ngày nay bà con mình ở khắp năm châu bốn biển; chắc có lần trong đời cũng phải viếng thăm nhau. Nếu ai đó trong chúng ta thực hiện được những điều chỉ dẫn tận tường như trên quả là một điều lợi lạc.



Chúng tôi sinh ra từ chốn bùn dơ nước đọng, nơi quê hương xứ Quảng nghèo nàn - nơi mà đất "cây lên sỏi đá", nếu không có nhân duyên biết được Phật pháp, chắc rằng đâu có ngày nay. Đi đến nơi này để rồi còn đi thêm nơi khác nữa. Ngày mới xuất gia từ chốn quê mùa rách nát, chúng tôi đến phố Hội thấy mình như từ nhà quê lên tỉnh thật. Thấy Bổn Sư có bảo rằng: "gần đến ngày nhập trường rồi, con hãy mua sách vở để đi học". Tôi trả lời rằng: "Bach Thầy! đi tu rồi mà còn học nữa sao?". Bây giờ nghĩ lại cũng vui vui trong dạ, cái quan niệm đi tu của mình ngày xưa nó hờn nhiên và trong trắng như thế. Thấy tôi mỉm cười và bảo rằng: "Con hãy nghe lời ta bảo, rồi bắt buộc đi phải đi học - và sự học của tôi kéo dài suốt hơn 20 năm trường ở trường đời cũng như trường đạo thấy cũng chẳng thấm vào đâu, mà cảm thấy lúc nào cũng cần phải học hỏi.

Lần đầu tiên đi máy bay từ Đà Nẵng vào Sài Gòn tôi hỏi Thầy tôi rằng: "Bach Thầy! Chắc trên máy bay không có Toilette?". Thấy tôi cười và bảo rằng: "Con nên lại phía sau để"

Vì tôi nghĩ rằng nếu đi Toilette trên máy bay, nó sẽ bay tứ tung trong trời đất coisao được. Cái que mùa và cái ngớ ngàng của tôi là như thế. Vì sinh ra từ chốn nhà quê, quê mùa ngay từ bản chất nên mỗi lần có tiệc chay hay đãi đãi chi của Phật tử mới, tôi phải hỏi món nào dùng với món nào; nếu không hỏi, dùng lộn món này qua món kia ho cười mình là người không sành ăn uống. Nặng hỏi trước có lợi hơn là làm dáng. Tôi chẳng ngại ngần để viết lên những lời này vì cho rằng: "Sự thật bao giờ cũng là sự thật", đâu cho ai đó có thể điếm nhiều lớp son, lớp phấn bề ngoài, giả dối vẫn hoàn giả dối.

Đến Sài Gòn tôi thấy mình chơi với trước cảnh phồn hoa đô hội - nơi ngựa xe như nước áo quần như nêm. Cảm thấy bơ vơ một thân một mình với chiếc đầu tròn, mảnh áo vuông và hành trang của mình chỉ là một tấm lòng cho Đói và Đạo. Tôi gói trọn hành trang ấy mãi đến bây giờ cho đời mình, mỗi khi chuyện vui hay buồn đến bên mình và không để cho nó bị cuốn theo chiều gió.

Đi quanh quẩn Sài Gòn để tìm nơi học hành và tìm chỗ tạm dừng chân cho cuộc đời tu niệm, cảm thấy bị bế bưng trước cuộc sống duachen của một người từ Tỉnh mới đến Thành. Tâm trạng của tôi lúc đó chẳng khác nào tâm trạng của một anh chàng được kể lại truyện sách quốc văn khi còn học lớp ba như sau: "Sau khi anh ta đi du lịch về nước, bà con lối xóm đến hỏi thăm anh tới tập. Nào tháp Eiffel ở Paris đẹp lắm! Nào Khải Hoàn Môn ngựa xe nhộn nhịp và sông Seine có lá vàng trời bập bênh thơm nồng phải không? Sau một hồi trầm ngâm suy nghĩ, anh trả lời rằng: "Tôi đâu có thấy gì, tôi chỉ thấy đồng hồ của Taxi đang nhảy số". Mọi người cười xòa và câu chuyện du lịch của anh ta được chấm dứt nơi đó.

Cách đây gần 30 năm, hồi đó tôi học lớp ba, có học được một bài học thuộc lòng, xin ghi ra đây để quý độc giả đọc cho vui. Nếu vị nào còn nhớ ấy cũng là điều đáng quý. Bài học thuộc lòng nhan đề là "Đi ngày đàng, học sàng khôn".

"Đi cho biết đó biết đây
 Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn
 Kia thế giới năm châu quanh quất
 Người bao nhiêu thì đất bấy nhiêu
 Sông to núi lớn cũng nhiều
 Đòng đi lối lại trăm chiều ngàn ngang
 Người bốn giống đen vàng đỏ trắng
 Trời bốn phương Nam Bắc Đông Tây
 Mệnh mông mước nước mây mây
 Chẳng đi sao biết thông này, thảo kia".

Ngày xưa còn bé, học chỉ để mà học. Ngày nay

đi khắp năm châu, thấy đủ bốn sắc dân rỗi và trong khi học Phật vấn cảm thấy và biết rằng ngoài thế giới này còn nhiều thế giới khác nữa và ngoài loài người ra còn có các vị Tiên, Thánh, Phật, A Tu La, Địa Ngục, Nga Quỷ, súc sanh v.v... nên đứng đi và sự tu học chắc chắn không đứng lại trong năm châu bốn biển nữa mà còn toả rộng ra trong khắp tam thiên đại thiên thế giới khắp cõi hư không như Đức Bồ Đề Sư của chúng ta thường hay dạy.

Trên đường Bà Huyện Thanh Quan có một ngôi chùa mang tên là chùa Xá Lợi; có tháp chuông bảy tầng cao vút tận không trung. Có chánh điện thờ đức Phật, sơn son thếp vàng nguy nga lộng lẫy. Chùa Xá Lợi có thư viện, phòng đọc sách. Có một phòng để làm nơi tĩnh tâm cho các hương linh quá vãng và nam thanh nữ tú vẫn đi dạp nơi chùa trong những ngày có trường học. Lần đầu tiên mới đến thăm chùa Xá Lợi tôi cứ ngỡ rằng chốn thành đô sao cũng có lắm thanh niên thiếu nữ đa chuộng của Thiên. Nhưng không phải vì mến mùi Thiên mà vì chùa Xá Lợi có nhiều bóng mát, lại thêm có thư viện và gần trường nữ Trung Học Gia Long. Chùa Xá Lợi cũng là trung tâm tranh đấu năm 1963 của Phật Giáo chống lại sự bất bình đẳng giữa các Tôn Giáo dưới thời đệ I Cộng-Hòa. Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh đặc trách Văn Hóa là một trong những người có công nhất trong việc xây dựng ngôi chùa này cùng với một số quý vị Phật tử hữu công khác.

Phật Học Viện Giác Sanh gần trường đua Phú Thọ, Phật Học Viện Huệ Nghiêm nơi An Dưỡng Địa Phú Lâm, Tu Viện Quảng Hương Già Lam Gia Định là những nơi đào tạo Tăng tài của Giáo Hội từ cấp Sơ đẳng đến Trung đẳng và Cao đẳng trong ngành Phật Học. Chùa Dược Sư, chùa Từ Nghiêm, chùa Huệ Lâm là những Ni Viện to lớn nhất nhì tại Sài Gòn Chợ Lớn để đào tạo cho Ni chúng trên bước đường tu học Phật pháp.

Viện Đại Học Vạn Hạnh là hiện thân của phân khoa Phật học được thành lập từ năm 1964 tại chùa Xá Lợi và Pháp Hội. Đến năm 1975 Viện Đại Học Vạn Hạnh là một Đại Học Phật Giáo có tầm vóc quốc tế gồm nhiều phân khoa dưới sự giám đốc và điều hành của Thượng Tọa Viện Trưởng Thích Minh Châu. Sau năm 1975 Viện Đại Học Vạn Hạnh không còn hoạt động nữa, biến thể thành Viện Phật Học Vạn Hạnh và dời về đường Võ Di Nguy ở Phú Nhuận.

Trên đường đi Phú Lâm lục tỉnh quý vị nếu để ý nhìn về phía tay mặt sẽ thấy một ngôi tháp bảy tầng - nơi đây gọi là hòa đồng tôn giáo. Khu này có xây một số chùa tháp của Giáo Hội Khất Sĩ, Giáo Hội Cổ Sơn Môn, Lục Hòa Tăng, Cao Đài, Hòa Hảo và các thiên đường. Đúng là hòa đồng Tôn Giáo. Chỉ có nước Việt Nam chúng

ta là nơi có cả hai hệ phái lớn của Phật Giáo Đại Thừa và Nguyên Thủy. Các nước khác trên thế giới chưa có nơi nào có. Đạo Phật của các nước khác tại Á Châu tuy có biến thể; nhưng cũng chưa có nơi nào có nhiều tông phái khác lạ như ở Việt Nam. Điều đó hay, hay dở để cho lịch sử phân xét; còn theo hay không lại tùy thuộc vào trình độ của dân chúng và tùy theo từng thời đại.



ở Sài Gòn Chợ Lớn có rất nhiều chùa tháp chúng tôi chưa có cơ duyên đi thăm hết; nhưng trên đây là một số chùa tiêu biểu mà đa số đồng bào Phật tử đều biết đến. Ngoài các chùa của Phật Giáo Bắc Tông ra còn các chùa của Nam Tông như chùa Kỳ Viên ở đường Phan Đình Phùng và các Tịnh xá của Phật Giáo Khất Sĩ như Tịnh xá Minh Đăng Quang ở Gò Vấp Gia Định nữa. Hoặc các chùa cổ của Hội Phật Học Nam Việt; các chùa xưa thuộc Cổ Sơn Môn, của Lục Hòa Tăng và Lục Hòa Phật Tử. Nhưng nhắc đến Sài Gòn mà quên nhắc chùa Vĩnh Nghiêm ở đường Công Lý quả là một điều thiếu sót. Chùa Vĩnh Nghiêm do Thượng Tọa Thích Tâm Giác chủ trì việc xây cất và phát triển mọi sinh hoạt lúc Thượng Tọa còn tại thế. Chùa này xây cất phỏng theo các chùa cổ ở miền Bắc, có nhiều nét đặc thù của miền Nam và lại Nhật cũng không phải là ít. Có thể nói đây là một lối kiến trúc tổng hợp của Bắc Nam xứ Việt và Nhật Bản.

Xa Sài Gòn, trên đường đi Vũng Tàu quý vị gặp Tu Viện Quảng Đức, chùa Hoa Nghiêm ở Thủ Đức và xa hơn nữa sẽ gặp Đại Tông Lâm của Phật Giáo Việt Nam. Đây là cơ sở tu tập và đào tạo Tăng Ni tài đức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam do cố Hòa Thượng Thích Thiện Hòa đã xướng, Nghe đâu sau này tại Thủ Đức đang khởi công xây cất một trung tâm phiên dịch kinh điển của Giáo Hội do Thượng Tọa Thích Trí Tịnh đứng đầu; nhưng công việc chưa xong thì miền Nam đã lọt vào tay Cộng Sản, nên đành để dở dang như vậy cho đến ngày hôm nay.

Tại Vũng Tàu có Thích Ca Phật Đài rất nổi tiếng. Giáo Hội Phật Giáo Nam Tông đã khánh thành thắng tích này vào năm 1963 do Đại Đức Narada người Tích Lan đến chủ lễ cùng với vị

tham dự của chư tôn giáo phàm Phật Giáo Việt Nam, Trung Hoa và Cao Miên. Nơi đây có dựng 4 cảnh động tâm khi Đức Phật còn tại thế ngoài ra tại Vũng Tàu còn có nhiều chùa nhiều Cốc nhiều Am cũng khá nổi tiếng; nhưng vì chúng tôi chưa có cơ duyên đi thăm hết mọi cảnh mọi chùa; nên chỉ ghi lại một vài điều sơ lược như trên. Ngay cả Tu Viện Chơn Không và Thượng Chiêu của Thượng Tọa Thích Thanh Tứ là một vị Thiên Sư nổi tiếng của Việt Nam trong hiện tại - chúng tôi vẫn chưa có cơ duyên đặt chân đến. Quả là một điều đáng tiếc. Chúng tôi chỉ biết Thượng Tọa và 2 nơi trên qua sách vở và những người đệ tử của Thượng Tọa kể lại.

Miền Nam rộng rãi bao la nhưng chúng tôi mới chỉ đi qua khỏi Vĩnh Long rồi đến Cần Thơ còn những chôn xa xôi khác chưa có dịp đặt chân đến. Năm 1974 từ Nhật trở về thăm quê với những người bạn Nhật, chúng tôi đã ghé sang Cồn Phụng để thăm ông Đạo Dừa. Lúc đó Cầu Hai đang nhập thất; nhưng nghe chúng tôi từ Nhật đến thăm, Cầu Hai cũng tiếp khách và trao đổi ý kiến gần hai tiếng đồng hồ. Kiến trúc nơi đây chung dụng cả Âu lẫn Á, cả Phật lẫn không và Thiên Chúa Giáo nên không biết gọi là lối kiến trúc gì. Tuy nhiên nó có cái gì cao thượng và trầm mặc như cuộc đời tu sĩ của Cầu Hai.

Chúng tôi đi đến Cần Thơ tá túc nơi một ngôi chùa có thuộc Hội Phật Học Nam Việt. Chùa này chỉ có một Thầy một đệ tử, chẳng thấy một tịnh nhân nào giúp việc. Sáng hôm sau dậy đi công phu tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm xong, theo Thầy đi kinh hành nhiều Phật. Tôi nhớ không lầm đã đi cả 108 lần quanh trước Phật diện ra đến Tổ Đứng, cả thân thể đều rã rời sau một cuộc Thiền hành dài và lâu như thế; không biết Thầy Trụ Trì ở đây tu theo pháp môn gì; nhưng trông Thầy có vẻ đoan nghiêm đạo mạo, giới luật uy nghi lắm. Bên cạnh chùa có một ngôi chùa Miên của Phật Giáo Nam Tông rất đồ sộ. Lúc đó chúng tôi định vào; nhưng sợ không nói được tiếng Miên nên lại thôi.

Nếu ai đó đã có lần đi bằng Shinkansen từ Tokyo qua Kyoto. Trên đường đi quý vị đừng mất nhìn theo hai bên đường hoặc triển núi; nơi nào có nhô lên một nóc chùa là nơi đó có làng mạc được mọc lên chung quanh và quê hương Việt Nam chúng ta có lẽ cũng thế - nơi nào có chùa tháp là nơi đó có dân chúng sinh hoạt, làm ăn buôn bán hội hè. Đúng là "Mái chùa che chở hồn dân tộc - nếp sống bao đời của Tổ Tông" và nếu ai đó đã bỏ quê hương ra đi rồi sẽ không bao giờ quên những câu thơ của thi sĩ Hồ Dzếnh như sau :

"Quê tôi có gió bốn mùa
"Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm

"Chuông hôm gió sớm trăng rằm,
"Chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi
"Mai này tôi bỏ quê tôi
"Bỏ trắng bỏ gió chao ôi bỏ chùa !

Bây giờ chúng ta đã bỏ nước ra đi thật sự, bỏ chùa xưa Thầy cũ; bỏ cả tiếng chuông ngân và đêm trăng rằm của quê hương miền duyên hải. Thầy Tổ đã xa, quê hương ngút ngàn trong tâm tưởng, còn gì nữa đây khi vọng về cố quốc! Có Thầy đã ra đi, có người còn ở lại. Có kẻ đã vào tù ra tội chẳng biết bao phen; nhưng vẫn sống chết vì lý tưởng, hy sinh cho Đời và cho Đạo. "Nếu có chết là chết cho cái chết của chân lý; chứ không chết vì bạo lực này kém thua bạo lực khác".

Đốt nén hương lòng xin gửi về quê hương Việt Nam yêu dấu trong nghìn trùng xa cách. Xin nguyện cầu chư Phật, chư Thiên Thần Hộ Pháp từ bi gia hộ cho đất nước Việt Nam của chúng con sớm thoát khỏi cảnh đọa đày trong gông cùm của người Cộng Sản. Cầu nguyện cho người còn được an lạc, kẻ thác được siêu thăng.

(còn tiếp)

MONTRÉAL - Ngày đầu Đông năm Giáp Tý 84

tiếp theo trang 18

cho Thái tử là Huyền Khoáng, rồi bãi châu lui vào cung.

Đến khi Huyền Khoáng Thái tử mười lăm tuổi, ở hiệu đạo tròn vẹn, cha mẹ rất bằng lòng. Và lại Thái tử học một biết mười, thông minh thút nhút, văn võ kiêm toàn.

Ngày kia vua Thiên Phú lâm triều, bá quan châu chực Vua Thiên Phú phán rằng: "Trăm đã năm mươi tám tuổi, trị vì cũng lâu, nên mọi bề trể nãi. Nay Đông cung đã lớn, trăm muốn nhường ngôi, bá quan thượng nghị lẽ nào?". Bá quan tâu rằng: "Bệ hạ là chúa nhơn từ, Thái tử là con hiếu thuận, lại thêm tài đức kiêm toàn, võ văn cơ bị. Nếu Bệ hạ thiên vị, cho Đông cung, thì quốc thái dân an như trước". Vua Thiên Phú vui lòng, truyền đòi Huyền Khoáng Thái tử, Huyền Khoáng Thái tử đến châu tụng hô xong xá. Vua Thiên Phú truyền chỉ dụ rồi trao ngọc ấn cho Thái tử tức vị.

Chú thích :

- (1) Cờ viên, vườn cũ
- (2) Thôn thiếu, cực khổ lắm
- (3) Cầu tự, là cầu con kế tự
- (4) Quan Chỉ huy, là thống chế chức võ

(còn tiếp)

Năm bắt đương xứ Năm bắt chân không diệu hữu

Bạn thân quý,
Trong một cuộc phỏng vấn do báo Mademe Figaro tổ chức, bà hoàng hậu kịch giới là Madeleine Renaud đã bày tỏ quan niệm về cách sống của mình: "Đi vãng dấy à? Đó là tất cả điều gì người ta đã yêu và tất cả điều gì người ta không thể yêu được nữa. Tại sao tôi nhớ tới đi vãng làm gì? Tôi quá yêu hiện tại để khỏi bám vào đi vãng".

Madeleine Renaud cùng chồng là Jean Louis Barrault hơn nửa thế kỷ qua đã hiến dâng cuộc đời mình cho kịch nghệ. Họ là thiên tài, họ đã đọc thiên kinh vạn quyển, nghiên cứu các tôn giáo. Họ đã trên 80 tuổi rồi mà vẫn yêu đời, vẫn tha thiết với kịch nghệ. Thử họ trẻ trung, sự nghiệp về kịch nghệ về phim ảnh của họ thật huy hoàng. Tuổi già làm cho họ hoạt động ít hơn, vậy mà họ vẫn yêu cuộc sống, vẫn vui thú hiện tại. Jean Louis Barrault đã ký 1 hợp đồng với nhà xuất bản Laffont để xuất bản quyển sách nhan đề là "NĂM BẮT HIỆN TẠI (Saisir le présent)". Jean Louis Barrault cũng đã tuyên bố: "Hãy uống với hết nhợ khổ đau của cuộc đời để làm thành cái hồng ân của trời. Luôn luôn ở các gốc đường, hạnh phúc đang chờ ta đó".

Cặp uyên ương Renaud-Barrault không phải là Phật tử, nhưng họ thấm nhuần một vài tư tưởng Phật giáo. Cái "hiện tại", theo tinh thần Phật giáo, vẫn chưa có xác định rõ. Hiện tại (le présent) không rõ nghĩa bằng sự hiện tiền (maintenant). Hiện tiền để tôi đối diện với sự sống, để tôi thấy sáng hiện hữu của tôi. Một sát na trôi qua, sát na đó đã thành quá khứ. Một sát na mới tới tôi dù là ngắn ngủi, nó vẫn là hiện tiền, là "Đương". Một sát na sắp tới vẫn chưa phải là sát na thật vì nó vẫn chưa đến tới, nó còn nằm trong tương lai

trong dự phóng, trong hoài vọng, trong khao khát... Một sát na trôi qua thì sát na diệt càng lúc càng xa tôi và nó cứ theo đồng thời gian một chiều, cứ xa tôi mãi mãi, ngút ngàn đến thành vô lượng kiếp lùi sau lưng tôi.

Bạn có thấy kiếp con người quá thảm thương khi trôi buộc vào vòng thời gian hay không? Quá khứ không phải thật có, mà cũng chẳng phải thật không. Nếu nó có, tại sao nó thay đổi và trôi qua, theo chuỗi sinh diệt? Nếu nó không, tại sao tôi được ngắm những di tích lịch sử đã được xây từ thời quá khứ?

Tôi còn nhớ một câu của Oscar Wilde: "Không có gì thật đau khổ hơn là ta nhớ thời hạnh phúc đã qua trong khi ta đang chìm đắm trong khổ não". Ở đây, có thêm ba trường hợp mà tôi muốn bàn với bạn:

- Nếu hiện tại ta hạnh phúc, ta nghĩ tới quá khứ đau khổ đã qua, thì ta tránh sao khỏi se thắt tâm can trong lúc hồi ức? Ta sẽ thù oán những ai làm ta đau khổ, ta sẽ tiếc rẻ những cơ hội mà ta có thể ngoi lên để khỏi bị kẻ khác dày bừa, hiếp đáp ta.

- Nếu hiện tại ta hạnh phúc, ta nghĩ lại cái quá khứ hạnh phúc đã qua. Ta có thể so sánh cái hạnh phúc quá khứ đẹp hơn cái hạnh phúc hiện tại, hoặc thua, hoặc bằng đi nữa, ta sẽ sinh ra bận rộn, suy nghĩ. Như vậy cái hạnh phúc hiện tại đâu còn trong trẻo ventoàn nữa vì ta đâu có hưởng được nó từng giây, từng sát na nữa.

- Nếu ở hiện tại ta đau khổ, khi nghĩ tới quá khứ đau khổ cũ, ta lại đâm ra hết ham muốn sống nữa vì thấy đời mình chỉ là 1 biển khổ bao la, một chuỗi đau khổ triền miên, không còn một tia hy vọng nữa.

Như thế dù là quá khứ đẹp hay đau đầu thương thật sự nó không có ích gì cho bạn cả nếu bạn tham đắm vào nó. Bạn có thể "ôn cố nhĩ tri tân", tức là bạn nhìn ngắm từ quá khứ để rút tía kinh nghiệm cho việc đang làm hay cho việc sẽ làm. Cái nhìn về quá khứ của bạn trợ trường hợp này khách quan, bình tĩnh và sáng suốt hơn là trường hợp bạn chìm đắm sống trong quá khứ với tất cả đam mê, với tất cả tâm hồn. Ôn cố nhĩ tri tân còn vẫn là công việc dành cho thiên gia, hoặc cho kẻ tu tập trên bước đường sơ cơ. Phải nhìn ngắm kinh nghiệm đã qua để làm cho công việc hiện tại khá hơn. Như thế công việc hướng về quá khứ đã có một mục đích ích lợi là chú trọng ở hiện tại, trong khi đó chìm đắm sống trong quá khứ để mà quên hiện tại tức là ta không biết sống, ta phá huỷ hiện tại trong khi đó chính hiện tại đang chờ ta hoàn tất bốn phần và công việc dành riêng cho ta.

Còn vấn đề hưởng về tương lai thì bạn nghĩ sao đây? Người Tây Phương thường nghĩ đến

tương lai, không bao giờ họ chịu đứng ở hiện tại. Do đó mà khoa học thực tiến, văn minh cơ khí ở nước họ càng lúc càng phát triển. Nhưng có khi nào bạn tự hỏi trong các xứ văn minh tây phương có ngành kỹ nghệ phát triển như các nước Mỹ, Đức, Anh, Pháp, con người có thật sự hạnh phúc không đã? Vì bạn ơi, ở các nước văn minh tân tiến về khoa học, kỹ thuật, kỹ nghệ thì bệnh viện thần kinh càng ngày càng thêm quan trọng, số lượng thuốc ngủ bào chế càng ngày càng nhiều hơn. Kỹ thuật, khoa học đã đem cho nhân loại nhiều tiện nghi vật chất, nhưng để đạt được cái tiện nghi đó, con người bị chi phối về phương diện tâm linh, bị làm nô lệ cho thời gian, bị trói buộc vào guồng máy sinh kế, tiêu thụ, con người đi dần đến chỗ phá sản tinh thần, mất hết phương hướng và lạc loài xa lạ cả với chính mình.

Lại nữa, con người nếu chối bỏ hiện tại, chỉ biết cố dự phóng, cố tưởng lai, cố hoài bảo thì làm sao hướng nguyên vẹn và tràn đầy những gì đương sự đang nắm bắt trong tay? Sống nhiều về tương lai mà quên mất hiện tại con người trở thành một kẻ mãi miết săn tìm ảo vọng, ảo tưởng, ảo ảnh...



Như thế, thời gian mà chúng ta nắm bắt trong tay, mà chúng ta sống, nói theo nghĩa tương đối, là cái có thực, thời gian trôi qua, là thời gian đã chết, không bao giờ trở lại với ta nữa. Còn thời gian sắp tới chỉ ở trong sự chờ đợi, trong dự phóng, ta chưa đối diện với nó, chưa sống với nó, như thế nó chưa có thật. Đã chết và chưa có thật hai điều đó chắc gọi trong đầu óc bạn sự huyền hoặc, phải không bạn? Nhưng bạn ơi, xét cho cùng tận, thời gian ở ba thì (hiện tại, quá khứ và vị lai) đều không phải không, mà chẳng phải có vì nó luân lưu sinh diệt không ngừng. Về lý, về tư tưởng, về bản thể nó là không. Từ ở thì vị lai, nó chưa thật, rồi đến thì hiện tại nó có vẻ như thật (đối với phạm phu như chúng ta hoặc đối với các kẻ sơ cơ trên đường tu tập), nhưng hiện tại - "Đương" - rất ngắn ngủi, lại phải trôi qua, phải trở thành hoại diệt. Giây phút hiện tại tuy ngắn ngủi như thế nhưng cứ đến với ta triền miên từng lớp không dứt làm thành một chuỗi dài dằng dặc cho đến khi ta nhắm

mắt lìa đời mà vẫn chưa thoát ra. Thời gian sơ dĩ nó có là ở tại cái Tâm ta mà ra. Chơn tâm của ta vướng mắc lấy cái Vọng và than ôi, cái Vọng đó sinh diệt không ngừng nghỉ nên ta cứ tưởng rằng có thời gian. Ta mới chia chẻ dòng sinh diệt đó ra làm 3 thì. Quá khứ tức là cái mà vọng niệm này diệt đi nhường cho một vọng niệm mới, cái vọng niệm mới đang ở với ta làm ta khởi lên cái ý niệm về hiện tại. Từ hiện tại, vọng niệm đương thời đã gọi cho ta hưởng về một vọng niệm mới nữa. Vọng niệm mới đó bao hàm cái thì vị lai. Vọng thức đưa ta đắm chìm vào, thời gian kể từ đó đến vô lượng kiếp sau nếu ta không giác ngộ.

Trên đây tôi lạm bàn với bạn tới cái "Đương" tức là nói về thời gian hiện tại. Giờ thì tôi qua vấn đề khác - qua cái "Xứ" - tức là nói về không gian vậy. Khi nào bạn ở tại một chỗ nào, bạn có ý niệm ngay: nơi này. Đối đãi (tức là nói trong vòng ý niệm) của nơi này là nơi khác. Nơi khác thì hơi mờ hồ gồm có số nhiều; và đối đãi trực tiếp với nơi này là nơi kia, nơi mà ta có thể nhìn qua, nơi đâu có xa nhưng còn lọt vào trong nhãn quan chúng ta. Nơi này, nơi kia, nơi khác - ici, là bas, ailleurs... ba nơi không gian. Nếu ta đứng ở đồng bằng trước một ngọn núi, sau lưng ta là con sông và ta cứ đi tới thì nơi này là chỗ ta đứng đi trên đồng bằng, nơi kia là ngọn núi mà ta tiến tới dần, còn nơi khác là con sông sau lưng ta mà càng lúc ta càng rời bỏ xa dần, hoặc là không gian chung quanh ta mà ta không thấy. Trong trường hợp thí dụ trên, nơi này tương ứng với thời hiện tại; nơi kia tương ứng với thời vị lai, còn nơi khác tương ứng với thời quá khứ. Cũng như tôi, bạn vẫn là kẻ phạm phu, bạn thấy cánh đồng dưới chân ta ngọn núi trước mặt ta và con sông sau lưng ta là có thật. Như thế, vì nghiệp thức chiêu cảm mà ta thấy con sông, cánh đồng, ngọn núi mà ta cho rằng thật; bởi cái tâm chúng ta đã lìa chân thành vọng, chúng ta thấy nó có, nó hiện diện trong vòng năm giác quan của ta, chứ ta không hề tự tánh nó là không. Vì tôi với bạn cùng ở trong trạng thái Vọng, cùng có một nghiệp thức chiêu cảm như nhau, nên tôi có thể bảo với bạn rằng cái "Xứ" tức là nơi này. Nếu ta ngồi, nằm tại một nơi nào ở trên cánh đồng thì cái Xứ đó hiện diện ở trong cái Đương lâu hơn, nếu ta đi chuyển cái Xứ thay đổi theo thời gian, theo từng bước chân ta.

Đương Xứ - ici maintenant - tức là từ phút giây này tại chỗ này, tức là hiện tại ở đây. Thiên giả một khi ngồi thiền, phải nắm bắt cho được cái Đương Xứ để trừ bớt dần dần ảo vọng niệm. Vì sao? Nếu ta trừ ở cái Đương ta bỏ rơi những quan niệm về dĩ vãng, về vị lai. Nếu ta trừ vào cái Xứ ta không còn nghĩ tới nơi kia, nơi khác, ta không đắm chìm những nơi

chốn mà ta đã ở qua để khỏi hoang mang, hồi tiếc và ta cũng không háo hức những nơi ta sắp tới, những chuyện ta sắp làm. Những vọng tưởng lần lần lắng xuống. Và càng lúc càng soi vào tự tánh của cái Đường... ta thấy rằng Vọng niệm sinh diệt liên tục và miên viễn nên cho chúng ta chiều cảm về cái thời gian, rồi ta chia cắt thời gian ra làm 3 giai đoạn, từ mỗi giai đoạn ta chia cắt ra năm tháng ngày rồi tới giờ, tới phút, tới giây. Thật sự, tự tánh của thời gian là không thì có gì đâu mà đo, mà chia cắt ra năm tháng ngày giờ? Cũng thế, về cái không gian, cái quả địa cầu mà ta đang sống thì tự tánh của nó là không, nó số dĩ có là do sự giả hợp, ngay cái thân của ta đứng trong không gian và thời gian cũng là sự giả hợp nữa. Tất cả đều như huyền. Nhưng đã nói tự tánh là không thì có lý do gì ta phân ranh giới ra làm nơi này, nơi kia, nơi khác?... Sự chia chẻ, sự phân định đều bắt nguồn từ cái tri thức của con người mê vọng, và càng chia chẻ, phân tích, ta càng xa rời cái sự thật tuyệt đối, cái Bồ Đề cái Chân Tâm.

Khi bạn trụ ở Đường Xứ, tâm của bạn không buông lung, không lạc nẻo, không phồng dật vào những cái chia cắt khác cái chỗ bạn đang ở, cái hiện tiền bạn đang sống. Đường biên thời gian chỉ còn là Một. Xứ cũng xóa nhòa ranh giới nơi kia, nơi khác với cái nơi này. Do đó, cái Vọng của bạn lần lần lắng xuống, quan niệm chia cắt, đối đãi không còn đến bạn nữa... Thế là bạn tiến dần vào cái Chân Không, mà đã là Chân Không thì tức là Diệu Hữu vậy.

Những hạng phàm phu, như hàng Nhị Thừa thường quan niệm rằng Đường Xứ đưa về Chân Không Diệu Hữu, nhưng thật ra với tinh thần bất nhị nếu Niết Bàn Bồ Đề nằm ở nơi vọng động phiến não thì Chân Không Diệu Hữu (một cách nói chỉ về Niết Bàn) tại sao không nằm ở Đường Xứ chứ? Vậy Đường Xứ là Chân Không Diệu Hữu ở đây. Phiến não cũng là Chân Không Diệu Hữu, nhưng đó là ở trạng thái mê nên còn có cái tướng đối đãi, và chưa quay về tự tánh. Đường Xứ nằm ở trong Chân Không Diệu Hữu nhưng đã khởi sự phá mê trừ vọng đầy bạn ạ. Còn ở trong Đường Xứ chưa hoàn toàn về cái Chân đầu, vì tâm ta còn dính mắc ở hai điểm hiện tiền và nơi này. Đường Xứ trong cái tri kiến của hạng phàm phu và Nhị Thừa là cái cửa ngõ hoặc con đường đi về Chân Không Diệu Hữu. Nhưng đối với chúng sanh có lợi căn, tu theo Phật Thừa hay Tối Thượng Thừa thì Đường Xứ tức là Chân Không Diệu Hữu, họ không có óc phân biệt chia cắt sự vật, họ đã thấy rộng suốt được tự tánh của sự vật thì giữa Đường Xứ và Chân Không Diệu Hữu không có biên giới, hai dạng đều không có tên gọi, vắng bất ý niệm, tịch tịch như như. Đối với một bậc Bồ Tát, thì các ngài đâu còn bị trói buộc vào không gian hay thời gian

nữa. Các ngài đã vượt những gì mà phàm phu hay chúng sanh đã quan niệm, đã hiểu biết rồi. Vô lượng kiếp về trước hoặc về sau đối với các ngài như đã diễn trước mắt. Quá khứ hiện tại và vị lai không còn là đối tượng để ý niệm vì đối với các ngài chúng cùng với các ngài là Một. Cũng thế, không gian là cái pháp giới chỉ có đối với hạng chúng sanh phàm phu. Bồ Tát đã ôm trọn pháp giới, pháp giới với các ngài là Một thì đâu còn có không gian, có quốc độ, có nơi này, nơi kia, nơi khác...?



Nhân bản về chuyện Đường Xứ, tôi nghĩ cũng cần nhắc lại hai phẩm "Tùng Địa Dũng Xuất" và phẩm "Như Lai Thọ Lượng" trong kinh Pháp Hoa cho bạn chiêm nghiệm về thời gian. Lúc Phật thuyết kinh Pháp Hoa thì có các Bồ Tát ở các quốc độ khác xin tình nguyện ở các đời sau sẽ trì Kinh hộ Pháp. Phật bảo chẳng cần tới các ông vì ở cõi Ta Bà này sẽ có các Bồ Tát hộ trì Kinh Pháp Hoa. Phật nói xong, ở đất nứt ra, vô lượng bất khả tư nghĩ Bồ Tát hiện lên. Ngài Di Lạc Bồ Tát hỏi Phật những Bồ Tát đó từ đâu mà đến? Phật bảo đó là các đệ tử của Ngài, chính do Ngài từ lúc chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác giáo hóa họ. Ngài Di Lạc cùng hàng tứ chúng lấy làm lạ rằng từ khi chúng quả Bồ Đề cho tới khi thuyết Kinh Pháp Hoa chỉ có 40 năm, Phật chỉ ngồi ở đạo tràng thành Già Da mà sao có thể giáo hóa hàng a tăng kỳ bồ tát như thế? (Phẩm "Tùng Địa Dũng Xuất"). Phật bảo rằng đây là điều khó tin, nhưng Phật đã chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã lâu xa rồi. Ví như năm trăm nghìn muôn ức na do tha a tăng kỳ cõi Tam Thiên Đại Thiên giả sử có người nghiên ra làm vitrần rồi qua phương Đông, cách năm trăm nghìn muôn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước, bỏ rơi một hạt bụi trần, và cứ đi qua phương Đông cho đến khi hết vi trần đó. Các thế giới độ hoặc dính vi trần hoặc chẳng dính nếu đều nghiên cả ra thành vi trần, cứ 1 vitrần kể như là một kiếp thì, theo lời Phật, Phật đã chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác lâu hơn trăm nghìn muôn ức na do tha a tăng kỳ kiếp. (Phẩm "Như Lai Thọ Lượng")
Bạn ơi, bạn nghĩ thế nào về ý thức của hai

phẩm trong Kinh Pháp Hoa kia? Chúng ta đọc Phật sử trong cõi Ta Bà, ta chỉ thấy từ lúc chúng quạ cho tới lúc giảng kinh chỉ có 40 năm, tại sao Phật bảo rằng mình đã chúng quạ từ bao nhiêu kiếp số mà Phật đã ví dụ như trên? Có phải chăng đối với bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì thời gian đâu còn là một thực thể nữa. Thời gian đối với Bồ Tát đâu còn là một đối tượng mà chúng sinh có thể quanniệm nổi hưởng chi đối với Phật? Việc Phật Đản sinh ở cõi Ta Bà chúng ta là một việc, tựu trung không phải để chúng ta hiểu thấu tốt được. Chính trong Kinh Đại Bát Niết Bàn cũng đã nói qua về sự đản sinh của Phật. Đó là sự thị hiện, và sự chúng quạ của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni chỉ có Phật với Phật biết mà thôi. Mà đã là Phật thì làm gì có cái vụ thời gian dính vào nữa? Ngay một vị Bồ Tát cũng đã siêu xuất khỏi thời gian và không gian rồi. Thời gian và không gian hiện hữu chỉ đối với bọn phàm phu chúng ta mà thôi, ban a.

Vậy thì Đường Xứ qua tinh thần bất nhị là Chân Không Diệu Hữu đối với những ai (Bồ Tát đã đồng hóa pháp giới với Tâm. Ta còn lậpham phu, ta còn bị trói buộc vào không gian và thời gian bởi nghiệp lực chiêu cảm, ta còn thấy Đường Xứ là chìa khóa mở vào cái Chân Không Diệu Hữu... Vậy ngay bước đầu tu tập bạn cùng tôi nắm bắt bắt Đường Xứ để Thiên quán đi. Rồi đây những vọng động u minh sẽ tan dần từ lúc thô rồi tới tạm tế để hiển lộ cái Chân Không Diệu Hữu, cái quả vị mà hành giả hưởng về.

Trong quyển "Cốt Tuỳ Đạo Phật" của Thiền Sư Suzuki, qua bản dịch của Trúc Thiên có nói đến đoạn khá lý thú về Đường Xứ. Số là Nhật Hoàng Hậu Đế Hồ trị vì năm 1318 cho tới năm 1338, là một quốc vương rất mộ đạo Thiên. Ngày kia gặp vua, Quốc Sư Đại Đẳng bảo :
- Ta xa nhau từ vô lượng kiếp mà chẳng hề rời nhau trong chốc lát. Ta đối mặt nhau suốt ngày mà vẫn chưa hề gặp nhau.

Câu nói đó nhằm mục đích gì? Có phải muốn bôi xóa trong đầu óc chúng ta những khái niệm về thời gian mà từ bao lâu nay trí thức ta chấp nó trong khi nó như huyền? Cái Chơn Tâm của ta tự tánh vốn sáng và tròn, vậy mà khi vọng nổi lên ta bắt đầu có cái thức. Vọng này chết đi, vọng kia thay thế, lớp lớp trùng trùng. Sự hoại diệt và sự tiếp nối bất chúng ta nghĩ tới cái vọng đã chết và cho rằng nó thuộc về quá khứ. Cái vọng thay thế cái vọng đã chết đang ở với chúng ta, khiến ta ý niệm về hiện tại. Tự hiện tại ta lại nghĩ tới cái vọng khác mới hơn sẽ thay cái vọng đang hiện diện vào quá khứ. Ý niệm về tương lai lại khởi đầu. Quá khứ, hiện tại, tương lai kết thành 1 chuỗi vọng thức bắt ta ý niệm về thời gian, đặt cho nó tên là Thời Gian. Vậy thì, cái

Đường sẽ giúp cho cái Tâm ta trụ lại ở một thời điểm có vẻ sống động, sống thực nhất để chúng ta lắng sâu vào cái tánh không của thời gian. Cũng thế, cái Xứ sẽ giúp cho tâm ta trụ ở một địa điểm mà ta đang sống để ta lắng sâu vào cái tánh không của không gian vậy.

THO



Mưa Quê Hương

Mưa xưa, người sống quê nhà
Bếp chiều thêm ấm, chén trà thêm hương
Mưa xưa thấm mát rây vườn
Nước trong lành lắng rạch, mương, ao đầm.

Mưa xưa đãi khách về thăm
Bữa cơm gạo mới, canh hầm măng non
Cá rô kho nước mắm Hòn
Nổi lòng chủ khách Sài Gòn, Vĩnh Long
Mưa ngoài ẩm da người trong
Lắng nghe giọt nhỏ rờn rờn mái hiên
Mưa chan ruộng tốt, đất hiền
Yêu thêm cuộc sống diễn viên ngọt bùi
Quanh bàn rộn tiếng nói cười
Yêu thêm phong vị tuyết với thôn quê
Mùa mưa đi, mùa mưa về
Cảnh nghèo vẫn được thỏa thuê sum vầy...

Tang thường lớp lớp tới đây
Vời đêm pháo kích, vời ngày súng vang
Vời quân giặc đỏ về làng
Vời nhà trống, vời vườn hoang lạnh lùng...

Mưa nay cỏ đỏ trùng trùng
Người đi cải tạo trên vùng xa xôi
Vở nhà cơm độn sẵn khoai
Sầu ngày lao tác đất đai nông trường
Con thơ rời khỏi học đường
Tìm trong đồng rác đồ dùng thừa dư...

Ngày qua tháng lại, bao giờ ?
Mưa về đất nước vàng cỏ vinh quang ?

• HỒ TRƯỜNG AN

TRẦN THỊ CẨM THỊ

Trao về T.



MỘT ĐỜI TƯỢNG NIỆM

Dưới mái nhà nằm giữa vườn rẫy trên một ngọn đồi miền Đông Nam nước Pháp, có một người thiếu phụ sống bên cạnh người chồng đi chung với hai cô gái mũm mĩm xinh tươi, vào 1 buổi sáng mùa đông nhìn xuống thây thây, sông Rhône và sông Garonne về hai nét trắng lấp lánh giữa sông mù. Nàng nhớ đến sông Bè và sông Sài Gòn chảy qua miền Đất Đỏ ở Việt Nam. Nàng lại nghĩ đến vùng Bà Rịa, Đồng Xoài, nơi đó nàng đã yêu lần đầu trong đời và đã khóc cho mỗi tình đầu.

Anh T. yêu đầu, nàng là chị cả của 5 đứa em : ba gái, hai trai. Một đứa em trai của nàng đã hy sinh cho Tổ quốc trong cuộc chống Cộng cứu nước, giống như anh vậy.

Buổi sáng hôm nay, mùa đông còn bao trùm cảnh vật. Gốc hoa hồng trong vườn trở trụi lá. Sương giá phủ nhòa những gốc hoa tulipe. Sở rẫy trông rau trồng trón. Gió phớt nẩy chông nàng bận việc bán buôn. Các con nàng đi học. Nàng ngồi khâu vá, sự nhớ rặng ngày hôm nay là ngày kỷ niệm anh nằm xuống. Nàng vào bán Phất thắp một nén hương cho anh. Hơn hai mươi năm rồi đó anh. Nhưng nàng có cảm tưởng như hôm nào, nàng chứng kiến phút lâm chung của anh. Nàng như thấy lại ngày nàng rời Bà Rịa, đến viếng mộ anh lần chót để thuyên chuyện về một bệnh viện ở quân lỵ khác. Ấn tượng quá sâu đậm nên, nàng nhớ rõ từng chi tiết của 2 ngày biến cố trong đại cuộc đời nàng.

Nhang tỏa một mùi thơm ngát. Nàng nhắm mắt lại để tưởng tượng khuôn mặt rần rờ của anh rõ hơn. Sau rèm lờ, nàng đã thấy luôn cả hình ảnh của nàng xưa, một cô thiếu nữ có cặp mắt thật buồn và nụ cười thật man mác, những thây đăm mê. Em đó, Tới !

Hôm nay em không cầm nổi cây kim để luông khăn dù ngày mai em phải giao hàng. Em muốn dành một ngày cho anh đây. Em phải làm cái gì khác hơn là cầm cũi đùa đây mũi kim như đứa

đầy ngày tháng sống thui thui bên chồng với ăn tình riêng biệt.

Em đến bàn viết, bật đèn lên. Bên ngoài sương giá mịt mù. Anh đèn trong nhà mỗi âm áp làm sao. Chỉ có lúc này em mới gần gũi với anh thôi và em cũng gần gũi được với hình ảnh của đứa em trai yêu đầu.

Hai mươi năm! Biến cố đã trở thành kỷ niệm. Đất nước đang quặn quại dưới ách bao quyễn. Em đã rời xa Việt Nam...

Một bóng đèn, vài trang giấy, một cây bút. Thế cũng đủ làm sống lại quá khứ có một quãng đời và những khuôn mặt thân yêu.

Ôi bài ai điều tiếc thương suốt cả một đời, riêng gửi cho người tình đầu và người em vẫn sống thương yêu, cùng các người ở lại tuổì đời mới đã nằm xuống cho quê hương yêu đầu. Các cuộc tình buồn đã chia lỵ vì chiến cuộc và các gia đình đã hy sinh những giọt máu thân yêu của mình cho đất nước Việt Nam.

"Anh nằm xuống chiến tranh còn sôi động
"Vội vã gì khi tuổi hãy còn xanh
"Anh có nghe đạn bom còn vang dội
"Và thấy gì ở thế giới quanh anh ?
(THƠ THAO HẢI)

Hôm nào, em lại đến thăm anh. Buổi chiều xuống thây chậm trong nghĩa trang buồn vắng lặng. Anh nắng ử dốt, mỏng manh như trong cõi chiêm bao.

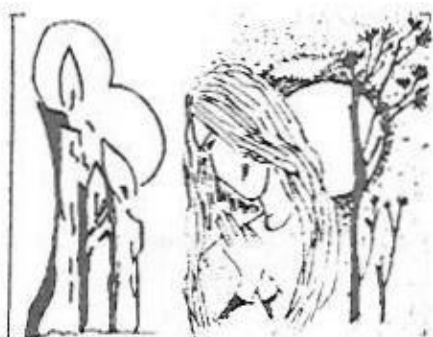
Muốn khóc thật nhiều anh ơi! Chợt buồn phiền cảm thấy mình như ngọn cỏ, nhỏ bé dưới, chận em, không diễm tựa với quán, quít bất cứ bước chân nào như cần một sự chở che. Như em đang cần một vòng tay thương yêu của anh. Những cum mây trắng mong và nhẹ, biếng lười, trôi lững lờ. Em reo gọi tên ai, em nghe tiếng chim lạc đàn xa xa đáp lại. Buồn làm sao những chiều chỉ có mình em đối diện với sự yên lặng ở nghĩa trang.

Đời vắng anh rồi. Anh nằm đó. Em đứng bên anh. Mình thật gần nhau mà cũng thật xa. Sao anh vẫn lặng im không nói với em lời nào há anh, dù là những lời vô nghĩa. Anh đang ngủ mà, anh ngủ một giấc thật dài không mộng mị, ở một thế giới thanh bình nhất mà những buồn phiền không bao giờ đến. Có phải không anh?

Ban của anh bây giờ đã hiển dâng như thế cho những cây cỏ và hoa dại. Nhạc chiều hồn là lũ giun để rên rỉ sâu muộn dưới lòng đất sâu. Nỗi an nghỉ của anh không mở bia, chỉ có cây Thập tự bằng gỗ cắm trở trời.

Những cum hoa tím em mới trồng hôm nào, giờ

đây đã nổ đầy quanh mộ của anh, những cánh hoa nhỏ nhỏ dễ thương, mỏng manh như cuộc đời ngắn ngủi của anh. Màu tím dễ gọi nên tâm sự u ất. Em sẽ yêu hoài hoài loài hoa nhỏ bên này để còn mãi mãi nhớ đến anh. Anh vẫn còn mãi trong ngăn tim bé nhỏ của em như ngày nào... Dù cho bốn mùa đổi thay, hay tháng năm dài qua đi em vẫn không làm sao quên được anh. Hãy phủ hộ cho em anh nhé.



Anh nằm nơi đó muôn đời ngủ yên với giun dế với cỏ cây, thật bình thân. Chỉ còn mình em quay quắt trong nỗi buồn không người. Cả một đời em, bát ngát một màu tím không phai.

Hồn anh bây giờ về đâu? Mũi sắt có còn đội đầu, anh đang về trong chiến thắng hay anh lăn vào vũng hào, quang tử sáng? Anh bay lên tận cảnh giới nào? Xin Đức Thế Tôn tiếp dẫn chân anh, còn vương đôi giày dính trấu nặng, đừng để anh lạc vào đêm sâu. Anh nóng gió, đến một vì tình tú nào? Da anh có còn sam nắng? Áo trận có còn nhiều nếp nhăn bị sóng gió làm phai bạc màu? Mắt anh còn đăm đăm sâu? Môi anh có còn cười nỉa miệng? Chân anh có còn là lốt, tha thướt điệu Tango? Tiếng anh hát có còn ngân vang, hay chùn xuống như nốt nhạc sâu, như nỗi buồn chia cách, giữa hai chúng ta?

Định mệnh nào đã khe khắc, đã đưa đẩy anh vào cõi chết? Cái chết, chia cắt chúng mình vào 2 thế giới khác nhau mà cõi em sống như đêm đen thăm thẳm, như ngày dài chờ tin.

Nhưng em vẫn hy vọng, một hy vọng mỏng manh như mây khói, rồi sẽ có một ngày chúng mình sẽ gặp nhau ở một nơi, một chốn nào đó, sẽ không có muộn phiền như ở nơi chôn này, phải không anh yêu dấu?

Một lần cuối rồi thôi anh nhé. Xin cho em được nhắc nhớ đến anh vì có nhắc nhớ nào có giá trị bằng chính lòng mình, là em đang nghĩ đang nhớ đến anh.

Đã từ lâu rồi em không muốn viết về anh. Nhưng hôm đó cũng là ngày kỷ niệm, ngày anh nằm

xuống chõu quê hương thân yêu của chúng mình anh đã bỏ lại người yêu bé nhỏ, bỏ cả gia đình cùng bạn bè đồng đội, anh xuôi tay khép mắt, trả nợ nước nợ đời.

Em nghe tim em nhũc buốt, như tim mình vỡ đôi. Anh đã nằm im trong mộ kín. Anh đã nằm đó 1 mình trong lòng đất lạnh. Chiều hôm đó xuống thật chậm. Chấn nệm nào, ngọn lửa nấp sưởi ấm cho anh yêu khi đêm về? Em quý xuống xuống tay ôm mộ đất trong giây phút đó, như ôm tron hình hài của anh, em vẫn mong hơi ấm của em sẽ chuyển vào đất cho xác thân anh đỡ lạnh.

Giờ phút đó em không biết làm gì hơn. Những tháng năm dài còn lại em chỉ biết cầu nguyện cho cô nhân, cho anh hôn những người trẻ tuổi đã hy sinh cho đất nước mình được tiêu diêu và mau siêu thoát ở miền lạc cảnh.

Buổi chiều hôm đó vẫn êm đềm trôi. Em vội vã quay về. Em đã đi trong nghĩa trang buồn bã qua những ngôi mộ nhiều người trẻ tuổi như anh đã hy sinh xuống máu để đổi lấy thanh bình cho gia đình, cho người yêu bé nhỏ và cho những người trong thành phố. Em tin rằng Tổ quốc sẽ ghi ơn các anh mỗi người trong thành phố sẽ nhắc nhớ đến anh, em và gia đình sẽ mãi mãi nhớ đến anh. Những lịch sử đã đi thay, Cuối xuân 1975, chúng ta trở thành kẻ chiến bại.



Em vẫn mong rằng những ý nghĩ thâm kín của em sẽ lang thang đến nơi nào mặt mũi anh đang ở. Dưới nhãn quan của người Phương Bắc anh là ma Ngụy. Với em, anh là người hùng bất tử để em yêu.

Còn gió chiều thoáng nhẹ như hôn trên má, trên tóc em, em nhắm mắt chấp chôn mở ước, cơn gió nhẹ sẽ mang nỗi buồn phiền của em đến nơi xa xôi nào và là hơi thở của anh đến em trong giây phút tưởng niệm.

TRẦN THỊ CẨM THỊ

Ngọc Trai giếng nước

Phong Hưng
Luu Non Nghĩa

(tiếp theo)

3/ TRỌNG THỦY :

Hàn Sử và Việt Sử không ghi nhiều về nhân vật này, vì chưa lên ngôi vua đã chết. Trọng Thủy con trưởng của Triệu Đà, đã có vợ con, con Trọng Thủy tên Hồ San nối ngôi Triệu Đà tức Triệu Văn Vương. Thuyết truyền và Sử liệu chỉ nhắc đến Trọng Thủy từ lúc sang làm rể An Dương Vương. Ngoài việc ở rể Âu Lạc, Trọng Thủy mang trọng trách bĩ mật cha giao phó. Cuộc hôn nhân giả tạo sử dụng như tâm bình phong che giấu ý đồ xâm lược, một âm mưu chính trị Triệu Đà hoạch định, chứ không đặt trên căn bản tình nghĩa. Những cuộc hôn nhân tương tự xảy ra trước ở miền Hoa Bắc giữa các vua chúa. An Dương Vương miền cực Nam không hiểu vì ít tiếp xúc văn hóa phương Bắc. Kế hoạch Triệu Đà nằm trong đầu Trọng Thủy, chẳng lẽ Nam Hải đến Âu Lạc đông vai chống tuyết với. Đông vợ kích yêu đứng ngoài đời (chứ không phải trên sân khấu với My Châu mấy năm tại Cổ Loa thành không bị lộ, Trọng Thủy là một kịch sĩ đời ít ai bì kịp. Nếu An Dương Vương không phải là đối thủ ngang ngửa với Triệu Đà, thì My Châu là con trăn non đối với sói rừng Trọng Thủy.

Trước khi rời khỏi Âu Lạc, Trọng Thủy khéo léo tiết lộ phần nào cuộc chiến tranh không thể tránh giữa hai nước, khôn khéo đến nỗi My Châu vô tình không đoán ra. Một tình báo chính trị quân sự lão luyện, suốt thời gian làm rể An Dương Vương, Trọng Thủy vừa đóng kịch yêu đứng với vợ, vừa dồn đốc hoạt động ngầm dò xét cơ cấu tổ chức binh bị, địa thế Cổ Loa thành, qua mặt binh tướng Âu Lạc. Tiền liệu Âu Lạc sẽ thất trận, sợ An Dương Vương chạy thoát, Trọng Thủy dùng thủ đoạn dụ My Châu nhớ chiếc áo lông ngỗng. Vì khi bốn đảo, An Dương Vương bắt mang con gái theo, tìm thấy My Châu là tìm được vua Thục. Diễm tề nhi cuối cùng Trọng Thủy thành công, ngoài mặt nói tìm vợ, thâm tâm tìm cách diệt An Dương Vương đến cùng trù hoạch oan sơ nhà vua cổ thế khởi binh khôi phục nghiệp cũ, theo chiến thuật nhờ có, nhờ cho tận gốc. Liều thuốc độc chính trị, bên ngoài bao bằng lớp mặt tào khang chi nghĩa, gián tiếp khai thác vợ mục tiêu diệt cha vợ. Chẳng nghĩa tế thâm hiểm chưa! Kế hoạch chiếm Âu Lạc thành công trọn vẹn, đồn An Dương Vương đến mac lộ không tha. Sau khi chiếm được Âu Lạc, Trọng Thủy theo dấu tìm thấy vợ nằm chết trên bờ biển, mang xác vợ về cấp táng, rồi nhảy xuống giếng trong loa thành tự trầm. Sự tự trầm gói ghém biết bao ân tình khúc chiết. Bỏ vợ con ở Nam Hải sang làm rể đất địch, mấy năm ân ái với người nữ nhi đồn hòa không chút cơ tâm như My Châu, Trọng Thủy đặt trung hiếu nặng hơn tình cảm, chuyện thế nhi ở Nam Hải còn xem nhẹ, dù đó là tình nghĩa phu thê thật sự. Đối với vợ sau là My Châu, Trọng Thủy là người chồng chính trị, e không quan tâm nhiều đến tình nghĩa. Đều là những mưu đồ chính trị, chiếm nước đoạt thành. Về sau, cái chết oan ức của My Châu là một thiên bi tình trắc ẩn.

Có hai sự trùng hợp kỳ thú định mệnh trong câu chuyện; do sự sắp xếp tiền định mà hai nhân danh này bắt nguồn cho những tình tiết thích hợp tuyệt diệu trong câu chuyện tình thâm sâu soi sáng muôn đời, kết thúc vừa bi đát vừa thanh khiết.

Thử nhất là tên Trọng Thủy (trọng=xem nặng, thủy=thử đầu). Xem nặng thử ban đầu, đầu phải là người hữu thủy vô chung, có đầu không cổ cuối. Ôm xác vợ ngày thờ thủy chung chết oan ức do chính tay mình gây ra, người tâm can như sắt đá cũng thấy xót lòng. Chôn cất vợ xong, ngôi báu đầy đất Nam Việt bao la về tay mình, sao Trọng Thủy nhảy xuống giếng tự trầm?

Trở về Cổ Loa, mang tang vợ. Rượu thịt ẽ chề, tiếc khao quân chiến thắng. Riêng Trọng Thủy sống gắn liền với chính tên mình, mấy năm làm rể, mãi lo dò thám quân cơ, đề phòng sợ lộ, An

Dương Vương chắc đâu yêu thương sẽ hết da, binh tướng Cổ Loa thành đâu ai thân thiết. Trọng Thủy quên mất bên mình có người vô hiền lành quân quít kẻ cân, đỡ cật đơn và an ủi phần nào. Một ngày là một nghĩa, lòng già thành chân, tình nghĩa khi gần nhau át sâu đậm thêm nhiều. Tiếng quân reo hò say chiến thắng vang trong loa thành này, khởi động trong tiềm thức chàng hình bóng My Châu. Trọng Thủy được tất cả, ngôi báu cao nhất sẽ về tay mình, nhưng mất hạt châu trong sáng. Thâm tâm Trọng Thủy muốn cả hai.

Ngay tại Cổ Loa này, đâu cũng gợi lại bao nhiêu kỷ niệm êm ấm. Nhìn đáy giếng, nước trong như gương sáng lòng tâm, Trọng Thủy hồi hận đến cuồng trí đâm đầu xuống giếng trốn gương mặt vong tình bội nghĩa chính mình. Xưa vì trung hiếu với cha nặng nề phải phụ nàng, nay trung hiếu đã đền, tình nặng thâm trọng, xin lấy cái chết bồi hoàn, linh hồn hiền thể dung thứ ta chưa?

CÔNG VÀ TỘI TRỌNG THỦY :

Luận công tội Trọng Thủy, làm lúc ta phải lập lại công tội Triệu Đà. Trọng Thủy mang sứ mệnh cha mình tìm phương thế chiếm Âu Lạc. Đối với Nam Việt, Thủy có công. Trách nhiệm chánh trị do Triệu Đà, Thủy chỉ là kẻ thừa hành. Công tội nếu có cũng nhẹ đi phần nào.



Giai đoạn đầu, mãi mê gánh vác nhiệm vụ cha phó thác, Thủy lợi dụng sự ngây thơ của My Châu, dối gạt vợ với mưu đồ tư lợi. Tình nghĩa xây dựng trên căn bản chính trị. My Châu làm sao đủ khả năng hiểu chồng? Liệu My Châu tha thứ chồng không?

Giai đoạn thứ hai: Tình cảm Thủy sau nhiều năm ở Âu Lạc chắc phải sâu đậm hơn, trước khi rời Âu Lạc, lo lắng, dặn dò vợ, sợ loạn ly không tìm thấy vợ. Sự từ trần chứng tỏ Thủy không tham dế nghiệp, sau khi hoàn thành công cán cha giao phó, mang cái chết đền bồi cho My Châu. Cái chết, được My Châu tha thứ, nên nước giếng Trọng Thủy mới rửa ngọc trai trong sáng thêm lên.

Đối với dân sống tại Cổ Loa Thành, Thủy là "địch", "giặc", "kẻ xâm lăng". Ý thức quốc gia bầy giờ chưa rõ rệt. Hai bộ lạc cùng huyết thống văn hóa khi thù nghịch vẫn xem nhau là "giặc". Phần đầu câu chuyện đến lúc An Dương Vương thất trận, dân Cổ Loa thành kẻ không khác sứ ký. Họ chưa giết vợ Trọng Thủy, cho Thủy say, sửa men chiến thắng, tiệc khao quân rồi hồn My Châu hiện vật vờ trên sông, Thủy ngỡ vợ còn sông, chạy theo bóng sắc, bị My Châu dìm xuống sông chết, ném xác xuống giếng. Dân Cổ Loa không cho phép Trọng Thủy chết theo lương tâm, họ muốn Thủy chết thảm khốc nhục nhã vì háo sắc do chính tay My Châu báo thù cho há lông công phẫn. Vậy mà cũng chính họ lập miếu thờ, thờ mà gọi là "Thăng Thủy".

MY CHÂU :

Nếu tên Trọng Thủy trùng hợp với lòng người xem nặng thưở ban đầu, thì tên My Châu, phản ánh lòng nàng, không bỏn nhỏ tư lợi chính trị, không vướng nghi ngờ tình người xảo kế thâm mưu.

My Châu xuất hiện sau khi Trọng Thủy cầu hôn. Trước đó, nàng công chúa khuê nữ dài các duy nhất của vua nên An Dương Vương thương yêu, lúc bồn đảo chỉ mang duy nhất nàng theo sau lưng ngựa. My Châu tiếp xúc giới hạn, vì là công chúa duy nhất, nên mỗi trường sinh hoạt năng quanh quân trong cung cấm. Nàng không được tham dự vào triều chính, không ai giáo dục năng kiến thức văn hóa và giao tế xã hội. Công chúa My Châu chưa từng đứng đầu những khó khăn nên lòng nàng chân thật tin người tuyệt đối.

Việc lấy móng rửa thân cho chồng xem (ngày nay xem như tiết lộ bí mật quân sự, một điều tội kỵ trong quân cơ), My Châu vô tình, thiếu cố tâm xét đoán chồng, dù sai lầm đặt niềm tin với chồng như Trọng Thủy. Sự ngây thơ, tin người không tà lợi, sao Thân Kim Quy nó với vả kết ân người bị gạt, còn chính người dối gạt không nhắc đến? Khi Trọng Thủy tư biệt, dặn dò, My Châu không đoán nổi mưu ý, lòng mãi lo ngại không tìm được chồng, thủy chung chôn chặt đến thế là cùng. Lòng My Châu cao khiết qua hành động rác lông ngỗng làm dấu cho chồng theo tìm.

Chính chiến xảy ra, nàng không tưởng tượng nội quân Triệu Đà là địch. Lúc bồn đảo với cha, sau lưng là địch quân, là chồng, nàng không đủ khả năng phân biệt ai là ai cả. Dịch quân,

chính trị, Trọng Thủy, tình yêu, cả hai là một đối với nàng. Trong tâm khảm My Châu ngự trị 1 hình ảnh duy nhất Trọng Thủy; địch quân không màng, chính chiến không hay. Tâm hồn trong trắng My Châu bay theo những chiếc lông ngỗng đẹp như tuyết hoa phất phơ lượn trên đường cho chồng theo vết. Đối lại sự trung trinh thanh bạch ấy, nàng bị Thần Kim Quy chỉ mắt màng là "Giác", được trả bằng cái chết tức tử. Nỗi oan ức làm sao bộc bạch bằng ngôn ngữ thường tình, đến chết còn tin mình vô tội, My Châu có hai lời nguyện khi chết.

- Nếu có tội phản vua hại nước, xin máu nàng biến thành cơn trùng dờ bản.

- Nếu oan tình, xin biến thành hạt ngọc trai trong sáng.

Lời nguyện nàng làm sóng dậy biển đông, cô đọng thành những hạt trai thanh khiết soi sáng muôn đời. "Ngọc trai" và "giác", vừa vô tội, vừa có tội, công tội giao hệ bất khả tách phân. An Dương Vương cuồng trí, Thần Kim Quy không thấy tình ngay My Châu, chỉ thấy lý gian rành rành chứng cứ, vì Thần này từng giúp An Dương Vương dựng nước, háp tập gọi nàng là "giác". Thần đại diện cho ai, nhân danh ai mang My Châu? Rồi kết luận chủ quan, với vãi kia, truyền tử đời ấy đến nay. Tiếng mắng "Giác!", một lời nguyện rửa linh thiêng như sấm truyền vang dội ngàn năm.

Mất Âu Lạc, một mình My Châu gánh chịu tội tày trời, phản quốc khi vua, chỉ vì lòng nặng đôn giản. Trên trường, tướng tranh Nam Hải-Âu Lạc, các nhân vật liên hệ trực tiếp gián tiếp đều có lập trường dứt khoát, hoặc bên này hoặc bên kia. Duy có tình cảnh My Châu thật đặc biệt trái ngang. Công chúa Âu Lạc, vợ của Thái tử địch quốc Nam Hải, không được bên nào binh vực chớ che chở, ngay đến chồng cũng không tin nàng, giấu nhem mưu đồ đến cùng, Thần Kim Quy mắng là "Giác", cha ruột vung gươm giết. Kim Quy Thần và An Dương Vương đã tỏ thái độ cứng nhắc dứt khoát. Dân Cổ Loa thành biểu lộ sự khoan dung ôn hòa hơn, họ hóa giải tai tình qua thuyết truyền ngọc trai giếng nước.

Dân Cổ Loa lập miếu thờ An Dương Vương gọi là "Ngài" và My Châu được thờ chung (Bà Chúa). Cả hai người được họ chấp nhận là phần tử trong công đồng Cổ Loa, thái độ chính trị họ hợp lý. Họ để My Châu chìm Trọng Thủy chết nhục nhã, vẫn chưa hả lòng, lập miếu thờ, mà gọi là "Thăng Thủy", tôn sùng mà khinh bỉ. Ai hiểu nổi thái độ hỗn hợp phức tạp hai chiều mâu thuẫn của dân làng Cổ Loa? Dân làng biểu lộ sự tha thứ Trọng Thủy sau cái chết, qua thuyết truyền giếng nước ngọc trai, sau cái chết cả hai nạn nhân đều được khoan dung đến bồi. Tục cắm trai gái thôn thờ An Dương Vương-My Châu không cho kết hôn trai gái thôn thờ Trọng Thủy bao hàm sự chống đối hành động phán phúc kia. Cả nhân được tha thứ, hành động chưa quên dù hơn hai ngàn năm qua.

Giải đoạn lịch sử năm 218 trước Thiên Chúa diễn tiến tại đất Quảng Đông Bắc Việt ngày nay được dệt thêu thành câu chuyện tình tuyết với. Hơn thua, thành bại, đất Nam Việt chứng kiến bao lần đổi chủ thay ngôi. Sau nhiều biến cố, ngày nay cũng miếu điêu tàn, Cổ Loa thành còn lại nền xơ xác. Mông bá vương Triệu Vũ Đế sụp đổ hai đời sau. Sử Trung Hoa ghi vội trong phần ngoại sử, Sử gia Việt Nam mấy trăm năm sau góp nhặt thuyết truyền không kết luận gĩa vội cho đó là một thuyết truyền hoang đường.

Thí sĩ Chu Mạnh Trinh tỏ thái độ bàng quan qua bài thơ vịnh Trọng Thủy-My Châu :

Lang quân tình trọng, phụ ân thâm
Bất bạch kỳ oan trực báo tâm
Cổ trảo vô linh, quý diệt khứ
Minh châu hữu lệ, bang đo trầm
Hoàng bi, cổ thụ, thiên niên hận
Bích hải thiên nha như phiến báng
Cung miếu tiên triều, nghi tịch tịch
Đố quyền để đoạn, nguyệt âm âm.

Dịch :
Tình chàng dù nặng, nghĩa cha sâu
Ôm ấp oan kia đến tận đầu
Nó thiếu móng thiêng, rửa lần bóng
Trai chìm đáy nước, lệ hoen châu
Bia tàn cây cối nghìn thu hận
Bể biếc trời xa một mối sầu
Cung miếu triều xưa nay vắng ngắt
Trăng mờ khoáng khoáng quốc kêu sầu.

Vả kiến Chu Mạnh Trinh không mới lạ, lập trường chính trị mù mờ, không bình phẩm, không bình vực ai, không chê trách ai, có chút cảm thông, đúng hơn ông thi vì hòa mối tình ngang trái. Tiếng quốc thâu trắng khoáng khoáng làm ngọt ngọt thêm người mang nỗi buồn vong quốc. Người ta cố quên phần chính chiến, thủ đoạn chính trị phức tạp :

Quy trảo nỗ cơ truyền ngoại sử
Bang thái tính thủy độc thâm tình.
(Móng rửa, máy nó truyền ngoại sử
Ngọc trai nước giếng nói lên mối tình sâu)

GIỖN BÓNG DÙA TRẮNG

Sáng hôm nay, ba chỉ em tôi thức dậy sớm. Đêm qua, trời xáng xuống một trận mưa lớn. Gió thổi ào ào. Sấm nổ liên hồi. Chớp lờ từng chớp sáng quắc. Ai cũng sợ có trận bão lớn từ biển thổi về. Ba của tôi hôm qua, đi qua đảo San Hô dự đám cưới của con một người bạn thân.

Linh Quy chui ra khỏi mùng trước hơn hết. Hắn ta đốt đèn, rửa mặt súc miệng, chải đầu rồi xuống bếp nấu cháo. Bạch Trang vừa lúc bừng sáng, ra ngồi trước hiên mơ mộng. Tôi, háy còn nằm nũng. Văng chủ nhà gà mọc đuôi tôm mà. Ba mà tôi đi vắng, tôi cần gì phải dậy sớm? Tôi xoay mặt ra bên ngoài cửa sổ. Mưa bên ngoài bay lất phất như bụi cám, bay. Hơi nước tỏa mờ, mờ trắng đục trên ngọn cây me tây đầu ngõ. Mưa như vậy thì khỏi tưới rau, tưới bông kiếng. Mà thôi, ngồi dậy cho xong. Mùi cháo từ dưới bếp thoảng lên thơm ngát kia kìa. Tôi ngồi dậy, xếp mùng mền, sắp gối cho cô trật tử rồi ra ngoài hiên hít thở không khí trong lành. Một con gà mẹ đang xõa cánh úm đàn gà con bên cạnh khóm hoa lài. Bên thềm, khóm dạ lý bụi lan đều ướt sũng nước mưa.

Linh Quy từ trong bếp vọng ra :

- Hai chị xuống đây ăn cháo, với cá bống kho tiêu. Em múc sẵn ra rồi đó.

Bạch Trang buồn bã bước xuống bếp, dang điệu thân thờ. Tôi cũng xuống theo sau, nhưng khi nhìn mâm cháo, tôi lắc đầu :

- Chị không ăn cháo đâu. Em có tiền thì cho chị mượn một xu nhỏ thôi. Chị muốn mua bánh mì để ăn với thịt chà bông hề.

Bạch Trang ngó xéo tôi :

- Hôm nay, con nhỏ này sang quá ta. Hôm qua, dì Tư dương Tư trước khi ra đi có cho mỗi đứa 1 các bạc. Mấy vút tiền ở chỗ nào rồi mà hôm nay lại mượn tiền của con Linh Quy ?

Tôi cười hề hề :

- Vút vô họng chớ vút ở đâu? Có tiền thì mua quà bánh ăn cho sướng miệng. Bơ bơ giữ tiền như hai đứa bây là kẻ không biết sống. Bây phải biết: tiền như bọt nước, nay ở tay này, mai ở tay kia. Ai biết mai sau ra sao mà để dành tiền ?

Linh Quy cũng háy tôi :

- Chị này, ầu quá mạng mà: xài tiền vung vút; còn quần áo thì coi rẻ rúng hơn đồ vàng mạ. Mà may sắm cho mỗi đứa quần áo như nhau. Cạp áo quần của chị kia kìa áo thì đứt nút, rách miệng túi, lai quần tề tua như bị cá rô ría. Còn quần áo chị Trang háy còn mới toanh.

Tôi cái lại :

- Tại bây mặc quần áo kỹ vậy chắc mấy sập bán vải ở ngoài chợ đẹp tiêm luôn. Mình đừng có nghĩ tới mình mà quên người khác. Ủ, tao bê bối, ăn mặc bây háy như vậy chớ thiết ra tao đâu có muốn phá của bảo hại cha mẹ phải tốn tiền. Tao cũng không muốn bị má rầy rà mắng nhiếc đâu nà.

Tuần rồi, chị Mỹ Hạnh có đến thăm, thấy tôi ăn mặc cầu thả nên khuyên :

- Lấy cái lược sừng trâu ra đây chị chải đầu cho. Tôi làm theo lời chị dặn răm rắp. Tóc chại lảng được đánh hai cái bình hình con rết rồi thả trước ngực. Tôi trở thành cô xăm lai hần hời trong cái áo xăm và quần hẹp ống đồng một thứ lụa mỏng màu trắng điểm hoa vàng. Bạch Trang cầm tấm gương Tàu cho tôi soi. Tôi biết mình đã lớn; Bạch Trang kêu tôi là "xiêu chề" (tiểu thơ) làm tôi sung sướng mũi tôi nở lớn như trái mận. Tôi chỉ mặc quần áo đẹp chừng nửa buổi là thay quần áo vải ú ớ để để bề leo cây me keo, leo dừa, phóng qua hàng rào, rồi chun vô lùm bụi, đầu tóc dính đầy bông cỏ may, áo rách hở vai, miệng đen thui vì nhai trái trám, trái sim rụng.

Đợi cho Bạch Trang và Linh Quy điếm tâm xong, tôi mua bánh mì đồn xiu mai. Xiu mai ở vùng tôi vì bán rẻ nên phải đồn củ sắn ngọt, sắn ở đây là sắn miền Nam, chứ không phải sắn là khoai mì như người Bắc thường gọi.

Tôi đề nghị :

- Kỳ lễ Vu Lan sắp tới, trong mấy ngày mười ba, mười bốn và ngày rằm, tại Miếu Cô Hồn có tổ chức hát hội ba đêm. Chị em mình bày gian hàng bán đồ nhau, thức ăn. Chắc mình kiếm tiền lời nhiều. Miếu Cô Hồn đâu có xa xôi gì với nhà mình.

Bạch Trang hơn hớ :

- Ừ phải đó. Tao có nghe Dương Tử nói năm nay ông Xá trưởng xuất tiền túi tìm gánh đại ban ở tỉnh mình về đây hát hội. Nghe đâu ông đã điều đình với bà bầu Bốn Chuối ở làng Hương Thanh. Bà gó hai gánh cải lương và một gánh hát bội; ba gánh nhập một, ba xôi nhồi một chỗ, trình diễn ba đêm tại Miếu Cô Hồn.

Thước đó tôi bắt đầu mê cải lương miền Nam nên không thích cải lương tỉnh nhà. Bà Bốn Chuối gánh giá với ông Nghèn một nhà soạn tuồng kiêm đạo diễn và kiêm kép lão của gánh bà. Anh Anh là rể của bà, chuyên thủ vai kép chánh, đôi khi giả gái làm đào thương. Nư, khan giả trẻ tuổi ngồi gần sân khấu cứ kệp tiền và thút tở tình vào quạt liệng lên sân khấu tặng anh, làm vợ anh là chị Mười thương ghen tương khổ sở. Chị Lê Nga là con riêng của ông Nghèn và là, dâu của bà bầu. Con gái ông lấy con trai của bà là anh Thân. Lê Nga đẹp sắc sảo, đánh đá, thủ vai lăng độc. Bên kép còn phải kể thêm anh Dâng, anh Kỳ, anh Thân. Còn hai chú Tư Ếch và Ba Thành thủ vai hề, vừa bước ra sân khấu là khán giả đã cười rộ rồi.



Tôi không ưa đào đóng vai Nam, kép đóng vai Nữ. Có lần tôi được xem Bảy Nhiêu đóng vai Tang Đại, giả gái thật đẹp, thật điêu luyện. Sau này, tôi từ Thanh Sang cũng đóng vai Tang Đại, giả gái thật hay, chọc cười khán giả xôm tụ. Gia trai giả gái trên sân khấu dễ chọc cười, thì được, chọc giả trai giả gái theo kiểu "lông già thành chơn" suốt năm mần hát thì buồn ngủ lắm. Bởi đó khi xem Phùng Há, Bích Thuận, Kim Chung đóng vai Lữ Bố tôi không khoái hơn khi xem Minh Tạo, Minh Tơ, Thành Được đóng vai Lữ Bố. Kép đẹp đóng vai Lữ Bố làm ra màu mè hùng dũng dễ hơn đào. Minh Tơ, Minh Tạo hồi trước làm cho biết bao nhiêu cô gái mê mẩn rụng rời. Sau này Thành Được, trng gánh, Saigon I đóng vai Lữ Bố thật sáng sân khấu, có thể vượt Minh Tạo nữa là khác.

Bà Bốn Chuối thường ao ước được huấn luyện tôi thành đào gánh của bà. Bà bảo rằng, tôi giống đào Tường Vi, gốc người Quảng Ngãi, vào Saigon làm đào nhị của gánh Phùng Há. Thước đó chị Tường Vi đẹp và sáng sân khấu, vốn người có học thức, biết soạn tuồng, biết viết báo, đóng vai gì cũng hay cả. Em trai của chị là Tường Vân sau này đi gánh Đức Huy, cũng làm kép, chánh. Gánh bà Bốn Chuối có tranh cảnh mới, xiêm y mũ mào đều mua tận bên Thượng Hải, chõplia chõp lĩa dưới ánh đèn sân khấu.

Miếu Cô Hồn ở làng Chánh Thành (Gành Răng) không giống như Miếu Ông ở xóm Lò Bò. Cách bày trí trong chánh điện thật đơn sơ, chỉ có một bàn cây nhỏ, trên bàn có một bát cắm nhang và một ngọn đèn dầu chong leo lét, toả ánh sáng yếu ớt, âm đạm. Nơi đó dùng để quàng các linh cữu của những ai bị chết trôi, của những kẻ chết vô thừa nhân, hoặc của những kẻ chết bất đắc kỳ tử. Linh cữu thường, quàng tam đờ rồi đem chôn ngày hôm sau. Cũng có người lấy hài cốt thân nhân bỏ trong chiếc quách nhỏ quàng tam đờ đây trước khi dời đi nơi khác.

Xung quanh miếu, cây cối rậm rạp, không khí lạnh lẽo âm u. Sau miếu là những năm mồ hoang, có nhiều ngôi mộ đá lan phăng, sau đám mồ hoang là chùa Bà Thế Xương và chùa Minh Tính. Ở phía trong là Nghĩa địa Thành phố rộng lớn. Ở mé xa nữa là đồn lính Tây. Cách đồn là con lộ đá, kẻ lộ là bãi biển chạy dài tới chân đèo Vũng Dừa (Tuy Hòa); dưới chân đèo là đường vào Xuân Quang và queo bên phía trái là vào tới Gành Răng.

Vào lúc chạng vạng không ai dám đi qua Miếu Cô Hồn. Ở đó loài chó hoang thường tru lên nghé trằng dài. Lũ mèo hoang, chồn dền, chồn mướp, sục sạo trong đám bụi rậm. Thành thoảng, chim cú từ rừng về, rú lên những tiếng "cú cú" rợn người. Thiên hạ đồn rằng, hàng đêm ở Miếu có nhiều người hội họp ăn uống, đốt đèn leo lét cho tới gà gáy canh năm mới tan. Năm nào ông Xá trưởng Tân mà không tổ chức hát hội vào lễ Vu Lan là năm đó ở vùng tôi có người bị chết trôi hoặc xảy ra trận hỏa hoạn và hoặc có người bị ma giáu cho ăn bần, ăn đất sét.

Kỳ Vu Lan này, ông Xá trưởng chịu trả tiền cất một cái sân khấu lộ thiên thật rộng lớn gập

ba lần sân khấu lộ thiên năm ngoài. Năm ngoài có gánh nhỏ hát ở đây, tranh cảnh lem luốc, áo mao cũ mềm. Cô đào chánh lại có bầu mà đóng vai Phần Lê Huệ, Lưu Kim Đĩnh coi bộ nặng nề, ột ệt lăm. Năm nay, đoàn hát của bà Bốn Chuối tới diễn, nên dân vùng tôi và các vùng lân cận như Xóm Bàu, làng Cẩm Thượng, Xuân Quang kéo về xem hội thật đông, đem phấm vật lễ cúng rìnhrang lăm.

Hàng quán tập nập. Từ 9 giờ sáng là con buôn đã dọn hàng bày bán rồi. Dù món ngon, nào là bánh canh cua, cháo lòng, hủ tiếu, chè đậu. Gian hàng của chị em tôi có bán những món đặc biệt như: nước giải khát, chuối luộc, khoai luộc do Bạch Trang trông coi, nem nướng chả tôm dòn, thịt bò ướp sả, nghệ tỏi hành nướng để cuốn bánh tráng chấm tương do Linh Quy đảm nhiệm. Tôi phụ nướng nem hoặc chay bán khi có ai tới ăn; hoặc đôi lúc tôi đi mời khách. Vì tôi lanh lẹ, miệng lưỡi sắc sảo, ăn nói trơn như mỡ, nên hai đứa nó cắt phần cho tôi lo chạy hiệu.

Trời vừa tối. Chỉ còn màn chót là vẫn buổi hát chiều, để nghệ sĩ tam nghỉ giải lao, trước khi hát xuất tối. Mà tôi bảo tôi:

- Con mau vào hậu trường thưa với các anh chị em nghệ sĩ định ăn món gì để mà sắp đặt trước. Đêm nay anh Anh thủ vai đào trong tuồng "Lưu Kim Đĩnh Giải Giá Thọ Châu". Anh đóng vai nữ tướng Lưu Kim Đĩnh, nàng Lưu mê tướng đẹp trai Cao Quân Bảo, bỏ cha dành, đoan, để tới Thọ Châu tìm người yêu. Nàng lập Bát Môn Trận, đánh phá quân Nam Đường để giải cứu cha chồng là Cao Hoài Đức. Lúc nàng giao tranh với Dư Hồng thì chiến trông giống ỉnh ỏi, tiếng quân reo vang. Tôi nhìn anh Anh đóng vai nữ tướng thật khéo, thật hay. Tôi cao lớn như vậy, tiếng tôi ròn rảng như vậy. Tôi cũng có thể đóng vai nữ tướng chớ bộ. Ở nhà trường vào dịp lễ phát phần thưởng, trường có tổ chức hát kịch dã sử, tôi đảm nhiệm các vai Trưng Vương, Triệu Trinh Nương Bùi thị Xuân toàn vai nữ tướng. Nếu có ai rèn luyện tôi đúng mức, tôi có thể thủ vai đào võ trong ngành cải lương. Tôi sẽ đóng vai Lưu Kim Đĩnh, Phần Lê Huệ, Đoàn Hồng Ngọc. Tôi mơ, tôi mộng có ngày bà Bảy Phùng Há, bà Bảy Nam sẽ bắt tay tôi, võ vai tôi, khen rằng:

- Em có thể nổi nghiệp tu chi để làm đào võ được rồi đó. Tôi mơ tôi sẽ đội mào có cựa lông trĩ, mang cờ soái, mặc cẩm bào, thật ngọc đá. Tôi sẽ cất tiếng ròn rảng hát bài "Kim Tiên" lúc ra trận. Tôi sẽ hát "Xang Xứ Liễu" để ve vãn Cao Quân Bảo, Tiết Đình San, Tiết Ứng Lương. Tôi mơ tôi mộng tiếp tục mà quên phứt mới anh chị em nghệ sĩ. Tôi la ù ở theo tiếng quân hồ reo vang. Bỗng một tiếng trót kèm theo ngon roi mây quất trên lưng tôi rất bóng. Mà tôi hét:

- Nè ó lên quờ quờ, ó lên quờ quờ nè. Còn ó lên ó xuống là chết với tao.

Tôi hoảng hồn, ngấm miếng nháy phốc băng qua giàn đơn làm cây kèn trong tay chú Ba Vinh văng ra xa và chú la Trời như bộp. Mà tôi xách roi rước tôi. Tôi muốn chạy lẹ nhưng sợ mà tôi đuổi theo một nên tôi chạy xung quanh gian hàng. Chập sau, mà tôi mệt thiết, bỏ ra về. Linh Quy vừa khóc, vừa lấy muối thoa vào vết roi in trên vai trên tay tôi đã muốn rướm máu. Linh Quy cần nhân:

- Chị Hai cứ chọc má giàn hoài.

Bạch Trang dịu giọng:

- Sao mày ham chơi vậy, Châu? Dì sai mày mà mày đánh lửa đánh dao đi đâu mất. Ở đây khách tới nườm nượp, không có ai tiếp đãi hết.

Tôi nói dộc:

- Tao đâu có đi đâu. Tao đến mấy anh chị nghệ sĩ quảng cáo nào là nem nướng theo kiểu Sài-gòn mỗi một trảng có bánh tráng, cắt một góc tư, nem nướng trên mĩa, rau sống nước tương đem đến cho khách tự cuốn lấy ăn mới ngon. Nào là chả Bình Định cũng kể như nem nướng gồm có bột gạo, thêm một con tôm kẹp với bánh tráng rồi chiên vàng. Thực khách khi ăn phải trái bánh tráng dẻo nhúng nước bày trên trảng rồi sắp nem nướng, bỏ lui, chả tôm cuốn thành một cuốn lớn, chấm tương. Tao còn quảng cáo tương mình pha gồm có nước tương nấu nếp với đường cát cho tời nhuyễn như, thêm tỏi ớt, thính, ăn ngọt xớt khác hẳn tương tầu bán ở các tiệm chết.

Bạch Trang mĩa mai:

- Quảng cáo hay thiết. Vậy mà này giờ có đào kếp nào tới đây đâu.

Tôi tiếp tục đĩa dộc:

- Tao còn quảng cáo nước sâm thang của mình nấu với mĩa lau, rễ tranh, lá thuốc cẩu, tiêm bực và pha với đường phèn uống mát phổi, mát gan, ai muốn hát ngọt giọng là uống sâm thang của chị em nhà mình. Ngon lành không Trang?

Bạch Trang rít lên:

- Dộc tố! Thủ đồ lão thiên, lão địa, lão tử Bà Rịa lão vào, lão tử Hạ Lào lão tới.



Chợt thấy dào kếp từ rạp bước ra, tôi ré lên :

- Xin mời, xin mời anh chị em nghệ sĩ. Hát xướng xong hoan hí' chiêu cổ môn nhau tui em. Nào chả nào nem ăn kèm bánh trắng. Ăn cho hết món trong quán cũng chẳng ngân, bỏ anh chị em. Các anh chị nghệ sĩ nghe tôi tĩa lĩa liền cười ha hả kéo vào quán thiết tình. Tôi nói thêm.

- Quán của tui em là quán nghệ sĩ. Không khi vãn nghệ không quán nào sánh kịp. Tôi ré lên hát bài "J'ai deux Amours". Ai nẩy đều cười phá lên. Bạch Trang lắc đầu cười chum chum, tôi hồi :

- Quạt than lên bỏ tui bây. Quạt sao cho mùi chả, mùi nem bay khắp nẻo thì quạt. Kếp Ảnh nhìn Bạch Trang :

- Cô em mặc, áo tui cut mẫu hưởng có gương mặt dễ thương quá. Chẳng hay có ai tới mang trâu mang cau tới nhà chùa? Nếu chùa anh xin để thù nhân gởi.

Tôi hồi :

- Thiếu gì nơi cây mơn mai mỗi tối nhà ba mà tui để "xin" con nầy về làm dâu, nhưng nó có nơi rồi. Mà thôi đi tĩa, tĩa có vợ con mà còn liếc, còn dòm cô gái khác làm gì? Bộ không sợ chị Mười thưởng cho ăn roi mây hay sao? Tìm con nầy đã, có hình bóng một nghệ sĩ cái lương thưởng tháng là ông Năm Châu rồi. Nó không thêm nghệ sĩ địa phương đâu. Đừng có lộn xộn à.

Bạch Trang ré lên :

- Cái con Huyền Châu này ạn môn ngựa miệng nói bây. Tui chỉ khen ông Năm Châu đóng tuồng "Túy Hoa Vương Nữ" xuất sắc, vậy mà nó cứng đờ hồ tui... nầy nọ, thật là thối nói ầu.

Tôi cái lại :

- Thì mấy thích ông đóng tuồng, rồi mấy yêu ông mấy hồi. Kếp Đáng chỉ' Linh Quy :

- Cái cô em có mái tóc xoà ngang vai ngồi cuốn chả bao nhiêu tuổi mà coi dễ thương quá vậy. Cô em đó có ai ghé mắt chùa? Nếu chùa tôi xin nguyện làm bóng tùng quân cho dây cát dăng núng tĩa.

Tôi cười :

- Lại trở giọng tuồng cái lương rồi. Anh đừng có xạo. Em tôi mới 15 tuổi. Nó cô bộ là anh Ha con ông chủ hãng xe đồ Đà Lạt-Nha Trang, đã giàu mà còn đẹp trai, học giỏi. Anh cũng có vợ, có con rơi con rớt, đừng hồng nhào vô.

Linh Quy mặc cỡ :

- Chị Hai ầu quá. Anh Ha với em chị là bạn với nhau mà thôi. Hề Tú ếch quay qua, nói với tôi :

- Em Hai ơi, tên của qua không đẹp, nhưng tim của qua đẹp quá cỡ. Nếu em mở đèn xanh cho qua thì qua làm thân khuyển mà hầu hạ em suốt đời.

Tôi nguyệt :

- Thôi đi tĩa, tĩa già sắp si' với tĩa tôi, vợ tĩa ghen nổi tiếng là Sư Tử Hà Đông. Chú đừng có lộn xộn, hề nôi nào úp vung nầy...

Tú ếch nhấn nhỏ :

- Em đừng nói vậy. Ai tình không biên giới, không phân biệt tuổi tác, giai cấp. Yêu nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua và dám cõ chết...

Tôi cười cắt ngang, nhìn qua kếp Ảnh. La kìa, hần ta nháy mắt với tôi. Tôi cũng nháy mắt lại. Tôi quay qua kếp Đáng, lạ nứa, anh, ta nheo mắt nhìn tôi rồi chớp mắt lĩa lĩa. Thừa lúc m ọ i người ăn uống bần rộn, kếp Ảnh đến tộp bảo nhỏ :

- Sáng mai, lúc 6 giờ hẹn em tại Miếu Cô Hồn nghe. Hề sáng là ma cõ biến mất rồi. Tôi nói nhỏ :

- Cô hồn các đảng vật đứa nào nói lão. Kếp Đáng giả bộ đi xin nước rửa, tay. Tôi múc cho anh một gáo nước. Anh thấp giọng :

- Qua xin em một ơn huệ. Qua muốn gặp em nói chuyện riêng. Tôi, gặt, đầu :

- Ở Miếu Cô Hồn 6 giờ sáng mai. Đừng nói với ai hết nghe. Thiên Lôi đánh đứa nào theo lẻo. Thừa lúc châm trà cho khách, tôi rỏ vào, tại Tú ếch :

- Sáu giờ sáng mai, hẹn anh ở ngoài Miếu Cô Hồn. Tú ếch thích chỉ hội nhỏ :

- Em không sợ ma hả ? Tôi trề môi :

- Ma sợ em thì có . Đêm hôm đó, khi vãn hát là đã hai giờ sáng rồi. Trời về khuya. Trăng bắt đầu mờ vì bị mây che. Gió biển thổi về lạnh lạnh. Anh đèn trong rạp mở áo hát ra. Ai nẩy lo dọn dẹp quán chườn bị về nhà.

Chúng tôi băng qua bãi tha ma. Tiếng chó sủa từ Nghĩa địa Đồ thành vắng lại. Hai kếp, một hề tình nguyện đưa ba chị em tôi một đoạn đường. Bạch Trang búng thúng. Linh Quy xách lò than.

Sáu Độ

I. ĐỊNH NGHĨA

Nguyên tiếng Phạn là Ba La Mật, Tàu dịch là độ. Độ là vượt qua, hay có nghĩa là hoàn toàn. Nghĩa là từ bờ mê mờ vượt qua bề giác ngộ; từ cảnh giới đau khổ vượt qua cảnh giới an vui; từ hầm hố sanh tử vượt qua quả vị Niết bàn. Tóm lại, nếu thật hành theo sáu môn này, thì có thể đưa mình và chúng sanh vượt qua mê mờ đau khổ, thẳng đến cảnh giới an vui thanh tịnh. Nên cũng gọi là đạo bí ngạn nghĩa là đến bờ giải thoát bên kia.

6 môn độ là: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thuyên định, và trí huệ.

II. HÀNH TƯỚNG SÁU ĐỘ

A) BỒ THÍ :

1/ ĐỊNH DANH :

Bồ thí, cho, giúp đỡ, cứu giúp: tung vãi: nghĩa là đem những tư hữu của mình bất cứ tinh thần hay vật chất ban bố cho tất cả chúng sanh, không cuộc hạn người hay vật, thân hay sơ, đồng một chúng tộc hay khác chúng tộc. Hễ thấy một chúng sanh nào thiếu thốn những vật bổ ích cho thân, tâm, nếu mình sẵn có đều bình đẳng giúp đỡ tất cả, không bao giờ luyến tiếc.

2/ CÁC MÓN BỒ THÍ :

a) Tài thí : Bồ thí bằng tiền tài vật dụng: nghĩa là dùng tài sản vật dụng giúp đỡ chúng sanh nghèo đói, thiếu thốn đau yếu...

b) Pháp thí : Bồ thí bằng chánh pháp, nghĩa là đem chánh pháp khai thị chánh kiến, phá trừ mê muội điên đảo tà kiến cho chúng sanh.

c) Vô úy thí : Bồ thí bằng vô úy : nghĩa là dùng nghị lực, cương dũng, để tiêu trừ sự khiếp sợ, nhu nhược cho chúng sanh. Có 2 :

- Dùng lời nhu nhuyễn khuyên bảo chúng sanh trong lúc lo buồn đau khổ.

- Dùng các phương tiện quyền xảo giải cứu chúng sanh trong khi bị áp bức khổ não.

3/ CÔNG NĂNG BỒ THÍ :

a) Diệt tham lam ích kỷ : nhờ công năng bố

thí, tẩy trừ được tánh tham lam ích kỷ ở tự tâm, thế nhập tánh đại bi bình đẳng.

b) Đem lại no ấm : chúng sanh thoát khổ đói rét đáng vui no ấm đầy đủ, đều nhờ công năng Tài thí.

c) Phát triển chánh trí : pháp thí có công năng phá trừ mạn ngu mê, phát triển chánh trí thâm lập chánh lý.

d) Đem lại bình tĩnh : vô úy thí có công năng cởi mở sự lo buồn sợ hãi cho chúng sanh, chúng sanh được sống tự do bình tĩnh.

B) TRÌ GIỚI :

1/ ĐỊNH DANH :

Trì giới : giữ gìn các giới Phật cấm, ngăn ngừa các nghiệp hạnh bất thiện: nghĩa là thân không làm các việc ác, miệng không nói lời ác, ý không nghĩ các điều ác. Trái lại còn làm các việc thiện, giáo hóa chúng sanh, trở về đường thiện.

2/ CÁC MÓN GIỚI :

a) Nhiếp luật nghi giới : nghĩa là giữ gìn các giới luật oai nghi của Phật chế để ngăn ngừa những tội lỗi về thân, miệng và ý như 5 giới Ưu bà tắc, 10 giới nặng và 48 giới nhẹ của tại gia Bồ Tát vân, vân...

b) Nhiếp thiện pháp giới : là thật hành những việc thiện có tính cách lợi mình lợi người ở hiện tại và tương lai, như thật hành mười điều thiện và 4 nhiếp pháp.

c) Nhiều ích hữu tình giới : nghĩa là hóa độ cứu khổ cho tất cả loài hữu tình chúng sanh sống len lỏi trong các tầng lớp chúng sanh, để làm lợi ích.

3/ CÔNG NĂNG TRÌ GIỚI :

a) Ba nghiệp thanh tịnh : nhờ công năng trì giới, 3 nghiệp được hoàn toàn thanh tịnh, không phạm các việc ác, không sanh khởi các tà niệm

b) Các thiện công đức phát sanh : nhờ công năng trì giới các thiện công đức phát sanh: như trì giới thì tứ bi, trí huệ thường phát khởi.

c) Nêu cao giá trị : nhờ trì giới không phạm các điều xấu xa thô bỉ, giá trị con người trở nên cao đẹp.

d) Người vật kính yêu : không làm thương tổn người và vật. Trái lại, còn giúp ích cho người và vật, tất nhiên được người và vật kính yêu

C) NHÂN NHỤC :

1/ ĐỊNH DANH :

Nhân nhục : An nhân trước mọi hoàn cảnh nghĩa là đối trước mọi hoàn cảnh thuận hay nghịch, khen hay chê, thành công hay thất bại tâm trí vẫn bình tĩnh: không bị quan trước nghịch cảnh; không lạc quan trước thuận cảnh.

2/ CÁC MÓN NHÂN :

- a) Thuần sanh nhân : Không kiêu căng tự đắc trước sự tấn thân cung kính của chúng sanh.
- b) Nghịch sanh nhân : Không bức tức thù ghét trước sự chửi mắng đánh đập của chúng sanh.
- c) Nội pháp nhân : Mặc dầu bị những phiền não tham sân áp bức, tự tâm vẫn an nhân giữ gìn trú bỏ không cho phát khởi ra ngoài. Tự tâm thanh tịnh sáng suốt, không để các phiền não nhiễm ô sai khiên.

d) Ngoại pháp nhân : Bị những cảnh đối rét, lạnh nóng ở ngoài áp bức thân thể, nhưng vẫn xem thường không than phiền phân uất.

3/ CÔNG NĂNG NHÂN NHỤC :

- a) Không làm những việc vô ý thức : nhớ nhân nhục trú sự nóng giận, nên không làm những việc cần dờ thiêu suy nghĩ.
- b) Bình tĩnh trước mọi hoàn cảnh : nhớ nhân nhục, tâm trí được bình tĩnh sáng suốt, trước những cảnh thay đổi trái ngược ở đời.
- c) Không truy lạc theo 5 dục : nhớ nhân nhục dẫn ép được mọi phiền não, mọi vọng tâm không xuôi theo giòng 5 dục là: tài, sắc, danh, thực, thủy.



D) TỈNH TẤN :

1/ ĐỊNH DANH :

Tỉnh tấn : Tỉnh thuần không ô nhiễm. Tiên là thẳng tới không thối khuất : nghĩa là chuyên tâm nhất trí tiến hướng cầu đạo giải thoát và giác ngộ, làm các thiện pháp không bị các pháp ô nhiễm chi phối, không thối khuất trên đường đạo.

2/ CÁC MÓN TỈNH TẤN :

Tỉnh tấn theo 4 pháp chánh căn.

- a) Các điều ác chưa sanh, tỉnh tấn giữ gìn không cho sanh khởi.
- b) Các điều ác đã sanh tỉnh tấn diệt trừ.
- c) Các điều thiện chưa sanh, tỉnh tấn làm cho phát sanh.
- d) Các điều thiện đã sanh, tỉnh tấn làm cho tăng trưởng.

3/ CÔNG NĂNG TỈNH TẤN :

- a) Dùng mãnh hằng hải : nhớ công năng tỉnh tấn, diệt trừ được tanh rứt rề, biếng nhác, luôn luôn dùng mãnh hằng hải.
- b) Không thối khuất : Không chán nản lười bước trước những hoàn cảnh ngang trái và đồng mãnh hướng tiến đến đạo quả.
- c) Cầu đạo giải thoát : Tỉnh tấn diệt trừ các ác pháp, làm tăng trưởng các thiện pháp, hướng tiến đến đạo quả giải thoát và giác ngộ của chư Phật.

D) THUYỀN ĐỊNH :

1/ ĐỊNH DANH :

Quán sát diệt trừ các vọng duyên điên đảo là Thuyền. Để tâm chuyên chú vào một cảnh sở quán là Định. Nghĩa là chuyên tâm chú ý vào một cảnh sở quán, diệt trừ các vọng duyên điên đảo.

2/ CÁC MÓN THUYỀN ĐỊNH :

- a) Bất tịnh quán : chú tâm quán sát sự khuyết điểm của vạn pháp : như quán thân bất tịnh ở trong pháp Bốn niệm xứ...
- b) Tứ bị quán : dùng tứ bị tâm, quán sát nhợ nổi khổ của chúng sanh như già, đau, sống chết...
- c) Nhân duyên quán : quán sát tất cả các pháp trong thế gian đều do nhân duyên hòa hợp mà thành lập.
- d) Niệm Phật quán : là quán công đức tướng hảo của chư Phật.

d) Sổ tức quán : chuyên tâm quán sát đếm từng hơi thở ra vào, để tâm trí an trú vào 1 cảnh không cho vọng niệm xen vào.

3/ CÔNG NĂNG THUYỀN ĐỊNH :

- a) Dẫn ép tham dục : nhớ bất tịnh quán, dẫn ép được tâm tham muốn vật dục. Làm chủ được ý muốn, không bị vật dục lôi cuốn và tránh khỏi những tai hại vì vật dục gây nên.
- b) Trừ nóng giận : nhớ tứ bị quán mà trừ bỏ được tanh nóng giận, tàn ác, thiện tâm được khai phát, lòng thương được mở rộng.
- c) Phả si mê : nhớ nhân duyên quán nhận được lý duyên sanh như huyễn. Do đó, tâm trí được khoáng đạt, phả tán được màn si mê đảo chấp.
- d) Ngăn các phiền não : do niệm Phật quán nên các phiền não hao mòn, trí huệ và công đức thêm lớn.
- d) Diệt loạn tâm : nhớ sổ tức quán, tâm trí được thanh tịnh, không dong ruổi vọng động bởi những vọng duyên vọng cảnh ở ngoài.

E) TRÍ HUỆ :

1/ ĐỊNH DANH :

Trí huệ : nhận thức sáng suốt, nghĩa là dùng chánh trí nhận hiểu phân biệt chân tướng của sự vật rõ ràng, xác đáng, không nhận giả làm chân, nhận hư làm thật; không chấp chặt thành kiến riêng của mình; không theo cố tục dị truyền vô nghĩa, không mê theo nhợ tả thuyết dị đoan trái với chánh lý. Thường tìm hiểu sự thật, và thật hành theo

chân, lý, đúng với sự thật.

2/ CÁC MÔN TRÍ HUỆ :

- Văn huệ : trí huệ xét nghe chánh lý.
- Tư huệ : trí huệ suy nghiệm chánh lý.
- Tu huệ : trí huệ thật hành chánh lý.

3) CÔNG NĂNG TRÍ HUỆ :

- Diệt vô minh : Vô minh là căn bản phát sanh ra phiền não, nhờ trí huệ phát chiếu, màn vô minh đen tối tiêu trừ, căn bản phiền não được dứt sạch.
- Thấy rõ sự thật : nhờ công năng trí huệ, thể nghiệm được sự thật : như chứng nghiệm được vạn pháp là duyên sanh, là vô thường, như huyễn.
- Diệt thành kiến bất chánh : nhờ công năng trí huệ, phá tan được những kiến chấp sai lầm những thành kiến di truyền vô nghĩa.

III. NHỮNG YẾU KIỆN ĐỂ ÁP DỤNG HẠNH 6 ĐỘ

1) PHÁT BỒ ĐỀ TÂM :

Phát Bồ đề tâm là phát tâm rộng lớn vô tận, tức là phát bốn lời nguyện rộng lớn như sau:

- Chúng sanh không số lượng, thể nguyện đều đở khắp :

Thế giới vô biên, chúng sanh vô tận : chúng sanh đã vô tận thì căn cứ cũng không đồng, nghiệp duyên và chủng loại cũng sai khác. Nhưng vì đã phát tâm thực hành 6 môn độ là phải thể nguyện cứu đở tất cả chúng sanh, dù phải trải qua vô lượng kiếp, và gặp phải những chúng sanh tánh khí bất đồng, nan điều nan phục.

- Phiền não không cùng tận, thể nguyện đều dứt sạch :

Tâm tánh của chúng sanh, luôn luôn dòng ruồi theo tâm cảnh không một sát na đứng nghỉ. Nên các môn phiền não theo đó mà phát sanh, tích tụ nhiều như vi trần không kể xiết. Ngộ muốn thật hành sáu độ, phải thể nguyện diệt trừ tất cả, không bỏ qua một thứ nào, mặc dầu là vi tế phiền não.

- Pháp môn không kể xiết, thể nguyện đều tu học :

Chúng sanh vô lượng, căn tánh cũng vô lượng. Nên pháp môn Phật dạy cũng vô lượng. Người muốn thực hành 6 độ là phải thể nguyện tu học tất cả.

- Phật đạo không gì hơn, thể nguyện đều viên thành :

Viên thành Phật đạo là quả vị tối thắng, tối cao. Thành tựu quả vị ấy là phải diệt tất cả phiền não, học tất cả pháp môn, độ tất cả chúng sanh.

Phật tử muốn thật hành 6 độ là phải thể nguyện đạt đến quả vị ấy.

2) XEM THƯỜNG TÀI SẢN VÀ TÍNH MẠNG :

Phật tử muốn thực hành hạnh 6 độ phải mở rộng cõi lòng, xem thường tánh mạng và tài sản mình, chỉ lấy sự lợi lạc chúng sanh làm

trọng. Một khi vì cứu một thân mạng cho chúng sanh, cần phải xa tất cả gia nghiệp cho đến tiêu hủy tự thân, Phật tử phải vui lòng đảm nhận không một lời than trách, không một niệm tiếc nuối.

3) XEM CHÚNG SANH ĐAU KHỔ NHƯ MÌNH ĐAU KHỔ : Phật tử muốn thực hành 6 độ, luôn luôn phải nhận hiệu trăm nghìn nỗi khổ đang đè nặng trên kiếp sống của chúng sanh, và phải nhận rõ chúng sanh và mình, tuy hình tướng và tự tướng khác nhau nhưng vẫn chung cùng một bản thể vô tận. Giọt nước tuy nhỏ nhưng thể chất vẫn đồng với thể chất toàn thể đại dương. Sự sống của mọi loài cũng tương quan mật thiết như thế, nên người Phật tử phải quan niệm rằng: Chúng sanh đau khổ tức mình đau khổ; cứu chúng sanh tức là cứu tự thân vậy.

4) TỰ NHẬN MÌNH CÓ ĐỦ KHẢ NĂNG GIẢI THOÁT CHO MÌNH VÀ CHO TẤT CẢ CHÚNG SANH :

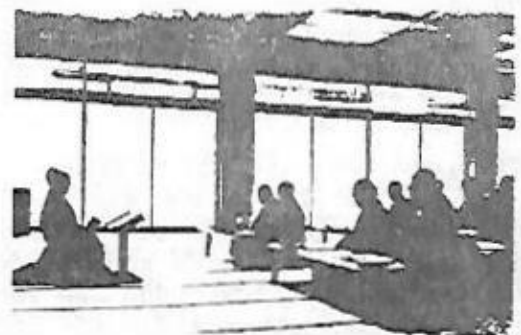
Người Phật tử phải sáng suốt nhận hiệu: Tuy vì nghiệp nhân bất thiện trong nhiều kiếp, mình và chúng sanh phải quanh quẩn chịu khổ trong vòng luân hồi sanh tử; nhưng tất cả mọi loài đều đầy đủ Phật tánh, có đủ khả năng giải thoát và giác ngộ. Tự mình có thể tu hành để phát triển khả năng giải thoát và giác ngộ sẵn có của mình, và có thể dùng mọi phương tiện nhiếp hóa và giải khổ cho tất cả chúng sanh.

IV. KẾT LUẬN

Trừ mê và diệt khổ là nguyện vọng duy nhất của người Phật tử chơn chánh. Muốn đạt được nguyện vọng ấy, cần phải cương quyết, thực hành 6 độ này. Vì chỉ có hạnh 6 độ mới được công năng đưa mình và chúng sanh đến chân trời giải thoát và giác ngộ. Vì vậy các đức Phật, các vị Bồ Tát viên mãn được công hạnh tự lợi lợi tha, đều lấy pháp 6 độ làm căn bản.

Trong hoàn cảnh hiện tại Phật tử đối với hạnh 6 độ này, tuy chưa thật hạnh được hoàn toàn, nhưng cũng cần phải cố gắng. Nếu thật hạnh được một vài phần trong pháp 6 độ này, tức đã tiến một bước khá dài đến hạnh phúc giải thoát.

(Còn tiếp)



TRẦN PHONG LƯU

VÀI KINH NGHIỆM CHỌN ĐẤT XÂY CHÙA CỦA NGƯỜI XƯA

(tiếp theo)

Đọc một quãng đường dài ngọt ngào ba mươi cây số từ chân rẻo núi đi lên, quần thể kiến trúc hơn hai mươi công trình lớn nhỏ các chùa Hoa Yên, Vân Tiêu, Báo Sái, Long Động, Giải Oan, Viện Thạch Thất Mị Ngự, Viện Phù Đổ... tọa lạc tận trong rừng sâu núi thẳm. Đi vào phải lội suối băng ngàn, lên dốc xuống đèo, nhọc nhằn vất vả nên phải có thành tâm thiện chí mới không quan ngại tìm đường vào chốn non tiên, cảnh Phật, cách biệt hồng trần:

"Nào ai quyết chí tu hành,

"Có về Yên Tử mới đành lòng tu." (8)

Thiền sư Nguyên Minh Không triều Lý đã chọn giữa khoảng đồi thông thưa, một gò đất bằng mặt, ngay dưới chân núi Quỳnh Lâm để lập chùa và đúc một pho tượng Phật bằng đồng thật lớn để thờ. Tượng này đã trở nên một trong Thiên Nam tứ khí. Theo nội dung bia đời Cảnh Hưng để trước chùa thì pho tượng cao sáu trượng (khoảng 24 thước tây). Người ta đã phải làm một tòa điện cao bảy trượng (khoảng 28 thước để chứa tượng. Tòa điện này cao vọt hẳn lên tượng xứng trong qui mô đồ sộ của các chùa đến nỗi đứng ở bên đò Đông Triều cách chùa mười dặm vẫn còn trông thấy nóc điện. Nguyên Thực Phác, tác giả tấm bia dựng năm Đức Long thứ nhất (1629) hiện còn trước cổng chùa, cũng đã xác nhận: "điện dài nguy nga quy mô rộng lớn" (4).

Triều Trần, các vua Thái Tôn và Nhân Tông thường ngự giá đến đây và cho sửa sang chùa Pháp Loa và Huyền Quang tôn giá đều có đến trụ trì. Vua Trần Minh Tông đã xuất nhiều của kho để trùng tu chùa. Chùa Quỳnh Lâm vào thời này đã được khuếch trương thành một chốn đại

tùng lâm với những viện Quỳnh Lâm, am Bích Động là chốn già lam đứng đầu các chùa trong miền Hải Đông.

Vào thời Minh thuộc (1414-1427) pho tượng đồng vĩ đại và phần lớn chùa đã bị bom người đồ hộ phá hủy nên đến năm Lê Vĩnh Khánh thứ hai (1730) chùa Quỳnh Lâm được chúa Trịnh Giang cho đại trùng tu cùng với Sùng Nghiêm Tự tại xã Nam Giản (huyện Chí Linh). Chúa cho triệt hạ phủ Cổ Bi ở Gia Lâm (tỉnh Bắc Ninh) rở lầy gỗ chớ, băng sông, đem đến làm vật liệu kiến trúc, bắt dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường (nay là Thủy Nguyên) và Chí Linh (tỉnh Hải Dương) xung dịch, lại sai khai đường sông để thông lối chuyên chở gỗ đá, công dịch thường lên đến vạn người. Đến năm Vĩnh Hựu thứ hai (1736) chúa Trịnh Giang lại cho đúc cột tượng Phật lớn tại chùa để nhắc lại pho tượng khổng lồ đời Lý.

Trên tấm bia to lớn ghi lại lần trùng tu đời Lê Cảnh Hưng (1470-1486) nay còn đặt ở cửa chùa có khắc mở đầu chữ:

"An Nam cổ tích danh lam đệ nhất Quỳnh Lâm Phật tự, thiên trụ quốc triều bi ký". (8)

Cũng như các chùa Yên Tử, chùa Quỳnh Lâm trải qua nhiều thế kỷ, chịu bao phen chiến tranh đốt phá đã hủy hoại hầu hết, tuy đã nhiều lần trùng tu, xây dựng lại cũng rộng rãi theo dấu xưa, nhưng đơn sơ tầm thường không còn vẻ nguy nga của quy mô chùa cổ, tuy nhiên lần theo dấu tích cũ còn lại:

"... Chỉ trông những hòn đá tảng hình tròn, tạc khía hoa sen, có nhiều hòn mặt đến ba bốn thước ta (1,20m - 1,60m) với một nếp nhà hậu, ở ngoài thì trông ra một tầng vào trong thì thành ra kiểu lầu gác, vì cột lớn làm và cao lắm, mà sắc gỗ đã hoa hoét, mốc meo, thật ra sắc cổ... Lại đi xét chung quanh chùa mà dò xem những dấu vết, tượng cũ hoặc thêm cũ thì mong mệnh rộng rãi khác thường..." (6)

Trước chùa trông ra một cánh đồi ló thơ mây gốc thông già. Tòa tam quan xây theo kiến trúc cân kim trông giống một công thành với vọng lâu hai tầng, tám mái cong. Cách một bãi đất trông khá rộng, nhấp nhô hàng trăm ngọn thấp lớn nhỏ, bằng gạch bằng đá, đủ hình đủ kiểu. Chứng tỏ quy mô chùa cũ to rộng hơn bây giờ nhiều. Ngoài ra còn một vài con rồng đá, nét khắc tinh vi, sắc sảo có lẽ là vật điêu khắc thời Lê Trịnh.

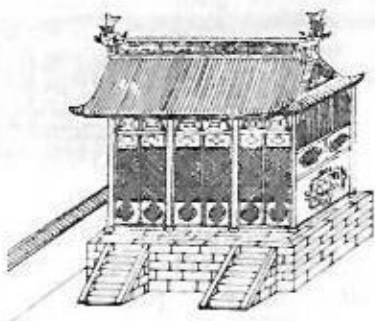
Sang địa hạt Kinh Môn, vào xã Dương Nham, tới một tòa núi đá với đột khởi ngay bên bờ sông lớn, tức núi Kính Chủ sẽ gặp hai cái hang, 1 cái dài hơn 60 trượng (240m), rộng hai trượng (8m), ánh sáng mặt trời lọt được xuống qua 1 lỗ hổng thiên nhiên ở phía trên nên gọi tên là Dương Cốc, lại còn tên là Thạch Môn.

"Ánh mặt trời trong hang Dương Nham tạo thành

một kỳ quan của vũ trụ.
 "Mùa thu trên sông Bạch Đằng đem đến vượng khí cho non sông.
 Đó là ý nghĩa hai câu thơ Hán của Ủy Trai Phạm Sư Mạnh, còn lưu để nơi vách động :
 "Vũ trụ kỳ quan Dương Cốc nhật,
 "Giang san vượng khí Bạch Đằng thu.

Vì núi có động nên nhân lập làm chùa. Trong chùa bày trí tòa sen, cây đèn, lư hương và ngựa toàn bằng đá. Ngoài tam bảo thờ Phật còn có cung thờ vua Lý Thần Tôn trong hang phía tả rộng hai trượng, dài bảy trượng và miếu thờ Minh Không thiền sư ở bên hang phía hữu ngắn hơn. Sau chùa có hồ sâu không đáy, thông ra đến bờ sông

Cao vọt lên khỏi dãy núi đất chạy từ hướng tây bắc xuống đông nam cách núi Kinh Chủ 1 cánh đồng, núi Yên Phụ được chọn làm tổ sơn các núi trong huyện, gồm hai ngọn hình tròn cao 245m đứng trấn giữa khoảng đồng ruộng chạy dài hai bên dưới chân. Nhìn về phương tây và bắc, các núi non miền Chí Linh, Đông Triều la liệt chạy về ngã Yên Tử Sơn; còn hướng về phía đông và nam, cả một vùng đồng bằng bát ngát, sông Kinh Môn và sông ngòi của các huyện Thủy Đường, Kim Thành giăng bọc chằng chịt rồi đổ về ngã biển Đông. Thân núi trọc những đỉnh núi cây mọc xanh tốt, có một tảng đá mọc thẳng như một thạch trụ gọi là cột Kinh Thiên (chống trời), sườn núi có ao Thiên Trì, có giếng Thiên Tỉnh đối nhau và nước đục trong khác nhau. Cổ nhân đã tìm đến đây để xây nên một ngôi chùa trên núi và đặt tên là Tướng Vân từ. Đời Hoàng Định nhà Lê (1601-1618), triều đình đã xuất tiền công quỹ cho Nam Nhạc thiền sư trùng tu lại. (8)



Chùa Hương Hải thờ Trúc Lâm đệ nhị tổ Pháp Loa (1284-1330) do dân bản xã chọn một danh lam nơi sinh quán của ngài (thôn Tiên xã Phù Vệ, huyện Chí Linh (Hải Dương) lập nên. Chùa nổi tiếng linh thiêng và hằng năm có lễ kể hạnh giả vai khắp nơi về lễ tổ đến ngôi ở sân chùa thành từng nhóm hai ba bà hoặc bốn năm cô, để kể chuyện về sự tích tam tổ Trúc Lâm cho khách thập phương nghe theo điệu cách, giọng kể giảng riêng của nhà chùa.

Một thắng tích nổi tiếng miền địa linh nhân

kiệt trong "Chí Linh bát cảnh" là Phụng Hoàng Sơn với những ngọn kết thành hình phượng múa ở tại xã Kiệt Đặc. Sách An Nam Chí Lược của Lê Tắc đời Nguyễn viết :
 "Đường đi vào thấy hoa cây rậm rạp, tốt đẹp, suối ngọc chảy mòn đá, lửa đóm rước người mát mẻ lạ lùng cõi đời không có".
 Dưới núi có dòng Miết Thủy lượn quanh và giếng thiên tạo Châu Tinh chứa nước và bùn màu đỏ như son lại sản sinh ra loại ngọc trai tốt hơn hết các nơi khác. Trên sườn núi Lệ Kỳ tựa bên Phụng Hoàng Sơn, dân chúng địa phương đã dựng nên ngôi chùa cổ mà đi từ xa đã trông thấy như ở ngay trước mắt gọi là Lệ Kỳ tự. Thiên hạ đồn rằng : Lúc qua chân núi thường nghe trên chùa có tiếng chuông trống, nhưng khi trèo đến nơi thì lại im lặng như tờ, người đời nghĩ là do thần linh trụ núi hiển phép lạ. (8)

Từ thời đại sư Pháp Vân và sư bác Vô Kỳ triều Trần trụ trì ở chùa này cho mãi đến thời cận đại, chùa Lệ Kỳ luôn có nhiều pháp sư giỏi phép thuật, phù chú, phải chăng là do linh khí non sông ung đúc nên vậy ?

Trong sách Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Du còn ghi lại bài thơ vịnh chùa như sau :

SƠN TỰ

Nhất thốc huy kim bích
 Nham yêu ẩn tịch dương
 Phong cao tủng húng lãng
 Thiên cận quế phiêu hương
 Động tiêu cảm thanh nào
 Phong tà tháp ánh trường
 Trần gian danh lợi khách
 Vọng thứ kỷ bàng hoàng.

Bùi Xuân Trang dịch :

CHÙA NÚI

Một tòa kim bích huy hoàng
 Sườn non ẩn bóng tà dương xế chiều
 Trên ngàn gió thổi thông reo
 Phun hương ngào ngạt, quế treo lưng trời
 Chim kêu đồng nhỏ vang tai
 Đầu non tháp ngã bóng dài xinh xinh
 Trần gian nào khách lợi danh
 Tới đây vãn cảnh át sinh bồi hồi.

Không phải chỉ tìm đến chốn lâm tuyền hay vào tận nơi thâm sơn, núi vậy trùng điệp, ao đầm trong suốt đáy, suối chảy róc rách 2 bên mới gặp cảnh đẹp; mà nhiều khi tại vùng thung lũng bằng phẳng như chiếu trải hay giuamiên thì tứ như, thì xã Pháo Sơn, trên bên dưới thuyên, phố chợ buôn bán tấp nập, phong cảnh ngấm vẫn không chán mắt. Có lẽ nhớ là giao điểm của miền núi với đồng bằng và nhự ngọn đối chạy dài ra sát bờ sông. Pháo Sơn lại trấn giữ nơi sáu ngã sông phân tụ, góp dòng xanh hòa nước đỏ gọi là Lục Đầu Giang. Nên

các thiền sư cũng đã chọn được những danh lam thắng tích để dựng lên nhiều chùa (người Pháp đã mệnh danh nơi đây là Sept Pagodes - bảy ngôi chùa).

Như thế, trước khi suy nghĩ, nghiên cứu, hoạch định việc xây dựng những công trình có giá trị phụng vụ tín ngưỡng thật cao, tổ tiên chúng ta đã đầy công lựa chọn từng mảnh đất để vừa đáp ứng được những điều kiện địa lý với những thế đất sẽ đem lại thuận lợi cho việc tu trì và hưng hiển đạo pháp; vừa thỏa ý cả về mặt mỹ cảm với những thắng cảnh danh lam sẽ tạo nên môi trường đẹp cho nhữ người tìm sống với tâm linh và gây sự thu hút khách thập phương đến lễ Phật cùng văn cảnh. Nhà sư Pháp Bảo cũng đã từng cho biết, muốn chọn địa điểm xây dựng chùa, Thần tướng Lý Thường Kiệt và Trương Lão đã lần lội ven bờ sông Mã lên núi Hàm Rồng rồi vòng ra, núi Ngưỡng Sơn mới chịu dừng chân cắm dất. (Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh).

Đã đến được danh sơn, đã tìm được cảnh đẹp và đã chọn được địa thế theo đúng thuyết phong thủy, ông cha ta còn phải tính toán, cân nhắc thật chu đáo trong việc đặt nền chùa cốt sao cho tác phẩm được dựng lên sẽ gắn bó với núi sông chung quanh và thu phục được lòng người. Nếu ngôi chùa hình thành bởi một quần thể kiến trúc, thì tổ tiên ta còn cố gắng sắp đặt cho từng kiến trúc đều ở vào những địa hình đặc dụng. Hoặc dựa vào địa thế của đồi núi nhận một ngọn tổ sơn làm trung tâm. Hoặc dựa vào hồ ao sông nước, để sông hồ bao bọc chung quanh hay đào ao hồ ngay trên trục chính... Chèn vào giữa các công trình, hoặc thiết trí những sân nội vườn cảnh để thiên nhiên còn tiếp tục len lỏi vào tận bên cạnh kiến trúc và tạo thành những dải khăn xanh dịu dàng, những vùng không khí tốt lành cho những chùa ở vùng đô hội.

Một đặc điểm nổi bật của kiến trúc Phật giáo nhất là vào thời Lý Trần là hầu hết đều được xây dựng trên các triền núi, lấy núi làm chỗ tựa. Dù cho giữa vùng đồng bằng, người ta cũng cố chọn cho được những địa thế có phần cao hơn mặt đất chung quanh như chùa Hương Lãng (Hải Hưng), Bà Tâm (Gia Lâm), Báo Thiên (Hà Nội). Trong ý nghĩa thực tiễn cũng như trong ý niệm tín ngưỡng từ Đông sang Tây địa hình đồi núi luôn luôn phù hợp với chức năng thờ cúng của chùa tháp, đền đài. Núi đồi cao hun hút, cây cối um tùm, đá bày lạng lẽ dễ gây được cảm giác trang nghiêm tĩnh mịch; vừa cách biệt với trần thế phàm tục, vừa để gợi một không khí an bình và phấn phát về trang nghiêm, kính cẩn của cảnh thiên. Núi cao còn nhân lên nhiều lần kiến trúc vốn đã cao càng cao thêm bội phần.

Ngày nay đứng dưới cổng chùa Phật Tích hay chùa Giạm mà nhìn lên thì tưởng như các tảng nền lùi dần vào núi và cứ nối nhau lên cao mãi sâu hút. Người xưa đã biết lợi dụng các sườn núi thoải thoải, bạt thành các cấp nền bằng phẳng, dài rộng, rồi trên đó xây chùa dựng tháp.

Sườn phía nam núi Lạc Kha (Tiên Sơn, Hà Bắc) vào năm 1057 đã được bạt thành ba lớp nền để dựng chùa Phật Tích với chiều rộng trên 60m chiều dài tổng cộng gần 100 thước và chiều cao của các lớp nền từ 4 đến 5 thước, phải ghép đá làm bậc lên xuống ở mỗi lớp. Đó là chưa kể lớp dưới cùng, ngang với mặt ruộng. Ngày nay trải qua ngót 1000 năm, mưa bão đã làm sụp lở hầu hết nên khó xác định dấu nền trên mặt bằng một cách chính xác. Trên các lớp của nền chùa rộng rãi này, các nhà kiến trúc đã cho dựng lên nhiều tòa ngang dãy dọc nhiều điện đường bao tháp mà Tùng Niên:

"Tang Thượng Ngẫu Lục" chép chuyện Chuyết Công thiền sư đã mô tả là những "cung sơn điện vẽ san sát trong núi". Hoặc như một tấm bia dựng cuối thế kỷ thứ XVII để ở chùa đã ghi: "Các cấp điện nghiêm nhiên như ngọc lưu ly. Điện ấy rộng mà to, sáng vậy mà lớn... thêm bậc có tác giống thú bày hàng trước gần 10 cái, Long Trì quanh đằng sau. Các đối vẽ phượng sáng sao Ngưu sao Đẩu. Lầu núi tay rồng với tới sao trời..." (Van Phúc Đại Thiên Tự Bi-1686).



Tử kinh nghiệm xây chùa Phật Tích, chùa Giạm đã được dựng vào năm 1084 trên sườn phía Nam của dãy núi cùng tên với quy mô to rộng hơn. Người ta đã bạt sườn núi thành bốn lớp nền với chiều rộng trên 70m, chiều dài tổng cộng gần 120m và đặc biệt chiều cao mỗi lớp gấp đôi chùa Phật Tích, khoảng 8m, nên phải ghép 25 bậc đá để làm thang lên xuống mỗi cấp nền. Với một diện tích tổng cộng của các lớp nền trên 7000 thước vuông đó, ông cha chúng ta cũng đã dựng nên nhiều cum kiến trúc bao gồm các điện đường, lang vũ, bảo tháp... Đến nỗi chỉ riêng việc đóng cửa chùa cũng đã mất nhiều thời gian: dân chúng địa phương còn cho biết theo các cụ kể lại thì lúc xưa hàng ngày cứ chiều đến, thôn Môn Tự ở gần

chùa phải cử người lên giúp nhà chùa đóng cửa, đóng tủ lúc chuông thu không đến 1 ú c trắng mười tám mọc mới xong. (9)

Sự nguy nga đồ sộ của quần thể kiến trúc này đã khiến vua Trần Nhân Tông, nhà thơ và cũng là thiền sư, lúc đến thăm tưởng như cảnh thiên nhiên hiện ra trước mắt:

"... Thập nhị lâu đài khai hoa trúc,
"Tam thiên thế giới nhập thị màu...
(Mười hai tòa lâu đài mở ra như bức tranh vẽ
Ba nghìn thế giới nhập vào đôi mắt nhà thơ)
(Trần Nhân Tông Đại Lâm Thần Quang Tự)

Những núi được chọn xây chùa vào thời Lý lại là những núi mọc lên giữa vùng đồng bằng nên dễ thu phục được quần chúng cả một vùng rộng lớn. Những nhà kiến trúc triều Lý còn thực tiến hơn trong việc tính toán chọn lọc các vị trí để những công trình dựng lên vượt tiên lợi vừa đảm bảo được sự kính cẩn thiêng liêng lại vừa có giá trị gợi cảm thu hút của một khung cảnh đẹp. Nếu những núi không cao lắm, mặt lại bằng phẳng, thì chùa được xây ngay trên đỉnh, như núi Đọi có chùa và tháp Sùng Thiện Diên Linh; núi Ngô Xá có chùa và tháp Chử Đôn Sơn... Nếu những núi cao hơn, đường đi lên có phần xa xôi vất vả thì chùa lại được chọn làm ở lưng sườn núi, như núi Lan Kha và núi Giạm... Hoặc nếu gặp những núi đã chênh vênh hiểm trở quá thì chùa lại xây ở chân núi, hay chỉ tựa vào núi mà thôi như núi Sài Sơn có chùa Thầy (Hà Tây) chẳng hạn.

Không những núi, hầu hết địa hình các chùa tháp thời xưa và cả những chùa xây vào các thế kỷ sau đều gắn bó với sông nước hồ ao nữa. Hầu như chùa nào tháp nào cũng gần sông. Hoặc sông lớn như sông Hồng, sông Đuống (Bắc Việt), sông Cửu Long (miền Nam), hoặc sông nhỏ như sông Lãng (Hải Hưng), sông Châu (Nam Hà), sông Hương (Huế)... Các chùa địa thế có phần xa sông, các nhà kiến trúc cũng cố đào những con ngòi lớn để nối với sông. Vì sông xưa nay vẫn có khả năng qui tụ dân cư đến sinh sống ở hai ven bờ. Sông vẫn có giá trị thực tế trong việc tưới tiêu ruộng đồng, phù phù sa lên đất đai cho thêm phì nhiêu và là phương tiện giao thông nhất là vào thời xưa đã giúp cho vua chúa, quan lại và biết bao khách hành hương tới chùa thuận lợi, cũng như đã giúp cho việc chuyên chở nguyên vật liệu để việc tạo tác được nhanh chóng. Về phương diện nghệ thuật, có núi tất phải có sông, để sơn thủy kết hợp thành một môi trường gợi cảm, thêm chất thơ cho kiến trúc.

Người xưa đã để lại những kinh nghiệm: Hoặc tìm đến danh sơn, thắng cảnh để xây chùa hoặc nhận phong cảnh đẹp, núi sông cây cỏ hữu tình mà dựng chùa xây tháp. Thấy núi có động liền chọn làm am tu luyện. Thấy sông quanh cophân

tu nhiều khúc, bèn lập nơi thờ tự để truyền bá pháp Phật. Hay gặp những thế đất có thanh long nước chảy vòng quanh phía tả, bạch hổ núi ôm phía hữu; ứng thế đối cảnh trước sau liền lựa chỗ đắp nền cho chốn Già Lam. Thiên nhiên kết hợp với những địa hình phong thủy Sơn thủy hài hòa với công trình nhân tạo. Rồi tùy thế đất dốc núi, sườn non mà bạt nền lập trùng. Hay theo bờ sông uốn khúc mà sắp xếp lang vũ, điện đường. Những bước đầu tiên của hậu thế trong việc chọn đất xây chùa không thể thiếu vắng truyền thống văn hóa dân tộc, NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA NGƯỜI XƯA.

Chú thích:

- (8) Phong theo KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM Nguyễn Bá Lăng
- (9) Hành trình chơi núi Yên Tử Nam Phong số 106
- (10) Văn Tiêu Âm thơ chữ Hán của vua Trần Anh Tông
- (11) Tại địa phương có câu ca về tuần trăng
" ... Mười bảy sảy giường chiếu
" Mười tám đóng cửa chùa Giạm
" Mười chín bìn rịn...

TRẦN PHONG LỮU
16.9.84

Đổi làm quà SINH-NHẬT và TẾT cho con em,
không gì quý bằng gửi tặng chúng 3 cuốn sách:

Ì TỜ VUI
VIỆT - SỬ BẰNG TRANH
NGŨ - VÙNG BẰNG TRANH

Được soạn bằng 3 thứ tiếng
Việt, Anh & Pháp lại có
rất nhiều hình vẽ mỹ-thuật



Có sách này, không những các em đã giải nỗi
ngại ngại mà lại còn thông thạo Việt-ngữ nữa



Xin gửi mua sách tại nhà xuất bản QUÊ-HƯƠNG
15 Rochdale Ave. Toronto, CANADA.
Chi phiếu xin để gửi cho Mr. BUI
Mỗi cuốn giá 5 Mỹ-kim kể cả cước gửi Bookrate

TÂY PHƯƠNG

NHÂN MỘT CHUYẾN ĐI

Anh M. mến !

... Viết cho anh những giòng tâm tư này khi bên ngoài song trời đang đổ tuyết. Nổi đây mùa đông đã gõ cửa rồi Anh M. à! Đã lâu lắm rồi, hôm nay tôi mới ngồi viết cho anh cùng Bạn hữu, có lẽ thời tiết làm mình thoáng động tâm can chăng? Lần này tôi muốn được tâm sự cùng Anh và đồng đạo những vấn đề chung quanh việc tu học của mình nhiều hơn là chuyện đời. Những Đời Đạo có gì khác nhau đâu Anh nhỉ! Và lại chuyện đời thì có gì đâu để mà bận tâm phải không Anh, tôi thì quan niệm như thế. Thường tôi ít khi nghĩ chuyện Đời lắm, mà chỉ biết sống trong giòng đời để thể nghiệm chuyện Đạo thôi !

Việc tôi muốn kể cho Anh nghe là câu chuyện tôi chứng kiến, khi có dịp tháp tùng Thầy Bốn Sĩ cùng vài Bác Đạo Hữu đi tham dự lễ kỷ niệm 10 năm khai tự của một ngôi Chùa bên Tây. Hôm đó cũng nhằm ngày vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nữa.

Anh cũng biết là tính tôi ít thích đi đó đây lắm. Với quan niệm ở đâu thì cũng thế thôi ! Cái lạ nếu có chỉ là những đổi thay hình trạng bên ngoài, không giải quyết được tận cùng cái bản thể tâm linh của con người! Mà đã là cái đổi thay ở bên ngoài, hoặc giả là một sự cải cách, tiến bộ nó cũng chỉ là biểu tượng của sự trùng trùng duyên khởi, sinh diệt biến đổi mà thôi, không bao giờ biết ngừng nghỉ. Anh còn nhớ cô lần chúng mình đã bàn cãi sôi nổi khi tôi trình bày cùng Anh quan điểm rằng, đâu biết đi một ngày đang học một sàng khôn, thế nhưng cái "khôn" đó ở đâu

mà cô, từ mình thể nghiệm được hay từ những trợ nhân duyên bên ngoài!

Ngày xưa Đức Phật có đi khỏi khu vực Bắc Ấn đầu, thế mà Ngài cũng biết được tất cả, hiện tại nhân đến quá khứ và vị lai. Ngài biết tất cả mọi bình diện từ khoa học, xã hội, chính trị, văn hóa, giáo dục, văn nghệ v.v...

Những lời giảng của Ngài vẫn còn giá trị cho đến ngày nay, dù đã trên 2500 năm rồi! Riêng tôi, tôi tin rằng những gì Ngài đã thuyết giảng, được ghi chép lại trong kinh sách, có giá trị miên viễn !

Cách đây không lâu, nhân đọc một tạp chí Khoa học, trong đó có đăng tin rằng người ta vừa khám phá ra một hệ thống Universum khác, cấu trúc của nó tương tự như Thái dương hệ, cũng có một mặt trời, nhiều hành tinh di động trên những quỹ đạo cố định chung quanh mặt trời ấy. Thế thì nhờ vào sự văn minh tiến bộ khoa học kỹ thuật con người mới khám phá ra nhiều thế giới khác! Những gì mà Đức Phật đã thuyết giảng, được ghi lại trong các kinh Đại Thừa Phương Đẳng cách đây trên 2500 năm. Ngày xưa Đức Phật đầu có những viên vọng kính cực kỳ tôi tân đề mà quan sát vũ trụ đầu! Thế mà Ngài dạy rằng, ngoài cái thế giới chúng ta hiện đang cư ngụ đây, tạm gọi là quả địa cầu còn có hằng hà sa số thế giới khác trong 10 phương. Ngài cũng còn giới thiệu cho chúng ta biết tên của các quốc độ ấy, vị giáo chủ là ai, căn độn của chúng sanh nơi quốc độ ấy ra sao... Trong kinh Pháp Hoa Anh thường đọc tụng có nói đến thật rõ.

Chính ngay trên quả địa cầu này cũng có biết bao nhiêu quốc độ rồi. Ngày xưa ta nào biết những quốc gia khác, hình tung giống dân, nền văn minh... của xứ ấy ra sao, phải không Anh?

Vậy thì đi xa để thấy gì hở Anh! Và chẳng chỉ thấy những bình phong vật chất che đậy bên ngoài. Riêng tôi tin rằng, khi mình thể nghiệm được thuyết Nghiệp Báo Nhân Quả thì ta có thể nhìn, biết được muôn hình vạn trạng với cái Tánh Thường Trụ trong cái hình thái vô thường của nó vậy. Như Lục Tổ Huệ Năng bảo Giác, tánh vốn sáng, nào cần phải lau chùi mỗi tợ. Đã sáng thì làm gì không soi được hết tất cả !

Dù sao lần này tôi nhất quyết tháp tùng Thầy để thâm định lại cái quan niệm của mình vậy. Cung để có dịp sống trong cái không khí đạo tràng khác nơi mình tu học.

Ngày trước đó tôi được dịp giúp Anh Chi trợ gia đình Phật Tử nơi ấy cắt chữ giấy chò khầu hiệu mừng lễ kỷ niệm. Lúc đang hành sự, cô 1 cô nét mặt không được vui mấy, lên tìm Thầy

Trù Trì có việc muốn bạch. Tình cờ tôi được nghe câu chuyện như sau :

Cô ta bạch Thượng Tọa trụ trì rằng: "Kính bạch Thầy, bởi con có tâm sự buồn, nên muốn đến Chùa trước là để an tâm thứ đến làm công quả trồng phước đức. Con phụ dưới bếp. Bạch Thầy, ôi! Sao mà bực ghê đi! Con giúp các Anh Chi dọn bàn. Bác A. bảo chúng con dọn thênày. Công việc chưa xong, Bác B. gặp chúng con bảo như vậy không đúng, phải dọn như vậy. Chúng con lại bắt đầu như ý Bác B. Công việc bày biện vừa xong, Bác C. ra bảo chúng con cũng giống như Bác B. Theo Bác C., dọn bàn như Bác B. không đúng quy củ Thiên Môn, vì Bác C. cho rằng Bác ấy đi chùa trên mấy chục năm rồi! Chúng con lại phải bày lại theo ý Bác C. dù có buồn bực, nhưng cũng gặng đến giờ ngoi rồi, chúng con cũng cố gắng lo cho xong phận sự mình."

Bạch Thầy, lúc con phụ mấy Bác thái rau cũng thế. Vị này thì bảo thái thế này, người khác bảo cách khác. Con bực quá không nhẫn được, nên lên bạch Thầy giúp con. Con lần đầu đến chùa, chữ kiêu này mới thì làm sao con kham nổi. Chắc con chưa có duyên Thầy ạ !"

Thượng Tọa trụ trì với nét mặt điềm nhiên, từ tốn nhìn kẻ sơ cơ mà xót thương. Người buông tiếng: "A Di Đà Phật, con thấy đó. Phát Tâm Đạo đã là khô rồi, đến chùa để làm công quả lại còn khô hơn, không khéo Đạo Tâm bị thổi tắt mất thôi. Vậy theo ý con thì nên dọn như thế nào? Thái rau theo cách nào? Vào chùa làm công quả gây phước báu, tu học điều thiện, tạo nhân lành hầu mai hậu hưởng quả tốt mà còn mang cái ngã, cái cứng cách xử thế ngoài đời thì làm sao được. Con! Người tu học phải bỏ bên lề tất cả cái Tự Tôn, Tự Tí, Tự Ái và Mặc Cảm thì mới nhẫn được tất cả những cái không thể nhẫn được. Con thử suy xét lại đi, đừng trách họ mà hãy thăm tạ ơn họ, mới phải chớ. Chính họ là kẻ giúp mình thăm định lại Đạo Tâm của mình, xem có vững bền chăng? Đức Phật ngày xưa bị không thiếu gì Ma Vương tìm mọi cách nhiều hại. Bởi thế Đức Phật dạy "Lấy Ma quân làm bạn đạo, lấy kẻ thù bạc làm người giúp đỡ, lấy người chống đối làm nơi giáo dục". Con hãy bình tâm mà suy gẫm."

"Bạch Thầy, kẻ sơ cơ như con làm sao kham nổi!"

"Thôi con hãy gắng lên, và xuống Nhà Trù phụ các Bác dưới ấy đi"

"Bạch Thầy, ở dưới đó phiền não quá. Nếu có công chuyện khác, xin Thầy cho con phụ giúp. Chứ con không xuống dưới đó nữa đâu. Bằng không thì con về vậy!"

Anh M. à! Nghe thế, tôi vội mời cô ta phớt lời cắt chú cho vui. Một đôi sau, cô lại xuống nhà

Trù. Không lâu lại lên bạch Thượng Tọa trụ trì, nội dung đại ý như trên. Để giúp kẻ sơ cơ Thượng Tọa cho phép cô tháp tùng cùng ban hộ niệm của chùa để tụng đấm gấn xóm. Tối hôm ấy tôi vẫn còn gặp cô ta ở chùa trong bộ đồ hà Sáng hôm sau tôi cùng một Anh Phát Từ ra quán cà phê gần chùa điếm tâm, đồng thời Anh cũng có ít chuyện muốn tâm sự với tôi. Trở lại chùa, gặp cô ta đang đi ra. Tôi hỏi: "Cô đi về?" Cô ấy trả lời: "Chiu không nổi Anh à Em đi về vậy!" Tôi bèn mời cô ngồi ở ghế đá trong công viên Chùa có đôi lời tỏ bày. Vì thấy cô ta cũng giống mình như những ngày đầu đến Chùa công quả vậy.

Chuyện Đời nếu có lợi cho mình, hoặc vui thì làm, không thích thì thôi. Còn chuyện Đạo thì không như thế. Cái chuyện Đạo tôi muốn nói ở đây là những Phật sự trong cúng như ngoài cửa Thiên Môn. Cái vui trong chuyện Đạo là vui học Đạo, vui tu học; còn thích là thích làm, thích hành Phật sự như thế là vui Tử Bi và hành Hỷ Xả hay vui thích Tử Bi Hỷ Xả vậy Anh chắc hẳn cùng quan điểm với tôi chứ !



Việc hành Phật sự đâu có ai ép buộc mình. Vì việc hành sự đi đôi với sự phát tâm của mình rồi. Hành lợi mình, lợi người nên ở trong đó không còn có cái ngã nữa. Bởi cái ngã không còn nên đâu có cái bắt đầu và chấm dứt. Chuyện Đời thì ngược lại, vì còn cái ngã trụ công việc, nên còn bị ảnh hưởng của thế thái nhân tình, trong Đạo gọi là 8 gió, nó bủa vây mình.

Anh còn nhớ Luận Bảo Vương Tam Muội dạy "Thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có ý mưu đồ". Còn cái ngã nên còn cầu đền đáp, nếu kết quả không như ý mình thì thổi lui, đôi lúc còn sanh tâm tiếc nuối và oán hận nữa. Nhưng làm chuyện Đạo là làm cho chính mình chứ có cho ai đâu! Không những lợi mình mà còn lợi người nữa. Vì cái lòng lợi ấy nên mình kham nhẫn được, lâu dần sẽ mất đi cái ngã.

Trong cuộc sống tha hương ngày nay, tôi rất quý mến các Ban trẻ phát tâm tu học và làm Phật sự. Nhất là ở cái xứ vạn mình vật chất nhiều nhưng này mà còn đến chùa để tu học,

tìm chút an lành cho tâm linh để trở về lần
lớn trong giòng đời đầy nghiệt oan! thật nhẽ
người trẻ ấy rất đáng được tận thân. Tạ ơn
tốt không dễ, nhưng gây nhân bất thiện thì
chẳng khó, Anh nhĩ!

Lúc lên xe trở về, tôi bỗng thấy cô ta trong
bộ đồ hồ đống lập lòe tiền đũa. Ngay lúc ấy
trong tâm tôi khởi lên lời cầu nguyện chữ
Phật Tô gia bị cho tất cả chúng sanh luôn
vững bền đạo tâm và viên thành đạo nghiệp.



Trở về ngôi chùa thân yêu, tôi thường xuyên
chứng kiến những cảnh tượng tở như thế, Anh
à! Người đem tâm hoặc cách giải quyết theo
Đời làm chuyện Đạo thì chuyện Đạo hóa ra
chuyện Đời mất thôi, đó là khía cạnh khác. Còn
riêng mình thì sức nhờ đến lời dạy của Đức
Phật, cũng trong Luận Bảo Vương Tam Muội :
"xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không gặp ma
chướng, vì không bị ma chướng thì chỉ nguyện
không kiên cường". Quả thật thế Anh M. à! Cái
nội ma, ngoại chướng nó quấy nhiễu mình muôn
bề. Nó luôn rình rập mình, đâu chịu buông tha,
trôn nó làm chi. Hãy trực diện, đương đầu với
nó bằng Tứ Bi Hỷ Xả. Hiểu thì như thế, nhưng
thực hành thì không dễ. Đâu biết rằng không
dễ, nhưng không phải không làm được. Có người
bấp lăm nhiều thì có lỗi nhiều, làm ít có ít
lỗi, không làm thì không có lỗi chi cả. Vậy
cái lỗi ấy là từ mình hay tại công việc. Thế
hóa ra mình là gở đã cả sao! Cái lỗi ấy nó
Thường Trụ dù làm hay không làm, thế thì cứ
làm đi để lần hồi phục thiện, chứ đừng e
ngại nó!

Chuyện Đời có cái nhiều những của nó, còn
chuyện Đạo cũng có những cái phiền não của
nó. Chùa lớn, Phật sự đa đoan, có nhiều phiền
não; còn chùa nhỏ, Phật sự ít, không phải là
không có phiền não, nhưng nó ít thôi!

Để chấm dứt nơi đây những giòng tâm tư gửi
đến Anh, tôi ghi lại câu chuyện "Lãng Đẳng Thiên Sư"
để chúng ta cùng suy gẫm. Câu
chuyện đạo này tôi tình cờ đọc được trg tập
san Kim Sơn do Tu Viện Kim Sơn bên Mỹ phát
hành. E rằng nếu mình tóm lược câu chuyện sẽ
mất đi phần nào ý nghĩa, nên tôi xin phép Ban
biên tập cho đăng lại trọn câu chuyện gửi
đến Anh cùng Bạn Hữu.

Không ai biết Pháp hiệu hay tên thật của sư
cụ là gì, chỉ thấy người ta khi gọi nhà sư là
sư cụ khi gọi là sư ông mà thôi. Một vài
người ra về thành thạo nói sư cụ Pháp hiệu
là Vô Nhiễm, có lẽ vì thấy nhà sư ít vương
lụy bụi trần; có người lại gọi nhà sư là Hoan
Hi thiên sư, có lẽ vì thấy sư cụ luôn luôn
vui vẻ và hoan hỷ. Một số khác thân mật và
vui đùa gọi ngài là Lãng Đẳng Thiên Sư. Nhưng
có ai hỏi nhà sư điều này, nhà sư chỉ cười
nói: "Đâu có gì quan trọng, gọi là gì cũng
được, tên gì cũng vậy. Gọi tôi là sư cụ thì tôi
là sư cụ, gọi tôi là sư ông thì tôi là sư ông
thế thôi".

Bình thường Sư cụ hay vân du đây đó thuyết
pháp hoặc nói chuyện đạo. Các buổi thuyết pháp
của Sư cụ thường đơn giản và thực tế, ngài
thường đem những chuyện ngụ ngôn làm thí dụ
để mọi người dễ nhớ. Thắng hoặc có ai đến gặp
sư cụ để hỏi chuyện, thường thường để kết
luận Sư cụ đều kể cho nghe một câu chuyện
bằng qư nào đó. Có lẽ vì vậy mà người ta gọi
ngài là Lãng Đẳng Thiên Sư.

Một vị đại phú đến gặp Sư cụ và nói :
- Bạch Thầy. Đời này sao có nhiều người thiếu
đạo đức và ích kỷ quá. Họ chỉ nghĩ đến họ,
đến gia đình họ mà không nghĩ gì đến công
việc lợi ích chung. Có người sẵn sàng bỏ hàng
trăm đồng sửa chữa các vật dụng không thật
sự cần thiết trong khi đó nếu phải bỏ mấy
đồng để làm phúc bố thí thì họ do dự. Như
ông Cả Huy chẳng hạn, giàu có như vậy mà cúng
chùa có mấy đồng. Còn Bà Năm, lúc nói chuyện
buôn bán kinh doanh thì cặp mắt sáng rỡ, nhẽ
khi nghe thuyết pháp thì ngủ gà ngủ gật. Bà
Bảy ở xóm dưới đã có hai ba con mà còn bỏ
chồng. Con không hiểu tại sao có nhiều người
không biết sống tí nào cả. Đời sao mà chán
quá!

Sư cụ diện nhiên mỉm cười trả lời :
- Anh nói thế cũng chưa đủ đâu. Còn phải kể
đến những người hay xen vào chuyện kẻ khác
hay lo cái không đáng lo, lại ưa chỉ trích
phê bình nữa chứ! Tốt hơn, không nên xét
đoán ai mà chỉ nên xét đoán mình. Nếu bất
đắc dĩ phê phán về hành động của người nào
thì phải đặt mình vào hoàn cảnh người đó.
Nhưng dù đặt mình vào hoàn cảnh người để
xét đoán cũng còn lằm lằm nửa hướng chi đúng
khách quan mà phê bình. Đừng như con k h i
trong câu chuyện sau đây :

Một con khỉ không lồ sống trong 1 rừng núi
lớn, một buổi chiều đẹp trời đi dạo gặp một
con chuột. Cả hai quen biết nhau từ trước
nên chuyện trò rất thân mật, khỉ nói :
- Anh thấy tôi to lớn và khỏe như thế này,
không ai có thể ăn hiếp tôi được thêm sáng

nay một con cạp điên dám tấn công tôi. Tôi không muốn gây sự với một tên điên vì vậy tôi phải tránh nó. Tôi vội vã trèo lên một cây thật cao, chẳng may, một nhánh cây gãy nhọn hoắc cào vào lưng tôi gây thành 1 vết thương dài hơn hai gang tay. Nào! Anh xem thứ coi !

Chuột nhìn vết thương khi rồi trả lời :
 - Vết thương làm anh đau lắm phải không ? Nhưng anh bạn ơi! Như vậy có ăn thua gì . Tánh mạng anh chả bị đe dọa tí nào cả! Trước hết, con cạp điên làm sao hại anh được, khi anh to lớn như thế này dầu cho nó đuổi kịp anh đi nữa. Thứ đến, cành cây nhọn cũng chỉ làm rách lưng anh chứ không thể làm anh chết được. Trường hợp tôi thì khác, Nguy hiểm hơn nhiều. Cách đây chừng một giờ đồng hồ tôi bị một con mèo rượt trời chết, Suýt tý nữa hẳn bắt được tôi. Anh biết không! Tôi đang đi thơ thân bỗng từ trong bụi rậm, gã mèo nhảy ra chụp tôi một cái thật mạnh, nhấc cái vuốt sắc của gã thiếu điều xé rách thân tôi ra. May mà tôi thoát được nếu không thì chẳng còn cơ hội gặp anh. Anh hãy nhìn thứ xem, lưng tôi bị rách sâu hoắm và dài hơn 2 gang tay !

Con khi không lộ nhìn con chuột cười mỉa mai
 - Tôi không dám bảo là anh nói dối, nhưng anh thử nghĩ xem, từ đầu mũi đến tận chót đuôi của anh chưa dài được một gang tay vậy mà anh dám nói vết thương trên lưng anh dài đến hai gang, nghĩ cũng lạ.
 Chuột nhỏ nhẹ trả lời :
 - Tại sao anh lại dùng cái gang tay khổng lồ của anh để đo vết thương của tôi. Phải đo vết thương tôi bằng chính cái gang tay nhỏ bé của tôi chứ !

Hẹn Anh lần tới, gửi về Anh những gì tốt đẹp và an lành nhất trong mùa đông này.

Thân,
 TÂY PHƯƠNG

liếp theo trang 46

AI OAN ? AI ỨNG ? AI CÔNG ? AI TÔI ?

Người đời nay khi nghe và kể câu chuyện tình u oán thâm thúy với với này, ngậm ngùi quên chuyện mưu đồ vương bá. Triệu Đà hay Triệu Vũ Đế, Thục Phán An Dương Vương, Kim Quy Thần Cô Loa thành, Âu Lạc Nam Hải hay Nam Việt quốc, tất cả tan thành bóng mờ làm bối cảnh cho một thâm tình thanh khiết như sắc ngọc châu trong sáng được rửa sạch oan uổng bằng nước giếng thủy chung Trọng Thủy.

Quảng cáo

Tiệm Tùng Hương tại Schwannthalerstr. 63, 8000 München 2. Tel. 089-533298/576430 có bán thực phẩm, sách báo, băng nhạc.

- Đây đủ các loại thực phẩm khô, tươi và đóng hộp.
- Các món ăn thuần túy Việt Nam: giò lụa, Lạp xưởng, nem chua.
- Các loại hàng giá trị: kem hoa lan, dầu xanh, dầu gió, Salonpass.
- Áo gấm Thượng Hải hoa chữ thọ cho cô dâu và soie Pháp.
- Bán và cho mượn các loại sách kiếm hiệp. Tủ sách gia đình dạy nấu ăn.
- Băng nhạc mới nhất thâu nguyên thủy tại Mỹ
- Băng Video màu mới nhất trên thị trường (Hệ thống Pal, VHS).
- Tủ Hồng : nhạc kịch sống III, phim màu DM 120.-
- Thanh Lan : Hát cho tình yêu (băng ca nhạc phim màu DM 140.-
- Tuyệt tình ca (cái lương), phim màu DM 120.-
- Hoa Mộc Lan (cái lương hồ quảng) phim màu DM 120.-

Nhận gửi thực phẩm, sách báo, băng nhạc, băng Video qua bưu điện theo lối Nachnahme. Muốn có danh sách sách báo, băng nhạc, băng Video, thực phẩm xin gửi thư kèm 1DM tem lệ phí bưu điện.

. Thơ của Nguyễn Chí Trung "Trong Hời Tắt Hời" xuất bản đầu mùa Thu 1984 tại Stuttgart, Tây Đức. In lần đầu 200 bản trên giấy Eiderdruck có ghi số từng tập. Phụ bản 3 bức tranh của Tác giả. Lời bạt của Thi sĩ Bùi Giáng (Sài Gòn, Việt Nam). Xin quý bạn hỏi mua nơi Dr. Nguyễn Chí Trung, Waechterstr. 8, 7000 Stuttgart 1 (giá bán 20 DM).



Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thù

(tiếp theo)

Bach Đức Thế Tôn, từ khi con vâng lệnh Ngài về nước, con ráng đổi mài đạo đức, chịu khổ hạnh nhiều bề: ăn không dám no, ngủ không dám ngủ kỹ, để kiểm chế xác thân. Con buộc mình phải thức khuya, dậy sớm, tham thiền, sửa tánh để ăn năn, sám hối. Vậy hôm nay, Ngài có bằng lòng thấu nhận con làm đệ tử chăng? Đức Phật trả lời "Không". Vừa nghe lời vắn tắt này Du Ta rất đổi kinh hoàng, nghẹn ngào, rưng rưng giọt lụy, vén vạt áo lên chùi với bao nỗi thất vọng! Hoàng tử lẳng lẳng một hồi lâu, mới lập cập, bạch rằng: "Kính lạy Đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng từ bi bác ái, thương xót con, cho con hiểu tại làm sao con không được Ngài thấu nhận vào hàng môn đệ? Đức Thế Tôn ơi! Xin Ngài giải rõ cho con nhớ."

Trong lúc ấy, con beo cái giường đầu lên ngó Hoàng tử mà hăm hủ. Đức Phật đưa tay ra vuốt ve nó. Lúc bấy giờ sấm sét đã dứt, mây tan mủa tạnh. Cảnh vật trở lại êm đềm như cũ, tựa hồ để lẳng nghe lời Phật dạy. "Ồ này Hoàng tử cao quý ơi! Nhưng sự thử lòng mà ta mong chờ ở con chẳng phải thuộc bên ngoài mà chính thuộc về cõi tâm tính của con vậy. Ta chẳng phải bắt con bỏ vợ và cung phi mỹ nữ đâu. Ta chẳng phải bảo con ly gia cắt ái để huỷ bỏ cuộc đời i xuân xanh lạc thú của con đâu. Ta nào bắt con chịu khổ hạnh để ép mình trí giới. Không, không đâu. Ta không muốn con dứt bỏ những cái gì bên ngoài, trong khi tâm con còn vướng vẩn những cái gì không hay."

Bởi kiếp xưa, con vụng đờng tu, gây ra nghiệp chướng nặng nề, kiếp này tự nhiên con phải trả... Nhưng đến khi con đứng trước sự thử lòng khó khăn kia, thì con không có đủ nghị lực để thắng nó! Con đã sa ngã một cách si nhục, ước hèn mà con không hay! Vậy con hãy trở lại nhìn vua, cam chịu làm người đạo đức suông, chớ những cách hành thiện của con vừa kể đó không chứng tỏ rằng: con có đủ điều kiện để làm đệ tử. Nghe dứt mấy lời của Phật, Hoàng tử Du Ta như bị sét đánh vào tai, vừa thảm đạm vừa hổ người mà bạch rằng: "Bach Đức Thế Tôn ơi! Xin Ngài từ bi chỉ cho con rõ: con sa ngã về chỗ nào? Nói ra càng thêm thẹn cho con nhưng con muốn biết đặng ăn năn sửa mình." Đức Phật nói: "Được, con hãy lắng nghe! Điều thứ nhất, con phần nộ khi người ta vu cáo con. Ô này Hoàng tử cao quý ơi! Con hãy nhớ lại một khi kia, tại trào đình của phụ vương con, có người vu cáo con một chuyện để mưu đồ đoạt ngôi vị của con. Đó là một cuộc thử lòng đến cho con, coi con đối phó cách nào cho xứng đáng là người đệ tử Phật. Mà rồi con không bình tĩnh đợi chờ cái ánh sáng của chân lý đến chứng tỏ kẻ ngay người gian hoặc giả con cam chịu ô nhục, rước lấy sự vu oan một cách nhẫn nại và từ tâm, để trả cho rồi cái quả báo kiếp xưa mà con đã gây ra, trái lại con thối thoát. Con nhứt định mình oan cho được và con lại còn phật nộ lời đình nữa. Đó là sự sa ngã thứ nhất của con. Hoàng tử Du Ta xanh mặt đáp rằng: "Bach Đức Thế Tôn nếu con dè đó là nghiệp chướng tiền khiên, thì ắt con đã vui lòng cam chịu sự si nhục ấy rồi! Nhưng vì con còn vô minh, và tưởng mình phải có bốn phạm mình oan, trước cứu giá cho mình sau cho Hoàng tộc. Đức Phật nói: "Ồ này Hoàng tử! Người thiện như ở đời bao giờ cũng có quyền phản kháng và mình oan cho mình khi bị vu cáo. Nhưng kẻ tu hành, muốn bước chân vào đường đạo và muốn làm môn đồ nhà Phật thì phải làm thình cam chịu những nổi bất công xảy đến riêng cho mình..."

Bởi vì kẻ nào sống với tinh thần rồi, thì những sự vật bên ngoài như danh giá giàu sang thế lực, không còn trọng đại nữa. Chúng nó chỉ có giá trị tương đối với đời sống tạm này thôi. Con hãy tin chắc rằng: dưới trần này chẳng hề có sự ngẫu nhiên đâu. Ta sướng hay cực, ta được người thương hay bị họ ghét, ta giàu sang hay hèn hạ đều do duyên lành hay quả xấu của ta gây ra nghiệp báo. Bởi vì Thiên Địa chí công và không bao giờ hữu nhân mà vô quả đặng. Người học đạo nên đội một cách lãnh đạm cái mào vinh hoa hay ô nhục, và luôn luôn bình tĩnh, tâm không xao động: chẳng nên khinh bên nào mà cũng chẳng trọng bên nào! Khi con bước

chân vào đền vương gia, tâm con cũng phải giữ mực quân bình như con đến chốn lầu tranh vách đất. Con chớ vì ngoại cảnh mà khinh hay trọng...

Hoàng tử Du Ta cúi đầu bái phục. Đức Phật nói tiếp rằng: Điều thứ hai, con sa ngã vì con ích kỷ, con ích kỷ trong tình thương. Con rất yêu mến một người bạn tên là Da Sa chẳng khác gì con, tình thương ấy là do nhân duyên kiếp trước tạo thành. Rồi một ngày kia, có một người lạ mặt tên là Ba Li Ca đến tại triều của phụ vương con cậy Da Sa làm một việc. Ý con không muốn. Và khi người ấy xin kết nghĩa kim băng với bạn con, con lại ghen tức. Đó là cơn giông tố xảy ra ở giữa lòng con, mà người ngoài đâu biết dạng? Đáng lẽ gì con phải có đủ can đảm để chống chọi lại tánh xấu của con, đáng lẽ gì con phải ôm lòng chịu lẻ loi và rắng nhốt tận gốc, nhưng cố xấu đang xâm chiếm lòng con, đáng lẽ gì con phải thương Da Sa, vì Da Sa ở chỗ chẳng phải thương để chiếm lấy một mình, nhưng con lại dậm ra uất ức, buồn rầu. Con tìm thế ngăn cản không cho bạn con thân thiện với kẻ khác. Và từ đấy trong lòng con đã nhen nhuộm lửa ghen, ghen hận! Đó là điều con sa ngã lần thứ nhì vậy. "Bạch Đức Thế Tôn, sở dĩ con không muốn Ba Li Ca kết bạn với Da Sa vì con biết y lợi dụng bạn con, y vì tư lợi, chớ chẳng phải vì tình thương. Con thầm nghĩ: con có bốn phận bảo hộ bạn con khỏi lâm vào cạm bẫy đó thôi". Đức Phật trả lời: "Ồ nầy Hoàng tử cao quý ơi, với tay phạm mắt thịt, với thất tình lục dục của con, con làm sao đoán người trũng dạng? Làm sao con dám quả quyết rằng: Ba Li Ca vì tư lợi? Con ơi, con phải đề phòng những sắc tướng bên ngoài, nó gạt gẫm ngũ quan con làm cho con đã vô minh càng thêm vô minh hơn nữa. Và lại người học đạo nên biết người, mà không tìm thấy tật xấu của người chỉ nên lưu ý đến tánh tốt mà thôi. Vì đâu con có đoán trúng đi nữa thì cái tình tư lợi kia sẽ không vì thời gian mà đổi lại tình chơn chánh hay sao?"

Hoàng tử con ơi, người thiện nhơn ngoài xã hội có quyền bảo vệ tình yêu của họ, để họ thương thức đến tận đáy, chớ còn người xa thân cầu đạo, và muốn làm vì đệ tử Phật thì phải tập dứt bỏ cả mọi điều, cho chỉ tình yêu độc nhất cũng vậy, và nhớ trong lòng mình những rổ nhuốm máu của sự ghen ghét và ích kỷ. Hơn nữa, người ấy phải ôm chịu, không than van phiền muộn, sự phản bội và bất trung của người thân yêu nhất đời. Con ơi chẳng phải người học đạo nên diệt chử thương như nhiều người lầm tưởng, mà trái lại nên mở rộng lòng bác ái, yêu thương một cách vi tha, không một mảy gì ích kỷ. Tình thương chơn chánh là một nấc thang đưa con đến đài minh triết muôn đời. Hỡi nầy Hoàng tử! Những của tiền phụ vương con, những sự vui sướng về nhục dục không làm cho con ưa thích nữa: vì lẽ con đã thật tận hưởng rồi, con dậm ra chán ngán, chớ không phải công trạng gì đó mà con kể. Hoặc con muốn dứt bỏ cảnh phú quý để tôn mình hơn người, chớ có giá trị gì? Còn trước cái công đức vĩ đại này mà duyên may đã đưa đến cho con, con lại thiếu can đảm, thiếu nghị lực để khoác trên thân con chiếc áo hy sinh thật sự một mảnh chiến bào bác ái, cứ cho ra mãi không trông mong hồi đáp.



Hoàng tử Du Ta cúi đầu hổ thẹn. Lời danh thép huyền diệu của Đức Thế Tôn đi sâu vào tận đáy lòng, đánh thức chơn thân của Thái tử. Thái tử Du Ta bèn bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng bác ái, giảng thêm cho con nghe nữa! Xin Ngài hãy làm cho con thêm nhục để con được thức tỉnh mà ăn năn những sự sai lầm. Chiếc màn vô minh tự dưng mây mù đang phủ kín thân hồn con, làm cho con ở trong cảnh đen tối hơn giữa đêm khuya. Đức Phật nói rằng: "Ồ Hoàng tử cao quý ơi, điều con sa ngã thứ ba là vì con thiếu lòng nhân ái. Nan Đà một vị thủ phi của con đã làm nên tội trọng: vì tánh lẳng lơ. Con không cảm xót sự ngây thơ khổ đại của nàng, con đành nhẫn tâm sát, rồi đuổi ra khỏi hoàng cung. Vô cùng tủi nhục, nàng van lơn khóc lóc lạy lục xin thứ tha, mà con cũng đành nhắm mắt trừng tri thặng tay. Tại sao không mở rộng chút lòng nhơn, để khoan dung người tội lỗi? Biết đâu chứng trước sự cao thượng của con, trước da tứ bi bác ái của con, con sẽ cảm hóa dạng nàng, và sẽ đem nàng lại con đường ngay chánh?"...

Thái tử bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, con biết làm cách nào hơn bây giờ? Nàng Nan Đà đã nhỏ danh, xử tiết, nếu con còn giữ nàng ở ngôi vị xưa, thì tự nhiên con bồi lộ danh giá của Hoàng gia và của con nữa. Nếu con cứ điềm nhiên trước sự lẳng lơ ấy có phải là làm bại hoại luân thường đạo lý của con chăng?". Đức Phật nói: "Hỡi Hoàng tử Du Ta! Ta phải cần lập lại với con nũa sao? Người thiện nhơn ở đời có thể nghĩ đến quyền lợi mình, và tự do thưởng phạt cùng phán đoán theo lý trí mình... Nhưng người nào đã bước chân vào đường đạo rồi thì



Chương 2

Đây là mẫu đời tiên kiếp, cách hai mươi hoặc ba mươi năm về trước.

Bấy giờ Ngọc Lâm cũng đi tu và làm chức thư ký tại một cảnh chùa nọ.

Vương tiêu thư lúc đó là con gái của 1 nhà hào phú, cả gia đình nàng đều là tín đồ thuần thành của Phật giáo.

Cha nàng không may mất sớm. Mẹ nàng lên chùa xin tụng kinh lễ bái trong bảy ngày để cầu nguyện cho vong hồn người quá cố được siêu sinh tịnh độ. Nàng cũng theo mẹ nàng lên chùa.

Khi đến cửa chùa nàng thấy 2 con sư tử bằng đá đứng một cách uy nghiêm, hùng vĩ; tiến vào trong, nàng thấy trên tường hai tấm bảng trà và thang dán hai bên đầu hồi chùa.

- Má a, chữ viết trên hai tấm bảng kia đẹp quá!

Nàng là người con gái yêu văn thơ; nàng đã được cha nàng dạy làm thơ và chữ nàng viết rất tốt. Hôm nay tình cờ được thấy nét chữ trên những tấm bảng ấy, bất giác nàng cảm thấy mê say.

- Chữ con viết cũng đẹp vậy. - Mẹ nàng âu ým nói.

- Hừ... chữ của con đâu có được thế, thưa má - Nàng vừa nói vừa đưa tay chỉ lên những tấm bảng cho mẹ nàng coi.

- Thế từ hôm nay về con cố rán luyện tập thêm. - Mẹ nàng nói.

- Con in lấy mấy chữ trên bảng về làm mẫu để tập viết theo.

- Khỏi phải mất công! - Mẹ nàng nói. - Để mẹ bạch hòa thượng trụ trì xem sư ông nào viết chữ tốt như thế thì xin vị ấy viết cho con cái phóng rồi đưa về mà tập.

- Dạ, phải đây má a - nàng sung sướng nắm lấy tay mẹ nàng - Má thương con quá!

Hòa thượng trụ trì sai sư ông thư ký viết 1 trang phóng đúng như chữ trên tấm bảng trà, thang, rồi sáng hôm sau ngài đưa cho mẹ nàng. Chữ phóng giống hệt như lối chữ trên bảng,

nàng được tờ giấy chữ phóng như được một vật báu; nàng chỉ cho mẹ nàng từng nét rồi khen lấy khen để! Thật là thần bút! Mẹ nàng tuyệt không hiểu thế nào là chữ tốt, chữ xấu, song thấy con tán tụng, bà cũng cứ gật đầu lia lịa để chiều ý con.

Nàng vẫn về tờ giấy phóng, càng nhìn càng thấy đẹp, rồi từ chỗ say mê nét bút nàng bắt đầu tưởng nhớ đến người đã viết nên những chữ đó. Lúc đầu nàng tự nghĩ vẫn vợ: "Vị sư viết những chữ này nhất định phải là một người có tài, và sợ có lẽ cũng đã bốn, năm mươi tuổi, nếu không sao lại viết những nét già dặn như thế này. Mình đã được thấy nét bút, nếu không được biết hình dáng người ấy ra sao thì thật uổng lắm. Song mình là một người con gái, làm sao tiên ngó ý muốn gặp vị sư ấy?" Lòng nàng cứ băn khoăn, thắc mắc về vấn đề đó đã hai ngày rồi, cuối cùng nàng nghĩ ra một kế, nàng tưởng: "Muốn thấy vị sư ấy cũng không khó, chỉ cần có cơ hội được gặp toàn thể các sư trong chùa một lượt, tất sẽ được thấy vị sư viết những chữ này. Mình phải bàn với mẹ lên chùa cúng trai tăng và phong bao mỗi vị một lượng bạc, mình đích thân dâng phong bao cho từng vị, như vậy nhất định sẽ được thấy vị sư mình muốn biết!" Đang lúc nàng tưởng dè dàng như thế, bỗng nàng than dài: "Ồ, không được! Không được! Không biết tên vị sư viết chữ ấy là gì, dùng mao ra sao, trong khi bao nhiêu các sư đến nhận phong bao, làm thế nào mình nhận ra vị đó?" "A! Rất dễ!" - nàng thấy lòng khắp khởi. "Mình cầm sẵn một tờ giấy, xin mỗi vị khi đến lĩnh tiền viết tên vào đây, chỉ cần nhìn nét bút là mình có thể nhận ra ngay!"

bản dịch của
Quảng Độ

THOÁT VÒNG
TỤC LỰY

Hôm ấy trong chùa đông đủ. Sau khi thụ trai, mỗi vị sư đều đến viết tên mình vào tờ giấy nhận tiền phong bao của người con gái nhà thí chủ đứng dâng. Các sư đến hết rồi nhưng người con gái vẫn chưa thấy người nào có nét bút như lối chữ viết trên bảng. Lòng nàng ngổn vở:

- Còn vị nào trong chùa chưa đến nhận tiền

không? - Nàng vừa nhìn tờ giấy ghi tên vừa hỏi sư chú thị giả của Hòa Thượng trụ trì.

- Còn mỗi sư ông thứ ký là chưa đến thôi.

Chú tiểu ngây thơ đáp :

- Chú làm ơn đi mời sư ông đến nhận tiền đi.

Nàng có cảm giác hồi hộp và tim nàng đập mau hơn, chắc là chữ của sư ông thứ ký rồi !

Một lát sau sư chú thị giả trở lại, nói :

- Thưa cô, sư ông thứ ký không chịu đến! Ngươi bảo tôi lĩnh thay cho người.

- Thay sao được? Tôi cần xin sư ông viết tên của người kia mà !

Máu trong người nàng chạy rần rật, nàng muốn được thấy mặt người nàng hằng mong ước, nhưng tại sao người ấy lại không chịu đến ?

- Từ xưa sư ông thứ ký tôi ít khi ra khỏi phòng, người cũng không muốn tiếp xúc với khách lạ, tôi tưởng không nên ép buộc người!

- Ai cũng đích thân đến lĩnh, chỉ có một mình sư ông sao không thể đến được? Chú hãy đi mời sư ông một lần nữa, nếu sư ông đến, tôi sẽ dâng sư ông hai phong bao.

Nàng không phải là người gây khó dễ cho ai, song mục đích duy nhất của nàng là muốn được thấy mặt sư ông thứ ký.

Chú thị giả đem ý định của nàng nói cho sư ông thứ ký biết.

Tại sao sư ông thứ ký không chịu đến viết tên của mình để lĩnh tiền? Đó là một sự thực khổ tâm của ông.

Chả là ông nghe nói tiểu thư đích thân đứng dâng phong bao, mà tướng mạo của ông thì thật không nên phô bày trước mặt một người con gái: trên đầu ông đầy sẹo, mắt đỏ, môi dầy, răng vỡ, mũi thấp gần như không còn trông thấy, trái lại, đôi mắt thì lồi hẳn ra, ai cũng biết ông là một người tướng mạo xấu xí, như vậy không nên đến trước mặt một người con gái. Tuy ông thấy rõ điều đó, song chú thị giả lại đến nói là tiểu thư không những muốn ông đích thân đến lĩnh mà còn dâng ông hai phong bao, nên cuối cùng ông dùng hết sức can đảm để đi.

Từ đằng xa, nàng thấy sư ông thứ ký đi lại. Một lát sau thì nàng hồn phiêu, phách tán: trước mặt nàng thật là hình thù của một con quỷ da xoa la sát chứ không phải người! Nàng sợ quá liền tung hết tất cả rồi vừa chạy vừa la inh ỏi.

Bao nhiêu người sấm lại, bấy giờ nàng mới hoàn hồn; người thì an ủi nàng, người thì trách mắng sư ông thứ ký :

- Sao ông lại đi nhát con người ta như vậy? Ông thứ lấy gương soi lại tôn nhan của ông xem nào ?

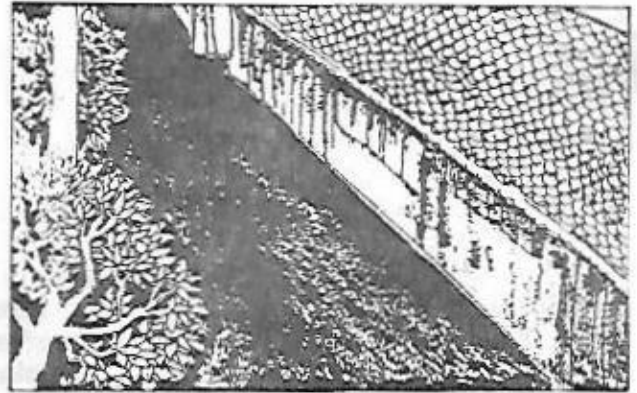
- Thấy tiền thì tôi mất lại !

- Ông làm mất hết thế diện trong chùa rồi còn gì ?

Ai cũng mắng sư ông thứ ký, mỗi người 1 câu,

như những mũi kim xiên vào trái tim ông, làm cho đau nhói vô cùng !

Tuy dáng người xấu xí song sư ông thứ ký cũng có lòng tự tôn như mọi người khác. Sau lần tủi nhục ấy, ông thấy không còn đủ can đảm để sống nữa, bởi thế một ý nghĩ đen tối nảy ra trong đầu óc ông: lấy cái chết để trả nỗi nhục ấy là tốt hơn hết.



Đêm khuya thanh vắng. Vạn vật đang say sưa trong giấc mộng triền miên. Ngoài kia bóng tối bao trùm cả bầu vũ trụ, và từ xa xa vọng về tiếng dế kêu sầm. Chính lúc sợi giây oan nghiệt sắp kết liễu một kiếp người, thì ngay giờ phút ấy, hòa thượng trụ trì xuất hiện. Ngại dè dang đưa tay cầm sợi giây vừa được xiết chặt :

- Sư ông thứ ký! Thầy không ngờ con lại có hành động như thế. Sự đẹp, xấu của người ta đều có liên quan đến kiếp trước. Nếu 1 người kiếp trước hay dâng hương hoa cúng Phật, hay ca ngợi vẻ đẹp của người khác, thì đời này họ được thân tướng đẹp để trang nghiêm; trái lại nếu một người kiếp này không chịu cúng dường Phật và Bồ Tát để gây nhân tốt, mà lại đem chê người khác, thì kiếp sau họ sẽ chịu quả báo xấu xa. Con đừng phàn nàn, đó chẳng qua là cái nghiệp lực kiếp trước của con đưa đến. Con tưởng muốn lìa cái xấu xa để có được sư tốt đẹp, mà nhờ vào cách tự sát thì thật không thể giải quyết được vấn đề.

Lời thuyết pháp của hòa thượng trụ trì như một tiếng chuông giữa đêm tróng xa vắng đã thức tỉnh được giấc mê mộng của sư ông thứ ký.

- Bạch hòa thượng! Hòa thượng rừ lòng, thốt chỉ dạy con đã thấy rõ sự ngu muội của con, song con là người xấu xí như thế này, làm cho ai trông thấy cũng ghê sợ, cũng phiền muộn thì còn ích lợi gì mà sống nữa ? Những giọt lệ nối nhau lăn xuống hai gò má của sư ông thứ ký.

- Người học Phật cần phải kiểm chế lấy mình đừng để cho ngoại cảnh chi phối và mê hoặc; con nên biết rằng người ta sống trên cõi đời này không ai tránh khỏi những sự hưng suy, vui, khổ, khen, chê, yêu và ghét, song những cái

đó đều là cảnh tượng trong chiêm bao, hư ảo, không thật có, con phải nhận chân như thế thì mới làm chủ được mình và cuộc đời mới được bình thản yên vui.

- Bạch hòa thượng! - sư ông thư ký lau nước mắt - Kiếp này con đã xấu xí như vậy, không biết kiếp sau con có còn phải chịu cái quả báo độc địa ấy nữa không?

- Con hãy chuyên cần lễ bái đức Phật Thích Ca Như Lai. Đức Phật này có nguyện rằng nếu ai cung kính lễ bái Ngài thì người ấy sẽ được tướng mạo tốt đẹp, trang nghiêm.

Vâng theo lời chỉ dạy của hòa thượng trưtri từ đây trở đi, sư ông thư ký đêm ngày kính cẩn tinh thành trước tượng Phật Thích Ca Như Lai dâng hương lễ bái.

Kiếp trước Ngọc Lâm chính là sư ông thư ký có thân hình xấu xí như vậy, nhưng nhờ công đức cung kính lễ bái đức Phật Thích Ca mà kiếp này được dung nhan đẹp đẽ, mặt như vầng trăng thu và thân như ngọc lưu ly chói rạng.

Còn tiền thân của Vương tiểu thư chính là người con gái yêu chú đẹp, tuy nằng tin Phật, biết gây công đức song chỉ cầu phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho nên sau khi chết được sinh làm con quan Tế tướng đại thần.

"Chàng vì em mà chịu tội nhục, vì em mà toan tự sát, lại cũng vì em mà chuyên cần lễ bái Phật Thích Ca để cầu cho được cái thân sáng chói như ngọc lưu ly ngày nay, chàng là một người đáng yêu, đáng kính lắm. Em nguyện mãi mãi được sống bên chàng!".

Sau khi mê mông, Vương tiểu thư cứ sáng sớm và làm nhảm nói những câu như thế.

Hình ảnh của Ngọc Lâm: thân như ngọc lưu ly mặt như trăng mùa thu, đã in sâu vào trí óc nàng, mỗi khi nàng mê sáng thì hình ảnh ấy lại chập chồn hiện ra trước mắt nàng.

(Còn tiếp)



Giới thiệu

Trong thời gian qua chùa Viên Giác và Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Đức đã nhận được các sách báo của các chùa, các tổ chức, các Hội Đoàn. Xin thành thật cảm ơn tất cả quý Tổ chức đã ưu ái gửi về Viên Giác và xin giới thiệu đến quý vị độc giả xa gần :

Đức và Âu châu

Độc Lập 10 và 11/84. Mãng Non số 10/84. Tập San Tư Bi Âm tháng 11/84. Dân Chúa Âu Châu 32 33. Thông Tin Aachen số 24. Khởi Hành số 9. Sông Việt số 6. Nhịp Cầu số 2 và 3/84. Nhân Quyền số 9. Bước Đường Đầu số 7. Nội San Gọi Đàn số 14. Vượt Sông 24. Chiến Hữu 19 và 20. Quê Mẹ số 61 và 62. Hồn Việt số 10/84. Kí Hữu số 44 và 45...

Hoa Kỳ và Canada

Phật Giáo Việt Nam số 49. Nguồn Đạo. Từ Đàm Quốc Nội, Quốc Ngoại. Đặc San đệ thất chunien 1984 GPT Cựu Kim Sơn. Bodhi, Chan Newslet - ter. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ số 4. Ngày về số 38. Đuốc Tư Bi số 15. Liên Hoa số 44. Lửa Việt số 46, 47 và 48. Vượt Biên số 29. Tư Ân số 7 và 8. Chân Như số 16 và 17. Đặc San GPT Kim Quang Nhân Quyền số 80.

Đài Loan

Hiện Đại Phật Giáo và Trung Ngoại.

TIN CẦN BIẾT

Đồng Bào Việt Nam hiện cư ngụ tại Đức lâu nay Quý vị đã làm đơn xin Đoàn Tự Gia Đình cho thân nhân bên đảo nhưng đã bị Bộ Ngoại Giao từ chối vì bất cứ lý do gì. Xin gửi thư này về địa chỉ dưới đây để can thiệp giúp đỡ Quý vị.

Ngoài ra Bộ Ngoại Giao cũng sẽ cử xét trường hợp đặc biệt cho những gia đình còn kẹt lại Việt Nam chỉ một người nhưng chưa có gia đình cũng sẽ được đoàn tụ đến Đức. Mọi chi tiết Quý vị có thể liên lạc qua địa chỉ và số điện thoại như sau:

ZBS C/O Herrn Ngô Vĩnh Phúc
Friedenstr.1 2980 NORDEN 2
Tel. 04931/8035 (gọi vào ban ngày)
04931/8039 (gọi vào ban đêm)

TƯỜNG THUẬT LỄ AN VỊ PHẬT CHÙA QUAN ÂM - MONTRÉAL CANADA

Cảnh vật đầu Đông nơi xứ tuyết đang im lìm trong giấc ngủ triền miên sau một mùa thóc nhiều lá vàng dẹt nên nhợ'gấm hoa nơi khung trời cô tịch ấy. Có một vài bông tuyết rơi lác đác tán mát trên ngàn cây nội cỏ đó đây như báo hiệu một cung điệu lạc loài, ngậm ngùi và tang thương cho số phận của những người xa xứ. Bài thơ của Hồ Dzếnh đã được 1 giọng ngâm nào đó trôi lên giữa khoảng không đầy cô tịch này :

Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm
Chuông hôm gió sớm trăng rằm
Chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi
Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng bỏ gió chao ôi bỏ chùa !

Người Việt Nam ra đi khỏi nước, mang theo nhiều hình ảnh thân thương, trong đó có hình ảnh của một ngôi chùa. Và sau bao nhiêu thử thách với gió sương cùng giông bão, người được Hội Phật Giáo Quan Âm tại Montréal Canada đã thành lập được một ngôi chùa lấy tên là Chùa Quan Âm. Đại lễ An Vị Phật đã được cử hành một cách trang nghiêm trọng thể vào ngày 18 tháng 11 năm 1984 tức vào ngày 24 th 10 năm Giáp Tý dưới sự chứng minh của chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng cùng sự tham dự của những cơ quan công quyền Canada và đồng bào Phật tử khắp nơi và tập về đây trong ngày trọng đại ấy.

Cả tháng nay xe buýt đình công nên ai nấy cũng lo, không biết đến ngày lễ An Vị Phật sự di chuyển của đồng bào Phật tử như thế nào? Nhưng may thay xe buýt bắt đầu chạy lại trước ngày lễ một ngày, nên ai nấy cũng vui mừng về. Có nhiều Bác lớn tuổi đã điện thoại cho nhau để báo tin vui này cho mọi người trong Hội.

Suốt ngày 17 tháng 11, trên từ quý Thầy lãnh đạo cho đến quý Đạo Hữu và quý Phật tử phải lo gấp rút sửa soạn bàn thờ Phật, bàn thờ chư

vị Bồ Tát và chư hương linh cũng như lo tắm Phật để thỉnh Phật lên chánh điện. Dưới túng trệt, để chuẩn bị cho buổi văn nghệ ngày mai một số anh em Phật tử đã treo lồng đèn lên trần nhà với các chữ phước, lộc, thọ đỏ vàng đẹp mắt và sân khấu cũng được dựng lên thật gấp rút; nhưng cũng đã giải quyết được câu chuyện ngày mai cho Ban Văn Nghệ. Mọi người đều mỗi một trong các công tác trên; nhưng sau khi việc trang trí tạm hoàn mãn ai nấy cũng lo ngắm nghía ngôi chùa, tắm bồng, bàn thờ mới v.v... quên cả ăn cơm, làm cho Ban Trai Soan phải năm lần bảy lượt hối thúc; nhưng rồi bữa cơm tối hôm đó vẫn bị lãng quên. Không phải cơm chay chùa Quan Âm không ngon miệng mà vì mọi người quá vui cho một thành quả chung, quên đi cơn đói.

Mới sáng sớm đã nghe chuông điện thoại reo, báo tin hôm nay trời lại tuyết. Có người vui mà cũng có kẻ buồn. Vui vì dọn dẹp chung quanh chùa chưa được sạch lắm; nhưng nhờ tuyết phủ lên có thể che bớt đi được sự dơ nhớp ngoài ý muốn của ngôi chùa. Nhưng cũng có kẻ buồn vì nghĩ rằng tuyết rơi sẽ có ít người đi dự lễ mặc dầu xe buýt đã bắt đầu hoạt động lại. Thế nhưng những bông tuyết đầu mùa đã không có đủ sức cản ngăn lòng người Phật tử trong ngày trọng đại này. Mới 9 giờ sáng ngày chủ nhật mà ngôi chùa Quan Âm đã nhộn nhịp hẳn lên với cả một rừng người. Nào quần hồng, nào áo tím, áo lam đủ màu đủ vẻ trong cung, cách đạo mạo của các bà và sự duyên dáng của các cô đã làm cho cái gì mới còn trông thấy mới hơn như thế nữa.

Trên chánh điện, mùi trầm hương thoang thoang đầu đầu như mang khách trần ai tứ chốn trầm luân tục lụy về nơi giải thoát nhiệm mầu Đức Phật vấn ngữ trị trên đài sen uy nghi tựa như hoa Ưu Bát La ngàn năm vấn tỏa hương thơm ngát trong chốn lục quần. Những bàn thờ Đức Quan Âm, Ngài Địa Tạng và bàn thờ chư hương linh đã được những bàn tay khéo léo của các Bác thợ mộc tạo nên, khiến ai nấy cũng

trầm trở khen ngợi là đã đẹp mà càng trông lâu lại càng đẹp hơn nữa.

Khoảng 10 giờ từ trên chánh điện cho đến dưới lầu đầu đầu cũng thấy người là người. Ban Trai Soan các bà lại quỳnh lên; vì chỉ chuẩn bị phần trưa cho 500 đến 600 người; nghe nghe đầu số người tham dự còn đông gần gấp đôi như thế nữa. Ban Trật Tự, Ban Tiếp Tấn, Ban Âm Thanh, Ban Nhiếp Ảnh, Quay Phim đang làm việc ráo riết. Tiếng cười nói, tiếng chào hỏi trong câu niệm Phật nghe như lòng người mở hội nói chơn Thiên môn giải thoát này.

Phái đoàn Phật tử chùa Từ Ân từ Ottawa đến mang theo hơn 60 người trong một chiếc xe buýt chỉ có thể dung chứa gần 50 người trên một lộ trình di chuyển dài gần 2 tiếng đồng hồ. Các người quen lại gặp nhau chào chào hỏi hỏi, vui vẻ thâm tình. Tiếp theo là phái đoàn của chùa Liên Hoa đến dưới sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Tâm Châu. Trong phòng khách đã thấy các vị Sư người Tây Tạng cũng đang ngồi đó. Ngoài tiền đường của chùa có nhiều vị Phật tử đang túc trực để đón vị Sư người Nhật; nhưng cuối cùng chẳng thấy tới. Bên chính quyền có các vị đại diện cho Bộ Văn Hóa đa diện liên bang, Bộ Di Trú của Canada và 1 vài tổ chức từ thiện khác.

Gần 10 giờ 30' các em Oanh Vũ và Phật tử thuộc gia đình Phật tử Quan Âm trong đồng phục màu lam thánh thoát xếp thành hai hàng đứng chấp tay ngay ngắn để cung thỉnh chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng quang lâm bửu điện để chứng minh Đại Lễ. Ba hồi chuông trống Bát Nhã vang lên trong ngôi đại hùng bửu điện, mọi người thành kính chấp tay hướng về Phật Đài, lắng lòng thất thanh tịnh để cung thỉnh chư Tăng. Lễ nghinh Sư đã được thực hiện bởi quý vị Đại Diện trong Ban Trị Sự của chùa. Chư Tăng từ từ tiến vào Chánh điện trong không khí trang nghiêm với từng hồi chuông giải thoát. Chư Tăng đánh lễ Tam Bảo sau đó hướng về Phật Tiên để chào Quốc Kỳ, Phật Kỳ và tượng niệm đến các Thánh Tăng Thánh Tử Đạo đã vì pháp thiêu thân và chư anh hùng liệt sĩ vị quốc vong thân.

Chứng minh và chủ lễ Đại lễ An Vị Phật hôm nay có Hòa Thượng Thích Tâm Châu đến từ Chùa Liên Hoa, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, từ Chùa Khánh Anh-Pháp, Đại Đức Thích Như Điển từ Chùa Viên Giác-Tây Đức. Một vị Thượng Tọa người Tây Tạng, và một vị Đại Đức người Canada tu theo Phật Giáo Tây Tạng.

Bên phía quan khách có các vị Đại Diện của Chính quyền đã nói trên, các vị Đại Diện Phật Giáo Cao Miên, các vị Đại Diện Thống Thiên Học, quý vị Đại Diện Cao Đài Đại Đạo cùng một số các Hội Đoàn tại Montréal và chư Phật tử

xa gần.

Đạo Hữu Hội Trưởng trong bài diễn văn khai mạc đã tạ ơn Tam Bảo và cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình công cúng như của về việc xây dựng ngôi chùa Quan Âm này của chư Phật tử khắp nơi. Tiếp theo bài diễn văn của Đạo Hữu Hội Trưởng là vài lời của Đạo Hữu Phó Hội Trưởng ngoại vụ cùng quan khách ngoại quốc. Đạo Hữu chủ tịch uỷ ban vận động xây cất chùa Quan Âm đã tường trình rõ ràng về các dự án và việc thành lập ngôi chùa này. Ai nấy cũng đều vui mừng với một thành quả to lớn đạt được trong một thời gian ngắn hạn như thế. Trong bài diễn văn của Đạo Hữu chủ tịch cũng đã nhắc đến sự tận tâm của vị kiến trúc sư người Việt Nam lo xây dựng ngôi chùa có đặc tính và đường nét Á Đông này cũng như sự góp sức của Ban Xây Cất để ngôi chùa được thành tựu viên mãn như ngày hôm nay.

Sau bài diễn văn là lời phát biểu của bà Đại Diện Bộ Văn Hóa đa diện cũng như của ông Đại Diện Bộ Di Trú Canada. Trong những lời phát biểu trên người ta nhận thấy rằng Chính quyền Canada vẫn luôn luôn quan tâm đến các hoạt động Tôn Giáo, Văn Hóa và Xã Hội của người Việt chúng ta tại quê hương định cư này.

Phần đạo từ của Thượng Tọa Thích Minh Tâm, lãnh đạo tinh thần của Hội đã nói lên được ý niệm sâu xa của người Phật tử ngoài việc góp phần công đức trong phần phước báu hữu lậu như xây chùa, đúc tượng, tạo chuông, còn phải tiến tu đạo nghiệp trong nhân lành giải thoát khi học Phật ngay bây giờ cũng như ở mai hậu nữa.

Lễ An Vị Phật chính thức đã bắt đầu. Trên bühnen diễn Chư Tăng đang niệm hương cầu nguyện, dưới Phật đài chư thánh chúng thành kính nguyện cầu. Làn khói hương nghi ngút toả rộng vào không trung như giúp kẻ hữu duyên có thêm phần hữu phúc được gặp Phật, Pháp Tăng trong ngày Đại Lễ này.

Tiếng tụng kinh trầm hùng lúc khoan, lúc nhất cao cao thấp thấp, xuống xuống lên lên, như Thiên như Tịnh đang gọi thấm vào lòng người trong cơn đại định ấy. Nhanh chóng sái tịnh với nước cam lồ Thượng Tọa chủ lễ đã làm lễ Tây Tấn an vị chư tôn tượng Phật và Bồ Tát đã gieo vào lòng người Phật tử một cảm giác thành kính cao thâm. Hồi chuông đã ngưng khua tiếng mõ đã lời nhịp nhưng tiếng tụng kinh như còn vang vọng đầu đầu như hồi chuông chiều mõ ở một ngôi chùa cổ kính nào đó trong chốn thâm sơn.

Sau buổi lễ có phần rút thăm trả những phần Hội Thiện mà trước đây quý Phật tử đã cho chùa mượn để mua đất và xây chùa. Có một số

Phật tử đã cúng lại phần mình cho chùa vì thấy chùa đang còn nhiều thiếu thốn và cũng có lắm người dự định sẽ hiến luôn cho chùa để công việc xây dựng được thành tựu viên mãn. Tiếp theo đó là phần cúng chư tiên linh quá vãng và phần thọ trai của chư Phật tử xagần.

Giờ văn nghệ chưa bắt đầu; nhưng từng tốp đấ đây người chớ xem văn nghệ. Đúng 2 giờ Ban Văn Nghệ Gia Đình Phật Tử Quan Âm mới bắt đầu bằng bài đồng ca bài Phật Giáo Việt Nam cùng nhạc nguyện cầu. Đại Đức Thích Như Điền lãnh đạo tinh thần của Hội đã gặp gỡ mọi người trong một bài đạo tử ngắn nhưng cũng đã nói lên được ý nghĩa của tình người, quê hương và Đạo Pháp trong khi sống xa quê hương xứ sở nơi xứ người. Văn nghệ mừng Đại Lễ An Vị Phật chùa Quan Âm hôm nay ngoài sự đóng góp của Gia Đình Phật Tử Quan Âm còn có Gia Đình Phật Tử Liên Hoa, Thanh Niên Đại Đạo Cao Đài, Ban Hồng Lạc, Ban Cổ Nhạc Tình Thương, các Thân Hữu tại Ottawa v.v... đã làm cho khán thính giả nhiệt liệt tán thưởng.

Các điệu vũ của các em Oanh Vũ thuộc Gia Đình Phật Tử Liên Hoa, Quan Âm, Cao Đài khiến ai nấy cũng trầm trồ khen ngợi - vì đây là mầm non của Đạo Pháp trong lứa tuổi trẻ trung này. Các bài đồng ca, các bài cổ, tân nhạc đã đưa người về cố hương trong những nhịp tim cùng đập và nhịp thở cùng hòa. Những giọng ngâm, giọng hò đã làm cho người nghe ngậm ngùi không ít khi nhớ lại quê hương trong nghìn trùng xa cách.

Buổi văn nghệ đã chấm dứt nhưng những âm nhạc tiếng hát lời ca vẫn còn quyện vào lòng người như hư mà thực nơi chốn Thiên môn này. Mọi người ra về hoan hỷ đầu cho băng có đồng tuyết có lạnh; nhưng quyết rằng băng giá của chiều Đông không thể nào phủ kín được hồn người nơi xứ tuyết này.

Ban Trị Sự và một số Phật tử còn ở lại để tổng kết tình hình tài chánh cũng như ăn chung bữa cơm vui với quý Thầy sau một ngày mệt nhọc; nhưng ai nấy cũng đều nở 1 nụ cười hoan hỷ trên môi.

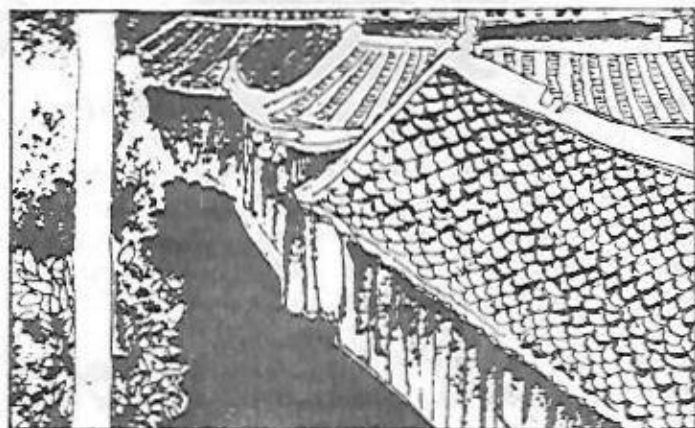
Niềm vui như còn kéo dài mãi hôm sau rồi hôm sau nữa, ngày này qua ngày khác qua các câu chuyện trao đổi và các câu chuyện xã giao trong những giờ nhàn rỗi. Mỗi người 1 đề tài một câu chuyện; nhưng chung quy rồi cũng chuyện chùa.

Cổng Tam Quan chưa xây nhưng đứng từ ngoài nhìn vào thấy như Tứ Đám quê hương tôi đã được dựng lên nơi đất khách và mai đây nơi hậu điện, Tăng phòng có lẽ sẽ được mở rộng ra để tiếp đón khách thập phương. Chùa chật còn chật mãi. Những tưởng rằng xây chùa mới sẽ

giải quyết được những khó khăn trên; nhưng càng lớn lại càng chật. Vì thế cho nên ai nấy có lẽ cũng đồng một lòng nghĩ là phải chi chánh điện rộng thêm một chút nữa, phải chi chỗ này đừng áng cái này cái nọ có lẽ chùa mình sẽ được rộng thêm v.v... Nhưng phải chi có được một vị Tăng Sĩ thượng trú nơi đây quả là phước đức. Nhưng, nhưng và nhưng cánh chim trời vẫn còn bay mãi, bay vào không trung, vào lòng người vào một thời gian và không gian nhất định nào đó, chắc chắn ngôi Quan Âm Tự này sẽ ghi đậm lại được 1 nét son huy hoàng trong vấn đề phát huy văn hóa dân tộc cũng như đạo pháp tại xứ người.

Cánh cửa chùa đã khép lại về đêm; nhưng lòng người Phật tử đã mở rộng ra như hoa sen đã đến kỳ mãn khai để tiếp nhận mọi nhân duyên Phật pháp từ đâu mang đến. Nguyện cầu cho thế giới được hòa bình, nhân sinh an lạc và chấp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện nơi quê hương của chúng ta còn ngập tràn khổ đau và tục lụy.

Chiều Đông năm Giáp Tý



tiếp thu trang 11

nếu đã, đứng và sẽ có trong cửa Thiên. Cũng sẽ có nhiều vị chống đối chúng tôi. Vì chúng tôi đã viết lên sự thật. Nhưng người viết bài này không còn cách nào hơn là phải chấp nhận sự thật vậy. Dù cho sự thật ấy có phũ phàng cay đắng. Biết mà không nói không phải là người có tâm vì tha nhân mà nói mà không biết quả là người chưa biết bơi mà đã tự đi cứu người. Do đó, nếu bài này có đến mắt quý độc giả, Phật tử cũng như không Phật tử; người Đạo Phật cũng như kẻ có Đạo khác xem đây như là một đóng góp chung nho nhỏ trong sự mạng truyền giáo và hộ giáo của Tăng cũng như của Tục trong cuộc sống tha hương nơi hải ngoại ngày nay.

MONTREAL - Đầu Đông năm Giáp Tý 1984

Tôi quay gánh. Anh Anh anh Đàng đi bên cạnh Bạch Trang và Linh Quy. Tú Ếch đi sau lưng tôi, xách cái đèn dầu. Bỗng có tiếng chó tru, tiếp theo có tiếng người tú bên Nghĩa địa vọng lại.
- Ném chái còn hay hết vậy? Đem lại đây chúng tôi mua.
Chúng tôi vẫn im lặng. Tiếp theo đó có tiếng kêu ú ở như tiếng người ngọng. Bạch Trang và Linh Quy sợ điếng. Anh Anh trấn tĩnh tôi tôi :
- Đừng trả lời gì cả nghe chưa? Ma đó ả. Nếu mình trả lời, tụi nó hớp hồn mình. Có tụi tôi đây, các cô chớ sợ.

Tiếp theo nữa là tiếng thủ ba, cũng phát xuất từ bên nghĩa địa. Tôi đặt gánh xuống, xách cây đòn gánh nhắm cửa nghĩa địa xăm xăm bước tới. Mọi người đều cản ngăn tôi. Tôi mặc kệ, cứ rảo bước. Tú Ếch xách đèn xung phong theo sau tôi. Tú Ếch đã lùn, lại đi hai hàng như con ếch. Tôi bỏ anh một khoảng xa. Chợt thấy phía trước có một đồng, lù lù to gấp hai con trâu. Tú Ếch kêu lên: "Ai hậu ời, trước mắt có một đồng gì lù lù đó. Chắc là ma độn chớ gì. Thôi giả biệt ai hậu cho trâm rút lui cho có trật tự". Tôi cũng không, buồn trả lời, cứ đi thẳng đến đồng đen, bên tai tôi, có tiếng cười ồn ào. Thì ra đây là chiếc xe hơi. Tôi cố lĩnh tinh là anh Xuân anh Hạ muốn phá chi em tôi.



Mấy hôm nay họ không gặp được chi em tôi vì chúng tôi, mặc lo bán buôn và tiếp đãi anh em nghệ sĩ. Chắc Xuân, Hạ phát lòng khi chúng tôi được các kếp hát đũa về nhà. Tú lâu hai anh em con ông chủ xe đã phải lòng chi em tôi. Xuân cứ gạ gẫm tôi luôn, còn Hạ, cứ đeo theo Linh Quy.
Tôi bước tới xe, thì chẳng thấy ai hết. Phần trời tối vì trăng bị mây che. Tôi thấy lỗ mờ có người núp sau thùng xe. Tôi nổi xung, phang mạnh một đòn gánh, không biết trúng vào đâu, miệng thì chọt chọt
- Nhất chi em tôi há? Đồ mặc dích gì ở đâu á.

Tôi bỏ đi le một nước. Sau lưng tôi tiếng cười rồ cất lên. Sáng hôm sau, tôi không đến chỗ hẹn với hai kếp một hề. Việc tôi chơi trác họ, hẹn với họ rồi cho họ leo cây thoa mỡ bò tuy hơi ác, nhưng cũng là dịp may cho người khác.

Anh Đàng và Tú Ếch y hẹn tới miếu gặp chi Hiền, cô hàng chè đậu ngồi bên miếu, mặt mày ngớ ngẩn. Họ lay chi dậy, hộ tống chi quay gánh về nhà. Tới nhà chưa kịp nói gì với ai, chi ngã lăn ra bất tỉnh. Cả nhà tưởng chi trúng gió, nên kẻ thoa dầu, người cao gió cho chi. Quân áo chi bị bụi bám. Nồi chè chi còn chút ít, nước cốt chè đen như bùn, thoảng mùi tanh như mùi nhớt cá. Túi tiền của chi toàn là giấy bạc vàng má. Sản có ông chú ở quê lên thăm, ông lấy lá thuốc cứu giá nhỏ hòa với rượu rồi phun khắp người chi. Đoạn ông lấy ngũ vị hương bỏ vào lò cho khói thơm bay lên, tiếp đó ông lấy roi dầu tam quất xung quanh chi.

Hồi lâu chi Hiền tỉnh lại, mặt chi hầy còn ngớ ngẩn. Phải đợi thêm một lúc lâu nữa, chi mới hoàn hồn.

Đêm qua, hai mẹ con chi Hiền cũng sửa soạn đến rạp bán hàng. Bà mẹ quay gánh cháo lòng đi trước. Bà bán hết vào khoảng nửa đêm mà vẫn chưa thấy chi Hiền quay gánh chè đậu ra. Bán xong, bà về nhà và cùng mọi người đốt đuốc suốt đêm đi kiếm chi. Sợ là chi Hiền tú nhà ở sau lưng chùa bà Thế Xương gánh chè đến rạp hát, vừa băng qua đám mà cô hôn thì chi gặp một đám người đông đủ mặt già trẻ, đàn ông, đàn bà, kẻ cả con nít. Họ ăn mặc quân áo, đủ màu. Họ xúm lại kêu chi bán chè xôi cho họ và xía tiền ra trả đàng hoàng. Mặt nào mặt này hoan hỉ, họ cho chi biết rằng mỗi năm phải đợi mùa Vu Lan đến, họ mới được ăn chơi trong một tháng. Rồi họ đưa chi về nhà, hẹn năm sau sẽ gặp lại.

Dù bị tui cho leo cây, nhưng anh Anh anh Đàng chủ Tú Ếch được bà má chi Hiền tiếp đãi nồng hậu, có đặt tiệc rượu tạ ơn.

Tôi hôm sau, cả ba không đến gian hàng của ba chi em tôi nữa. Họ giận tôi chơi trác mà không đến? Hay là họ ăn nhậu no say ở nhà chi Hiền rồi? Tôi cứ tự hỏi luôn và kết luận là họ không đến vì hai lý do đó.

Nhưng không lo. Xuân và Hạ kéo bè bạn tới quán chi em tôi ăn, nhậu thỏa thuê. Họ nhắc lại chuyện nhất ma đêm trước để cùng chi em tôi cười nghiêng ngả. Xuân nhìn tôi say đắm :

- Phúc em ghê! Con gái mà không sợ ma.

Tôi kiêu hãnh :

- Ma sợ em thì có.

Hạ và Linh Quy âu yếm nhìn nhau. Trong khi bè bạn của hai anh em Xuân Hạ bắt đầu tán tỉnh Bạch Trang làm mặt nhỏ ta đó phùng vì mặc cỡ.

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Hủ tiêu bò kho chay

A. VẬT LIỆU: 1 bịch hủ tiêu khô
1 miếng tàu hũ
200 g mì căn non
1 hộp nấm
1 cây poireau
200 g giá tươi
1 bó rau húng, quế
1 lá tàu hũ ky
1/2 hộp cà (loại nhỏ)

Nước lèo: Củ cải rốt, củ cải trắng, bắp cải, bông cải... mỗi thứ 200 g.

GIA VỊ : Đường, muối, bột ngọt, dầu ăn, sả, tương ớt, chanh, cà ry, ngò gai.

B. CÁCH LÀM: Bắc một soong nước độ hơn 2 lít cho vào một ít củ cải rốt, củ cải trắng, bắp cải, bông cải... nấu như nửa tiếng đồng hồ, xong vớt cải bỏ, lược nước lèo qua một cái soong khác. Phần rau cải còn lại thì tiaràng của rồi xào với poireau, gia vị sơ cho thơm.

Nước sôi trụng hủ tiêu, khi chín vớt ra ráo, trộn vào một chút dầu ăn. Sả, poireau rửa sạch băm nhuyễn. Tàu hũ trắng cắt làm tư theo chiều dọc, xắt lại từng miếng nhỏ dày 1 cm cho vào dầu chiên vàng, tàu hũ ky cũng vậy. Mì căn non rửa sạch xong ngắt từng cục lớn hơn ngón tay cái một chút cho vào dầu chiên vàng vớt ra để ráo. Cho vào chảo độ 5 muỗng dầu ăn, kể đến sả rồi poireau băm nhuyễn khuấy vàng tiếp đến cà ry, cà hộp và nấm vào xào chung, gia vị vừa ăn...

Bắc nồi nước lèo lên bếp, cho những rau cải đã xào lúc nãy vào, kể đến tàu hũ chiên, mì căn non chiên và nấm xào với cà ry, gia vị thêm cho vừa miệng ngọt. Chả lụa xắt từng lát mỏng bày sẵn, poireau xắt nhuyễn khuấy vàng với dầu. Chanh xắt miếng để sẵn, rau sống, giá rửa sạch...

Cho giá vào tô, kể đến hủ tiêu xong chần nước lèo lên mặt bún, nhớ mức mỗi tô 1 miếng bông cải, củ cải rốt, củ cải trắng, nấm, tàu hũ, mì căn, tàu hũ ky và sau cùng sắp lên mặt bốn miếng chả lụa xắt mỏng, cho thêm một ít dầu poireau khử, bên cạnh một chút tương ngọt, tương ớt và một miếng chanh, ít lá húng quế, ngò gai và ít lát ớt sừng trâu đỏ làm tăng thêm phần hấp dẫn.

(Kỳ tới "MĂNG XÀO NĂM RỒI")



Thiệp chúc TẾT và Lịch năm 1985

Cũng như mọi năm chùa Viên Giác phát hành Thiệp Chúc Tết, Lịch Tư'Vi và Lịch treo tường mỗi khi Tết đến. Vậy Quý vị nào muốn có những loại trên; xin liên lạc về chùa.

*Thiệp chúc Tết 2 cái (gồm cả bao thơ) giá 3DM (chưa kể tiền gói). Hiện có tại chùa.

*Lịch treo tường (loại gỗ từng ngày) giá 15 DM (chưa kể tiền gói = 2DM). Loại này có vào khoảng thượng tuần tháng 12/84 tại chùa.

*Lịch Tư'Vi (loại sách); giá 15DM (chưa kể tiền gói = 1DM). Lịch này sẽ có vào cuối tháng 12/84 và đầu năm 85.

Quý vị nào muốn đặt trước nên liên lạc với chùa, để chúng tôi sẽ gửi đến quý vị.

TỔNG KẾT THẾ GIỚI THỜI SỰ NĂM 1984

Đức

1984 NĂM SÓNG GIÓ CỦA THỦ TƯỚNG KOHL.

Hơn 2 năm cầm quyền, chính quyền của liên minh các đảng CSU, CDU và FDP do thủ tướng Helmut Kohl cầm đầu đã trải qua nhiều sóng gió. Trg 1984 Thủ tướng Kohl đã gặp rất nhiều khó khăn ngay những tháng đầu năm vụ tướng 4 sao Kiessling tư lệnh phó khối Nato bị Tổng trưởng quốc phòng Wörner cách chức với lý do mắc chứng bệnh đồng tính luyến ái. Nội vụ đã bị các đảng đối lập khai thác triệt để kế tiếp là vụ công nhân thuộc nghiệp đoàn Sắt Thép với 2,7 triệu đoàn viên đình công đòi làm 35 giờ một tuần - kéo dài mấy tháng làm kỹ nghệ ô tô bị ảnh hưởng và gây thiệt hại cả 100 tỷ Dollar cho kinh tế Đức.

- Với tỷ lệ thất nghiệp 9,1% chính phủ Kohl đã chủ trương trục xuất một số "khách thợ" về nước gồm một số ngoại kiều trong số 4,2 triệu người hiện sinh sống ở nước Đức. Vấn đề này đáng đối lập cũng phản đối kịch liệt và hậu thuẫn cho một số cuộc biểu tình của ngoại kiều ở tại thủ đô Bonn. Trong năm 1984 vấn đề thất nghiệp vẫn tăng giá sinh hoạt ngày một tăng trên các mặt hàng, đồng Mark đã mất giá trước sự nhẩy vọt của dollar Mỹ.

- Trong vấn đề đuổi khách thợ về nước, để trấn an phía đối lập, Thủ tướng Kohl hứa sẽ đón nhận những người Đông Đức, nhiều cuộc tiếp xúc giữa Tây và Đông Đức, cùng số tiền 716 triệu dollar Mỹ của các ngân hàng Tây Đức cho Đông Đức vay. Ngoại trưởng Tây Đức qua thăm Đông Đức - và đi xa hơn nữa, chính phủ Kohl cố gắng có một cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa Đông và Tây Đức vào cuối tháng 9/84 như dự liệu. Nhưng phút cuối phía Đông Đức với sự áp lực mạnh mẽ của Liên Xô. Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Đông Đức Honecker đã hủy bỏ cuộc viếng thăm. Báo chí Âu Mỹ mô tả hành động này của Đông Đức như một gáo nước lạnh hắt vào mặt chính phủ Kohl - 2 đảng đối lập SPD, Grünen được thế đã kích.

- Kế đó vụ Tổng trưởng kinh tế Otto Lambsdorff bị tố tham nhũng phải từ chức hồi thg 6/84 - và vào tháng 10 Reiner Barzel chủ tịch quốc hội Tây Đức một trong nhữ thulãnh của đảng CDU cũng bị tố liên hệ trong vụ tham nhũng với Tổng trưởng kinh tế và cũng bị áp lực từ chức (Vụ nhận hối lộ của Hãng Friedrich Flick). Barzel là một trong những nhân vật quan trọng trong liên minh của Thủ tướng Kohl, đã làm cho chính phủ gặp thêm sự khó khăn.

- Trong khi đó với áp lực của Mỹ, đòi Tây Đức phải gia tăng ngân sách quốc phòng, trong năm 84 đã chiếm 2,7% tổng sản lượng quốc gia tức 15,9 tỷ dollar US, hiện tại số quân đội chính quy là 300.000 và lực lượng trừ bị 172.000 cộng với 1,3 triệu quân đội của 7 quốc gia đồng minh. Trong năm 1986 thời gian quân dịch của thanh niên Đức tăng lên 3 tháng tức 18 tháng và bước vào thập niên 90, quân số Đức sẽ tăng lên 495.000 hiện dịch với ngân sách 95 tỷ dollar US dự phòng cho kinh phí quốc phòng trong 12 năm tới đây.

Mặt khác trong tháng 9, cơ quan tình báo Tây Đức đã phát giác một nhân vật quan trọng trg Trung tâm sản xuất vũ khí chiến thuật và chiến lược quan trọng nhất của Tây Âu. Là Manfred Rotsch người Đông Đức tỵ nạn qua Tây Đức từ 1954 và làm gián điệp cho Xô Viết; Rotsch đã hoạt động cho KGB từ 1967 - nhiều tài liệu quốc phòng gồm những chương trình sản xuất chiến đấu cơ, trực thăng, vũ khí chống xe Tank, ... của Nato đã bị Rotsch bán cho Xô Viết, Rotsch được coi là vụ gián điệp quan trọng của khối Cộng bị phát hiện sau vụ Spy Günter Guillaume năm 1974 của Đông Đức gài vào chính quyền Tây Đức, đã làm chính phủ Willy Brandt phải từ chức.

Trong năm qua với nhiều khó khăn đã đưa đến cho chính quyền của Thủ tướng Kohl, người ta chưa tiên đoán được những gì sẽ xảy tới cho Liên minh CDU, CSU và FDP do Helmut Kohl lãnh đạo vào những tháng tới đây của năm 1985. Trong khi đó vào tháng 10 cuộc bầu cử ở địa phương cũng như bầu cử nghị viện Âu Châu, đảng Grünen đã chiếm một số ghế quan trọng, ngay tại tiểu bang Baden Württemberg là gốc của 2 đảng CDU, CSU nổi tiếng báo thù, đảng Grünen chiếm được 10% số phiếu. Có nhiều dấu hiệu cho thấy 2 đảng SPD và Grünen sẽ liên minh. Tình hình chính trị của Tây Đức bước vào năm 1985 hứa hẹn nhiều thay đổi và sẽ kéo theo sự thay đổi trong thế chiến lược của Nato và Hoa Kỳ tại Tây Đức.

Hoa Kỳ

REAGEN BUSH CÁ THÁNG 49/50 TIỂU BANG TẠI HOA KỲ.

Năm 1984 tại Hoa Kỳ đã diễn ra hai sự việc quan trọng là cuộc bầu cử Tổng thống và Tổ chức Thế vận hội kỳ thứ 23.

Vào hạ tuần tháng 7, Hoa Kỳ đã đứng ra Tổ chức Thế vận hội mùa hè kỳ thứ 23 với 140 quốc gia tham dự. Đặc biệt khối Cộng Sản do Xô Viết phát động đã tẩy chay, không gởi phái đoàn tham dự. Tuy nhiên Trung Cộng, Romani, Bulgari là 3 quốc gia Cộng Sản đã có phái đoàn tham dự. Sau 14 ngày tranh đua, Hoa Kỳ là quốc gia chiếm số huy chương nhiều nhất, kế đến Romani và thứ 3 là Trung Quốc.

Về bầu cử Tổng thống và Phó tổng thống - như các tin tức của các cơ quan thăm dò và báo chí thì đương kim Tổng thống Reagan sẽ tái đắc cử. Đúng như các tin tức này, ngày 4.11.84 89,5 triệu dân chúng Mỹ đã đi bỏ phiếu. Liên danh Reagan Bush đã chiến thắng về vang trước liên danh Dân chủ Mondale Ferraro.

Tổng thống Reagan đã cá thắng 49 tiểu bang trong số 50 tiểu bang. Mondale chỉ chiếm được tại tiểu bang quê nhà là Minnesota và quận Columbia của thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Reagan đã chiếm 525 phiếu cử tri đoàn, trong khi Mondale chỉ 13 và Reagan chiếm 59% số phiếu phổ thông so với 41% của Mondale.

Trong khi đó cuộc bầu cử tại quốc hội, đảng Cộng Hòa của Tổng thống Reagan vẫn chiếm đa số ở Thượng viện tuy nhiên đã mất 2 ghế so với kỳ bầu 1980, còn Hạ viện đảng Dân Chủ vẫn kiểm soát.

Về liên hệ Mỹ Xô - trong 4 năm nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Reagan mối quan hệ Hoa Kỳ Xô Viết đã trở nên tối tệ. Với chủ trương cứng rắn với khối Cộng, nên trong 4 năm qua, các cuộc gặp gỡ về vấn đề tài giám binh bị đều không đem đến kết quả và hội nghị tại Genève đã tan vỡ 11/83 khi phái đoàn Xô Viết bỏ phòng họp ra về. Tuy nhiên cho tới 10/84 Gromyko Ngoại trưởng Xô Viết đã viếng thăm Hoa Kỳ và mới đây trong đám tang Indira Gandhi tại New Delhi Ngoại trưởng Hoa Kỳ Shultz và Thủ tướng Nga Tikhonov đã gặp gỡ nhau trong 20 phút tại Tòa Đại sứ Xô Viết. Trong dịp này Thủ tướng Xô Viết nói mong gặp lại Ngoại trưởng Mỹ tại Mạc Tư Khoa. Mặt khác Ngoại trưởng Mỹ cũng phàn nàn ở Thủ tướng Xô Viết về nguồn tin cho rằng CIA đã nhúng tay trong cái chết của Gandhi Thủ tướng Ấn Độ, do hãng thông tấn Tass của Xô Viết loan ra. Thủ tướng Xô Viết đã cho rằng Tass không phải là tiếng nói chính thức của giới lãnh đạo Kremlin. Tuy nhiên cho tới nay, người ta vẫn chưa thấy dấu hiệu nào có vẻ tốt đẹp cho sự bình thường hóa mối quan hệ giữa 2 siêu cường. Trong khi đó, nguồn tin CIA Mỹ cho biết Xô Viết đã chuyển tới Nicaragua hàng chục phần lúc cơ chiến đấu loại MIG-21 và hàng triệu tấn vũ khí. Được biết Nicaragua sát nách Hoa Kỳ, chỉ

cần một giờ bay là tới tiểu bang Florida - Một vụ Cuba mới có thể xảy ra trong nay mai. Sau Trung Đông, Sel Alvdor-Nicaragua của Trung Mỹ sẽ hứa hẹn nhiều sôi nổi trong bốn năm tới nhiệm kỳ 2 của Tổng Thống Reagan.

Thái Lan

VĂN MINH ĐỒNG Á TRÊN 5000 NĂM.

Vào cuối tháng 10/84 tại viện bảo tàng lịch sử thiên nhiên tại thành phố New York Hoa Kỳ đã trưng bày một số đồ vật như độc bình, lọ, ... bằng đồng. Được biết đây là một số cổ vật được nhà khảo cổ người Mỹ Stephen Young khai quật tại tỉnh Ban Chiang Đông Bắc Thái Lan. Theo như các chuyên viên khảo cổ, thì các cổ vật này có từ 2500 tới 3500 năm trước Thiên Chúa và một số đồ sắt có khoảng 1600 năm trước Thiên Chúa. Điều này cho thấy vùng Đông Nam Á cách nay cả 4000-5000 năm đã có 1 nền văn minh rực rỡ, dân chúng hồi đó đã biết kỹ thuật khai thác các khoáng sản, để đúc các đồ vật để dùng.

Tuy nhiên người ta cũng chưa tìm ra được nguyên nhân nào nên văn minh Đông Á đã bị hủy diệt. Mặt khác hơn 10 năm trước đây 1 số nhà khảo cổ thế giới với sự tài trợ của Liên Hiệp Quốc, người ta cũng phát hiện cả một thị trấn nằm sâu dưới lòng đất ở bình nguyên Amazon Ba Tây. Mà được biết thị trấn này thiết lập cách nay trên 5000 năm gồm nhà cửa, đường sá được thiết kế giống như một thành phố mới bây giờ ...

Ấn độ

INDIRA GANDHI BỊ AM SÁT CHẾT, NỀN THỐNG NHẤT AN BỊ ĐE ĐOÀ.

Hơn năm tháng sau ngày nữ Thủ tướng Gandhi cho quân đội tấn công thánh địa Golden Temple của tôn giáo Sikhs ở tiểu bang Punjab Tây Bắc Ấn Độ vào ngày 31.9.84. Thủ tướng Gandhi đã bị 2 nhân viên an ninh của bà gốc Sikhs bắn chết khi bà và đoàn tùy tùng từ nhà riêng đi bộ tới văn phòng làm việc trong khu vực dinh của bà. Hai tên an ninh này có nhiệm vụ gác cổng ngăn khu vực làm việc và khu nhà riêng của Thủ tướng. Vào lúc 9 giờ 08 phút ngày trên Indira Gandhi đã ra văn phòng làm việc, bà vừa cất tiếng chào "Namaste" có nghĩa chào các anh - thì 2 tên này thì nhau nã đạn vào bà - tổng cộng 7 viên vào bụng 3 viên vào ngực và một viên vào tim. Sau khi hành động 2 tên an ninh này đã tìm đường đào thoát nhưng đã bị bắn chết. Nữ Thủ tướng Indira Gandhi đã trút hơi thở

cuối cùng vào cùng ngày sau khi 12 bác sĩ và 80 chai máu tiếp sức cho bà nhưng không kết quả.

Indira Gandhi sinh ngày 19.10.1917 tại Allahabad phía Bắc tiểu bang Uttar Pradesh, là con duy nhất của Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ là Jawaharlal Nehru - bà đã từng theo học ở Thụy Sĩ và sau ở Đại học Oxford ở Anh. Bà theo sát cha trong các cuộc công du thế giới của Thủ tướng Nehru từ 1947 tới 1960. Bà lập gia đình năm 1941 sanh được 2 người con trai là Rajiv và Sanjav - năm 1980 Sanjav chết trong một tai nạn máy bay. Bà và chồng là Fe roze sau 5 năm chung sống đã xa nhau, đời sống tình cảm của bà với nhiều bất hạnh.

Năm 1960 Nehru chết sau một trận đau tim, Lal Bahadur Shastri lên thay, Gandhi giữ chức Tổng trưởng Thông Tin. Sau 2 năm tại chức Thủ tướng Shastri từ trần, đảng Quốc Đại của Bà đã chọn bà trong chức vụ Thủ tướng lúc đó Gandhi gần 50 tuổi. Tuy với số tuổi này nhưng kinh nghiệm về chính trị rất ít ỏi, khi nắm chức Thủ tướng bà đã không có một chương trình một kế hoạch nào và một cái nhìn về tình hình thế giới - đa số các dân biểu và các đảng đối lập đảng bà nhận xét như vậy. Nhưng đáp lại bà tuyên bố - "Trong tôi có khả năng của một người nội trợ - Nếu tôi nhìn thấy cái vật nào dơ bẩn thì tôi làm cho nó sạch". Tuy nhiên trong những năm sau này bà đã tỏ ra là người có khả năng trong vai trò Thủ tướng của một xứ Ấn Độ với 746 triệu dân.

Năm 1974 Ấn cho nổ trái bom nguyên tử đầu tiên - và Gandhi đã có sự giao hảo mật thiết với Sô Viết, nhận viện trợ vũ khí của Liên Xô. Năm 1975 một cuộc khủng hoảng chính trị lớn phía đối lập cho rằng Gandhi đã độc tài hơn Stalin và Hitler, và nhiều cuộc biểu tình của sinh viên, công nhân - Bà đã phải từ chức Thủ tướng. Nhưng 2 năm sau 1977 đảng bà lại chiếm đa số và bà lại tiếp tục chức vụ Thủ tướng cho tới ngày bị ám sát chết.

Được biết Ấn Độ là một quốc gia lớn, và là nơi xuất phát nhiều tôn giáo - và cũng chính vì vấn đề tôn giáo trong những năm qua nền thống nhất của Ấn đã bị đe dọa. Năm 1947 Anh trao trả độc lập đã chia Ấn ra làm 2 quốc gia Ấn và Pakistan. Tại Ấn có 500 triệu tín đồ Hindus và 80 triệu Muslims ngoài ra còn khoảng 15 triệu Sikhs. Tôn giáo Sikhs không phải là Hindu và cũng không là Muslim - do Guru Nanak dung hợp giữa Hindu và Muslim lập ra từ cuối thế kỷ 15 ở tiểu bang Punjab Tây Bắc Ấn Độ - cho tới nay 15% quân đội Ấn gốc Sikh - tiểu bang Punjab - là nơi cung cấp thực phẩm cho toàn xứ Ấn - đa số giới trung lưu ở Ấn đều gốc Sikhs - hiện Tổng thống của

Ấn cũng gốc Sikh.

Sau cái chết của Gandhi, mấy tuầnবাদantho Hindu đã di đập phá các gia đình Sikh ở New Dehli và các thành phố lớn, đã có 2000 người chết trong một tuần hỗn loạn. Trong khidodân Sikh ở Punjab với sự hậu thuẫn của Pakistan đang có khuynh hướng tách ra khỏi Ấn để thành lập một quốc gia riêng biệt.

Trong khi đó Rajiv Gandhi 40 tuổi được đảng đề cử thay mẹ, giữ chức Thủ tướng. Trong những ngày tới đây Ấn Độ hứa hẹn nhiều xáo trộn, liệu nền thống nhất của quốc gia đông dân thứ 2 thế giới này có được vẹn toàn không?

Salvador

Cuộc nội chiến kéo dài hơn 5 năm tại quốc gia bé nhỏ ở Trung Mỹ này, đã làm hơn 50.000 người bỏ mạng. Vào trung tuần tháng 10/84 tại thành phố La Palma, với sáng kiến của Tổng thống dân cử José Napoléon Duarte, một cuộc gặp gỡ giữa chánh phủ và các lực lượng du kích Cộng Sản - (F.M.LN) và (F.D.R) - sau 5 giờ 2 bên đi tới quyết định lập một ủy ban hòa bình gồm 8 hội viên của 2 bên và sẽ gặp lại trong cuối năm 1984 - nếu hội nghị đưa tới sự tốt đẹp, một cuộc tổng tuyển toàn dân vào tháng 3/85 sẽ được tổ chức - Sau buổi gặp gỡ này Tổng thống Duarte đã cho báo chí biết - đây là bước tiến quan trọng, trong vấn đề giải quyết trận chiến dai dẳng ở đây - Tuy nhiên các cuộc giao tranh giữa quân đội chính phủ và các lực lượng du kích vẫn tiếp diễn. Chỉ chưa đầy một tuần sau ngày họp ở La Palma Trung tá Monterrosa của quân đội chính phủ đã bị bắn rớt máy bay cùng đoàn tùy tùng 14 người, tại phía đông nam thủ đô San Salvador - tất cả đều tử thương.

Nicaragua

TỔNG TUYẾN CỬ SANDINITAS THẮNG THẾ.

Cùng ngày với bầu cử Tổng thống Mỹ, chính quyền Maxít tại Nicaragua cũng tổ chức một cuộc tổng tuyển cử bầu chức vụ Tổng thống và Phó Tổng thống của quốc gia này. Phe Sandinitas đã chiến thắng trước 3 đảng không Cộng Sản tham gia cuộc bầu cử. Tuy nhiên với 450 quan sát viên ngoại quốc cho rằng cuộc bầu cử đã không thực sự tự do. Dân chúng đã bị cưỡng bức đi bỏ phiếu, nếu không bị tịch thu số thực phẩm và ghép tội "bán nước". Mới đây tinh báo CIA, Sô Viết đã chở tới Nicaragua một số phản lực cơ MIG-21 - cùng một số lượng vũ khí quan trọng. Được biết năm 1979 mặt trận Sandinitas với sự yểm trợ của Sô Viết đã nổi lên

lật đổ chính phủ độc tài Anastasio Somoza - từ đó Nicaragua theo chế độ Maxít và trở thành đầu cầu tiếp nhận chiến cụ của Sôviết để yểm trợ cho các du kích Cộng Sản hoạt động quấy phá các quốc gia Trung Mỹ nhất là El - Salvador.

Sôviết

VỤ MÙA THẤT BẠI - ANDROPOV QUA ĐỔI.

Vào tháng 2/84 Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Sôviết Yuri Andropov đã tử trận với nhiều chứng bệnh như đau tim, đau thận, đái đường... 175 ngày tại chức Andropov đã tóm tắt quyền hành, công việc mà Brenezhev phải tốn 12 năm mới thực hiện được - Andropov với 15 năm trùm KGB cơ quan tình báo của Sôviết.

Ngày 20/2/84, tức 11 ngày sau cái chết của Andropov - 12 ủy viên trong bộ chính trị đã bầu Konstantin Chernenko 72 tuổi người Sibia lên thay thế. Dưới cặp mắt giới quan sát Tây phương thì Chernenko không tỏ ra là một nhà lãnh đạo xuất sắc - vào những tháng cuối nhiều tin đồn Chernenko có thể bị áp lực từ chức, vì vụ mùa năm nay, Sôviết thất bại nặng nề chỉ thu hoạch được 170 triệu tấn thấp hơn năm 1978 tới 65 triệu tấn. Được biết 2 năm qua Sôviết phải mua 22 triệu tấn lúa mì của Mỹ.

Về quân sự trong năm qua Sôviết đã tăng cường lực lượng quân sự cả không và hải quân. Trong tháng 4/84 một cuộc biểu dương lực lượng của Sôviết và khối Varsovie ở vùng biển Baltic và Na Uy, đã làm giới quân sự Âu Mỹ lo ngại về sự gia tăng lực lượng hải quân của Sôviết.

Vào những tháng cuối năm lợi dụng tình trạng bầu cử Tổng thống ở Mỹ, Sôviết đã đem MIG21 tới Nicaragua, một quốc gia Trung Mỹ sát nách Hoa Kỳ. Một vụ Cu ba mới đã xảy ra. Được biết Nicaragua là trung tâm phát xuất các hoạt động du kích chống phá các chính phủ quanh vùng và là đầu cầu tiếp tế vũ khí của Sôviết cho các lực lượng Cộng Sản hoạt động trong vùng.

Trong năm qua tại Sôviết khoa học gia lãnh Nobel Sakharow đã tuyệt thực để đòi chính quyền Sôviết tôn trọng nhân quyền nhưng Sakharow và vợ đã bị chính quyền bắt mang đi biệt tích. Mặc dù dư luận quốc tế phản đối kịch liệt, nhưng giới lãnh đạo Sôviết vẫn làm ngơ. Vào những tháng cuối năm người ta cũng chưa biết tin tức gì về sức khỏe của vợ chồng Sakharow. Vào cuối tháng 9, phụ tá ngoại trưởng Sôviết Ilyichev đã viếng thăm Bắc Kinh, đây

là lần thứ 5 trong những liên hệ để xích lại gần nhau giữa 2 nước Cộng Sản đàn anh này. Ilyichev tuyên bố: "Chúng tôi chẳng bao giờ hết hy vọng".

Được biết trong mấy chục năm qua 2 xứ Trung Sô luôn luôn có những tranh chấp về vấn đề biên giới - cũng như tranh giành ảnh hưởng với các quốc gia Cộng Sản đàn em - Nên mỗi liên hệ Trung Sô nhiều lúc rất căng thẳng - nhất là vào những năm gần đây sau khi Sôviết chiếm A Phú Hãn - và yểm trợ tối đa cho Cộng Sản Việt Nam hất Trung Quốc ra khỏi Đông Dương và Việt Nam chiếm đóng Kampuchea. Với rất nhiều bất đồng rất khó khăn nối lại mỗi liên hệ tốt đẹp của 2 quốc gia Cộng Sản này.

Pháp

DÂN CHÚNG PHÁP BIỂU TÌNH CHỐNG CHÍNH PHỦ SUỐT NĂM.

Năm 84, đảng Xã Hội của Tổng thống Francois Mitterand đã gặp rất nhiều khó khăn, với những cuộc biểu tình của mọi tầng lớp dân chúng Sĩ Nông, Công, Thương - đã khiến tình hình chính trị của Pháp rơi vào giai đoạn xáo trộn - tương tự năm 1968 làm Tướng De Gaulle phải từ chức.

Vào tháng 7 một tân nội các được ra mắt, Tổng thống Mitterand đã đề cử Laurent Fabius 38 tuổi làm Thủ tướng - với tân chính phủ - bốn ghế Tổng trưởng của đảng Cộng Sản Pháp bị mất đã đẩy đảng Cộng Sản Pháp từ thế liên minh với đảng Xã Hội ra thế đối lập. Trong kỳ bầu cử 1983 đảng Xã Hội của Mitterand đã chiếm đa số ghế trong quốc hội (285/491 ghế).

Vào những tháng cuối năm giới công chức Pháp biểu tình đòi tăng lương mặc dù hồi tháng 4 năm 84 đã tăng 4% - với mức lạm phát 7,5% và nạn thất nghiệp cao nhất Tây Âu hơn 12%. Chính phủ của đảng Xã Hội sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong những tháng tới. Tân Thủ tướng Fabius đã đưa ra chính sách kinh tế thắt lưng buộc bụng - nhưng đã gặp sự chống đối của các đảng đối lập và dân chúng - nhất là các tổ chức nghiệp đoàn do đảng Cộng Sản Pháp sách động.

Năm 1985 chắc cũng chẳng tươi sáng gì cho chính phủ xã hội của Mitterand.

Trung quốc

XA DÀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Năm 84 để kỷ niệm 35 năm ngày toàn thắng của

Công Sản trên lục địa hơn 1 tỷ dân này. Vào ngày 1/10/84 giới lãnh đạo Trung Quốc đã tổ chức một cuộc biểu dương lực lượng với sự tham dự của hơn nửa triệu người. Trog buổi lễ Quốc Khánh này - ngoài lực lượng thanh niên sinh viên học sinh - hầu hết các đơn vị quân đội đều có mặt - hiện nay quân đội giải phóng nhân dân gồm cả nam và nữ là 4 triệu 2 đã được trang bị các vũ khí tối tân. Các loại hỏa tiễn có tầm bắn 2000 km tới 3500 km (CSS-NX4) hoặc các loại CSS-3 và CSS-4 liên lục địa có tầm bắn hơn 12.000km đều được đem ra trình diễn trong buổi lễ.

Từ năm 1978 Đảng Tiểu Bình chính thức nắm quyền ở Trung quốc - với một tinh thần mới - Trung Quốc đã chuyển mình, đang xa dần chủ nghĩa xã hội - Chỉ một tuần sau ngày 1/10/84 giới lãnh đạo Trung Quốc đã công bố một chủ trương tân kinh tế - trong 5 năm - với chính sách kinh tế tự do - dân chúng có thể tự do kinh doanh buôn bán - và chính sách này được áp dụng từ nông thôn tới thành thị.

Được biết Trung Quốc hiện có 800 triệu dân sống bằng nghề nông và trên 200 triệu là công nhân. Từ năm 1979 nông dân đã dần dần được trao trả số ruộng đất bị tịch thu làm nông trường tập thể trước đây. Giới nông dân được làm chủ thực sự trên ruộng đất mình canh tác. Năm 1979 vụ mùa thu hoạch tăng 7,9%.

Trong chủ trương kinh tế mở cửa, Trung Quốc đã thu hút rất nhiều tư bản bỏ vốn đầu tư trong mấy năm qua trên 350 công ty của Mỹ và các quốc gia Tây Âu đã có sở làm ăn ở Trung Quốc, riêng Mỹ trong năm 1983 liên hệ mua bán với Trung Quốc lên tới 5 tỷ dollar US.

Được biết hiện 6 nhân vật quyền hành nhất trong cơ cấu lãnh đạo Trung Quốc đang thực hiện cuộc canh tân xã hội Trung Quốc gồm các nhân vật sau đây :

- Đặng Tiểu Bình 80 tuổi với chức vụ Chủ tịch quân ủy trung ương và Chủ tịch đảng - nhưng thực ra là người có nhiều quyền hành nhất .
- Thống chế Ye Jianying 86 tuổi - kế đến Lý Tiên Niệm 79 tuổi hiện là Chủ tịch nhà nước Trung Quốc - rồi đến Chen Yun 79 tuổi đã từng là Chủ tịch ủy ban kinh tế tài chánh và là lý thuyết gia kinh tế của Trung Quốc ngày nay - từng bị hạ bệ như Đặng Tiểu Bình trong cuộc cách mạng văn hóa năm 1969.

- Và sau hết là 2 nhân vật trẻ Hứa Diệu Bang (Hu Yaobang) 69 tuổi Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc gia nhập đảng Cộng Sản từ năm 14 tuổi trong thời gian cách mạng văn hóa bị hạ bệ nhất chung ấn ngữ với cừu và ngựa được phục hồi khi Đặng trở lại nắm quyền.

Người trẻ nhất Thao Ziyang (Triệu tử Dương) 65 tuổi giữ chức Thủ tướng.

Tất cả 6 nhân vật nắm vận mệnh của 1 tỷ 5 dân Trung Quốc đều là người Yanan, nơi này được coi là lò đào luyện những lãnh đạo của Trung Quốc trong nhiều thế kỷ qua.

Việt nam

MÃI MÃI LÀ VÙNG ĐẤT ĐAU THƯƠNG, NGHÈO ĐÓI VÀ ÁP BỨC.

Trong năm 1984 chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã càng ngày càng lún sâu vào những thất bại về mọi lãnh vực đối nội và đối ngoại.

Tại Việt Nam phong trào kháng chiến đã bộc phát mạnh, kháng chiến quân đã xuất hiện nhiều nơi nhất là vùng cao nguyên Trung phần và đồng bằng sông Cửu Long. Quan trọng hơn nữa là một dải phát thanh của phe kháng chiến đã được thiết lập, loan truyền những tin tức tới đồng bào Việt Nam tại quốc nội. Trong khi đó tại Kampuchea phe kháng chiến quân Khmer đã mở rộng vùng kiểm soát tại nhiều nơi. Đồng thời trước những chống đối của thế giới và nhất là áp lực quân sự mạnh của Trung Quốc ở Bắc Việt Nam nhiều ngàn quân Cộng Sản Việt Nam đã phải rút khỏi Kampuchea.

Mặt khác trong cuộc phỏng vấn của báo News-Week của Mỹ, Phạm văn Đồng Thủ tướng chính phủ Cộng Sản Việt Nam đã tuyên bố rất mong mối sự quan hệ với Hoa Kỳ không đòi hỏi một điều kiện nào và Đồng cũng tuyên bố sẵn sàng cấp giấy xuất cảnh cho 60 ngàn tù cải tạo nếu Hoa Kỳ đón nhận.

Trong năm qua tại Việt Nam nền kinh tế càng ngày càng sa sút, nạn đói đã xuất hiện ở nhiều nơi - vật giá thì ngày một leo thang - lần sóng người bỏ nước ra đi vẫn tiếp tục, mặc dù chính quyền Cộng Sản đã ban bố những luật lệ khắt khe đối với những người vượt biển bị bắt. Chiến tranh, nghèo đói và áp bức là những màu sắc của bức tranh Việt Nam ngày nay, mà những tên lãnh đạo Hà Nội là tác giả.

Đại hàn

LIÊN HỆ NAM BẮC HÀN CÓ CƠ TÁI LẬP.

Vào tháng 7/84, hai phái đoàn Hồng Thập Tự Nam Bắc Hàn đã có cuộc gặp gỡ tại Bàn Môn Điếm, vùng phi quân sự tại vĩ tuyến 38 ngăn đôi Triều Tiên kể từ sau trận chiến 1950. Qua cuộc gặp gỡ này, người ta hy vọng rằng sẽ có những tiến bộ trong sự liên hệ của 2 quốc gia.

Được biết trong năm 1983, đặc công Bắc Hàn đã

tổ chức cuộc ám sát Tổng thống Đại Hàn Chun Doo Hwan, khi ông viếng thăm Miến Điện, làm cho 16 tổng bộ trưởng trong nội các Nam Hàn tử thương, nhưng may mắn Tổng thống Hwan thoát chết.

Hơn 34 năm qua, 2 nước Nam Bắc Hàn không có bất cứ một sự liên hệ nào, ngay cả vấn đề thư tín giữa nhân dân 2 nước. Người ta hy vọng rằng trong những năm tới đây chính phủ Bắc Hàn sẽ có những thay đổi trong sự quan hệ với Nam Hàn, trước những áp lực của Trung Quốc.

Năm 1988 Hán Thành thủ đô Nam Hàn đã được Ủy ban Thế vận thế giới chọn là nơi tổ chức Thế vận hội kỳ thứ 24. Nam Hàn được coi là quốc gia thứ 2 sau Nhật tại Á Châu được chọn tổ chức Thế vận hội từ trước đến nay. Được biết năm 1964 Thế vận hội kỳ 18 được tổ chức tại Tokyo thủ đô Nhật.

Phi luật Tân

19 NĂM NĂM QUYỀN CỦA TỔNG THỐNG MARCOS ĐÃ LUNG LAY.

Năm 1984 là năm đầy sóng gió trong cuộc đời chính trị với 19 năm cầm quyền của Tổng Thống Ferdinand Marcos. Kể từ ngày 21.8.83 sau cái chết của lãnh tụ đối lập Benigno Aquino, tình hình chính trị tại Phi đã trở nên sôi động. Hàng triệu dân Phi đã được sự sách động bởi các đảng phái đối lập và khuyến tả, biểu tình tại nhiều nơi, đòi chính quyền làm sáng tỏ cái chết này.

Được biết vào ngày trên Aquino đã bị bắn chết ngay tại phi trường Manila, khi vừa từ máy bay bước xuống, sau nhiều năm lưu vong ở Hoa Kỳ. Về phía chính quyền thì cho rằng cộng Sản đã giết Aquino, nhưng phía đối lập thì cho là chính quyền chủ mưu.

Nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra, mục đích đầu là đòi làm sáng tỏ cái chết Aquino nhưng sau đã tiến xa hơn đòi chính Tổng thống Marcos phải từ chức. Trước sự chống đối mạnh mẽ của dân chúng phía chính quyền đã có nhượng bộ, một cuộc bầu cử quốc hội đã được tổ chức hồi 5/84, phe đối lập đã chiếm 63 ghế trong số 200 ghế của quốc hội. Đồng thời một Ủy Ban do bà Corazon Agrava làm Chủ tịch để điều tra về cái chết của Aquino, sau hơn một năm làm việc, một hồ sơ được đúc kết gần 500 trang vào trung tuần tháng 10/84, Ủy Ban đã trình Tổng thống Marcos một phần trong bản điều tra này, cùng trình diện một số nhân chứng, cho rằng quân đội Phi với sự điều khiển của Tướng Tổng tham mưu trưởng quân đội Phi là Fabian Ver, tướng Ver là cùng họ hàng với Marcos -

điều quan trọng mà bản điều tra được ra là Rolando Galman không phải là người bắn chết Aquino, mà cả Aquino lẫn Galman đều là nạn nhân một vụ sắp xếp của chính quyền Marcos, để cho một số quân nhân hành động. Theo như những tin tức đầu tiên thì Galman là 1 đặc công Cộng Sản đã bắn chết Aquino và liền đó Galman đã bị nhân viên an ninh phi trường hạ sát. Bản báo cáo cho biết, 2 quân nhân, 40 sĩ quan và 3 tướng liên hệ trong cái chết Aquino.

Phi với 7100 đảo, dân số 54 triệu 5, kinh tế nông nghiệp làm căn bản - trên 10.000 du kích quân Cộng Sản hoạt động ở nhiều tỉnh trong số 73 tỉnh của Phi. Tại phía Nam của đảo Mindanao, một trong những đảo lớn nhất của Phi, du kích quân Cộng Sản đã chiếm một phần và lập cơ cấu tổ chức hành chính. Mới đây phụ tá Tổng trưởng quốc phòng Mỹ Richard Armitage điều trần trước Ủy Ban về Á Châu và Thái Bình Dương của Thượng viện Mỹ cho rằng chính quyền Marcos sẽ bị Cộng Sản lật đổ trong vòng 10 năm tới đây.

Ferdinand Marcos sinh 1917 tại đảo Luzon từng là người hùng chiến tranh với 28 huy chương trong thế chiến thứ 2. Ngày 4.7. 1946 Phi được Hoa Kỳ trao trả độc lập, Marcos là một dân biểu của tỉnh Ilocos Norte của đảo Luzon. Tới tháng 11/65 đã đắc cử Tổng thống qua cuộc Tổng tuyển cử. Tới năm 1969 tái đắc cử nhiệm kỳ 2 và năm 1972 ban bố tình trạng thiết quân luật và nắm quyền luôn cho tới ngày nay.

Ý

SÀO HUYỆT MAFIA Ở SICILIAN BỊ TẤN CÔNG.

Vào cuối tháng 9, với sự phối hợp của lực lượng an ninh Ý Hoa Kỳ, một cuộc tổng bớ ráp các sào huyệt của tổ chức Mafia tại cả hai quốc gia, các tay trùm Mafia đều bị tóm cổ, hoặc bắn gục.

Tại Ý hồi tháng 7 lực lượng an ninh Ý đã bắt được Tommaso Buscetta 56 tuổi được coi như đầu sỏ của Mafia người được mệnh danh là "god father" của thế giới Mafia. Buscetta bị bắt tại nhà riêng ở ngoại ô Rome cũng trong ngày tại thành phố Palermo, nhân viên an ninh Ý đã bắn hạ tên con rể, anh, cháu và hai con trai của y. Trong bản điều tra qua những lời khai của Buscetta trên 3000 trang, về các cơ cấu tổ chức của Mafia trên toàn thế giới với an ninh Ý, Buscetta đã cho biết nhữ liên hệ của Mafia Sicilian với các gia đình Mafia trên thế giới.

Tại Mỹ cơ quan an ninh FBI 2 ngày sau vụ tổng

bổ ráp ở Ý, cũng đã bắt được các tay trùm Mafia Mỹ đa số người Mỹ gốc Ý tại New York, Illinois, New Jersey, Michigan, Wisconsin. Theo FBI mỗi năm tổ chức Mafia lấy của dân Mỹ hàng tỷ dollar, qua các hành vi tống tiền các cơ sở thương mại, kỹ nghệ và nhất là dịch vụ cung cấp thuốc phiện cho giới tiêu thụ tại Hoa Kỳ. Chỉ trong 2 năm qua trên 500 vụ giết người đều có sự tham dự của các tay Mafia.

Theo báo giới Âu Mỹ thì đây là cuộc tổng bổ ráp mãnh liệt nhất nhằm vào các tổ chức Mafia kể từ sau cuộc bổ ráp của Mussolini vào thập niên 20 tại Ý. Hơn 10 năm sau 1943 Mafia lại sống lại tại Sicilian. Được biết nguồn gốc của Mafia ở Sicilian Ý Đại Lợi xuất hiện vào những năm đầu thế kỷ 19, ban đầu là những tay anh chị canh giữ các cánh đồng cỏ, lò heo, các đồn điền, các cảng và các khu chợ đặc biệt của các tổ chức Mafia là gồm các tay anh chị, có sự liên hệ máu mủ, ruột thịt, hoặc lấy nhau - nên tổ chức theo gia đình Mafia. Trong những thập niên sau thế chiến thứ hai các tổ chức Mafia đã lớn mạnh rất mau và tràn lan khắp thế giới - Hoa Kỳ, Ba Tây, Pháp là những địa bàn hoạt động của Mafia - Sicilian được coi là nơi "đưỡng quân" của các tay anh chị Mafia mỗi khi bị động ở. Sau vụ tổng bổ ráp này, giới an ninh Mỹ và Ý kêu gọi sự tiếp tay của các quốc gia khác để truy lùng các tay Mafia lọt lưới đang đào tẩu đi khắp nơi.

Anh

84 NĂM ĐẦY THỬ THÁCH CỦA NỮ THỦ TƯỚNG THATCHER.

Trong năm qua chính quyền đảng Bảo Thủ của nữ Thủ tướng Thatcher đã gặp nhiều khó khăn. Trong tình trạng kinh tế suy thoái với nạn thất nghiệp 13,6% tức 3 triệu 3 người không có việc làm và cuộc đình công của công nhân mỏ than kéo dài gần 1 năm kéo theo những cuộc biểu tình của dân chúng do đảng Lao Động đối lập sách động.

Trong khi đó vào trung tuần tháng 10, quân khủng bố thuộc lực lượng quân đội Cộng Hòa Bắc Ái Nhĩ Lan đã đặt chất nổ ngay tại nơi làm việc của Thủ tướng Thatcher, đảng và nội các của Bà, làm 4 người chết tại chỗ và 34 người bị thương, nhưng Thatcher và chồng đã may mắn thoát nạn.

Được biết mục đích của các cuộc khủng bố này để đòi hỏi sự rút lui quân đội Anh tại Bắc Ái Nhĩ Lan. Từ vụ khủng bố bắt đầu vào năm 1972 đã làm 80 người chết và hơn 1000 người bị thương - tháng 9/1979 Lord Louis Mount-

batten chú của Hoàng đế Philip chồng của nữ hoàng Elizabeth đã bị chết trong một vụ đặt chất nổ tại biệt thự mùa hè của ông ở Tây Bắc Ái Nhĩ Lan. Và tiếp theo đó quân khủng bố đã đặt chất nổ ở khắp mọi nơi không kể cơ quan quân sự, hành chính hay các nơi công cộng cho tới nay vài yếu nhân trong chính phủ Anh bị chết, còn đa số là quân đội, cảnh sát và dân chúng.

Được biết vào những tháng cuối năm, có nhiều dấu hiệu cho thấy nghiệp đoàn công nhân than được đảng Lao Động yểm trợ. Đã có nhợ nhượng bộ trước sự cứng rắn của Thủ tướng Thatcher. Một số đã di làm lại. Đảng Bảo Thủ của Thatcher đã vọt lên 44,5% sự ủng hộ so với 32% của đảng Lao Động trong cuộc thăm dò dân chúng Anh vào cuối năm 84.

Na Uy

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH 84.

Giải Nobel hòa bình năm 1984 đã được Hàn Lâm Viện Na Uy trao cho giám mục Anh giáo Desmond Mpilo Tutu người Nam Phi. Tutu năm nay 53 tuổi, sinh ra ở thành phố Transvaal thuộc Nam Phi Châu. Trong những năm của thập niên 60, ông du học ở Anh và về nước là giáo sư thần học ở Lesotho, năm 1976 ông trở thành giám mục của Lesotho - và từ ngày đó ông là tiếng nói đại diện cho những người da màu ở Nam Phi, chống chính sách phân biệt chủng tộc của chính phủ người da trắng ở đây. Năm 1978 Tutu trở thành người lãnh đạo của hội nhà thờ Nam Phi (South African Council of Churches) với 13 triệu hội viên. Với số tiền 195 ngàn dollars US của giải Nobel, Tutu tuyên bố dùng để cấp học bổng cho các thanh niên Nam Phi.

Được biết trong mấy năm qua giải Nobel hòa bình đã trao cho các lãnh tụ các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền ở trên thế giới: như nhà vật lý người Nga Andrei Sakharov, Adolfo Perez Esquivel của Argentina, và Lech Walesa của Ba Lan. Khác với Sakharov và Walesa, ngày 10.12.84 Tutu sẽ đích thân tới Norway để lãnh giải.

Thụy điển

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH 84.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển năm nay cũng tuyên bố trao tặng giải Nobel về các bộ môn Văn Chương Vật Lý, Hóa Học, Y Khoa và Kinh Tế cho các nhân vật có tên sau đây. Về văn chương thi sĩ người Tiệp Khắc Jarolas

Seifert 83 tuổi - hiện ông đang nằm tại bệnh viện thủ đô Prague của Tiệp Khắc. Thơ của ông mang màu sắc quê hương dân tộc, đầy tinh thần ái quốc chống Quốc Xã và Cộng Sản. Trg những năm Tiệp Khắc bị Đức chiếm đóng và từ 1948 Tiệp Khắc lọt vào tay Cộng Sản. Từ khi chính phủ Cộng Sản thành hình ở Tiệp Khắc, những bài thơ ông sáng tác đã phải chuyển hướng qua lãnh vực tình yêu và quê hương.

Được biết chỉ 2 trong 30 tập thơ của Seifert đã được ấn hành tại Mỹ, một do cộng đồng ng. Tiệp Khắc ở New York và một do cơ sở báo chí The Spirit that Moves Us press ở Iowa City- (Iowa).

VỀ VẬT LÝ : Hai nhà khoa học một người Ý và một Hòa Lan đã được trao tặng giải Nobel vật lý 84. Đó là Carlo Rubbia 50 tuổi sinh tại Gorizia Ý Đại Lợi và Van der Meer 58t. hiện là chuyên viên khoa học của hãng điện tử Philips. Hai ông đã có công nghiên cứu về nguyên tắc lực và phân lực trong ngành động lực học.

VỀ HÓA HỌC : Nhà Hóa Học người Mỹ R. Bruce Merrifield 63 tuổi giáo sư ở đại học đường Rockefeller của New York City đã nhận lãnh giải Nobel Hóa Học 84 và ông là người Mỹ duy nhất được lãnh giải này trong năm 84. Từ 25 năm qua Merrifield đã bỏ công ra nghiên cứu về phương pháp cấu tạo của Protein và sự cần thiết cho sự sống.

VỀ Y KHOA : Hai nhà khoa học người Argentina và Tây Đức đã chia nhau giải Nobel y khoa 84 đó là César Milstein 57 tuổi người Á Căn Đình và Georges Köhler 38 tuổi người Tây Đức. Cả hai đều làm việc tại viện nghiên cứu Y Khoa ở tỉnh Basel Thụy Sĩ.

Hai ông đã có công nghiên cứu về tính cách miễn dịch trong các tế bào của cơ thể về sự ngăn ngừa các vi trùng xâm nhập. Đặc biệt là các tế bào ở các cục bướu, nó đã sinh sản ra các chất chống cơ thể. Được biết Milstein và Köhler sẽ chia số tiền của giải Nobel cho giáo sư Niels Jerne 72 tuổi giám đốc trung tâm y khoa trên.

VỀ KINH TẾ : Chuyên gia kinh tế Sir Richar Stone 71 tuổi người Anh hiện là giáo sư ở đại học đường Cambridge, đã được trao tặng giải Nobel 84 về khoa kinh tế. Ông đã có công nghiên cứu về y thức tạo sự phát triển kinh tế tại các quốc gia. Ông đã thành công trong để ấn tạo sự phát triển nền kinh tế Anh quốc mà uy ban do ông cầm đầu.

Với 46 trang bao gồm tất cả những điều khoản về tương lai của 5,5 triệu dân Hồng Kông, đã được đại diện 2 chính phủ Anh và Trung Quốc ký kết vào cuối tháng 9/84 tại Đại sảnh đường nhân dân ở Bắc Kinh. Theo tinh thần của bản hiệp ước này Anh quốc trao trả Hồng Kông lại cho Trung Quốc vào ngày 1.7.1997, chấm dứt 99 năm dưới quyền bảo hộ của Anh tại trung tâm tài chính thứ 3 thế giới sau New York và London. Hồng Kông sẽ trở thành vùng hành chính đặc biệt, sẽ có một cuộc bầu cử chính quyền riêng, lực lượng cảnh sát, an ninh và tòa án theo luật của Liên Hiệp Anh-tuđo bảo chỉ, hội họp, đoàn thể được bảo đảm-Hồng Kông mãi mãi là một cảng tự do, đồng Dollar Hồng Kông vẫn duy trì-chính quyền địa phương sẽ có quyền ký kết các hiệp thương với các quốc gia khác hay các tổ chức tài chính quốc tế. Tuy nhiên về ngoại giao và quốc phòng thì do Bắc Kinh điều khiển, quân đội Trung Quốc sẽ tới Hồng Kông khi hạn kỳ chấm dứt vào 1997.

Sau khi bản hiệp ước được ký kết, đã được công bố cho 5,5 triệu dân Hồng Kông biết, hơn một triệu bản đã được in để phổ biến. Một cuộc thăm dò của báo chí xuất bản ở Hồng Kông thì 78% dân chúng cho rằng sẽ mất tuđo và không tin những lời hứa hẹn của Bắc Kinh. Nhiều Công Ty Xí Nghiệp và giới giàu có đã tìm đường di cư tới các quốc gia tự do khác. Vào năm 1982, lợi tức đầu người của dân Hồng Kông là 5390 dollar US gấp 18 lần lợi tức người dân Trung Quốc; với nền thất nghiệp chỉ có 4%. Nền ngoại thương của Hồng Kông vào 1983 là 23 tỷ dollar US. Giới ngoại giao và báo chí Âu Mỹ cũng có đồng quan điểm với 78% dân Hồng Kông. Tương lai kinh tế của Hồng Kông chưa biết sẽ trôi nổi ra sao, đồng dollar Hồng Kông đã mất giá vùn vụt. Tuy nhiên 1 số người nhìn với con mắt lạc quan hơn, thì cho rằng Hồng Kông sẽ có cơ phồn vinh trở lại, với số lượng lao động từ Trung Quốc tràn qua giá mướn công nhân rẻ, giá thành của hàng sản xuất sẽ xuống, hàng hóa Hồng Kông có cơ hội chiếm được nhiều thị trường quốc tế. Nhưng 1 điều quan trọng khác với số tuổi 80 của Đặng Tiểu Bình, ngày gần đất xa trời cũng chẳng còn bao xa, liệu một nhân vật khác lãnh đạo Trung Quốc, còn tôn trọng những gì đã hứa a không? Chưa ai trả lời được câu hỏi này....

Úc Đại Lợi

TỔNG TUYÊN CỨ SỚM HƠN HẠN ĐỊNH CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG.

Sau 18 tháng cầm quyền, chính phủ Lao Động của Thủ tướng Bob Hawke, vào trung tuần tháng 10

Hồng Kông

năm 84 đã tuyên bố giải tán quốc hội và tổ chức Tổng tuyển cử, đây là lần thứ 5 trong 12 năm tại Úc đã có những cuộc tuyển cử sớm hơn nhiệm kỳ.

Được biết trong mấy tháng trước đây, đảng đối lập đã khai thác triệt để vụ con gái và con rể của Thủ tướng Hawke nghiện ma túy - trong một cuộc họp báo để trình bày về nội vụ, ông đã khóc vì thảm kịch gia đình này. Tuy nhiên đảng Lao Động của ông vẫn trước với tỷ lệ 55% trên 37% so với đảng Tự Do đối lập.

Trong hơn năm qua chính quyền Hawke đã thành công trong nhiều lãnh vực - nạn lạm phát đã tụt từ 11,5% xuống 3,9%, thất nghiệp từ 10,5% còn 8,8%, kinh tế tăng tiến 10% cao nhất trong 25 năm qua.

Được biết cách nay 10 tháng, sau khi đảng Tự Do của Thủ tướng Fraser bị đánh bại bởi đảng Lao Động của Hawke, với tin đồn tân chính phủ có khuynh hướng tả phái, sẽ quốc doanh các xí nghiệp, làm hàng tỷ dollar Mỹ của các tư bản đầu tư đã vội vàng rút khỏi các ngân hàng, xí nghiệp - làm giá sinh hoạt tăng nhanh và đồng dollar Úc mất giá trên thị trường tiền tệ thế giới. Với diện tích hơn 7,6 triệu Km² mà dân số chưa tới 19 triệu. Úc là vùng đất hứa của những dân tỵ nạn chính trị, kinh tế, trên khắp thế giới.

Libanon

VÙNG ĐẤT MÁU LỬA.

Bước qua năm 1984 tại vùng đất máu lửa Libanon, người ta nghĩ đã tạm yên với sự ra đi của 1800 lính Mỹ cùng các lực lượng của Pháp, Anh, một chính quyền thân Syrian thành hình Hoa Kỳ và Tây Âu đã thất bại trước sự đe dọa của Syrian được Sô Viết hậu thuẫn dành buồng Libanon - với cả ngàn thủy quân lục chiến Mỹ, nhảy dù Pháp vừa chết và bị thương cùng hàng tỷ dollar chiến cụ tổn phí.

Vào tháng 9/84, Tòa Đại Sứ Mỹ tại Đông Beirut lại bị quân khủng bố Ả Rập tấn công làm gần 50 người chết và bị thương. Hiện nay Tây Beirut thì do quân Hồi Giáo thân Syrian chiếm đóng, còn lực lượng Thiên Chúa Giáo thì đóng ở phía Đông. Trong khi đó phía Nam Libanon, thì quân Do Thái chiếm đóng, hơn 10000 Km² diện tích, gần 3 triệu dân, trước đây là thuộc địa của Pháp, trong nhiều năm qua Libanon đã trở thành vùng đất thí nghiệm các loại vũ khí của các thế lực siêu cường - quốc gia bé nhỏ này đã hoàn toàn tan nát vì chiến tranh, hàng trăm ngàn người đã chết trong lửa đạn, vẫn chưa thấy dấu hiệu nào tươi sáng cho

vùng đất hận thù này...

Chiến tranh Iran - Irak

Trong năm 1984 số người chết vì súng đạn nhiều nhất trên thế giới có lẽ là 2 quốc gia Hồi Giáo Iran và Irak. Trận chiến kéo dài hơn 4 năm qua đã sôi động và trở nên khốc liệt vào 5/84. Hai bên đã quyết đề bẹp nhau với vũ khí tối tân của các siêu cường cung cấp. Phi pháo của Iran và Irak đã tấn công tất cả cầu bệ đi trên huyết lộ dầu hỏa thế giới Persian Gulf, làm trên 30 tàu dầu mang nhiều quốc tịch bị trúng đạn bốc cháy. Cuộc chiến đã ảnh hưởng tới giá dầu trên toàn thế giới. Tuy nhiên vào những tháng cuối năm 84, cuộc chiến đã lắng dịu, sau khi cả hai bên đều thảm một. Giáo chủ Khomeini của Iran đã bớt hung hăng, sau khi hầu hết các khu kỹ nghệ dầu quan trọng của Iran bị phá huỷ và hàng ngàn lính Iran đã chết vì vũ khí hóa học của Irak. Tuy nhiên người ta vẫn nghĩ rằng cuộc chiến giữa 2 quốc gia Hồi Giáo đã từng có thời gian là huynh đệ này, chỉ tạm yên để 2 bên chuẩn bị lại hàng ngũ và tiếp tục thủ hùng vào những tháng tới đây.

Ethiopia

900 NGÀN NGƯỜI CHẾT ĐÓI.

Mười năm trước đây, với sự trợ giúp của Sô - Việt, quân đội Ethiopia đã lật đổ chế độ quân chủ ở đây. Một chính quyền thân Liên Sô đã thành hình với Mengistu Haile Mariam làm Tổng thống. Một chính sách kinh tế xã hội chủ nghĩa được áp dụng và biến đổi quốc gia này vốn nghèo đói lại càng thêm nghèo đói. Chỉ trong năm 1984 có trên 900 ngàn người chết đói. Trong khi đó chính phủ bỏ ra 100 triệu dollar để kỷ niệm 10 năm xã hội chủ nghĩa ra đời tại quốc gia này. Liên Hiệp Quốc đã lên tiếng kêu gọi các quốc gia giúp đỡ thực phẩm để cứu đói tại đây. Nhiều quốc gia Âu Mỹ đã đáp lời. Trong khi đó năm qua Liên Sô cũng cấp cho Ethiopia 3 tỷ dollar vũ khí nhẹ chỉ có 10 ngàn tấn gạo. Được biết diện tích Ethiopia là 1 triệu 222 km² và gồm 30 triệu dân trong đó hơn 6 triệu đang trong tình trạng đói ăn.

Do thái

CHÍNH PHỦ LIÊN MINH LIKUD-LAO ĐỘNG BAN HÀNH CHÍNH SÁCH THẬT LUNG BUỘC BỤNG.

Trong tháng 9/84 một chính phủ Liên Minh 2 đảng Likud và Lao Động đã ra mắt dân chúng.

Peres lãnh tụ đảng Lao Động nắm chức Thủ tướng, tân Thủ tướng Peres đã mở chuyến công du Hoa Kỳ trong 7 ngày và đã thu đạt được kết quả tốt đẹp, với 1 tỷ 2 viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ dành cho Do Thái và cho khắc lại số nợ 500 triệu mà Do Thái phải trả vào đầu 1985.

Được biết Do Thái diện tích gần 21.000 km², hơn 3 triệu dân, trong mấy năm qua vì luôn luôn có chiến tranh với các quốc gia Ả Rập, nên kinh phí quốc phòng đã chiếm hầu hết ngân sách quốc gia. Kinh tế Do Thái đã suy sụp trầm trọng mức lạm phát lên tới 500% có lúc nhảy vọt tới 900%. Tân chính phủ đã chủ trương một chính sách kinh tế bất toàn dân thất lũng buộc bụng giảm lương, tăng thuế lợi tức, giới hạn nhập cảng các hàng xa xỉ phẩm, v.v....

Mặt khác vấn đề lực lượng quân đội Do Thái còn đóng ở phía Nam Libanon cũng làm hao tổn cho ngân sách quốc gia. Tuy nhiên vì vấn đề an ninh lãnh thổ Do Thái tuyên bố chỉ rút ra khi nào quân đội Syrian không tới chiếm vùng đó. Trong khi đó tham mưu trưởng quân đội Syrian tuyên bố đang chuẩn bị đưa hàng ngàn thanh niên chí nguyện tới vùng Do Thái chiếm đóng. Rồi đây thế nào cũng có những cuộc đụng độ giữa Do Thái và Syrian. Trong khi đó Tổng thống Assad của Syrian đã qua Sô Viết cầu viện, Hoa Kỳ cũng hứa sẽ bán cho Do Thái một số dụng cụ kỹ thuật của các phi cơ chiến đấu và 3 tiềm thủy đình như Do Thái mong muốn.

Vùng đất Trung Đông máu lửa này, chắc còn xảy ra nhiều biến động trong năm 85, liệu với nhiệm kỳ 25 tháng của Thủ tướng Peres có cứu vãn được nền kinh tế suy sụp của Do Thái không?

Nam Phi Châu

BAO ĐỘNG TẠI NHIỀU NƠI.

Với diện tích 1 triệu 225 ngàn km², hơn 30 triệu dân mà 73% người da đen còn lại là người da trắng, giống lai và 850.000 Ấn Độ. Trong khi đó các cơ cấu chính quyền đều do người da trắng và một số ít người Ấn và lai nắm quyền. Chính quyền của Thủ tướng P.W. Botha da trắng đã chủ trương một chính sách phân biệt da màu một cách triệt để. Một quốc hội với 178 người da trắng có trụ sở riêng, 85 người lai có nơi làm việc riêng và 45 người Ấn có nơi riêng, tuy tất cả đều nằm trên một đường. Phòng khách của Quốc Hội chỉ dành cho những dân biểu da trắng. Trong dân chúng những người da đen và lai phải học trường riêng, các câu lạc bộ thể thao, phương

tiện di chuyển công cộng cũng dành riêng cho người da trắng và Ấn. Với chính sách phân biệt da màu của chính quyền Botha đã tạo sự phẫn nộ của giới da đen và lai. Trong nhiều năm qua các cuộc biểu tình đã diễn ra tại nhiều thành phố ở Nam Phi, hàng ngàn người đã bị giết.

Vào cuối tháng 10/84 trên 100.000 người da đen từ nhiều nơi đã kéo về Sebokeng, 50 dặm phía Nam của thành phố Johannesburg 1 trong 5 thành phố lớn ở Nam Phi. Chính quyền da trắng Botha đã huy động 7000 quân đội cảnh sát dân chào đón biểu tình, hàng trăm người đã bị bắt. Tuy nhiên Nam Phi còn hứa hẹn rất nhiều những bất ổn, hầu hết các quốc gia trợ tổ chức thống nhất Phi Châu đều cắt đứt mọi liên hệ với Cộng Hòa Nam Phi.

Được biết giải Nobel Hòa Bình 84 được Hàn Lâm Viện Na Uy trao cho giám mục Anh giáo Tutu người Nam Phi, ông là một trong những lãnh tụ chống chính sách phân biệt da màu của chính quyền Botha.

TIN KINH SÁCH

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức vừa in xong quyển Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật của Thiệu Chử gồm cả tiếng Việt lẫn tiếng Hán. Kinh này có thể dùng để tụng và đọc, có lời giải nghĩa rõ ràng minh bạch của Tác Giả. Kinh dày 212 trang. Bìa in trang nhã rất đẹp. Đây là một quyển Kinh tối thượng thừa trong Phật Giáo.

Quý Vị đã gởi tịnh tài về chùa Ấn Tống Kinh này, chúng tôi đã gởi đến mỗi vị một cuốn để trì tụng. Quý vị nào muốn thỉnh Kinh này xin gởi về chùa Viên Giác 14 DM (kể cả cước phí bưu điện) để có Kinh trên. Kính mong Quý vị lưu tâm cho.

Ngoài ra tại chùa Viên Giác cũng có phát hành các loại kinh sách, pháp khí, pháp cụ có thư mục riêng. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa để có. Xin thành thật cảm ơn Quý vị.





TIN GIÁO HỘI TẠI VIỆT NAM

LỜI TÒA SOẠN: Chúng tôi vừa nhận được tin Thượng Toạ Thích Quảng Độ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn còn bị giam lỏng tại Thái Bình.

Ngày 9.10.1984 vừa qua Thượng Toạ đã công khai gửi đơn lên Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh để minh thị lập trường của Thượng Toạ đối với việc giam lỏng trái phép trên. Viên Giác xin gửi đến quý độc giả xa gần nguyên văn bức thư để quý vị rõ hoàn cảnh của Thượng Toạ Thích Quảng Độ ngày nay - một vị lãnh đạo của Phật Giáo luôn luôn đứng trong lập trường của dân tộc và Đạo pháp.

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Xã Vũ Đoài, ngày 9.10.1984

Kính gửi: Ủy Ban Nhân Dân
Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa quý Ban,
Tôi tên là Đặng Phúc Tuệ, PV Thích Quảng Độ, 57 tuổi, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (khởi Ân Quang), trụ trì Thanh Minh Thiền Viên, số 90, đường Trương Tân Bưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang bị giam lỏng tại chùa Long Khánh, xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình từ ngày 2-3-1982 đến nay, xin trình bày với quý Ban việc sau đây:

Chiều ngày 24.2.82 tôi nhận được bức thư của sở Công An thành phố Hồ Chí Minh, ngoài bì đề "Thượng khẩn" với nội dung như sau:

"Kính gửi: Ông Đặng Phúc Tuệ, tức Thích Quảng Độ, số 90, đường Trương Tân Bưu, Phú Nhuận

Kính mời ông Đặng Phúc Tuệ đúng 8 giờ ngày 25 tháng 2 năm 1982 đến cơ quan chúng tôi tại 268 Trần Hưng Đạo, quận 1 để lý do cho biết sau. Ông Quang Minh đón tiếp.

Tp. Hồ Chí Minh ngày 24.2.1982
TUN Giám Đốc Công An

Trưởng Toàn Chấp Pháp
(ký tên, đóng dấu)
Ngô Văn Dân

Đúng 8 giờ ngày 25.2.1982 tôi đến sở Công An thì đưa vào ngồi chờ tại một căn phòng vacó 2 người Công An canh giữ. Khoảng một giờ đồng hồ sau, tôi được đưa vào gặp ông Quang Minh. Khi thấy tôi, ông Quang Minh nói: "Ông làm việc tôn giáo cũng là làm chính trị, chúng tôi sẽ có thái độ với ông". Và độ năm phút sau, ông Quang Minh đứng lên đọc một bản quyết định do ông Lê Quang Chánh, phó Chủ tịch UBND ký tên, trục xuất tôi ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh, rồi Công An mang súng áp giải tôi xuống xe đưa đi. Lúc ấy tôi mới biết là mình được "mời" đến để bị bắt.

Đến chiều ngày 2.3.1982, tôi được đưa đến huyện lỵ Vũ Thư để chụp hình và sau đó được dẫn vào phòng hội của huyện để nghe một bản quyết định "buộc cư trú" do ông Đặng Trính, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ký tên. Nội dung bản quyết định gồm có những điểm chính sau đây:

- tôi có đủ mọi quyền công dân như tất cả các công dân khác
- tôi không được đi ra khỏi xã Vũ Đoài
- tôi không được tặng kính làm lễ cho người khác
- tôi phải lao động cải tạo để trở thành ng. công dân lương thiện...

Sau khi nghe bản quyết định xong, tôi được Công An dẫn ra xe và đưa về trụ sở UBND xã Vũ Đoài để nghe một số quy định khác nữa của Ủy Ban xã và sau đó đưa tôi về chùa Long Khánh để chính thức giam lỏng.

Đến ngày 7.3.1982, khoảng 4 giờ chiều, một xe chở Công An Thái Bình và mấy vị sư, trong đó có sư cụ Thanh Hiền, trụ trì chùa Nguyệt Lữ ở Tiên Hải, đưa bà mẹ tôi đến, tôi hết sức kinh ngạc, vì không ngờ mẹ tôi cũng bị bắt đưa đến đây, không biết vì tội gì. Năm ấy mẹ tôi đã 85 tuổi, cô làm được gì đâu, suốt ngày chỉ ngồi lăn tràng hạt niệm Phật, không lễ niệm Phật "cũng là làm chính trị"! Tôi nghiệp bà già, đang ở nơi âm áp đầy đủ tiện nghi, có người giúp đỡ, bây giờ đến đây thiếu thốn đủ thứ, thiếu áo thiếu chăn, ngồi co ro run rẩy, điều đó khiến tôi ân hận xót xa. Cùng lúc, sư cụ Thanh Hiền trao cho tôi một tờ biên bản của Công An Thành phố Hồ Chí Minh đến khám xét phòng riêng của tôi tại Thanh Minh Thiền Viên ngày 3.3.1982. Tôi trích một vài đoạn chính sau đây:

"Theo nguyện vọng của TT Quảng Độ và được sự chấp thuận của các cơ quan thẩm quyền hôm nay ngày 3.3.1982 chúng tôi gồm có:

- 1- Đ/c 10 Anh đại diện Ban Tôn Giáo thành phố Hồ Chí Minh
- 2- Đ/c Nguyễn Tân Lực đại diện Công An thành

phố Hồ Chí Minh

3- Đ/c Nguyễn Thanh Ngọc phó Chủ tịch UBMT
TQ quận Phú Nhuận

4- Đ/c Đỗ Hồng Nha đại diện MTTQ phường 16,
quận Phú Nhuận có sự chứng kiến TT Thanh
Minh phó trụ trì Thanh Minh Thiên Viện
tiên hành nhận một số đồ dùng cá nhân của
TT Quảng Độ để đem về Thái Bình cho TT
Quảng Độ những đồ dùng cụ thể như sau:

(Tiếp đó là bảng liệt kê một số đồ dùng như
quần áo, thuốc men v.v... rồi đến đoạn kết
của biên bản như sau):

"Về tiền bạc TT Thanh Minh phát biểu là:
Trước khi đi TT Quảng Độ không gửi gì cả và
lại khi khám xét phòng có sự chứng kiến của
TT Thanh Minh chúng tôi không phát hiện tiền
bạc hay bất cứ vật quý gì".

Trên đây là vài đoạn chính của biên bản điều
đang chú ý là việc "tiên hành nhận một số đồ
dùng cá nhân của TT Quảng Độ..." ở đoạn mở
đầu của biên bản đã trở thành một cuộc "khám
xét phòng" ở đoạn kết, mà làm như vậy là "thể
theo nguyện vọng của TT Quảng Độ"! Nghe hơi
lạ không lẽ tôi "nguyện vọng" công an bắt
tôi đi rồi tôi lại "nguyện vọng" công an đến
khám xét phòng riêng của tôi?! Nhưng điều
quan trọng hơn là trong biên bản đã không
thấy ghi một tang vật phi pháp nào.

Rồi đến ngày 22.4.1984 vừa qua, cả hai mẹ
con tôi đã được thực thi quyền công dân bằng
cách đi bầu người vào Hội Đồng Nhân Dân Xã
và Huyện, và hiện chúng tôi đang còn giữ hai
Thẻ Cử Tri để ngày 22.4.1984 do UBND xã Vũ-
Đoài cấp.

Thưa quý Ban, qua những sự kiện được nêu lên
trên đây, tôi nhận thấy việc bắt bố và đây
đi hai mẹ con tôi gần ba năm qua chưa được
sáng tỏ và công bằng; bởi lẽ, tôi chưa bị 1
tòa án nào xét xử công khai về bất cứ tội
gì để kết án "trục xuất" và "phải lao động
cải tạo để trở thành người công dân lương
thiện" cả. Do đó, cho đến nay, tôi vẫn chưa
biết là tôi "không lương thiện" về tội gì và
suốt thời gian gần ba năm qua cũng không có
một quan chức nào nói cho tôi biết phải cải
tạo như thế nào để trở thành người công dân
lương thiện.

Thưa quý Ban, là người công dân một nước trq
thời đại văn minh, tôi không mong gì hơn là
được sống đúng theo luật pháp và cũng được
cải trị đúng theo luật pháp. Nghĩa là, nếu tôi
có tội thì phải bị trừng phạt tương xứng với
tội trạng, còn nếu không có tội thì tôi cũng
phải được sống một cuộc sống bình thường như
tất cả mọi công dân bình thường khác, đó là
lẽ công bằng.

Phát xuất từ tinh thần tôn trọng luật pháp,

tuyệt đối tin tưởng vào công lý, vào lẽ phải
và với tinh thần trách nhiệm đầy đủ "mình
làm mình chịu", tôi đề nghị quý Ban hãy gấp
rút truy tố tôi ra tòa xét xử công khai về
tội mà quý Ban đã bắt và trục xuất tôi để
quyết định xem tội trạng của tôi với hình
phạt như hiện nay đã tương xứng chưa và thời
gian gần ba năm qua đã đủ chưa, nếu đã tương
xứng và đủ rồi thì trả lại tự do hoàn toàn
cho tôi, nếu chưa tương xứng và chưa đủ thì
tuyên án phạt thêm, ngay cả nếu tôi tôi đáng
chết thì lên tử hình và cho tôi cái quyền
tối thiểu được tư biện hộ tại tòa trước khi
lãnh án. Trước đây Ngô Đình Diệm và Nguyễn
văn Thiệu đã để tôi sống sót, rồi đến lượt
quý Ban bỏ tù tôi lần trước từ tháng 4 năm
1977 đến tháng 12 năm 1978, nhưng tội chưa
đáng chết, vậy ngày nay có chết cũng vừa rồi
57 tuổi đầu chẳng non yếu gì nữa.

Thưa quý Ban, tôi thiết nghĩ đề nghị trên đây
rất hợp tình hợp lý, phân minh và sống phải
nó không có gì sai trái, và thời gian gần ba
năm trời cũng đã quá đủ để quý Ban quyết
định. Bởi vì, nếu người chết sau ba năm đã
sạch hết, có thể cải tử được rồi, thì với ng.
sống, nếu có tội gì, sau ba năm cũng phải được
xét xử phân minh và công bằng. Tâm trạng ng.
nào - dù là tử chất hay tử lỏng - cũng vậy,
ai cũng muốn biết rõ tội trạng và bản án của
mình như thế nào và thời hạn ở tù là bao lâu
để ổn định tinh thần, chứ chẳng ai muốn là
người tù vô tội, không án và bị giam cầm một
cách mờ ám oan ức vô thời hạn cả. Tôi đã kiên
trì chịu đựng và nhẫn nại chờ đợi sự giải
quyết công bằng và hợp lý của quý Ban, nhưng
đã gần ba năm trời trôi qua mà vẫn đề vẫn
còn nguyên vẹn. Vì sức chịu đựng của con ng.
có hạn, nên, hôm nay, tôi buộc lòng phải gửi
văn thư này đến quý Ban, mong quý Ban giải
quyết dứt khoát và công minh để thể hiện rõ
cái đường lối "quang minh chính đại" của
cách mạng.

Thưa quý Ban, tôi chờ đợi sự giải quyết của
quý Ban từ ngày gửi văn thư này - ngày 9 thg
10 năm 1984 - đến ngày 2 tháng 12 năm 1984,
nếu đến ngày đó mà quý Ban vẫn không quyết
định ra sao thì ngày 7 tháng 12 năm 1984,
trước khi thời tiết trở nên quá lạnh, tôi
được phép tạm đưa mẹ tôi về chùa tôi để tiếp
tục chờ đợi thêm. Lý do: vì bà mẹ tôi năm nay
đã 87 tuổi, yếu lắm rồi, không thể tự làm lấy
mọi việc, thậm chí, mấy ngày mưa lớn vừa qua,
đã không thể tự bưng bát và lấy cơm mà ăn vì
hai bàn tay tê cứng. Là người con, tôi không
quán ngại sự vất vả hay bản thiếu, nhưng vì
tôi là đàn ông lại là nhà sư nên có những
việc tôi không thể làm cho mẹ tôi được, mà ở
đây thì không có người giúp đỡ, lại thiếu
thốn đủ mọi phương tiện. Gần ba năm qua tôi

đã cố gắng rất nhiều để khắc phục, nhưng nay vì mẹ tôi mỗi ngày một yếu thêm, một mình tôi không thể khắc phục được, nhất là mùa đông giá rét khổ cực vô cùng.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là tôi kêu gọi tình người hay lòng thương hại của quý Ban đầu, mà tôi vẫn tuân thủ luật pháp. Điều tôi mong đợi là, như tôi đã nói ở trên, quý Ban hãy nhanh chóng - trước khi mùa đông giá rét đến - đưa mẹ con tôi ra tòa xét xử phân minh xem kết quả ra sao để tôi liệu định công việc của mẹ tôi, thế thôi. Là người, ai cũng có cha mẹ và, nếu không có tôi, thì chẳng ai muốn thấy cha mẹ mình phải nhắm mắt lìa đời trong cái cảnh đầy ải khổ nhục cả. Nhưng khi ra tòa, nếu mẹ con tôi bị kết án ở tù thêm, hay tôi bị tù hình thì, dĩ nhiên, tôi chẳng phải lo nghĩ gì về điều đó nữa vì là trường hợp bất khả kháng, vượt ngoài khả năng và bổn phận của tôi.

Trân trọng kính chào quý Ban.

Đặng Phúc Tuê
(Thích Quảng Độ)

Sao y bản chính

Kính gửi :

- Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Hội Đồng Bộ Trưởng Nước CHXHCN Việt Nam "để tường trình"
- Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thái Bình
- Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Thái Bình
- Ủy Ban Nhân Dân Huyện Vũ Thư
- Ủy Ban Nhân Dân Xã Vũ Đoài "để thông báo"
- Viện Hóa Đạo GHPGVNNTN khố Ấn Quang "để tường trình"
- Lưu



(Fortsetzung von Seite 32)

laß in Achtsamkeit den Gedanken aufsteigen: "Ich atme ein und mache meinen ganzen Körper leicht, ruhig und froh." Fahre so 3 Atemzüge lang fort, und laß in Achtsamkeit den Gedanken entstehen: "Ich atme ein, während mein Körper und Geist ruhig und froh sind. Ich atme aus, während mein Körper und Geist ruhig und froh sind." Halte diesen Gedanken achtsam fünf bis dreißig Minuten lang aufrecht oder auch eine Stunde lang, entsprechend Deiner Fähigkeit und der Zeit, die Dir zur Verfügung steht. Der Anfang und das Ende der Übung sollten entspannt und leicht sein. Wenn Du aufhören möchtest, massiere sanft Deine Augen und Dein Gesicht mit beiden Händen, und massiere dann Deine Beinmuskeln, bevor Du Dich in die normale Sitzposition zurückbe gibst. Warte einen Augenblick, bevor Du aufstehst.

(Fortsetzung folgt)

tiếp tục trang 63

không được xét xử ai, và cứ tìm hiểu để mà tha thứ, chứ chẳng phải để mà kết án. Con chó tưởng con là riêng biệt với kẻ điên cuồng hay tội lỗi. Họ chính là con đó, mặc dầu ở hạng thấp kém hơn con. Nhưng nếu con nghĩ rằng: con không liên đới với một người hoặc một vật nào khác, tức là con sẽ tạo ra một nghiệp quả, nó sẽ buộc con với vật đó hoặc người đó, cho tới chừng nào con cảm thấy sự duy nhất của vạn vật mới thôi. Con nên nhớ rằng: tội lỗi và nhục nhã của con: bởi vì con vốn là phần tử của thế gian...

Nghiệp quả của con vốn dết chặt với nghiệp quả chung của nhóm loại. Và trước khi con được giác ngộ, con phải trải qua mọi chỗ dơ, cũng như mọi chỗ sạch. Cái áo dơ bây giờ con gồm có thể là cái áo của con mặc bữa qua hoặc bữa mai. Và nếu con tỏ vẻ nhóm gồm, thì khi nó dặt lên vai con, nó sẽ siết chặt lấy con hơn nữa...

(còn tiếp)

Tin tức

• Ngày 1.12.1984 tại chùa Phật Giáo Đức Hamburg đồng bào Phật tử đã làm lễ cầu an và bầu lại thành phần Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Hamburg dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Như Điển và Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm.

Sau buổi lễ cầu an có phần nói chuyện của Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm với đồng bào Phật tử. Được biết Sư Cô đã dời về ở Tịnh Thất Bảo Quang trong tháng này tại địa chỉ Kreuzburg Str. 18 - 2000 Hamburg 70. Tel. 040-6545553. Lễ An vị Phật sẽ cử hành một ngày gần đây. Tiếp theo là bài thuyết pháp ngắn ngủi của vị Sư người Đức đã tu học 14 năm tại Thái Lan mang tựa đề Phật Pháp Tăng đã làm cho người nghe cảm động và hoan hỷ. Sau cùng là bầu lại thành phần Ban Chấp Hành của Chi Hội Phật Tử. Đa số được lưu nhiệm theo nhu cầu Phật sự. Chi Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn tại Hamburg sẽ được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm và là một Chi Hội của Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Mọi chi tiết liên quan về Tịnh Thất Bảo Quang, xin quý vị liên lạc về địa chỉ trên.

• Đại Đức Thích Minh Phú trụ trì Niệm Phật Đường Khánh Hòa tại Domstr. 26 - 8735 Rot - tershausen. Tel. 09738-1259 dự định thỉnh tôn tượng Đức Bồ đề Sư cao 2m sơn son thếp vàng từ Đài Loan, phí tôn dự trù 3.000,00US\$. Vậy quý vị Đạo Hữu và quý Phật Tử nào muốn ủng hộ vào việc công đức này xin liên lạc về địa chỉ trên.

• Tết Ất Sửu nhằm vào ngày 20, 21 và 22 tháng 2 năm 1985 tức ngày mồng 1, mồng 2 và mồng 3 (Thứ tư, thứ năm và thứ sáu). Tại chùa vẫn có đón giao thừa vào khuya 30 và lễ sẽ kéo dài cho đến cuối tuần 24 tháng 2 năm 85 để cho những vị Phật tử ở xa có thể về chùa tham dự. Và cũng vì Phật sự quá nhiều nên chúng tôi dự định cúng rằm tháng giêng và cúng sao giải hạn vào ngày 24 tháng 2 (Chủ nhật) tức mồng 5 tháng giêng năm Ất Sửu. Kính mong quý vị niệm đảnh hộ thứ cho (chùa sẽ gửi thông tin đến quý vị sau).

• Từ 21.1.85 đến 16.2.85 Đại Đức Thích Như Điển sẽ đi thăm đồng bào ty nạn tại các nước Đông Nam Á Châu.

Thông báo

• Tổ chức tranh đấu đòi nhân quyền tại Việt Nam của người Việt ở Hải Ngoại vừa ra một thông cáo gửi đến các Hội Đoàn và báo chí với đề tài: "Làm thế nào để các tàu buôn quốc tế nhận ngay ra các thuyền của người ty nạn Việt Nam?".

Phủ Cao ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc đã mở một cuộc vận động rộng lớn liên quan đến việc cứu các thuyền nhân Việt Nam trên biển Đông. Các thuyền trưởng của các tàu lớn viện nhiều lý do không thấy các tàu ty nạn nên không vớt. Theo lời khuyên của họ, mỗi thuyền ty nạn nên trang bị một số dụng cụ tối thiểu như sau:

- 1) Các ven thuyền nên gắn các tấm kiếng hoặc các dụng cụ phản chiếu ánh sáng khi đêm đến.
- 2) Một vài vật dụng lớn bằng kim loại để Radar sớm nhận ra.
- 3) Một đèn pin lớn và sáng.
- 4) Và một khăn bằng vải trắng thật lớn.

Quý vị muốn biết thêm chi tiết, xin đọc Nhân Quyền số 9/1984 và có thể liên lạc về địa chỉ sau đây để có báo:

Postfach 3763
3000 Hannover 1

• Quý vị nào thay đổi địa chỉ, xin thông báo cho chùa biết để tránh việc báo gửi đi bị trả về. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

• Quý vị nào muốn mượn sách nhưng chưa gia hạn, xin gửi thẻ Thư Viện cũ về chùa kèm theo 20 DM lệ phí bảo tồn sách vở trong một năm và ở đây sẽ có người lo cho quý vị. Ngoài ra quý vị nào cần thư mục cũng như làm thẻ Thư Viện mới, cũng xin liên lạc về chùa.

• Vì có những tin cần đăng trong số này nên một số bài vở của Quý Vị gửi về chùa Viên Giác trong thời gian qua đành gặt lại. Chúng tôi sẽ cố gắng đăng trong Viên Giác số 25 tháng 2 năm 1985. Kính mong Quý Vị cảm thông cho.

• Quý Vị muốn rõ thêm chi tiết về việc đi Úc xin điện thoại về chùa mỗi tối vào lúc 18-22 giờ để được hướng dẫn. Số điện thoại của chùa. 0511-864638.

Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường

Tính đến ngày 5 tháng 12 năm 1984.

ĐH Diệp Ngọc Bích (Na Uy) 100FrF. ĐH Ngọc Khanh 20DM. ĐH Kim Thanh 10DM. ĐH Lê Thị Huệ 10DM. ĐH Đặng Tín Nghĩa 20DM. ĐH Lưu Minh 10DM. ĐH Trần Mỹ Huệ 10DM. ĐH Trần Ngọc Huệ 10DM. ĐH Hữu Trần Thanh Huệ 20DM. ĐH Trần Yên Huệ 10DM. ĐH Trần Thế Huệ 10DM. ĐH Trần Thắng Huệ 10DM. ĐH Đặng Hữu Thanh (Münster) 100DM. ĐH Hữu Quách Tam (") 20DM. ĐH Trần Vĩnh Cam (") 10DM. ĐH Trần Muội (") 10DM. China Restaurant Singapur (Hannover) 20DM. ĐH Lý Chấn Lợi (Schüttorf) 20DM. ĐH Võ Thị Năm (Pháp) 300FrF. ĐH Diệu Hòa (Paris) 200FF. ĐH Ngô Lãnh Yên (") 200FF. ĐH Nguyễn Tân Hạnh (") 100FF. ĐH Nguyễn Thị Hiền (Hỏa Lan) 20Guld. ĐH Trương (Brusselle-Bi) 50DM. ĐH Trần Kim Nguyệt (Berlin) 10DM. ĐH Nguyễn Đức Hạnh (Oberhausen) 50DM. ĐH Nguyễn Đức Trung Kiên (") 20DM. ĐH Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 10DM. ĐH Trần Văn Huyền (") 10DM. Jugenddorf Klinge (Klinge) 80DM. ĐH Giác Tịnh (Schwetzingen) 15DM. ĐH Trần Thị Năng (Sindelfingen) 20DM. ĐH Viên Kim Huy (") 20DM. ĐH Trần Thục Hiền (") 10DM. ĐH Nguyễn Thị Tư (") 20DM. ĐH Đỗ Chánh Dân (") 30DM. ĐH Trần Thị Lê (") 20DM. ĐH Nguyễn Hữu Kiên (") 20DM. ĐH ở tỉnh Schorndorf 40DM. ĐH Nguyễn Thị Hạnh (Braunschweig) 300DM. ĐH Hồ Công Khanh (Schaijk Hòa Lan) 50DM. ĐH Trần Hồng Nhụy (Bad Iburg) 50DM. ĐH Trần Vĩnh Thắng (") 50DM. ĐH Phạm Tuyết Hoa (") 20DM. ĐH Ngô Mỹ Châu (") 20DM. ĐH Ngô Thoại Bình (") 50DM. ĐH Huỳnh Xuân Hoa (") 20DM. ĐH Lý Thanh (") 10DM. ĐH Diệu Thiện (") 50DM. ĐH Lê Thị Khang (Hamburg) 50DM. ĐH ở Việt Nam tại Hamburg 100DM. ĐH ở Hội hướng hương linh ĐH Diệu Thành Tử Thị Tâm 20DM. ĐH Nguyễn Thị Nhiều (Hỏa Lan) hội hướng hương linh ĐH Lữ Đức Thái 200Guld. ĐH Nguyễn Phước (Belgique) 100DM. ĐH Lê Văn Hiền (Düsseldorf) 50DM. ĐH Lê Hữu Khải (Đan Mạch) hội hướng hương linh Lê Hữu Khải PD Tâm Trí 150DM. ĐH Bửu Thọ (Bi) 50DM. ĐH Nguyễn Cửu Tâm Anh (Canada) 50Can. ĐH Ngọc An (TX-USA) 50US. Chùa Liên Hoa (Canada) 100Can. ĐH Phạm Nam Sơn và ĐH Đỗ Ngọc Hiền (NY-USA) 100US. ĐH Hồ Ngọc Tuấn (Canada) 50Can. ĐH Nguyễn Văn Thâm (") 10Can. ĐH Mã Thị Sang (") 20Can. ĐH Nguyễn Bình Tuyên (") 50Can. ĐH Diệu Huệ (Montréal) 90Can. ĐH Diệu Mẫn (Canada) 20Can. ĐH Tịnh Niệm (") 20Can. ĐH Minh Tâm (") 20Can. ĐH Diệu Lan (") 20Can. ĐH Tâm Hiền và ĐH Không Viên (") 30Can. ĐH Nguyễn Ngọc Lang (") 40Can. ĐH

Tâm Minh Nguyễn Quang Di (") 400Can. ĐH Võ Thị Tĩnh (") 80Can. ĐH Ân danh (") 60Can. ĐH Nguyễn Thị Bông (") 200Can. ĐH Nguyễn Cửu Tâm Phi (") 50Can. ĐH Nguyễn Hồng (Canada-Ottawa) 10Can. ĐH Nguyễn Tam (") 5Can. ĐH Phạm Văn Thúc (") 5Can. ĐH Nguyễn Văn An (") 2Can. ĐH Huỳnh Kim Thôn (") 5Can. ĐH Lai Thị Minh (") 10Can. ĐH Hứa Xuân Liên (") 2Can. ĐH Mạnh Ngọc (") 20Can. ĐH Trương Ngọc Huy (") 20Can. ĐH Thủy Ngọc (") 5Can. ĐH Ân Danh (") 2Can. ĐH Nguyễn Văn Hinh (Stuttgart) 30DM. ĐH Trần Thị Liêng (München) 50DM. ĐH Hữu Lâm Kỳ Thạch (Pappenburg) 30DM. ĐH Trương Triệu Bắc (Taifingen) 30DM. ĐH Trần Huệ (OIdenburg) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Anh (Berlin) 20DM. ĐH Lưu Tuyết Ngọc (Konz) 10DM. ĐH Đào Thị Liên (Recklinghausen) 50DM. ĐH Thị Phương Đào (") 20DM. ĐH Nguyễn Thị Thu Thảo (Freiburg) 20DM. ĐH Võ Thị Lệ (M-gladbach) 50DM. ĐH Diệu Khánh (") hội hướng hương linh thân mẫu Ngọc Căn 300DM. ĐH Thiệu Như Lê Văn Ngọc (") 50DM. ĐH Hứa Thục Ban (Aachen) hội hướng hương linh thân mẫu 400DM. ĐH Nguyễn Ngọc Lan (Coburg) 30DM. ĐH Vương Cường (Lichtenstein) 20DM. ĐH Eric Latte (Bi) 10DM. ĐH Phạm Công Hoàng (Bremen) 8DM. ĐH Lý Duy Bân (St Wendel) 20DM. ĐH Biện Thị Mai (Preetz) 20DM. ĐH Nguyễn Khắc Mai (Köln) 20DM. ĐH Huỳnh Thị Phương Hồng (Dortmund) 50DM. ĐH Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 30DM. ĐH Diệu Thái (Gießen) 30DM. ĐH Huỳnh Muội (Đan Mạch) 100Kr. ĐH Nguyễn Thị Tốt (TX-US A) 60US. ĐH Trần Thị Hiệp (Canada) 40Can. ĐH Đỗ Thị Cẩm Nhang (") 20Can. ĐH Lê Đức Khiêm (Laatz) 10DM. ĐH Đinh Lê và ĐH Nam Anh (") 20DM. ĐH Chung Cẩm Hưng (Wuppertal) 50DM. ĐH B. Siebert (Konstanz) 20DM. ĐH Danh Hài (Mettmann) 20DM. ĐH Chiêm Thị Hương (Erkrath) 50DM. ĐH Hữu Lâm Minh (Ramberg) 100DM. ĐH Nguyễn Văn Lượng (Düsseldorf) 50DM. ĐH Nguyễn Khắc Tiến Tùng (München) 100DM. ĐH Trần Đức Phát (G'marienhütte) 20DM.

Định kỳ

ĐH Huỳnh Thị Mai Trâm 50DM/10/84. ĐH Phan Thị Thên 20DM/10/84. ĐH Tô Văn Phước (München) 40DM/11-12/84. ĐH Diệp Năng Tài (Fürth) 50DM/9-1/85. ĐH Ô Thị Hai (Haren) 60DM/10-12/84. ĐH Lai Khánh Vân (Germering) 60DM/10-12/84. ĐH Lý Diệu Anh (Vechta) 50DM/11-12/84. ĐH Hữu Phan Thị Thên 40DM/11-12/84. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 40DM/11-12/84. ĐH Lâm Thành (Lingen) 45DM/10/12/84.

Cúng dường xây Chùa

ĐH Phan Thị Ngọc Anh (Sweden) 100Kr. ĐH Lý Văn Tân (St. Georgen) hội hướng hương linh thân mẫu. ĐH Ôn Chiêu 400DM. ĐH Nguyễn Thị Hiền (Haltin, gen) 1.000,00DM. ĐH Hồ Công Khanh (Schaijk-Hoả

Lan)50DM.ĐH Nguyễn Thu Liên(Canada)50Can.ĐH
 ĐH Nguyễn Lưu Vũ Văn Hà(Pháp)500FrF.ĐH Lâm
 Xuân Quang(Canada)50US.ĐH Lai Khánh Vân(Ger-
 méring)50DM.ĐH Trần Bá Kiệt(Erkrath)100DM .
 ĐH Tôn Quốc Vinh(St.Wendel)10DM.ĐH Mạch Thị
 Phượng(Friedrichshafen)20DM.ĐH Hữu Tạ Văn Ba
 (Süssen)20DM.ĐH Huỳnh Công Phong(Neugablong
 10DM.ĐH Lê Ngọc Sơn(Zellerberg)10DM.Đạo hữu
 Nguyễn Thị Hải(Houston-USA)100US.

.....

Báo Viên Giác

ĐH Diệu Minh Lâm Liêng Nguyệt(Berlin)100DM.
 ĐH Tâm Thường Lê Thị Diệu(Paris)100FrF.ĐH Hữu
 Trần Thị Ngọc Anh(Paris)100FF.ĐH Diệu Chánh
 Nguyễn Văn Phác(Naurin-Pháp)100FF.ĐH Đỗ Thị
 Thanh Vân(Stuttgart)20DM.ĐH Nguyễn Thị Châu
 (")50DM.ĐH Phạm Văn Trạch(")10DM.ĐH Vũ Đình
 Long(")10DM.ĐH Dr.Phan Huy Oánh(Bonn)300DM.
 ĐH Quách Thu Cúc(Dorsten)10DM.ĐH Đào Trọng
 Hiếu(Karlsruhe)30DM.ĐH Mai Trọng Việt(Mün-
 chen)100DM.ĐH Song(Hamburg)20DM.ĐH Thái Văn
 Tường(Wilhelmshaven)10DM.ĐH Lê Văn Hiến(Düs-
 seldorf)20DM.ĐH Nguyễn Ước(Oberhausen)10DM.
 ĐH Phạm Thị Tròn(Reutlingen)20DM.ĐH Ngô Thế
 Chụ(Canada)50Can.ĐH Nguyễn Hữu Cư(")30Can .
 ĐH Phạm Nam Sơn và ĐH Đỗ Ngọc Hiến(NY-USA)
 50US.ĐH Hồ Ngọc Tuân(Canada)50Can.ĐH Hữu Như
 Niệm Huỳnh Thị Tâm(")20Can.ĐH Tăng Thị Muôn
 (")20Can.ĐH Lê Thị Bạch Nga(")20Can. ĐH Hữu
 Tâm Minh Nguyễn Quang Di(")20Can.ĐH Lê Huy
 Nhâm(")20Can.ĐH Phan Trọng Hâm(")50Can.ĐH Hữu
 Diệu Nghĩa(")50Can.ĐH Lâm Xuân Quang(")30US
 ĐH Châu Thị Thiệp(Paderborn)50DM.ĐH Bùi Xuân
 Thao(Baden)30DM.ĐH Nguyễn Văn Linh(Seelze)
 50DM.ĐH Nguyễn Thị Kim Hồng(Nettetal)10DM .
 ĐH Tôn Quốc Vinh(St.Wendel)10DM.ĐH Tạ Văn Ba
 (Süssen)20DM.ĐH Vũ Thanh Tâm(Heilbronn)10DM
 ĐH Thu Cromme(Meerbusch)20DM.ĐH Nguyễn Thị
 Kim Chi(Liebenau)10DM.ĐH Diệu Thái (Gießen)
 10DM.ĐH Minh Lực(London)5Ak.ĐH Huỳnh Thị Tâm
 (Bí)300FrB.ĐH Nguyễn Thị Hải(Houston-USA)10
 US.ĐH Diệu Thuật 10US.ĐH Nguyễn Văn Lượng
 (Düsseldorf)20DM.

.....

Ăn tổng Kinh sách

H Thiện Bửu Tạ Văn Hợp(Hamburg)70DM.ĐH Ẩn
 anh(Hannover)10DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braun-
 schweig)100DM.ĐH Dr.Trần Văn Trung(Heidel-
 erg)50DM.ĐH Bửu Thọ(Bí)50DM.ĐH Nguyễn Văn
 Tâm(Canada)10Can.ĐH Tâm Minh Nguyễn Quang
 Yi(")100Can.ĐH Trương Tấn Lộc(Hannover)10DM
 ĐH Lâm Kỳ Thạch(Pappenburg)20DM.ĐH Trần Bá
 Kiệt(Erkrath)50DM.ĐH Mã Thị Kim Hồng(Nette-
 tal)10DM.ĐH Diệu Thái(Gießen)10DM.

.....

Trại Ty nạn

ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)50DM.ĐH Trần Hữu
 Khiếu(Usingen)50DM.ĐH Nguyễn Cửu Tâm Anh(Ca-
 nada)50US.ĐH Diệu Bửu(")50Can.ĐH Tâm Minh
 Nguyễn Quang Di(")50Can.ĐH Lê Huy Nhâm(")40
 Can.ĐH Phan Trọng Hâm(")50Can.ĐH Lâm Tô Bông
 (")20Can.ĐH Trần Văn Đức(")20Can.ĐH Ngô Văn
 Hoa(")10Can.ĐH Từ Ngọc Quyên(")10Can.ĐH Từ
 Thanh Liên(")10Can.ĐH Ngô Thế Chụ(")10Can .
 ĐH Lê Quang Minh(")20Can.ĐH Trần Hữu Long(")
 10Can.ĐH Diệu Huệ(")10Can.ĐH Nguyễn Hùng(")
 10Can.ĐH Đinh Xuân Thảo(")10Can.ĐH Hữu Bùi Lý
 (")10Can.ĐH Hồng Hoa(")20Can.ĐH Thị Nguyễn
 (")10Can.ĐH N.T.Hiệp(")30Can.ĐH Lê Văn Thu
 (")20Can.ĐH Nguyễn Văn Thanh(")10Can.ĐH Hữu Đỗ
 Hữu Quý(")50Can.ĐH Lê Thị Khang(Hamburg) 50
 DM.ĐH Thu Cromme(Meerbusch)20DM.ĐH Hữu Nguyễn
 Thị Kim Chi(Liebenau)10DM.ĐH Hữu Huỳnh Thị Dậu
 (Hannover)100DM.ĐH Nguyễn Văn Phong(Hildes-
 heim)50DM.ĐH Đỗ Thuận Phát(Braunschweig) 20
 DM.

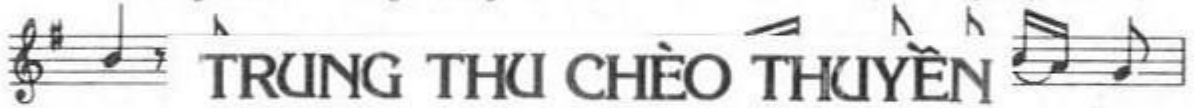
.....
 Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có thể gửi
 thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua 1 trong
 2 số Konto của Ngân Hàng Deutsche Bank Han-
 nover như sau: Chùa Viên Giác, Konto Nummer
 8650228 - BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong-
 d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V. 8657470 -
 BLZ 250 700 70. Xin thành thật cảm ơn Quý vị



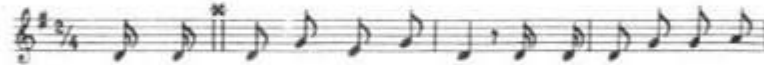
TRUNG THỦ CHÈO THUYỀN



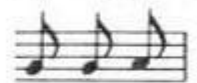
Đồng một lòng chúng ta cố chèo. Thất nhịp nhàng tay lái tay



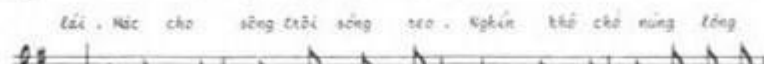
lái . 1



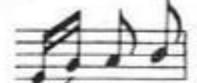
ng lòng



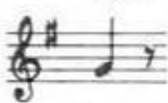
ai . 1



mau như mây



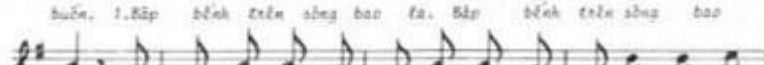
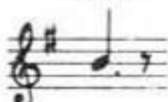
cuôn



nhìn trăng đỏ



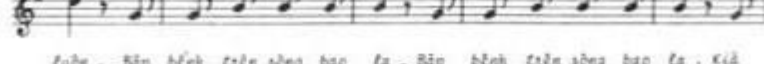
buôn.



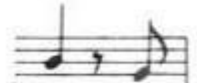
1. bao



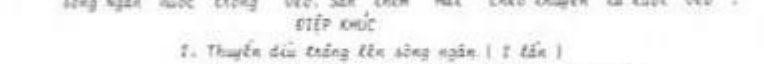
lạ . 8



lo tiên



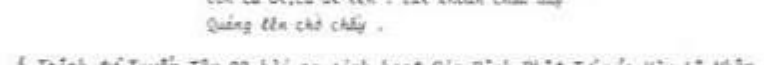
luôn .



lạ . Kià



sông N



lạ vào .

SIẾP KHÚC

1. Thuyền đi trắng lên sông ngân (1 lần)
Nhìn đàn cá trắng bơi, thuyền vẫn vút quanh thuyền
Theo lên cõi tiên .
3. Thuyền đi trắng lên sông ngân (2 lần)
Còn củ đi, củ đi lên . Lái khoan chèo đây
Quảng lên chò chầy .

§ Trích từ Tuyển Tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân
sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982.

Nhìn đàn cá trắng bơi, thuyền vẫn vút quanh thuyền
Theo lên cõi tiên .

3. Thuyền đi trắng lên sông ngân (2 lần)
Còn củ đi, củ đi lên . Lái khoan chèo đây
Quảng lên chò chầy .

§ Trích từ Tuyển Tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân
sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982.